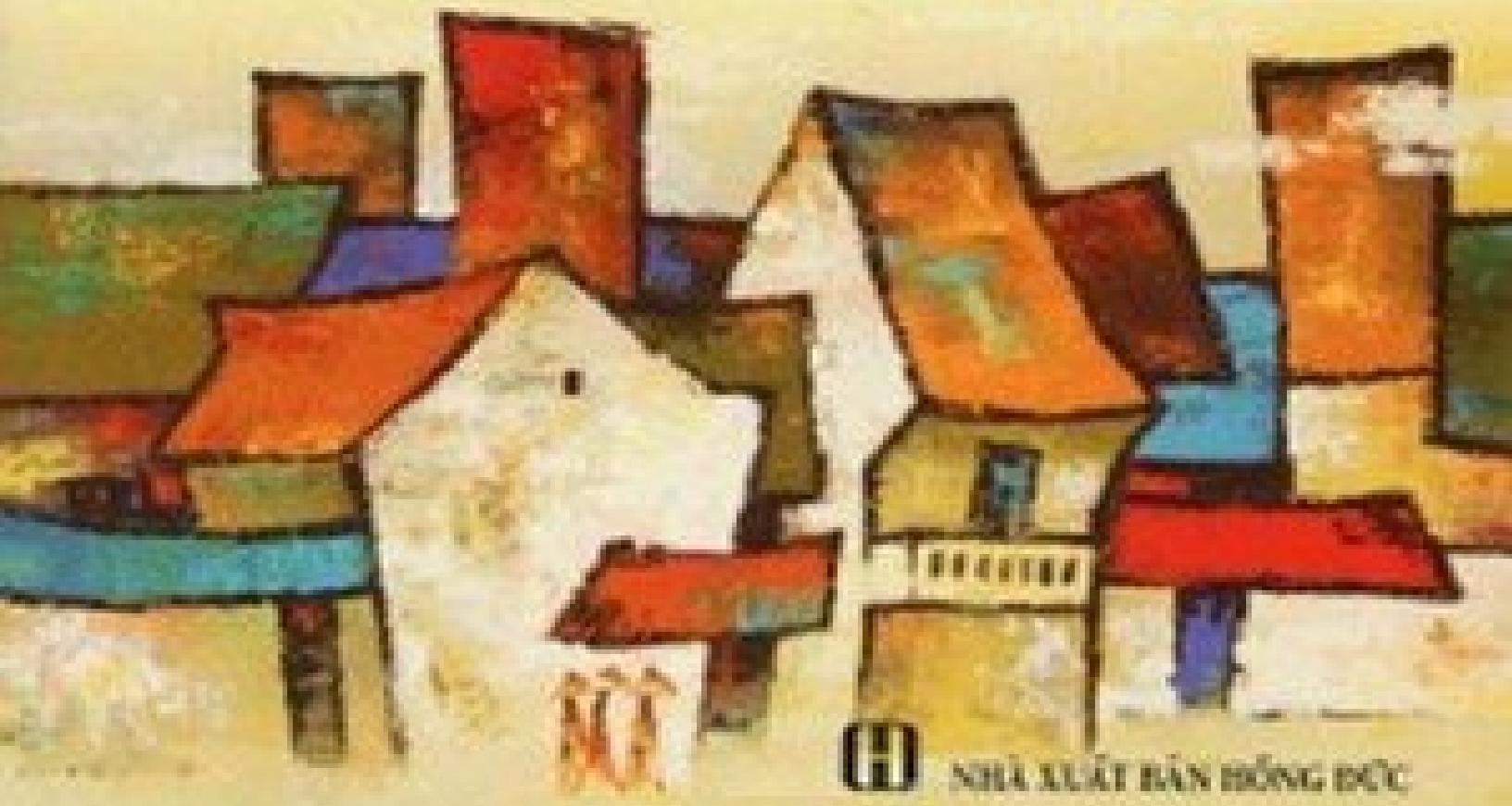


VŨ BĂNG

thương nhớ **dịu** hai



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Thương Nhớ Mười Hai

Vũ Bằng

MỤC LỤC

Tự ngôn

Tháng Giêng

Tháng Hai

Tháng Ba

Tháng Tư

Tháng Năm

Tháng Sáu

Tháng Bảy

Tháng Tám

Tháng Chín

Tháng Mười

Tháng một

Tháng chạp

Tết

Tự ngôn

Bắt đâu viết cuốn sách này thì là nhớ. Viết đến câu chót bài “Tháng chín” thì là thương. Thương không biết bao nhiêu, nhớ không biết ngàn nào người bạn chiếu chăn Nguyễn Thị Quỳ.

Thành mén tặng Quỳ cuốn sách này để thay mấy lời ai điếu.

Thoạt đâu ai cũng tưởng chẳng làm sao. Cùng là đất nước, đi đâu mà chả thế? Từ Bắc vào Trung, đâu đâu lại không có những con mắt nhìn vào những con mắt mà như gói ghém cả một trời thương; từ Trung vào Nam, chỗ nào mà lại chẳng có những miệng cười, không nói ra lời mà hàm súc biết bao duyên thắm?

Vậy mà không; lòng người xa nhà y như thế là khúc gỗ bị mối ăn, mục nát từ lúc nào không biết. Trông bè ngoài thì không có gì khác lạ, nhưng cầm một cánh hoa khẽ đập vào thử mà xem: tiếng gỗ kêu nhẹ nhàng, u buồn, mà nếu gỗ mạnh thêm chút nữa, ta sẽ thấy gỗ vỡ tan, để lộ ra tảng mục lõi chỗ như tổ ong, tiết ra một thứ bụi vàng hanh hao, nhạt nhẽo.

Con tim của người khách tương tư có lý cũng đau ốm y như là gỗ mục.

Sài Gòn, Phú Lâm, Bình Lợi, Chợ Lớn, Lò Ô... vui quá, cứ uống rượu mạnh thế này, nghe con hát đàn vừa múa vũ vừa ca, lại cặp kè với con gái hơ hór như trăng mới mọc thế này, thì sao lại có thể rầu rĩ được? Ấy vậy mà một buổi chiều trở gió kia, ngồi cúi xuống lòng để hỏi chuyện tim mình, ta cảm như có hàng vạn con mọt nhỏ li ti vừa rung cánh o o vừa đục khoét con tim bệnh tật. Và tự nhiên ta có cảm giác rằng thân thể ta, không biết từ lúc nào, đã bị mối "xông" và đang đi đến một chỗ một ruỗng, rã rời tan nát.

Một nỗi buồn se sắt xâm chiếm đầu óc ta. Buồn thì ngâm thơ :

Biệt li ai kẽ xiết lời,

Vì hoa cách mặt cho người thương tâm.

Người đưa rượu hỏi thăm Bành Trạch,

Kẻ say trăng tìm khách Đào, Chu;

Nào ai trang điểm mầu thu,

Hoa vàng chén bạc tạc thù với ai?

Miền Hữu Lĩnh tin mai gắn bó,
Đỉnh Cô Sơn mồi gió đợi chờ.
Muốn mang chén rượu, câu thơ,
Lạnh lung trong tuyết, hững hờ dưới trăng ...
....

Ngâm thơ lại càng buồn, mình chán nản không để đâu cho hết. Sự chán nản không tên tuổi, không lý do, ví có muốn nói ra với người ở cạnh cũng không thể được.

Tại sao lại buồn? Tại sao lại chán?

Không biết tại làm sao cả.

Người bạn mây nước, gặp gỡ ở phương trời hiểu sao được những u uẩn đó nên người xa nhà cũng chẳng buồn nói ra làm gì. Gió về đêm lạnh tê tê, nước đập vào bờ dào dạt và bến nước nào người ta cũng khổ. Thương nhau, muốn an ủi lẫn nhau, mà không dám nói, hay không biết nói ra thế nào. Người đẹp chỉ còn biết cúi đầu xuống thở dài, còn người đàn ông thì im lặng, đưa cặp mắt như mất thần nhìn vào bóng đêm mịt mù có tiếng đê kêu giun khóc. Cái buồn, cái chán cứ như thế mà kéo lê thê ra mãi.

Cho tới một ngày kia ... đang ngồi trong một tiệm ăn hẻo lánh ở trên sông Tân Thuận, trận mưa đầu mùa trút nước xuống phố phường. Những người Bắc Việt ngồi ở những bàn ăn gần đó nhìn mưa mà thấy thẫn thờ, mà thấy bơ vơ, tưởng chừng như không thể chịu đựng nổi bầu không khí nặng nề lúc đó, bèn kiêm một câu gì để nói.

Một người bảo:

"Ở Bắc, có lẽ bây giờ cũng mưa đầu hè đây nhỉ."

Một người khác:

"Thế nhưng mưa ở Bắc, nó khác kia, bà à"

Một người khác nữa:

"Cái gì cũng khác hết. Thôi đừng nói nữa, tôi muốn khóc đây."

Người bạn phương trời liếc nhìn ông bạn trai đứng cạnh: hai người im lặng chẳng nói, vì nói chẳng ra lời, nhưng càng cảm thấy như có một thứ điện kì lạ truyền cảm đi khắp người.

Thì ra không cần nhiều: chỉ một câu nói tầm thường vào một buổi chiều mưa gió dùi hiu cũng gợi lên được những ấn tượng rầu rĩ trong một tâm lòng đã có mối xông.

Người ta nhớ nhà, nhớ cửa, nhớ những nét mặt thương yêu, nhớ những con đường đã đi về năm trước, nhớ người bạn chiếu chăn dắt tay nhau đi trên những con đường vắng vẻ ngào mùi

hoa xoan còn thơm ngát hơn cả hoa cau, hoa bưởi. Người ta nhớ heo may giềng vàng; người ta nhớ cá mè, rau rút; người ta nhớ trăng bạc, chén vàng.

Nhớ quá, bất cứ cái gì của Hà Nội cũng nhớ, bất cứ cái gì của Bắc Việt cũng nhớ, nhớ từ cánh đồng lúa con gái mơn mởn nhớ đi, nhớ từ tiếng hát của người mẹ ru con buổi trưa hè mà nhớ lại; nhớ hoa sầu rụng đâu đường Hàng Trống, nhớ quả bàng ở Hải Hậu rụng xuống bờ sông Đào, nhớ sen Linh Đường thơm ngào ngạt của bầu trời nhớ lên, nhớ nhãn Hưng Yên, vải Vụ Bản, cá anh vũ Việt Trì, na Láng, bưởi Vạn Phúc, cam Bố Hạ, đào Sa Pa mà nhớ xuống.

Nhớ không biết bao nhiêu, nhớ bát canh rau sắng chùa Hương, nhớ khóm tைn-xuân-la trồng ở bên giậu trúc; nhớ mưa bụi, vợ chồng nửa đêm thức giấc đi uống một lý rượu ấm ở cao lầu, nhớ những buổi trưa hè có ve sầu kêu rèn rèn, nhớ luôn cả những cô gái Thổ cưỡi ngựa thồ đi trong rừng có những cánh hoa đào rơi lá tả noi vai áo...

Càng nhớ như vậy thì càng yêu Hà Nội biết bao nhiêu, lại càng say đắm Bắc Việt biết bao nhiêu!

Hà Nội! Bắc Việt của một ngày xa xưa ơi! Bây giờ liễu ở Hồ Gươm có còn xanh mướn mướt như hồi ta bước ra đi? Những trồi sơn trúc, thạch nương ở Nghi Tàm có còn chưa phong quanh như cũ? Núi Nùng ra sao? Hồ Tây thế nào? Con đường Bách Thảo thơm nức mùi lan tây, hàng đêm, ta vẫn cùng đi với người vợ bé nhỏ, bồng con ở trên tay đi đến thăm người bạn sông cò chích ở trong vườn "Bình Bịp" bây giờ ra thế nào? Trên con đường Phú Thọ, Yên Bai, Lào Cai các đồn điền cam quýt ở hai bên bờ sông Thao vẫn còn tốt tươi như cũ và các cô gái ngăm ngăm da dâu có còn nắm lấy tay các du khách mà ví von ca hát không cho về? Ở trước cửa chợ Đồng Xuân, có còn chǎng những hàng nước chè tươi; ở chợ Hôm, những hàng phở gánh bán cho khách ăn đêm; và ở trên khắp nẻo đường, những người đội thúng, cầm một chiếc đèn dầu ở tay, lặng lẽ đi trong đêm rao "giò, dây"?

Nhớ không biết chừng nào là nhớ, nhớ sao nhớ quá thế này! Thì ra cái người nhớ Hà Nội, nhớ Bắc Việt cũng như thể chàng trai nhớ gái; bất cứ thấy ai cũng tưởng ngay đến người thương của mình và đem ra so sánh thì bao nhiêu người đẹp ở trước mắt đều kém người thương mình hết.

Ai bảo kẻ vắng mặt chịu thiệt thòi? Tôi thấy càng vắng mặt bao nhiêu thì lại càng thương gấp bội; chỉ có kỉ niệm là đẹp thôi, chứ hiện tại bao giờ cũng kém phần tươi tốt.

Nhưng thương nhớ cách mấy đi nữa thì có níu quá khứ lại được đâu? Tại sao không chịu yên vui với hiện tại, tiếc nuối làm gì vô ích? Lịch sử không đứng yên một chỗ bao giờ.

Cái đã đi là cái đã mất. Đành vậy. Lấy hiện tại so sánh với quá khứ, e bị chủ quan mà có sự bất công.

Tôi cũng biết có sự bất công, khó tránh. Tôi yêu Hà Nội quá, tôi nhớ Bắc Việt nhiều nên bao nhiêu cái đẹp, cái hay ở trước mắt, tôi thấy mất cả ý nghĩa đi. Có lẽ đó là một sự bất công to lớn, nhưng yêu, bao giờ mà lại chẳng bất công như thế?

Tôi yêu mến luôn cả sự bất công như thees? Mười hai tháng của mười hai cuộc đổi thay tiết tròn, mười hai sự rung động uyển chuyển của nắng tháng, của chim muông, của sắc đẹp, của hoa lá, của thương yêu, tính tú, tôi cảm ơn sự bất công đã cho tôi nhìn rõ lòng tôi yêu thương Hà Nội đến chừng nào, Hà Nội ạ!

Ngày xưa, con gái thừa tướng, ngồi ở trên lầu cao nghe tiếng hát anh lái đò mà mê mẩn nhưng vì không duyên kiếp nên hai người không lấy được nhau. Anh lái đò dong con đò ra khơi, đánh đắm đò mà chết rồi nhập hồn vào một cây bạch đàn. Quan thừa tướng thấy cây đẹp, sai đẽn về tiện thành một bộ trà tuyệt đẹp. Mỗi lần cô gái cầm chén trà lên uống thì lại thấy bóng hình anh lái đò hiện lên trong chén trà:

Không cầm lấy chén thì thôi

Hồ cầm lấy chén lại thấy người hò khoan.

Bây giờ, người xa cách Bắc Việt lâu ngày cũng vậy: ăn một tô hủ tíu thì nhớ đến phở Bắc "chính công" ăn vào một buổi sáng rét căm căm; trông thấy cua bể thì nhớ đến bát canh cua đồng nấu với rau rút và khoai sọ; gấp một ngày bão rót thì lòng lại buồn rười rượi, nhớ đến thu sơ với gió may, hoa vàng. Trời tháng ba, nhớ hội hè đình đám, con gái hát ví nghe thật là hay, đàn ông đánh vật xem mà sướng mắt; tháng bảy, nhớ mưa Ngâu rả rích buồn như lòng người khuê phụ nhớ chồng; tháng tám, cũng thường bánh Trung thu, cũng cộ đèn, nhưng lại nhớ trăng Cỗ NGư và thèm cái cảnh tung bừng nhộn nhịp ở Hàng Gai, Hàng Đào, Hàng Mã...; tháng một nhớ đến gió ở Đọi Điện lúc tản cư, mặc áo trán thủ ngoài khoác va-ro đi như muốn bay lên trời mà miệng vẫn không ngót ngâm bài "Tây Tiến"; tháng chạp nhớ những con đường ẩm ướt, nhớ mưa phùn rét căm căm, hai vợ chồng lên Đông Hưng Yên ăn một bát "tam xà đại hội" khói bốc lên nghi ngút.

Mỗi tháng lại có những cái đẹp nao núng riêng, nỗi nhớ nhung riêng. Mỗi cảnh bầy ra trước mắt mình lại nói lên những niềm thương yêu cũ, làm thế nào mà giữ mãi ở trong lòng cho được?

Tôi ghi lại "Thương nhớ Mười Hai" không nhằm mục đích gì cao rộng, chẳng qua chỉ là đánh giấu những ấn tượng hiện ra trong trí óc những buổi mây chiều gió sớm, "sâu biệt ly voi sáng đầy chiều" thay nhận được trong khi lạc bước trên những nẻo đường chật ních những người bạn rộn bên cạnh những ngoại kiều ăn mặc như phường chèo, nói "lú lô buồn nỗi khó nghe"!

Ói những người thiên lý tương tư! Nếu bất ngờ những dòng sau đây có lạc vào tay bạn, mà thấy nói được lên một mối cảm hoài của bạn vẫn chất chứa ở bên lòng, thế là kẻ viết bài này lấy làm mãn nguyện lắm rồi.

Đời mà có một người vui cái vui của mình, buồn cái buồn của mình chẳng là đủ rồi sao? Có tâm sự trong lòng, lặng nhìn nhau không nói mà cũng cảm biết, thế chẳng đủ rồi sao?

Thôi bây giờ, mặc cho ngồi bút đưa đi, đến đâu hay đó ...

Tháng Giêng

Mơ Về Trăng Non Rét Ngọt

Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trùm mền, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cẩm được trai thương gái, ai cẩm được mẹ yêu con, ai cẩm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

Ói ời người em gái xoã tóc bên cửa sổ! Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn? Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời? Mà thiếu phụ ở chân trời góc biển yêu mùa xuân có phải vì đây là mùa xanh lên hy vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ để ngâm lại khúc bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày nào trở lại?

Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mà ai như trăng mới in ngàn và tôi cũng xây mộng, ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xăm có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng ...

Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một cái áo lông, ngậm một ống điếu, mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống!

Anh có thể đẹp cỏ trên Hồ Gươm, đợi đến sâm sẩm tối ra ngồi ở Thuỷ Tạ nhìn các cô gái đẹp như tiên mặc áo nhung, áo len trăm màu ngàn sắc, in bóng hình xuống đáy nước lung linh; anh có thể vào một nhà hát thường vài khẩu trống, "mở quả mứt" phong bao cho các chị em, rồi uống với mỗi em một ly rượu "lấy may"; anh có thể đi vào một ngôi chùa khói nhang nghi ngút, đưa mắt nhìn xem có cô nào thực xinh thì quỳ nganh xuống bênh cạnh cầu Trời khấn Phật cho cô càng ngày càng đẹp và trong năm lấy được một người chồng xứng ý như ... anh vậy.

Áy đây, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muôn phát điên lên như thế đấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc

của loài nai, như mầm nôn của cây cối, nầm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái là nhỏ tí ti giờ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa, mà cái rét ngọt ngào chứ không còn tê buốt căm căm nữa.

Ý như những con vật nầm thu mình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng "sống" lại và thèm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên làm cho lòng anh ấm áp lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan.

Đẹp quá đi, mùa xuân oi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng. Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhuỵ vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại lại nức mùi hương man mát.

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nầm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lý, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng rực rỡ như cánh con ve sầu mới lột.

Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng. Cánh màn điều treo ở trước bàn thờ ông vải đã hạ xuống từ hôm "hoá vàng" và các trò vui ngày tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật.

Các con lại đi học cả rồi. Dưới nhà, người làm ngồi nhắc lại chuyện tết với nhau "tiền mở hàng được tất cả mười hai đồng" và "đánh tam cúc thua mất ba đồng". Một cảnh thanh bình thú vị diễn ra thấp thoáng ở ngoài vườ, sân gác.

Bảo là nóng ư? Không. Bảo là rét ư? Không. Thời tiết lúc đó kì lạ lắm: rét vẫn còn vương trên ngọn xoan đào, nhưng đất ở ngoài vườn khô ráo, sạch bong, mịn màng như thể đất rừng Đà Lạt sau một đêm sương, và, qua những kẽ lá chòm cây, có những bông hoa nắng rung rinh trong bể nước.

Đêm xanh biêng biếc, tuy chưa có mưa dây, những nhìn lên thấy rõ từng cánh sếu bay. Về khuya, trời vẫn rét một cách tình túc nên thơ: mặc dù vẫn phải đắp chăn bông, nhưng ban ngày không cần phải mặc áo ám như hồi cuối chợp.

Người vợ bắt đầu thu hết những nệm thêu trai ở sập chân quỳ và gói gầm trên ghế trắc "mua tự bên Tàu về" để đem ra phơi dưới nắng xuân, trên một cái chiếu màu khô nở. Mi môn, quần mòn, với quần áo tết của vợ chồng và các con sẽ được phơi như thế chừng ba nắng để rồi đem cất vào trong tủ có trai sẵn rẽ "hương bài" để cho quần áo thơm ngát và khỏi "nhạy".

Ấy đây, thương người đàn bà Bắc như thế đây. Sạch cứ như lau như ly, cẩn thận từng ly từng tí. Và càng thương hơn nữa là khi ta thấy người đàn bà chậm rãi vuốt ve từng cái tà áo, lòng nhỏ nhẹ từng cái khuyết vào cái khuy rồi xếp vuông vức áo nọ lên quần kia, như thể sợ động mạnh thì quần áo sẽ không còn vẹn tuyệt trinh, vì nhầu nếp lụa.

Giản dị thay cái đẹp của ngày xuân lúc đó! Ở trong nhà, cái đẹp không còn phải tạo bằng đèn nền sáng trưng, bằng mi mông quần mòn, rực rỡ bằng hoa lá tung bừng trong khói hương trầm nghi ngút, mà ở ngoài đường người ta cũng không còn bị choá mắt hay say lòng vì những áo nhung trơn mướt, những giầy inh xoè cánh phượng bay bay hay những dải khăn "san" khéo biết lựa màu bay đùa trước gió như thể tơ trời vậy.

Không. Cái đẹp lúc này là cái đẹp thành thực, hồn nhiên, mộc mạc, cũng như người đàn bà, con gái đẹp không phải vì quần áo, vì son phấn, mà chính vì cái chất đẹp ở trong người tiết ra. Từ mùa đông qua tết cho đến hôm nay, quần áo giấu mất hết cả thân hình đều đặn, núng nính, nõn nướng của người vợ bé nhỏ có đôi má đỏ hây hây mùi cồm giót. Hôm nay, chợt thấy đôi mắt trong hơn, làn da thắm hơn và đôi vai màu ngà hàn qua tấm áo lụa vân, người chồng cảm thấy như mới lại được gặp một cái gì đã cách biệt lâu lăm và tuy ngồi cách xa nhau mà tưởng như vợ mình thơm ngát mùi hoa cau.

Đẹp như thế mới là đẹp, yêu đến thế mới là yêu!

Cái đẹp của ngày tết phủ áo nhung tím, quàng khăn lụa màu, dận lên giầy nhung đen, đâu có thể so sánh được?

Ai cũng có thể bị huyền hoặc vì vàng son, ai cũng có thể mê say nhất thời những cái lông néo giả uốn cong lên như đào chiếu bóng, những cái vú nhân tạo bằng cao su bơm, những cái điệu bộ nhân tạo đi vắt va vắt véo, những mái tóc "mượn" của các mỹ viện, những mùi thơm vương giả ... Nhưng rồi có một lúc người xé bóng sẽ thấy rằng cái đẹp của quê hương ta là cái đẹp của cỏ biếc, xoan đào, hương thơm của ta là hương thơm của cau xanh, lúa vàng chứ đâu phải cái đẹp của con mắt xéch vẽ xanh, của tấm mini mòi mọc "tí ti thôi nhé , của đôi môi tô theo

kiểu Mỹ trông như môi người chết trôi; mà cũng đâu có phải là hương thơm của dầu thơm "Santalia", "Kiss Me" hoà với hơi người tạo thành một mùi thú vật đáng kỵ "con nucker".

Ở đây, từ tháng một, trời nắng chói chang, làm cho đôi mắt mờ, đầu nhức, lúc nào người đàn ông cũng được "rửa mắt" bằng những cái vai đẹp hờ hênh, những cái lườn hây hây, hồng hồng, hay những cặp đùi mờ mờ nửa trắng nửa đen, thành thử ra ... hết, không có gì mà "cảm" nữa, ví có gió xuân thì cũng khó mà làm cho hòm chuyển mình được.

Chao ôi, mệt quá, người đàn ông mệt quá! Đã mệt vì kiếm tiền, lại mệt vì trác táng, mệt vì nịnh bợ, ví chẳng có thấy gió xuân lay động cành hoa, long lanh cặp mắt của người vợ nao nức niềm trăng ý nhạc thì cũng đành phải uống thêm vài ly rượu ngâm hổ cốt, tắc kè và rất nhiều khởi tử... Yêu thương không còn là một nghệ thuật, không còn là làm thơ có bằng, có trắc, có vần, có điệu.

Lòng đã nóng như thiêu, nhà lại thấp, bức cứ điện lên. Có tiền lắp cái máy lạnh cho đòn thêm tươi một chút, nhưng dù thế nào đi nữa thì thơ sáng tác cũng chỉ là một thứ thơ tự do, thơ văn xuôi, không có vần có điệu, vì đôi khi có vần có điệu thì cũng là cái thứ vần thứ điệu lem nhem, linh kinh. Nào đâu những buổi hoàng hôn lành lạnh, quần quít tơ hồng; nào đâu những đêm trăng êm mướt như tờ, mái tóc ai xoã trên gối đầy những bông sao rụng; nào đâu những tiếng tiêu, tiếng nhạc của trời tình bát ngát hoa hương, mến thương nhịp thở ái ân thường vẫn thấy viết trên những báo xuân, sách tết?

Trên các nẻo đường nắng chói chang ở đất này, người ta chỉ thấy những người đi vội vã, chán chường mệt mỏi. Dậy từ tờ mờ sáng mà tưởng như đã hết ngày rồi. Xới vội một bát cơm ra đĩa với khô, vừa ăn vừa lo công việc. Con cái muôn làm gì thì tùy, bố mẹ còn bận đi lo tiền.

Một cô xách "bóp" da cừu dừng lại ở đường Chợ Cũ ăn mấy cái bì cuốn "nhăm" với một ly đá lạnh; một ông, nhân ngày xuân tươi đẹp, "bao" vợ và con, mua ba trái dưa hấu bỏ ra ăn cả nhà, mặt mũi "tèm lem"; lại một bà, thương chồng con vất vả quanh năm, bưng về cả một liễn cary Chà mỏ tiệc thường xuân ăn với rất nhiều bún kèm thêm một vài ổ bánh mì dài như cây đòn gánh.

Ăn như thế mà khát thì uống một ly chanh muối hay chén đậu đỗ bỏ rất nhiều nước đá; ai muốn mát ruột mà lành thì uống một chén "sinh sâm" hoặc một ly sữa đậu nành, còn các co gái dậy thì, ăn thịt nhiều xót ruột, mua một vài đồng "tầm ruột" hay "cốc" chấm mắm nêm ớt, ngon đáo để, giòn rau ráu.

Tháng giêng ở miền Nam ngà ngọc có một vẻ đẹp "ly kỳ" làm cho người ta háo hức, khiến cho cổ họng khô teo, muốn uống nước cả ngày, uống rồi lại khát, khát rồi lại uống, mồ hôi vã ra

như thể là mình "thoát dương".

Nhưng mà sướng,

Sướng là vì nhà nào, dù kiết xơ kiết xác đến đâu cũng có một tủ lạnh để vài ba chai nước lọc, một cái radio, một cái tivi hò hét những vũ điệu điện cuồng khiến cho ông vía, bà cụ, chàng trai, cô gái đều rên rú cả lên, muốn "vận mình xà" nhảy vũ điệu "cha cha cha" rồi thoát y vũ như trong "sô" Trương Minh Giảng. Tươi quá, trẻ quá. Quả là một giai đoạn "đang lên". Nhưng tại làm sao tất cả những sinh khí tươi trẻ, đang lên đó không làm khuây khoả được lòng người sâu xứ luôn luôn mong cho đất nước tiến triển vượt bậc, mà trái lại làm cho y rầu rĩ hơn, nhớ thương hơn những tháng giêng Bắc Việt đã qua rồi?

Ờ, cứ vào dạo này đây, ở Bắc người ta đi lễ vui đáo để. Chiều chiều, đứng ở nhà Khai Trí Tiên Đức, nhìn lên cầu Thê Húc sơn đỏ ở giữa đám mây xanh đông đảo những người đi lễ trong ngôi đền Ngọc Sơn trắng toát, anh cảm thấy có những lúc nước lợn lên trời, trời rơi xuống đất khi nhìn những bóng người hiện ra huyền ảo ở dưới làn nước xanh mơ.

Qua Ngõ Hồ là đền Hàng Trống có tiếng là "hương ngát của trời"; qua ra đến Hàng Vải là đền Quan Phuộc, ai mất người, mất của đến cầu xin thì thấy; từ đó ngược lên, ra lối Toà án là chùa Quán Sứ - ờ, chắc bây giờ mấy cây thông bách tán ở trước cửa chùa đã lớn lắm rồi đấy nhỉ! Thế rồi là chùa Dâu, chùa Kim Cổ, đền Quan Thánh, chùa Trần Quốc thờ ông thánh đồng đen, chùa Bà Đá, chùa Liên ... trời! Biết bao là chùa đẹp, biết bao nhiêu cảnh nên thơ, biết bao nhiêu người đi lễ cầu con, cầu của!

Trước đây, tháng giêng ở Bắc là tháng người ta chỉ dành ra để trước là lễ Phật, sau là lễ tiên tổ ông bà. Người sống cảm thông với người chết trong tháng ấy, lấy tâm tư mà nói chuyện với nhau, lấy đạo lý mà khuyên bảo, dạy dỗ nhau cách nào cho vẹn đạo làm người, chứ có thấy giàu mà ham, chứ vì sang mà bỏ nghĩa, chứ vì cầu an mà làm tội cho người ngoài.

Từ xưa, Bắc Việt có bao giờ là một miền giàu có? Ai cũng phải ăn nhịn, để dành; lúc nào cũng phải lo đổi phó với ngoại xâm chỉ rình bóp cái cổ họng của Đông Dương trước nhất; không năm nào không lo bão tố, lụt lội, hạn hán, mất mùa ... Nhưng lạ lăm, cô Ba à, tại sao tôi thấy người Bắc lúc nào cũng bình tĩnh, trầm mặc, sẵn sàng "chơi" lại những thử thách của trời trong khi vẫn sống một đời sống nội tâm phong phú, nhất là người đàn bà Bắc, sao cũng lo gánh vác giang son nhà chồng, cũng lo từng miếng ăn giấc ngủ cho chồng cho con, cũng hai sương một nắng mà có vẻ như không "đầu tắt mặt tối" như người đàn bà ở trong đây? Ở trong đây, người ta vội quá: người từ té lo vội vàng để kiểm sống đã dành, ngay các cô tú thời lấy ngoại kiều "ngồi lên đồng tiền" cũng vội; các xe hơi chạy vội, cái kèn xe bóp vội, xoa mặt chược cũng

vội, và nếu đôi khi có tập uống chén trà Tàu, bắt chước ngâm bài "Hoàng Hạc" cũng cứ vội luôn.

Bây giờ, ngoài mà nhớ lại, tôi không thể nghĩ được rằng tháng giêng ở Bắc có những sự vội vàng, vất vả náo nề đến như vậy. Người ta sống đúng như cái sống do các bậc quân tử Tàu chủ trương: sống đầy đủ, có thiếu một chút cũng không sao; làm việc cho mình, cho xã hội nhưng vẫn có thì giờ đi thuyền trên đầm thơm hát bài "Hái Sen" một mình; buôn tần bán tảo ở đô thị, thôn quê nhưng vẫn dành thì giờ đi chợ kiếm một món ăn ngon cho chồng, rồi đến ngày rằm mồng một vẫn rảnh rang đi lễ cầu cho sống lâu, giàu bền, dân an, quốc thái và có hội hè gì vẫn sửa nếp áo mới, tô đôi má cho hồng để cùng với chồng vui chơi thưởng thức.

Từ ngày mồng bốn tháng giêng, ở các làng vùng Bắc bắt đầu mùa quan họ.

Hát cho lở đất long trời,

Cho giờ biết mặt, cho người biết tên,

Hát từ chợ Phủ hát lên,

Hát suốt tỉnh Bắc qua miền Đông,

Hát sao cho cạn dòng sông

Cho non phải lở cho lòng phải say.

Người vợ bảo chồng:

"Anh đã biết hát ví rồi. Lối hát này, trai gái hát quanh năm, tát nước hát, giã gạo hát mà dún đu cũng hát. Hát quan họ khác thế: lối hát này chỉ có riêng trong những ngày hội mùa xuân, trai gái hát cầu vui, nhưng có nhiều làng còn tổ chức hát thờ thần, trao giải. Muốn vào hát giải, trai gái phải biết năm giọng rất khó hát là Tình Tang, Đường Bạn, Hữ La, Xuống Sông, Lê Núi ... Hay lắm! Nhất niêm nhất lệ, tội gì bỏ sót một buổi nào..." Vào ngày chín tháng giêng, làng Nội Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tục gọi là làng Nénh) có rước thần kỉ hạnh, hát đúm nhưng mê nhất là trò kéo chữ.

Những tay cò, dưới hiệu lệnh của một vị chỉ huy, chạy ngang dọc ngược xuôi thành một hàng chữ có ý nghĩa. Những chữ này phải làm lễ xin thánh ban cho, chứ không phải muốn dùng chữ

gi cũng được. Có năm là "Phong đăng hoà cốc", có năm là "Thiên hạ thái bình".

Nhưng mê nhất là hát tuồng. Bây giờ ở đây tuồng cải lương và kịch được công chúng ưa xem, nhưng riêng tôi thì cứ ra giêng, ngày trước, thế nào vợ chồng cũng phải đi xem tuồng cổ, để nhân dịp đó bói tuồng xem năm mới làm ăn ra thế nào rồi đến lúc tan hát ra về, vợ chồng dắt tay nhau đi nhởn nha dưới bóng trăng bàn luận về vai trò Khương Linh tá đóng thật tài, hay Quan Vân Trường qua ngũ quan trăm lục tướng trông ghê quá...

Cuối tháng giêng có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc, chỉ chừng mười giờ tối thì trăng mọc cao lên đỉnh đầu.

Cái trăng tháng giêng, non như người con gái mơ mẩn đào tơ, hình như cũng đẹp hơn các tháng khác trong năm thì phải: sáng nhưng không đẹp lộng lẫy như trăng sáng mùa thu, đẹp nhưng không đẹp một cách úa héo như trăng tháng một. Cái đẹp của trăng tháng giêng là cái đẹp của nàng trinh nữ thận thùng, vén màn hoa ở lầu cao nhìn xuống để xem ai là tri kỷ, mặc dầu không có ai thấy để đoán biết tâm sự mình, nhưng cứ thận bâng khuâng, thận với chính mình. Ánh trăng lúc ấy không vàng mà trắng như sữa, trong như nước ôn tuyễn. Đi vào giữa ánh sáng mơ hồ ấy, mình cảm như thấy mình bay trong không gian vô bờ bến.

Nằm trên cái giường tre ngoài vườn kê dưới một gốc lan tây thơm phức, mình nghe rõ ràng có tiếng trăng thủ thi thảm. Ở nhà ngoài, vọng vào câu chuyện của mấy cô hàng xóm. Không, vào tháng giêng, người Bắc Việt ít có giải trí nghèo nàn trong rạp hát, nhà xinê hay tiệm nhảy: một bà nói chuyện mới đi lễ chùa Trầm về, xin được một cây xăm "thượng thượng"; một cô khác trọng trịnh đưa biếu người chị em thân một gói quà Thiết Quan Âm của ông bác vừa ở Trùng Khánh về ăn Tết; một bà khác nữa giở hộp trầu ra, vừa nhai vừa cuốn theo lối "sâu kèn" những điều thuốc là ta ướp hoa ngâu.

Vào khoảng nửa đêm, thành phố im lăng. Có mấy hạt mưa xuân bắt đầu. Người chồng đóng cửa lại, vào nhà. Không khí lại càng thân mật thêm lên. Chắt chiu trong mươi mấy năm trời, kể từ lúc còn hai bữa cơm đèn cho đến bây giờ có đồng ra đồng vào, người vợ đêm xuân cảm thấy con tim có cánh, rót hai li rượu nhỏ màu trăng cùng đối ấm với người chồng lấy nhay từ lúc hãy còn nghèo túng. Nay, trầu vàng, vỏ tía ngon đáo để, hay là ta ăn một miếng, rồi bói một que Kiều đâu năm xem xấu tốt ra sao hãy đi ngủ, hở mình?

Chao ôi, đến cái thú bình dân nhất là ăn trầu, ở đây người sài xú cũng thấy không ưng ý. Suốt cả tháng giêng, cau đắt, bảy tám đồng một quả, cổ mua mà ăn vẫn cứ cứng quèo quèo. Hầu hết phải ăn bằng cau khô. Mà càng ăn như thế thì lại càng nhớ những miếng trầu ngày xuân ở Bắc, ăn với miếng cau "tiên đầm" ngọt cứ lùi đi. Ngồi đánh tam cúc hay rút bất với nhau, những

người bạn của chồng xưa nay ăn trầu vẫn kêu cay đắng thấy vợ bạn nhai ngon quá cũng "xin" một miếng ăn cho ám người, mà cũng là để lấy may vì "mười bốn ván liền rút toàn nhị tống cửu, tam tống bát".

Bây giờ, đâu còn những cốc rượu, những miếng trầu, những đêm rút bất say xưa như thế nữa? Đâu còn những chén hạt mít vợ mời chồng nhấp men tình, đâu còn những buổi họp bạn đến một hai giờ sáng - vì không có giới nghiêm - rồi quay ra ăn bánh chưng rán với cá kho, giò thủ, và tráng miệng với chè đậu đũi, uống trà mạn ướp sen?

Người khách xa nhà nằm ngửa mặt lên trần, mơ lại những ngày xuân đã mất và cảm như tất cả những cái vui đẹp, say xưa đó thuộc vào một tiền kiếp xa xôi.

Không. Y không phải là một người hèn nhát, nhưng mang trong mình một lúc tới bảy tám biệt ly, quả là có lúc y buồn quá cũng muốn chết đi cho rảnh. Không có lý nào y lại khóc với lòng! Y cố nhắm mắt để ngủ thì đến gần sáng bỗng mơ mơ màng màng thấy ở cửa đi xuống vườn, nơi rặng chuối, có bóng một người đàn bà đẹp, mặc áo xanh, bước qua cửa sổ vào viện sách.

Đêm tháng giêng ở Sài Gòn nóng quá, có khi gần sáng mà người nằm ngủ hay còn lâ châ mồ hôi. Bóng người đàn bà đẹp cúi xuống lau trán cho người mê ngủ. Và bỗng nghe thấy như xa, như gần ở bên tai:

"Thường tình, ai cũng ưa hiện tại bởi vì hiện tại chờ đợi những đổi thay, hứa hẹn những tương lai hứa hẹn, thế mà làm sao anh cứ băn khoăn mãi với quá khứ làm gì? Hay là tại sầu nhiều chăng, giận nhiều chăng?"

Người sầu xứ, trong cơn mơ thiêm thiếp, phảng phát thấy hình bóng của người đàn bà mặc áo xanh đó quen quen, mà nghĩ mãi vẫn không biết là ai. Đó là một người quen biết thực, trong đời sống thực? Hay là hình ảnh của một mùa xuân đã chết, của một cái đẹp đã mờ xa, một mối tình chung thuỷ nhưng não nùng, ai với ai cùng xây một mộng ước mơ nhưng bị trời bắt phải lìa nhau lúc sông?

Người đàn bà mặc áo xanh lại nói:

"Vui và buồn ở đời là tuần hoàn cả. Tất cả bí quyết của sự sống là biết tin tưởng và đợi chờ, vì tin tưởng và chờ đợi thì cái gì mà chẳng đến? Anh đọc sách có còn nhớ chuyện Pygmalion không?"

"Đó là một nhà điêu khắc có tài ở trên một hòn đảo xanh biêng biếc giữa đại dương thần thoại.

"Pygmalion đem hết tâm hồn tạc nên một pho tượng đẹp, tượng nữ thần Galatée, đẹp quá, đẹp vô cùng là đẹp, đến nỗi chính mình lại say mê tác phẩm của mình.

"Nhưng người đẹp chỉ là một vật vô tri, hiểu đâu được tình cảm não nùng của nhà nghệ sĩ?

Pygmalion than khóc ngày đêm và, ngày đêm, khấn nguyện được có một người vợ đẹp tuyệt trần như pho tượng. Thì một sớm kia tiếng khẩn cầu thần đến tai thần Vệ nữ. Và bà thần này - vốn giống đa tính, thương người đồng điệu - đã hoá phép cho pho tượng Galatée thành ra người thực để cho "chàng" và "nàng" chung sống với nhau".

Người đàn bà đẹp mặc áo xanh nói tới đó thì vòng tay ta khép lại, làm cho trăng non ở ngoài cửa sổ cũng phải thẹn thùng.

Đôi mắt đẹp lung linh sâu. Ta thấy như cả một mảnh vườn thơm ngát hương cau nghiêng xuống mé giường xô lệch.

Em yêu ơi, sống là tin tưởng và chờ đợi, nhưng biết rằng mái tóc người ta có còn xanh mãi được chăng?

Tháng Hai

Tương Tư Hoa đào

Đã lâu lắm, chúng mình không được tin tức của nhau Quỷ nhỉ. Chiến tranh cắt đứt ân tình của hai ta: thôi dành lấy câu vận mệnh để khuây dàn thương nhớ vậy.

Nhưng thương nhớ kì lạ lắm. Có những đêm không ngủ, nằm nghe tiếng mưa rơi, tôi cố nhớ lại nét mặt của người thương, mà không hiểu tại sao con mắt, miệng cười và mó tóc xoã trên bờ vai tròn trĩnh lại lu mờ như thể chìm đắm trong khói song. Mà trái lại có những kỉ niệm rất bé nhỏ, rất tầm thường lại hiện ra rõ rệt, không suy suyển một ly trong trí óc của người nặng nợ lưu ly, nằm buồn trong gác nhỏ ngâm câu thơ nhớ vợ:

Ủ ê nét liễu sâu tuôn gió

Thốn thíc tình tơ lệ uớt đào.

Hoa tui còn đâu duyên tác hợp,

Mây bay rời nũa giác chiêm bao!

Tôi nhớ những buổi tối đi trên con đường Toà án ngan ngát mùi hoa sữa, nhớ những đêm trăng hai đứa dắt nhau trên đường Giảng Võ xem chèo, những đêm mưa ngâu, thức dậy thôi một nồi cơm gạo vàng ăn với thịt con gà mái áp. Bao trùm tất cả những niềm thương nỗi nhớ ấy, tôi nhớ nhất một đêm cuối tháng giêng, đầu hai năm ấy, hai đứa mới quen nhau, cùng ăn chung một quả vú sữa của một người bạn phuơng Nam gửi ra cho, rồi đánh tam cúc cho tới nửa đêm về sang. Bây giờ, ngồi xem én nhạn bay, có lúc tôi cũng bỏ một quả vú sữa ra ăn, nhưng ăn thì lại nhớ đến một đêm tháng hai đã mất “để mùa xuân kia có trở lại cũng bằng thừa”.

Yêu cái đêm tháng hai ấy không biết chừng nào, nhớ những buổi đánh tam cúc và rút bất không biết thế nào mà nói.

Lúc ấy, tép đã hết từ lâu, mọi người đã trở lại với công việc thường ngày như cũ, nhưng mùa xuân vẫn còn phơi phới trong long người khách đa cảm nhìn đâu cũng thấy diễm tình bát ngát. Vừa hôm nào đi lễ ở Đồng Đa, hôm nay đã là hội chùa Vua; mười ba là hội Lim; rằm tháng giêng đi các chùa lễ bái; rồi là chùa Trầm, rồi trẩy hội Phủ Giầy, rồi xem té thần ở Láng, đi về qua Giảng Võ, rẽ vào xem rước vía ở miếu Hai Cô; vài hôm sau lại đi hội Lộ, trở về xem rước ở đình Thiên Hương, ghé qua đình Ủng xem té thần và đến đêm thì đi xem hát tuồng Tàu ở đèn

Bạch Mã...

Ở bất cứ hội hè nào, đàn bà con gái cũng đẹp nõn nà. Hoa rét còn đọng ở ngọn cây, ngọn cỏ. Những con mắt cười với những con mắt, những bàn tay muôn năm lấy những bàn tay. Lòng người ám áp muôn gửi sự ám áp cho những người thương mến. Quái lạ, sao cùng là đất nước mà ở miền Bắc trời lạnh lạnh nên tho đến thế, mà ở nhiều miền khác thì lúc ấy trời lại nóng, rôm sảy cắn nhói nhói muôn làm cho ta cào rách thịt ra. Ăn cái gì cũng không ngon vì mệt quá. Đêm ngủ chẳng thấy giấc vì càng uống nước đá lại càng hao trong người. Cái máy lạnh mở cho hết cỡ cũng chẳng làm thăm được tấm lòng yêu thương mệt nhọc. Người con gái đa tình xa nơi phần tử đêm nằm bỗng thấy buồn tê tê ở trong lòng vì chợt nhớ đến một câu hát cũng còn nhớ được lúc mẹ ru, khi còn bé, ở đất Bắc xa xôi:

Buồn vì một nỗi tháng hai

Đêm ngắn ngày dài, thua thiệt người ta!

Yêu quá cái đêm tháng hai ở đất Bắc; thương quá cái đêm tháng hai ở Bắc, thành ra cái gì cũng thấy qua đi nhanh quá. Ước gì năm tháng dài thêm ra để ngày thì đi xem hội xem hè, đêm thì cùng với những người than vui xuân với quân bài cao thấp.

Hỡi những người mày mò, đừng có bảo những đồng bào ấy là những người hưởng lạc. Bị kẹt trong một cái thế hết xâm lăng nọ đến quân cướp nước kia, với những tài nguyên chưa có bao giờ khai thác, họ, những người phương Bắc, phải chiến đấu không ngừng, đổi bát mồ hôi lấy bát cơm để sống, nhưng họ không vì thế mà phải chạy ngược chạy xuôi, phờ râu trón mắt để đánh vật với đồng tiền. Họ làm việc bằng chân tay, bằng trí óc để chống lại thiên nhiên, để duy trì sự sống, để vươn lên mãi, vươn lên mãi, nhưng lúc nào cần nghỉ ngơi, họ biết nghỉ ngơi, khi nào cần phải chắt chiu cái nội tâm họ biết chắt chiu cái nội tâm, khi nào cần phải sống đẹp, sống cho đúng ý nghĩa của sự sống thì họ sống đẹp, sống cho ra sống. Vì thế cứ làm việc nhưng suốt một tháng giêng họ vẫn cứ vui xuân. Tuy vậy, vẫn chưa đủ, những ngày vui còn kéo dài ra tận tháng hai mà người ta vẫn cứ tiếc sao những đêm tháng hai ngắn quá...

Lúc ấy cá thú ăn bánh chưng rán với cá kho không còn nữa mà mứt sen, mứt gừng, mứt bí cũng như bánh Xuân Cầu cũng không còn. Những đánh tam cúc, rút bắc đến nửa đêm, đất nước than yêu lại mang đến cho ta một cái thú tuyệt kỳ thanh cao, tuyệt kỳ trang nhã.

Bàn tam cúc vừa giải tán thì đồng hồ điểm mười hai giờ. Cái đêm tháng hai ở Hà Nội kỳ ảo lắm. Có khi còn mưa phùn, có khi có gió thổi se se trên lộc đào, nhánh mai, nhưng bao giờ cũng vẫn còn hơi rét. Thành phố im lặng, ngồi trong nhà mà nghe thấy từng cái lá rụng ngoài

vườn. Anh em bè bạn lần lượt ra về thong thả. Trẻ ở nhà trong cũng ngủ yên. Hai vợ chồng nhìn nhau không nói, nhưng cảm thấy mình như là tiên sống cách biệt cõi trần, lấy cái ám “cò bay” bằng đồng bạch ra dun nước rồi cầm cái khăn đỏ lau lại bộ đồ trà, pha một ám trà ướp thuỷ tiên mời nhau uống, trịnh trọng như hai tân khách.

Các cụ sành trà thường bảo muốn thưởng thức trà tuyệt kỹ thì phải là cái thứ trà mộc không ướp hoa gì, nhưng mình có phải là tay sành đâu mà phải theo khuôn sáo ấy! Chỉ biết là vợ con ở trong nhà, học đòi các cụ gọt thuỷ tiên, còn thừa thì đem trồng trong cát, chơi hoa đến hết ngày rằm, đem cắt những bong hoa hãy còn tươi ướp trà Tàu rồi sấy cất đi để dành, lúc phởn phơ trong bụng thì lấy ra pha uống, thế thôi.

Ôi chao, cần gì phải trà mộc, cần gì phải nước giéng thanh tân, cứ cầm cái chén quan đưa lên môi và nghĩ rằng hoa thuỷ tiên là do vợ mình gọt, trà thuỷ tiên này là do vợ mình ướp, ám trà này là do vợ mình pha thì cũng đã thấy ngào ngạt hương tình trong khắp cả cái đệm xuân tĩnh mịch này rồi!

Trầm ở trong chiếc lư đồng vừa lúc đó lui dần, toả ra một mùi thơm nhẹ hoà lẫn với hương trà làm cho cả hai vợ chồng cùng bang khuâng... Gió lay động cánh màn nơi cửa sổ. Người vợ xoã tóc, đi lại nằm dài trên nệm trắng, mở mắt trong bong tối nhìn mây bay và nghe thấy hình như ở xa xa có tiếng nhạc trừ trên trời rơi xuống.

Khẽ quay mình lại với vợ để cho ám áp hơn, người chồng hỏi:

-Này mình, có phải mùa này là mùa đào bói quả không?

-Sao tự nhiên anh hỏi vậy?

Người chồng lặng im một lát không nói gì. Ba phút sau, nghe hơi thở biết là vợ đã ngủ rồi, y nằm yên nhắm mắt va tiếp tục nối lại giấc mộng vừa qua: giấc mộng hoa đào, nước suối.

Ờ phải, chính vào cữ này là cữ đào bói quả đây. Người đàn ông lạc phách trở lại với gia đình, đêm tháng hai năm ấy, nằm bên người vợ thương bé nhỏ, mơ màng thấy mở cửa động Thiên Thai. Cách đây đã lâu rồi; cũng vào cữ tháng hai như thế này, y đã lạc bước vào một thứ Thiên Thai nơi trần thế rực rõ hoa đào, mông mênh nước suối ở vùng biên thùy Bắc Việt.

Chính vào khoảng tháng hai này đây, có một buổi sang y đã cưỡi con ngựa thồ đi nhởn nha một mình nhìn lên chin mươi chin ngọn Thập Vạn Đại Sơn. Đến cái đoạn một trong chin mươi chin ngọ áy gác sang đất nước Việt Nam, quả là đã có một lúc y tưởng là Thiên Thai thực, vì rừng đào bát ngát ngút ngàn, trời đất êm ru, mà ngưng mặt lên trời thì nghe như có tiếng tiêu tiêng địch. Con ngựa thồ đi khẽ từng bước một. Hàng nửa ngày đường mới thấy ở tít tắp đằng xa có mấy cô sơn nữ mặc váy thuỷ ba, bịt khăn trắng ven đầu đi đu đưa ven suối.

Nước suối trong vắn vắt, bong các cô sơn nữ chiểu xuống nước làm cho một người hoá hai, y như thế các cô tiên đi hái hoa trong vườn của nhà trời mà ta vẫn thấy trong các truyện thần tiên khi còn nhỏ.

Người Thổ trồng đào nhiều. Người ta đã thấy có những gốc đào cổ thụ đến hai ba người ôm mới xuể. Du khách đi Lao Cai, đến Sa Pa, cũng qua một rừng đào đẹp không kém đào ở Thập Vạn Đại Sơn. Đi vào rừng, trời mù mù như thế có sương bao phủ, nhưng bỗng nhiên đến một khúc quẹo, trời sang hǎn ra. Nhìn lên không có một đám mây. Trời nắng âm, trông cứ y như là ngọc lưu ly vậy. Gió từ trên đỉnh cao thổi xuống, làm rung động những cành cây, Hoa đào rơi lá tả trên cỏ xanh như một cơn mưa màu sắc.

Vừa lúc đó, có ba cô nàng cưỡi ngựa thồ, vắt chân về một bên đi nhởn nhơ dưới trận mưa hoa, vừa nói chuyện vừa ngửa mặt lên trời cười. Hoa đào vương vào tóc, rủ lên trên vai áo, làm bật cái cạp và cái nẹp hoa “trần hoa cái”, hoặc “trần đường triện”, trông y như thế là ba cô tiên nữ.

Bây giờ ngồi nghĩ lại những hình ảnh xa xưa át, tôi vẫn còn thấy đời ngọt ngào như có vị đường và tưởng như không bao giờ có thể quên được hương thơm quyến rũ của trời nước, của hoa đào, của da thịt những cô sơn nữ đẹp nao núng, sầu being biếc, ngửa mặt lên cười một cách hồn nhiên trong cánh rừng bạt ngàn san dã hoa đào.

Du khách, dù là hoạt động đến đâu, những lúc ấy cũng cảm thấy se sắt trong lòng mà chán ngán cái đời sống phồn hoa hệ lụy. Buộc con ngựa thồ dưới gốc cây, anh nằm trên thảm cỏ, hé con mắt nhìn những cánh hoa đào rơi lá tả ở quanh mình và nghe tiếng suối nước ở xa xa thì thầm thủ thỉ như ca lời ca ân ái: “Anh ơi đừng về nữa, ở lại đây anh, ở lại đây anh”.

Tiếng suối vọng vào khe núi, nùi thì thầm cùng mây, mây tâm tình với gió và gió chạy trong rừng đào, nhắc lại: “Ở đây anh, ở lại đây anh”.

Chính giữa lúc đó, có một trái đào rơi xuống trên nệm cỏ. Cầm trên tay, du khách thoáng thấy một niềm e ngại, sợ cầm mạnh làm mất mát cái đẹp của đào đi.

Trên khắp mình đào ưng ửng hồng, có những sợi long tơ óng ánh như long tơ trên mặt cô gái dậy thì. Cứ cầm ở tay chơi, đã thấy ngán ngát thơm rồi; nhưng nếu anh đưa lên miệng cắn một miếng thì anh sẽ giựt mình cái thơm của đào không có thứ trái cây gì sánh kịp, mà có cắn một miếng như thế anh mới lại càng thấy trái đào hé mở đẹp không biết bao nhiêu. Trong ruột đào, bật lên một màu hồng có những chỉ đỏ cánh sen ôm lấy một cái hột đỏ cùng màu, nhưng sẫm hơn một chút, ướt hơn một chút. Góm cho nhà văn nào đã lấy hai chữ “nhuy đở” để nói lên tấm lòng nàng con gái tuyết trinh buồn về nỗi không đem bẻ cho người tình chung ngày trước!...

Ở miền Nam nước Việt, sang tháng hai ta có không biết bao nhiêu thứ trái cây: nào mận, nào xoài, nào cam, nào quýt, nào vú sữa...thứ nào cũng ngon, thứ nào cũng quý, nhưng tại sao tôi vẫn cứ mơ ước những trái đào Thổ ở Cao Bằng, Lao Cai, Sa Pa hay ở biên thuỳ giáp Vân Nam, nhìn sang ngọn Tây Phàn? Tôi nhớ những buổi trưa trong sang cùng nằm trên cỏ với những cô nàng người Thổ, bỏ một hào bạc ra ăn cả một vườn đào, muôn hái bao nhiêu tùy ý, ăn jỳ chán thì thôi, y như là ta ăn măng, ăn sầu riêng ở miệt vườn Lái Thiêu, hay cam hoặc bưởi ở bên kia song Tam Hiệp. Ăn như thế mới đã đói!

Vừa ăn, vừa nhớ đến những câu chuyện cũ nói về những con chim ăn đào tự bên Tàu rồi tha hột về đánh rơi ở trên miệt núi biên thuỳ, đâm chồi, mọc cây, sống cả hang thế kỷ, đem lại cho ta những quả đào sơn dã đỏ tía như đào tiên mà Đông Phương Sóc ăn trộm trong vườn đào bà Tây Vương Mẫu, hoặc những chuyện ma xó canh vườn đào, ai ăn trộm một trái thì đếm một, ăn hai trái thì đếm hai..., anh cảm thấy anh sống một cuộc đời huyền thoại mà mắt cô gái Thổ là suối, tóc cô gái Thổ là cầu để cho anh đi đến bến yêu thương.

Anh mơ về một ngày xa xưa đã từng phiêu bạt đến một "bản" Thổ ở Lao Cai với một gia đình Thôi, ngày ngày trông sang Hồ Kiều, tưởng tượng đến sự tốt tươi của trai gái đứa cười trong nắng lung linh như ngọc.

Từ năm giờ chiều, tuyết phủ các thôn xóm ngút ngàn. Ngồi nhìn ra chung quanh, anh cảm thấy đầm chìm trong một sa mạc lạnh lẽo, trắng xoá, vừa nênh thở, vừa ghê rợn vì thỉnh thoảng lại nghe thấy một con chim kêu quái gở hay tiếng của một đoàn sơn cầu nhìn lên mặt trăng buồn hiu hiu mà tru lên. Anh sờn da gà, nhưng trong lòng thì cảm thấy như nóng lấm. Lúc ấy mà bước xuống thang, ra vường hái lấy một hai quả tuyết lê ăn, anh thấy tĩnh táo một cách lạ kỳ và đồng thời mang máng thấy rằng sống ở đất Bắc vào cái cũ giêng hai sướng quá, sướng không chịu nổi. Cây lê có tuyết phủ trông như vẽ ở trong một bức tranh một xứ lạnh Âu châu.

Trái lê cũng thế: đúng là một trái cây băng thuỷ tinh. Anh cầm trái lê, khẽ gõ vào chân thang, băng tuyết phủ ở bên ngoài rung xuống. Lấy dao bỗng ra, thường thức từng miếng nhỏ, tôi đó có thử trái cây ướp lạnh nào ngọt xót, dịu hiền và thơm ngát thơm ngào như thế đấy! Anh không cần nhai, cứ đè lưỡi xuống miếng lê thì nó đã tan ra từ lúc nào rồi.

Móc cooc, cũng thuộc loại này và cũng sản xuất vào tháng này, cũng ve vuốt khẩu cá của người ăn như thế, nhưng hơi cúng mình một chút. Tuy nhiên, yêu quá là yêu, nên ăn thế nào cũng cứ thấy ngon vì cái ngon lành của mỗi thứ có tính cách riêng biệt cũng như mỗi dây trong chiếc tì bà reo lên một thứ tiếng tơ đồng khác nhau.

Có phải là tại mình thương yêu phần tử nên yêu luôn từ bong hoa mà yêu xuống đến trái cây,

yêu từ cái lá hoè lăn tăn mà yêu lan sang chum hoa mộc? Hay là quả thật, như nhiều người vẫn nói, trái bí ở đây to mà kém ngon, con gà lớn mà kém ngọt, trái đu đủ bùi mà kém thơm? Tôi cũng đã ăn phật thủ ở đây rồi, nhưng cứ nói thực không việc gì đổi trá, sao trái phật thủ Bắc bảy trên bàn thờ ông bà ngày tết, đến tháng hai bỗ ra vẫn có cái hương vị khác trái phật thủ ở đây?

Tháng hai của Bắc Việt xa xưa ơi, yêu tháng hai quá và nhớ tháng hai nhiều lúc đến biếng cười biếng nói.

Biết đến bao giờ người lữ khách mới lại được thấy lại cái tháng hai ngày xưa của nẻo Bắc cách mấy mươi trùng thương nhớ?

*Những say tỉnh: Bắc Kinh mưa gió,
Vẫn mơ màng: phòng cũ chiều chăn,
Gói sâu cách áng mây Tân
Bản khoăn tay áo, chân quần ở đây,
Án nợ đờng ngang mày sớm tối
Nay tháng ngày no đói với ai?
Gió thu một tiếng bên tai,
Thuần lư chợt nhớ đến mùi Giang Nam!*

Thấy gió thu, Trương Hán dương làm quan tại triều nhó đến rau rút, cá mè ở quê hương. Người lữ khách ngày nay, xa cách quê hương, thấy tháng hai trở về, cũng động long nhó tiếc không biết bao nhiêu khuôn mặt, không biết bao nhiêu miếng ăn ngon, không biết bao nhiêu tình thương yêu đã mất. Nhớ từ những con đường mưa bay riêu riêu cùng vợ đi nhởn nha ven hồ Bảy Mẫu, nhớ những đêm trèo lên ngọn đồi trê đường về Pháp Vân hái một trái cam vừa ăn vừa nghe tiếng trống chèo ở xa xa vọng về mà nhớ lại.

Nhớ quá chừng là nhớ, thương không biết ngàn nào là thương. Thương nhất là người vợ nhỏ bé yêu chồng, mùa nào thức này, không bao giờ đợi cho chồng phải nói lên sự ước mơ. Nay mình, em đó vào tháng hai này, xú sở mình còn có gì đặc biệt nữa nào? Người chồng chịu, không biết trả lời sao. Nhưng đó ai nói lên được cái thú vui thầm lặng trong óc chồng, hôm sau, khi đi lên Nghi Tàm mua một cây thế về trồng trong cái chậu Giang Tây, bỗng thấy ở trên bàn một mâm đầy tú hụ hành, thía là, thơm, mùi, ngổ ... xanh ròn giữa mấy đĩa bún trắng tinh.

À đúng rồi, cá anh vũ mùa này béo, ăn chả cá thì tuyệt trần đời.

Người vợ vừa đích than ngồi quạt chả ở ngoài sân vừa nói chuyện với chồng đương nhấp nhót

một ly rượu sen Tây Hồ:

- Đây, cá anh vũ Việt Trì đây. Chả cá phải ăn cá này mới được

Tại sao ăn chả cá lại phải có cá anh vũ? Mà hà cớ gì cá anh vũ lại phải là cá ở Việt Trì mới ngon?

Người chồng không cần biết gì lôi thôi, chí có tháng hai ăn cá anh vũ nướng chả thì ngon thực. Nếu muốn đổi món, cá anh vũ làm gỏi cũng ngon lạ ngon lung nhưng người vợ biết ý chồng, mua cá anh vũ nấu cháo ám thì người chồng thấy hợp giọng hơn nhiều lắm. Xắn một miếng cá, chấm nước mắm ngon có vắt chanh, bở ớt, và quậy mấy cây tăm cà cuống nguyên chất tự tay mình lấy ở trong bụng cà cuống ra, ăn với cháo có hành cuộn lại, có rau cần điểm một ít thia là ngọt cứ lùi đi, quý thần không hưởng thì thôi chứ đã hưởng một chén chắc chắn cũng phải đòi ăn chén nữa.

Đêm tháng hai ở Hà Nội ngày trước, hầu hết các nhà đều đóng cửa từ lúc bảy tám giờ chiều. Thật đúng là người ta không biết lăn xả vào cuộc sống để làm tiền, để hưởng vội lấy những thú vui bơm bã trên chiêu bạc hay trong những cái “sô” đầy long rậm lá, hoặc để ăn những bữa cơm đắt tiền bằng cả gia tài của một người trung lưu rồi hút, rồi chích, rồi đánh đậm như những kẻ thất phu tàn bạo... Nhưng để đèn bù lại, họ có cái thú trầm lặng, vui cái vui của gia đình thê tử, uống chén nước trà mạn sen với an hem và góp vài hội tổ tôm hay rút bất, đánh tam cúc lấy vui trong bầu không khí than yêu, cởi mở, với họ hàng bè bạn.

Ngày tháng trôi đi nhẹ nhàng. Không lo tiền, không lập mưu thiết kế, không oán úc, ăn rau rứt muối mè, cũng thấy ngon. Thỉnh thoảng, một người bạn mới đi chơi về lại gửi cho một vài mớ rau sắng, đem nấu suông, hay gia thêm một bánh trứng cáy vào cho đậm, vợ chồng ngồi thưởng thức cảm thấy có một phần ngon hơn ăn yến.

Trời thương, các con chúng cũng ngoan. Tiền không có nhiều, nhưng cũng tạm gọi là có căn có bản. Cả năm làm ăn vất vả, chẳng có lúc nào được rỗi rãi thực tình, sống lại những buổi đầu lưu luyến, anh ạ, hay hôm nào chúng mình đi chùa Hương đi? Tháng giêng vừa đây, đã đi chùa Trầm rồi, sớm đi chiều về, mệt lắm. Nếu đi chùa Hương, ta phải đi hai ba ngày cho thong thả chứ không đi như năm ngoái, đi sang hôm trước, chiều hôm sau đã về, lễ Phật không được đầy đủ, nói gì đến chuyện thưởng thức bầu trời cảnh bụi của đệ nhất động Nam Thiên?

Hai mươi mấy năm đã qua đi từ bữa trẩy hội chùa lần trot ấy, nhưng long nào mà quên được cái buổi chiều giữa tháng hai năm đó, chúng ta cùng ngồi ở trên con đò xuôi bến Đục ngắm những con cốc bói cá trên dòng nước trong vẫn vắt. Kỳ lạ thay là cái Hương Sơn! Bây giờ, có những đêm nằm thao thức không ngủ được, chợt nhớ đến cái cảnh trập trùng non non, nước

nước, mây mây đó, tôi cảm thấy quả là trong suốt một đời tôi chưa từng được gặp một sơn thanh thuỷ tú nào như thế: đẹp từ cái khe núi, gốc cây, đẹp từ cái ghềnh núi, bụi lau, đẹp từ con chim, ngọn cỏ.

Nhưng bao trùm lên hết, bất cứ cái gì cũng có một tâm hồn, cái gì cũng tiềm tàng một kỳ bí thiêng liêng làm cho bất cứ ai cũng cảm thấy lòng dịu hiền đi, như sợ một cái gì từ bi lấm, như muốn trút bỏ hết sự đời, như muốn sống cách gì cho thực từ ái, thực nhân đức, thực vị tha để chuộc lại những tội lỗi mình đã phạm.

Từ chùa Trong ra chùa Ngoài, từ đỉnh núi xuống doanh khơi, từ con chim mồ kiến gõ mỏ vào cây kêu cốc cốc đến con vượn ru con như đọc kinh ở khe suối đầu ghềnh, anh cũng thấy đều như miệng cái đạo Phật rất màu mặc dù từ trước đến khi đó không hề tin tưởng nơi trời, Phật, anh cũng thấy cần phải cúi đầu trước khói nhang thắp lung linh khắp các bàn thờ, trong khắp các động và lầm thầm khấn vái đức Phật từ bi cứu vớt chúng sinh chìm đắm trong ta bà thế giới.

Căng thẳng một niềm tin tưởng, cả hai vợ chồng chèo hết núi này sang động nọ, đi hết suối này đến chùa kia, gần một ngày trời không biết mỏi, gặp gì ăn nấy mà thấy cứ ngon.

Ây là bởi vì long nhẹ thênh thang, quên hẳn tục luy để lại từ bên Đức. Người vợ thức cả đêm ở chùa Ngoài để lẽ rồi lại đi hang nửa ngày đường trên vách núi cheo leo mà hình như đẹp thêm ra: lạ thật. Nếu có lúc nào thấy mỏi, ô hay, không hiểu tại sao chỉ vào một cái cầu, uống một chén nước lão mai lại thấy khoẻ ngay, còn cơm ăn ở một quán trên đỉnh cao thổi bùng gạo đỗ với một miếng cá kho tương và một bát canh cà chua nấu với đậu phụ rán vàng, tại sao lại ngon lạ ngon lung thế nhỉ! Có lẽ vợ chồng từ khi ăn ở với nhau chưa bao giờ được ăn một bữa cơm kì diệu, mê ly đến thế!

Nâng một chén nước lên miệng uống, rồi nhìn xuống chân núi, bao nhiêu ruộng rẫy bé như thế là bàn tay trẻ con, người đi kẻ lại nhỏ như con ong cái kiến. Mình tự nhiên cảm thấy như đứng sát với trời và nghe rõ ràng hơi thở của vũ trụ bao la, của từng vì tinh tú. Xa xa, một đàn vượn chuyển cành nọ sang cành kia. Rừng mai, rừng mận nở trắng xoá cá những đồi núi chung quanh, y như thế một bức tranh tàu chấm phá. Có tiếng chim kêu trong bụi: người bản Thổ bảo đó là tiếng từ quy.

Người vợ ngần ngại không muốn đứng lên. Cảnh đẹp muốn lưu lại. Nhưng từ dưới chân núi, một đoàn người mặc quần áo đủ màu xanh đỏ đã cuộn cuộn tiến lên như một đoàn du già nối đuôi nhau để lặn ngòi noi nước lên cho kịp được đến cửa trời.

Hai vợ chồng chống hai chiếc gậy lui nhập đoàn đi vào “Hang Mới”, và cùng hoà tiếng “nam

mô” với mọi người trong khi nhẹ bước trèo hang ngàn vạn động đá và chui qua hết động nọ đến hang kia.

Nam mô a di đà Phật!

Nam bô círu khô círu nạn Quan thé âm Bồ tát!

Tiếng nam bô làm chuyển động cả không khí vang lên đến khe núi, đồi cây dội xuống rừng mai, đồng lúa rồi phản ứng lên trên trời để trời chả lại tiếng vang cho lá cây nước suối.

Ở đỉnh núi đằng kia, sương bốc lên mù mù như khói. Một tiếng gà rùng. Tất cả vũ trụ chỉ là một giấc mơ _ nam bô a di đà Phật.

Em ơi, cứ niệm nam bô như thế, ở bên em anh không thấy mệt. Ta ngày chèo núi mà long nhẹ lâng lâng _ đã dành là tại trời phật độ trì, nhưng cũng có lẽ tại anh tin tưởng _ tin tưởng rằng những lời khấn khứa của em ở trong các động các hang, được Phật, trời chứng dám. Em khấn trời khấn Phật cho vợ chồng ta được sống với nhau đến bạc đầu, dù đói khổ thế nào cũng cam. Anh tin rằng niệm nam bô đi hết hang này động nọ không thấm mệt thì khấn trời khấn Phật cho vợ chồng được sống bên nhau cũng được Phật trời chứng dám ... Ngờ đâu, chiến tranh lại làm cho bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu lúa đói chia lìa, bao nhiêu lệ rơi máu chảy, làm cho người xa nhà thui mất cả hy vọng được trở về nơi cố lý, uống lại chén trà thuỷ tiên, nhìn những người than mến cũ và ngâm với người thương khúc bạc ai!

Nam bô a di đà Phật!

Nam bô Quan thái âm Bồ tát!

Ước gì cứ niệm như thế mà được trời Phật chứng dám thực, thì mình cứ niệm không ngừng để trả cho sạch nợ lưu ly, trở về phần tử một ngày _ một ngày thôi cũng được _ để kể lại tình tương tư với người yêu bé nhỏ, uống một chén rượu Tây Hồ với miếng cá anh vũ nướng vàng và nằm trong rừng đào Thổ biên thuỳ nghe hoa đào rụng lá tả xuống vai các cô nàng cưỡi ngựa thồ in bong lung linh xuống dòng suối trong như lọc.

Tháng Ba

Rét Nàng Bân

...Nhưng đến tháng ba thì trời đất quả là kỳ ảo.

Bảo rằng tháng áy còn rét, không đúng, mà bảo là hết rét rồi cũng không đúng nữa.

Trời trong như ngọc, đất sạch như lâu. Ngủ dậy lúc còn tối trời, anh ngồi uống nước trà đợi sang thì uống chưa xong ấm nước, anh bỗng thấy có những đám mây hồng từ phía đông kéo tới giữa một nền trời xanh ngăn ngắt một màu. Ở đằng sau nhà, chim hót ríu ran, đánh thức những người còn đang thiêm thiếp. Anh mở cửa nhìn ra ngoài thì lá cây sạch bong ra, long lánh như ở trong một phim ảnh màu tuyệt đẹp: sương móc ban đêm rửa hoa lá cỏ cây, rửa cả cát bụi trên các nẻo đường thành phố.

Giẫm đôi giày lên trên đất mịn màng, anh cảm thấy cái mát mẻ của đất, của sương vương trên cỏ thấm vào long anh y như thể anh đi chân không vậy. Chim vẫn hót ríu ran. Anh nhìn lên trời cười thì những đám mây hồng toả ra một thứ ánh sáng trắng như sữa, nhẹ như bong, tràn lan trong không khí và úp chụp lấy các lùm cây nội cỏ. Anh tự nhủ: “Hôm nay chắc nắng to”. Anh sửa soạn một bộ quần áo mỏng để mặc cho nhẹ nhõm và dễ chịu.

Thì quả nhiên, đến buổi trưa nắng thực, nhưng đi lên lâu ngủ vừa dậy, anh cảm thấy có một cái gì rất lạ xảy ra. Anh nháu mắt lại, nằm lặng ngóng, để xem cái tiếng reo ở ngoài vườn vọng lại là tiếng gì mà đến bất thình linh và xôn xao như vậy. Thì ra đó là tiếng reo của gió, của mây, của lá: chính trong khi ta đương mong về Tây Phàn với mấy cô nàng sơn cước, trời đã chuyển bất ngờ, đương nắng thành râm, và chỉ trong khoảnh khắc, rét cuối chap, đầu xuân đã về trê cánh gió, giữa một khoảng trời tháng ba nắng ấm.

Cái tháng ba ở Bắc có những ngày huyền ảo như thế đấy. Nếu là người thích ví von, anh có thể ví tháng áy với một cô gái có sắc đẹp nghiêng thành nghiêng nước.

Đẹp đến nghiêng nước nghiêng thành thì có quyền làm nũng như Dương Quý Phi làm nũng vua Đường Minh Hoàng: không đau răng cũng nhăn mặt cho them xinh, mà vì có đâu răng thực thì phải ăn trái lê chi mà quân sĩ phải rong ngựa đi năm sáu ngày trời mới mong kiếm được. Yêu Quý Phi quá, thì Quý Phi càng làm nũng, mà Đường Minh Hoàng lại càng sủng ái Quý Phi hơn. Thì người Bắc đối với tháng ba cũng vậy: yêu cái nắng ấm của tháng ba nhưng cũng yêu cái rét đột ngột của tháng ba, mà nếu ví dụ trong tháng áy có ngày nào nắng chói chang làm cho “chó

già le lưỡi” thì cũng cứ yêu luôn, yêu không kỳ quặc. Người đẹp mà làm nũng thì lại càng đẹp hơn.

Tôi yêu tháng ba đất Bắc một phần vì thế và tôi không muốn tin rằng cái rét tháng ba có thể làm cho “bà già chết công”. Tôi chỉ thích nghĩ rằng cái rét đôi khi bất ưng trở về với tháng ba là một cái rét thơ mộng, cái rét của một trời đầy hương và ngát hoa, trong đó có những chàng trai mặc quần đùi ngồi bên án sách ngâm thơ, nhưng gặp lúc ngửa nghiêng thì

Xếp bút nghiên theo việc đao cung

... Giã nhà đeo bức chiếc bào,

Thét roi cầu Vị ào ào gió thu...

...và những người đàn bà thủ tiết chờ chồng và than khóc mình mình:

Nước chảy mà phiền chẳng rửa,

Cỏ có thơm mà dạ chẳng nguôi...

...Trông chàng long rượu rượu buồn,

Bộ khôn bằng ngựa, thuỷ không bằng thuyền.

Nàng Bân cũng thuộc vào loại chinh phụ đó.

Thương người ở bên trời, ngay từ khi giá rét bắt đầu, nàng đã lo gửi áo rét cho chồng, nhưng...

Nàng Bân may áo cho chồng,

May ba tháng ròng mới được cửa tay,

Lạy trời cho cả heo may,

Nàng Bân chết quách đêm nay cho rồi.

May ba tháng trời mới được có một cái cửa tay, người chinh phụ ấy hẵn là buồn quá cho nên thấy gió rét bất ưng trở về tháng ba, thương người quan tái, không kịp có áo gửi đi, nàng cầu trời cầu phạt cho nàng chết quách.

Hỡi ơi, ở đời này, vào bất cứ thời nào, lại chẳng có hang triệu nàng Bân! Vì thế nhà thi sĩ không thể không gieo một vần đầy lê:

Chàng bên trời, thiếp ở Ngô,

Chàng đi nhớ thiếp, thiếp mơ tới chàng.

Thư bao nhiêu, lệ bao hang,

Lạnh vè, áo đến tay chàng hay chưa?

Riêng cái tên mà người ta đặt cho cái rét muộn màng đó đã thơ mộng lắm rồi: rét nàng Bân. Nhưng có ai đã từng rét cái rét ấy, sầu cái sầu ấy đôi lân, tất đều nhận thức rằng cái rét ấy còn

chứa đựng một cái gì đẹp như thế hay hơn thế: đàn bà, con gái trời đã cho xinh đẹp gấp cái rét nàng Bân tự nhiên đẹp trội hẳn lên, như thể có một chiếc đũa thần làm biến đổi cả máu huyết, màu da, con mắt, miệng cười, tiếng nói. Từ xa, ta cảm thấy người nào cũng thơm thơm như những nụ tầm xuân.

Vào tháng chạp, tháng giêng, tức là vào cái cữ rét đà, rét lộc, không khí có lúc hanh hao, khô ráo làm cho má và môi người đẹp nè ra thành những vết chân chim bé nhỏ. Đến cái rét này thì khác hẳn: tự nó đã đẹp và nên thơ, nó lại còn làm cho má và môi của đàn bà con gái cũng nè, nhưng da không nứt rạn mà chỉ ửng hồng lên như thể da một trái đào tơ mịn màng mơn mởn, làm cho chính Liễu Hạnh Huệ có sống lại cũng phải bất thèm...

Cỏ cây mây nước thấy người ta, trong tháng ấy, tự nhiên đẹp rực rỡ lên, đẹp nao núng, hình như hòn giận và cố ganh đua để cho xanh bằng người, thăm bằng người.

Từ tháng giêng, cây cối bắt đầu nảy lộc nhưng đến tháng hai lá non mới bắt đầu ló ra và hoa cũng bắt đầu hé mở nhuy thơm không còn ngậm ý, giàu tình như trước nữa. Đó là mùa “lá bang tai trâu, sầu đâu chân chó”: trên các cành bang, lá non hé mở và cuốn lại, chưa bung ra hết, y như thể tai trâu, còn cây đâu đâu thì vào khoảng này cũng trổ lá non nhưng chum lại với nhau thành một hình tròn trông giống hệt vệt chân con chó để lại trên mặt đất, sau một đêm mưa tuyết.

Cũng như người con gái dậy thì lớn lên và đẹp không ai biết, chỉ vào khoảng cuối tháng hai, đầu tháng ba thì là bang, lá sầu đâu nở bung ra. Nhìn lên, lá non xanh màu cốm giót dún đầy đú đưa một cách đa tình, làm cho người đa cảm tưởng tượng như cây cối giờ những khăn tay bé nhỏ xanh xanh, vàng vàng ra chào mừng, vẫy gọi... Đến cuối tháng ba, lá bang sum sê che kín cả đường đi học. Đọc theo con song đào chạy ngang cách thôn xóm ở Vụ Bản, Hải Hậu... những cây bang đứng soi bóng xuống song đào chạy dài tít tắp hang chục cây số trông như thể một cái tàn bất tuyệt không lồ. Đứng ở dưới nhìn lên, mình cảm thấy đứng ở trong một cái hang kết bằng lá non và không thể không nhớ lại lúc nhỏ còn đi học, sân nhà trường chi chít gốc bàng... Đó là những cây bang nguyên giống, chứ không lai căng như những cây bang mà ta thấy ở đây, mọc cao vun vút và tua tua lên trời. Bàng chính thống cao lên chừng hai sải tay thì lá xoè ra như cái tán, kiểu cây ấy dung để nhuộm hang thì hang đen không chịu được. Nhưng cái tuổi lên chính, lên mười đâu có them biết nhuộm là gì. Sự mê thích của đứa trẻ nỗi tiếng phá phách là tôi hồi ấy, mỗi khi tới mùa bang, là trèo lên cây đi tìm tổ chim bạc má vì giống chim này ưa làm tổ trong những cái lá bang cuốn lại và lấy dãi làm chỉ “khâu” hai đầu nối lá lại với nhau. Trong khi đi bắt tổ chim như thế, các cậu bé thỉnh thoảng lại với được một cái sâu kèn thì

sướng như điên. Lấy que đầy con sâu ở trong tòi nó ra bóp giật một đầu lại, phùng mang trọn mắt lên thổi toe một tiếng, anh cảm thấy mình là một tên tướng thổi kèn hiệu xuất quân. Anh chạy khắp nhà, thổi àm cả lén, ăn không biết bao nhiêu chổi long gà vào đít, nhưng có sâu kèn trong túi, không dung không chịu được, anh lại toe vài tiếng nữa... Chết thì thôi. Cai tuổi ấy đâu có ngán đòn, ngán chửi!

Bị đánh lấm thì phản đối cha mẹ một cách tiêu cực, móc túi ra lấy một vốc quả bang để ăn. Bàng, ngon nhất là bang quê, hột đỏ như son, thơm có khi còn hơn cả đào: đào để gần mình mới thấy thơm chớ vớ được một trái bang quê thì, nói thực, để cách xa mình cả một sải tay, đã ngửi thấy mùi thơm phung phúc!

Nếu không kiêm được bang quê, có mày mò, thám thính vớ được trái bang đực ăn cũng mê ly hết sức: bang cái nhiều hơn và mọc từng chum, chớ bang đực thì có cái phong thái đặc biệt “anh hùng độc lập” đứng một mình một chỗ, không them kéo bè kéo đảng với ai. Bàng được có trái to bằng nắm tay đứa trẻ.

Những người không sành thường nghĩ bang ăn chát. Thực ra, vớ được một quả bang đực, nhất là bang quê, căn một cái ngập răng, nhai thủng thỉnh, còn ngọt hơn cả cam hay táo. Nếu ăn hết một trái mà anh thấy còn them thì lấy hòn đá đập cái hột ra; anh sẽ có một cái nhân bùi như trâm; và có nhiều, đem đồ xôi trước cúng cụ, sau ăn thì tuyệt.

Có người bảo cây đa cây đề là cây tiêu biểu của nước ta. Riêng tôi thấy cây bang là thứ cây đặc biệt nhất: cành lá đã sum suê, đứng xa trông về lại đẹp; mặt khác, cả cái cây từ lá cho đến rễ, từ búp cho đến cành đều dung được việc, không có một cái gì bỏ phí.

Còn cây sầu đâu? Cây sầu đâu cũng vậy. Lá, đưa ngâm ngoài ruộng xâm xấp nước cho ải rồi đem bón nhất định là hơn hẳn phân hóa học, còn than cây cố chăm nom cho thăng, dầm bảy năm hạ xuống làm cột nhà, bong cút lồng lên mà mối chỉ còn cách trông mà khóc vì không thể nào đ*.c nổi! Thế nhưng tại sao người ta không gọi sầu đâu là xoan ta, lại kêu bằng một cái tên buồn như thế? Phải chăng là tại vì cây này trong héo ngoài tươi, tượng trưng cho những người đẹp u buồn, ngoài miệng thì cười mà thực ra hang bùa vẫn chan cơm bằng nước mắt?

Cũng vào khoảng cuối tháng ba, các cây sầu đâu mọc ở các vùng quê Bắc Kỳ đâm hoa và người ta thấy hoa sầu đâu nở như cười. Hoa nhỏ bé, lấm tấm mấy chấm đen, nở từng chum, đu đưa như đưa võng mỗi khi có gió. Có người cho hoa đó là một thứ hoa không vương giả như hoa đào, phong lan, mai mận... Nhưng các cụ thực biết thường hoa lại quá quyết không có một loài hoa nào thơm một cách chân thật, quê mùa như thế. Bây giờ nhắc đến loại hoa này, tôi vẫn còn nhớ in những buổi chiều vàng đi thơ thẩn về miền quê, bong lắc bước tới một vùng cát

trắng ở Xuân Trường, Hải Hậu, ở Phố Cát, Lương Đường, ở Bình Thuỷ, Mai Động... san sát những căn nhà nhỏ bé xanh um cây cối, trắng xoá tường vôi, mà nhà nào cũng có vái gốc sâu đậu vượt lên như ngạo nghẽ khoe với trời cao ngất ngát những chùm bong phơn phớt màu hoa cà êm êm.

Hỡi ơi du khách đa xuân tú! Tôi đố anh nhìn thấy những cái cây mảnh mai yếu điệu mang từng chùm hoa diễm kiều như thế mà lại không dừng chân đứng lại! Tự nhiên anh thấy tim anh nhoi nhói.

Ở đời thỉnh thoảng ta lại có cảm giác như thế mỗi khi sung sướng quá, mỗi khi yêu nhiều quá. Yêu hoa sâu đậu không để vào đâu cho hết, nhớ hoa sâu đậu ở quê hương ta không biết mấy mươi! Người mắc bệnh lưu lý đã xa cách phần tử mấy chục năm rồi mà lạ thay sao cứ đến tháng ba, nhớ đến sâu đậu mình vẫn cảm như còn thấy thoang thoảng đâu đây một mùi thơm mát mẻ, dịu dàng, mát mẻ còn hơn cả hương cau, mà dịu dàng có khi hơn cả mùi thơm hoa麝! Mùi thơm huyền diệu đó hoà với mùi của đất ruộng vầy vỡ ra, mùi đậu giã mà người nông phu đi hái về đem về phơi nắng, mùi mạ non lên sớm xanh màu hoa lý và đẹp như những bức tranh lập thể, mùi khoai săn, mùi rau cần ở các ruộng xâm xấp nước đưa lên ... bao nhiêu thứ đó, bấy nhiêu thương yêu... có phải đã có một lúc anh cảm thấy như ngây ngất, như nhức đầu, như say một thứ men gì phải không?

Anh cứ muốn lạc bước đi như thế mãi để uống cái hương thơm của quê hương vào tận tâm can tì phế. Ấy đó, người Việt trầm lặng như thế đó, có cần gì phải tìm những thú vui đắt tiền – mà ví có tiền thật nhiều đi nữa, chắc gì mỗi lúc đã mua được để mà thụ hưởng? Chúng ta tự hào về điểm đó cũng như ta tự hào ăn không cần no mà cũng chẳng phải nghiên cứu xem có đủ sinh tố trong các món ăn không; ở đây cần binh dinh mà cũng chẳng cần phodiđe hay máy điều hòa không khí, chỉ làm cho người ta dễ bịt; mặc không cần thời trang gì hết, cốt sao che được thanh minh cho khỏi nóng lạnh mà miễn sao cho vải vóc bền thì thôi, cần gì tờ bong, cần gì xoa nhung, cần gì lụa Thái Lan ah y catê của Mỹ! Người Việt Nam chỉ cần có một điều là yêu thương mọi người và không muốn cho ai ghét như bệnh dịch. Một lời chào hỏi đậm đà; một miệng cười niềm nở; một bữa cơm thanh đạm dọn vội vàng để mời người khách phương xa ăn đỡ long; quý hoá biết bao nhiêu, tình tứ biết bao nhiêu, thương cảm biết bao nhiêu, cần gì phải mâm cao cỗ dày, cần gì phải rượu ngoại quốc ngon, chiêu đãi viên đẹp, cần gì phải theo răm rắp nghi lễ giả dối, đen bảo là trắng, xấu bảo là tốt, dở bảo là ngon.

Có ai đã từng dự những bữa tiệc ở những nhà hàng cao mười tầng lầu, nuốt một cách khó khăn những món casulee giá hang ngàn một đĩa, ăn những bánh ngọt đầy túi hạnh nhân, đường,

sảngti và mứt... tất cả đã thấy rằng nhiều khi ăn một bát phở xe đậu ban đêm ở ngoài đường lại ngon hơn, uống một chén nước trà tươi thật nóng, rít một hơi thuốc lào thật say lại thú hơn rồi nhảm nha thưởng thức một đĩa bánh chay hay nhâm nhót mấy cái bánh trôi lại làm thoả mãn ông thần khẩu hơn.

Giữa bầu không khí thơm ngát hương sầu đâu ấy, anh thử bảo người nhà hái về mấy ngọn rau cần đầu mùa, nấu một bát canh với tôm he mà ăn với chén cơm gạo vàng xem có phải anh thấy đúng in những cảm giác đó không? Rau cần là một thứ rau rẻ tiền cấy trong ao, cứ đến giữa tháng ba thì tốt lá, dài rẽ, nhổ lên ăn ngay thì ngọt lùr, khó có thứ rau nào sánh kịp. Nếu nấu canh mồi chán, anh có thể xào rau cần với huyết heo b López nhỏ, hay muốn cầu kỳ hơn chút thì xào với long heo, thịt bò. Rau cần, với cải bắp cho một tí rau răm vào, muối xổi, lấy ra ăn với thịt đông hay kho tàu, nó lạ miệng và có khi thú hơn cả dưa cải nữa... Nhưng ăn cháo ám mà không có rau cần thì... hỏng, y như thế là vào một khoảng vườn mà không có hoa, đi trong mùa xuân mà không thấy bướm.

Tháng ba mà không có những ao rau cần xanh ngắn ngắn, tươi hơn hớn không phải là tháng ba Bắc Việt.

Gió xuân mơ cánh hoa đào,

Mưa xuân pháp phói trên ao rau cần.

Ấy, đất nước này chỉ đẹp giản dị thê thôi, hiền lành thê thôi, ai muốn nói thế nào thì nói chớ dân nước chúng tôi vẫn nhận là đẹp nhất thế giới, đáng yêu nhất trần hoàn. Đố ai chê được! Đố ai cướp được!

Cha truyền con nối, đời nọ qua đời kia đã truyền cho nhau nên từ đứa bé mới ra đời cho đến lão bà sắp chết, ai cũng lưu luyến quê hương và không nói ra lời mà ai cũng cảm thong cái đẹp mộc mạc, thần tiên đó. Càng đẹp hơn nữa là những ngày tháng ba làng nào cũng có hội hè đình đám, đèn chǎng lá kết rợp trời, hương án, quạt cờ la liệt. Đó là mùa té thần, té thánh, mùa rước kiệu của cả Phật giáo lẫn Công giáo, mùa đánh cờ người, cờ bối, mùa rước sắc, mùa chơi gà, chơi cá, nhưng quyến rũ nhất và đặc biệt nhất là những cuộc đấu vật ở Hà Lạng, Trà Lũ, Hoành Nha, Mai Động...

Bây giờ, ngồi trong nhà xinê chật hẹp ở cái xứ sở đáng yêu bốn mùa nắng chói , xem những tay “sumô” đấu “păng tờ rát” bé đầu, bé cổ, bé chân, bé tay nhau oanh oách, tôi thích mơ về một thuở thanh bình xưa cũ, cứ vào khoảng tháng ba thì lại đội một cái mũ dạ bể cùp, mặc “tò reng cốt” hút thuốc lá “com măng đơ” đi về Mai Động xem thi vật.

Cái lối vật này đâu có dữ dội như lối vật tai ác quái quỷ của các võ sĩ mà ta thấy trên màn bạc

vào cái lốp phim gọi là thời sự, dưới mục đề “thể thao”. Các đố tranh giải không to béo như trâu trương, người nhung nhúc thịt là thịt, nhưng to lớn, trượng phu, cỗ to, bắp thịt nỗi cùng mình, đứng bái tổ mà người ta ngỡ là thần Dót xuống trần hay Hách Cưu sống lại.

Bây giờ ngồi nghĩ lại những tay đô ấy, thực quả tôi không biết bắt đầu từ đâu và nói thế nào cho hết được cái mê say, cảm phục của tôi hồi đó. Tôi chỉ biết rằng nếu tôi nhắm mắt lại, đến tận bây giờ, tôi vẫn còn mượng tượng được cái màu da đỏ như táo Tàu của họ, những bắp thịt ở tay lúc thường mà chạy đi chạy lại như con chuột và cái bụng lép kẹp cũng có những bắp thịt chạy dọc chạy ngang. Tôi nhớ một tay đô nhất, vô địch Hải Hậu, Xuân Trường, Giao Thuỷ... tên là Cả Thuyền biểu diễn sơ sơ mà bóp nát cả một cái giàn làm bằng những ống luồng to như cái chĩnh muối cà; tôi nhớ Ba Xuyên doạ người đứng xem, móc mười ngón chân xuống mà xúc được một đống đất thó rắn như đá tung lên trời; và tôi nhớ cả nữ đô Tô Thị Hằng vật nhau một buổi với chin đô đần ông bằng những phép “cuốn chỉ”, “ra vàng”, “vào tay tư”, “bắt bò” biến hoá như thần mà đến lúc lĩnh giải vẫn cười nói thong thả như một người mới đi chơi mát về.

Ôi, tháng bà đầm ấm ngày xưa, tháng ba tươi tốt, người đã tịt mù tăm tích! Biết bao giờ ta lại còn nghe thấy tiếng trống giục các đô vào trận, biết bao giờ ta lại được trong thấy những tay vật nhà nghè bắt bò thần tốc, khoá chân tay nhau rồi vật chống chân lên trời! Ta vốn ghét những kẻ vô biền, hạ nhau tàn ác’ ta ghét “păng cờ mát”, quyền Anh, nhưng thú thực đến cái vật của Việt Nam thì ta phải nhận là thượng võ chính công; là thi tài nhưng không hung ác, điên rồ; là tiêu biểu được hết cả tính của dân ta, phàm thấy ai đã ngã thì thôi không đánh nữa, trái lại, lại còn đến gần, chắp tay xá mà nân dậy.

Ở Bắc Việt, tháng ba có Tết Hàn thực kiêng dung lửa, chỉ ăn ròng đồ lạnh, ngoài ra lại còn biết bao nhiêu hội hè, mà hội hè nào cũng ý vị, mà cũng nên thơ, mà cũng hấp dẫn người ta như thế, thì bảo làm sao, xa nơi phần tử lâu ngày, người mắc bệnh tương tư kinh niên lại không thương không nhớ và không muốn nhờ én nhạn gửi về cho xứ sở, vợ con một ít nỗi niềm đau xót?

Đau xót nhất là không biết vợ con bây giờ ra thế nào? Từ ngày chia rẽ mỗi tơ thì ra sao?

Đã cay đắng nhiều đường rộn rã.

Lại nhục nhàn đến cả vợ con.

Mấy năm chút nghĩa ôn tồn

Giao đào trả mận long còn bang khuâng.

Đường kia nọ, nứa chừng bè bonen

Nỗi trước sau, trăm món ngôn ngang,

Mắt kia thác cũng còn giương,

Hòn kia muốn đứt, còn vương nỗi này.

Có một lúc có tin đồn ở Vĩnh Phúc, mấy tháng sau lại thấy nói đã lên ở thành Tuyên. Tuyên thành! Chỗ pháo đó là nơi chúng ta đã cùng theo kháng chiến lên ở một dạo hay sao?

Em ơi, em ơi, nhắc lại như thế thì nhớ quá. Nhớ cũng đúng vào cữ tháng ba như thế này, vạn năm đã xa xôi, chúng ta cùng nhịn đói đi xem tung cùn mà bụng thấy no, phải không Quỷ?

Dăm cô con gái chưa chồng,

Hội tung cùn đến, thấy lòng nao nao

Các cô gái chưa chồng thấy lòng nao nao, nhưng chúng ta thì thấy lòng rộn rã còn vui hơn cả trai thanh gái lịch người Thái vận đủ các thứ quần áo mới, mang đủ các màu chói lọi trên người, đi tung cùn để bói quẻ đầu năm.

Thực ra, từ tháng giêng trở đi, ở miền thượng du, trai gái người Thái đã bắt đầu đi tung cùn rồi; nhưng vui nhất là tháng ba vì lúc đó là mùa “hoa bướm” đổ xuống bờ cỏ bụi cây, trai gái kéo nhau đi tung cùn, hoa bướm rơi xuống đầy vai, đầy đầu, trông xa xa như thế trời rắc “côngpheti” xuống mặt đất để chia sẻ nỗi vui của lớp người trẻ tuổi yêu nhau.

Đứng xem trai gái tung những quả còn tròn bọc vải ngũ sắc có đính cái đuôi dài lên những cái vòng tròn cạp giấy hồng điệu, thấy họ rướn người, giơ tay lên trời, anh còn nhớ chính em đã nói “trông họ đẹp như tiên vậy”.

Hội tung cùn của đồng bào Thượng là một hội để cho trai thanh gái lịch gặp nhau, nói lên sự yêu thương, để cho anh con trai tỏ tình với cô gái và để cho cô con gái khoe sắc khoe tài với cậu con trai, nhưng thực ra nó là một cuộc bói – bói nhân duyên. Cô nào mà tung cùn được trúng vòng nhiều thì sẽ gặp may, tốt mày xanh tóc, cặp nào tung cùn được điểm nhiều thì năm ấy sẽ được đẹp lứa vừa đôi. Tất cả, đó là một cuộc bói như đầu năm ta bói tuồng hay bói Kiều và có một vài cô người Thái, da trắng như trứng gà bóc, mình đẹp như tượng Vệ nữ thần, quả quyết rằng bói như thế trúng lăm, trăm lần hoạ chỉ sai có một hai.

Ở Tuyên thành, bây giờ em có lần nào trở lại xem hội tung cùn ngày trước nữa không? Phải chí én nhện biết nói tiếng người như trong truyện thần tiên, thế nào ta cũng cậy chin, cậy cá nhỏ vào tai người yêu một câu thương nhớ và xin với nàng ghi dạ đừng quên:

- Người yêu ơi! Nếu có dịp xem hội tung cùn, em nhớ khâu cùn và cũng tung thử vài hội xem sao nhé. Tung thử để bói xem trời để cứ mong mènh thế này thì đôi ta biết có còn giữ được mối tình từ quy lúc bể cành liều ở chân gò Mã Đỏ?

Tháng Tư

Mơ đi tắm suối Mường

Chǎng biết ăn cái trứng nhạn vào thì có mát long mát dạ được tí nào chǎng, chớ thật tình ở miền Nam yêu quý, sang đến cái tháng tư này trời nóng quá, ăn gì vào miệng cũng không ngon. Anh cứ thử tưởng tượng một con lộ dài như đường Công Lý chǎng hạn, chạy từ Chợ cũ cho đến Tân Sơn Nhứt, sơ sơ cũng mươi cây số dài, vậy mà chỉ có vài chỗ có ba cái cây cho ta bong mát còn thì toàn là nắng, nắng suốt ngày, nắng như điên, thế mà anh lại lên cơn yêu Sài Gòn muốn đi nhởn nha ngắm cảnh thì khỏi phải ước đoán, lúc về, nếu không thành lợn quay ít ra anh cũng “trúng”, phải cao gió rồi uống Cà phê khôn tan, Căn cơ tán vài ba phong là xoàng.

Miền Nam mến thương ơi, thương mến miền Nam thì lúc nào cũng có thưa, nhưng muốn tìm những lý lẽ độc đáo để khen cái nắng chói chang ấy thì quả thực không thể nào khen nổi. Ấy là tại vì nắng khổ đến thế nào cũng vẫn cứ chịu được đi, nếu mình không dư tiền để đi nghỉ mát Vũng Tàu, Long Hải; nhưng bức nhất là có hôm đang nóng vỡ đầu như thế thì trời lại giáng một trận mưa đột ngột làm cho nhiều khi không kịp tìm một nơi ẩn trú, cứ phải đi đại ngoài đường như một triết nhân, mặt mũi tèm nhem, quần áo lướt thướt, mà về đến nhà thì sổ mũi nhức đầu, ơn ơn lạnh nơi xương sống. Cái bình tê thấp chǎng biết có phải một phần phát sinh vì mưa nắng thất thường, vì khí hậu ở đây nóng ghê nág gồm mà bên trong thì lại ẩm thấp chǎng? Mình vào ở đây thấy tê thấp nhiều quá cũng đâm ra trợn, ăn thức gì cũng phải ngóng xem sao, mặc dầu ai cũng biết miền Nam yêu quý còn món ăn đem lại cho người viễn khách những hương vị tân kỳ độc đáo.

Gió đưa gió đầy, về rãy ăn còng,

Về ruộng ăn cá, về đồng ăn cua.

Cua cá nhiều, hình như cũng chǎng lợi lầm cho người tê thấp cho nên người Bắc sành ăn vào đây chỉ mơ ước có một thứ trứng nhạn mà thôi. Nhưng mơ là một chuyện mà được ăn lại là chuyện khác, có phải người nào muốn ăn cũng được ăn đâu. Đó là vì vào tháng tư, ở miền Nam, tại các đảo ven bờ biển trong vịnh Thái Lan có những khu rừng sác trù mật mà các loài chim biển thường về làm tổ và sinh con đẻ cái. Đó là mùa chim nhạn đẻ trứng...

Tháng tư cõm gói ra Hòn

Muốn ăn trứng nhạn phải lòn Hang Mai.

Đồn rằng ăn cái trứng nhạn này mát ruột mà lạnh hạ đờm mà lại thong tiêu tiện nên nhiều người vào đây ao ước lăm, nhưng vì không thuận tiện trong sự giao thông một mặt, lại không thể lòn Hang Mai mặt khác, nên đành cứ phải sống nhăn ở thủ đô ăn cơm gạo Mỹ hột tròn chin trăm đồng một tạ và uống rượu với xoài xanh hay mận rồi nằm gối đầu tay không nhìn én nhạn bay qua như Cao Bá Nhạ mà lại nhìn sang cái mái tôn nhà hang xóm suốt ngày vặt radio nhúc óc và dầm thì mười hoạ mới thấy trời, khi nào Mỹ thả hoả châu trong đêm tím.

Không. Nói thế mà thôi, chớ anh nào nghiện trái cây thì ở đây cũng thú vị, anh có thể ăn xoài xá láng – mà đủ các loại: xoài cát, xoài tượng, xoài ang ca, xoài roi; để các thứ; xoài chin cây, xoài nhuộm, xoài ngâm khá đá – ăn mận kỳ thích thì thôi. Thêm nữa, lótuma ăn ngon như bở mặc dầu hơi bí và nghẹn cổ nếu ta ăn hơi hấp tấp; vú sữa từ giêng hai đến tháng này vẫn còn đầy rẫy trong chợ, bên lề đường; anh làm bà ly nhậu với các thứ đó và nhìn ra trời nắng chói chang, lấy tay bóp lấy đầu nhúc quá và ngâm một bài “Bạch Tuyết thi”, ấy thế mà cũng có lúc tưởng mình là một thú tiên ở hạ giới rồi.

Ấy là nói những lúc anh cao hứng vì có rượu nó “đưa” đi, mình cảm thấy hung hòn phấn khởi. Về nhà, lăn ra giường ngủ một giấc thật dài, đến khi tỉnh dậy thì thấy trăng chiếu vào giường. Anh nhớ lại bài thơ cũ:

Thấy trăng chiếu đầu giường,

Tưởng mặt đất mờ sương,

Ngưng đầu nhìn trăng sang,

Cúi đầu nhớ cõi hương.

Anh nhớ cõi hương không phải là không có có. Vào cũ này, ở Bắc Việt, trời cũng bắt đầu nóng, nhưng không nóng như thế này. Cái nóng ở Bắc cũng làm cho rôm sảy nó đốt người ta một cách khó chịu, nhưng đương đi ngoài nắng mà vào chỗ râm thì da thịt ta cảm thấy bình thường ngay, chớ không điên cuồng, rồ dại lên. Anh muốn tắm, và tắm thì thấy mát da mát thịt liền. Ở đây, có khác: anh đương nóng, nghĩ bụng về đến nhà phải tắm liền, nhưng vừa cởi quần áo anh thấy sờn

gai ốc, và có khi suy đi nghĩ lại một chút, có người ngại mà thôi không tắm nữa, đợi đến hôm sau cũng được.

Nói về mấy cái thú ở đồi, có nhà thi sĩ đã cho cái tắm là một cái thú ngang với cái thú đi chơi những vùng đất đẹp mùa xuân, cái thú uống rượu hoàng hoa mùa thu và cái thú ngâm thơ Bạch Tuyết mùa đông. Người tỉnh rượu lúc canh tà, nhìn trăng rồi cúi đầu nhớ có hương, lúc ấy them cái thú tắm suối của một ngày xa xôi ở xứ Mường vùng Việt Bắc, them không biết thế nào mà nói.

Đó là những ngày tay chống gậy, vai mang ba lô, anh lang thang trên các nẻo đường đất nước để sống cái đời lý tưởng: vừa hôm qua mới ở Đọi Đẹp ngủ trên mặt đất lạnh, ăn tô phở vịt thì chiều hôm sau đã ở trên đỉnh núi vùng Hoàng Su Phò với một gia đình Mèo; sớm ngày vừa thấy ở trong một thung lũng Ngũ Châu thì chiều tối đã ngồi hút thuốc vặt ở Thường Sơn, Cảm Thuỷ.

Làm sao mà quên cho được những ngày sống từ Hoà Bình đến Ngũ Châu, Lang Chính, Quảng Hoá, Bá Thượng, Ngọc Lạc... Vào cái khoảng tháng từ này đây, trời bắt đầu nóng, ngày nào mình cũng đi tắm suối ở xứ Mường và cho đến nay vẫn còn ghi ở trong long biết bao nhiêu ký niệm xanh một màu núi tím, nước xanh. Cứ vào giờ ngọ, trai gái dắt nhau đi tắm, máng nước bắc từ trên đỉnh núi xuống. Con gái Mường, con trai Kinh vẫy vùng trong những vũng nước ở chân núi, trông xa y như thể là thần tiên cỏ Hy Lạp tả trong tập “Tiếng hái nàng Bilitis” của Pierre Louys: nước thì xanh, nùi thì tím, hoa trên sườn núi đỏ màu cánh sen mà các cô nàng thoát y lại trắng như ngó sen, tóc rủ xuống lưng, đen như mực tàu... Người con trai Kinh lạc loài vào giữa các tiên nữ ấy, thoát đầu thấy ngượng ngùng, nhưng sau quen đi cảm thấy ghen tắm suối và không ngại đùa giỡn và té nước vào các cô nàng vây lấy anh ta như trong một hội hoa đăng trên thượng giới.

Ông thi sĩ nào đó từng đề cao cái thú tắm Lục Hà Trì mùa hạ không biết có được hưởng thụ cái sướng tê người của anh chàng văn nghệ Bắc Việt không, chứ tắm như thế đó ai mà không nghiện.

Muốn cách gì, cứ đến trưa là phải lo sửa soạn đi tắm rồi, không thể thì không chịu được: Tắm như thế không phải là tắm cho cái thanh thản này mà là tắm luôn cho cả đôi mắt, tắm nốt cả cái tâm hồn phiền toái của mình vì vừa tắm, vừa ba lơ, vừa trò chuyện, mình mới thấy cô gái Mường đáng yêu biết chừng nào, chân thực biết chừng nào.

Bất cứ cái gì cũng làm cho cô sung sướng và cười lăn cười lộn: một miếng xà phòng, vật thử có là bao, nhưng đem cắt từng miếng nhỏ bằng ngón tay biếu mỗi cô một miếng thì đã là cả một

trời hạnh phúc.

Cô nào cũng muôn tắm cho anh và cô nào cũng có một đôi ba điều để chỉ bảo cho anh biết: chỉ có người Mường tắm thế này thôi, chứ người Mán không có tắm nhiều, còn người Thái ở trên đỉnh núi cao từ thuở bé đến già không có nghĩa gì, mà cả cái phép tắm bằng sůa, tắm bang đầu thơm của các ông hoàng bà chúa hiện nay không nước mẹ gì so với các cô nàng cao cấp người Mường ngày trước: đi tắm, các cô có chừng mười, mười lăm nữ tì đi theo, kẻ mang quần áo, người mang gương lược. Cái suối tắm được vây kín lại. Tắm xong thị nữ đưa cô nàng vào một nhà mát dựng lên gần đó, đặt lên một cái ghế cao bằng trúc mà chỗ ngồi có đục sẵn những lỗ thong hơi. Trong khi kẻ chải đầu, người xoa nắn, một vài thị nữ khác đã sửa soạn sẵn một lư hương cổ đặt ở dưới ghế; trong lư hương, có đốt trầm, rẽ nhang bài và nhiều thứ hoa thơm khác phơi khô, tất cả cháy riu riu, âm ỉ, đủ cho một ngọn khói nhẹ nhàng bốc lên, lọt qua ghế trúc để thấm nhuần vào da thịt, vào long, vào tóc của cô nàng.

...Ngày nào tắm, cũng cứ phải đủ nghi thức ấy. Lần lần, toàn thể da thịt, long tóc của cô nàng thành ra một thứ trầm hương thư thụ đến nỗi không cần phải “thực thi”, chỉ nghĩ thôi, mình cũng đã thấy người đẹp trầm xông xạ ướp đó mát rời rợi đến chừng nào và bất cứ ngửi vào đâu cũng thơm biết ngần nào...

Nghĩ đến thế, không tài nào ngủ được, mà lại càng thấy người mình dã nóng, long ruột mình lại càng nóng thêm lên. Bao nhiêu chuyện xa xưa vớ vẫn ở đâu kéo lại, giăng tơ trong óc mình như mạng nhện.

Phải rồi, vào mùa này đây, hoa gạo bắt đầu nở đỏ chói ở ven hồ Hoàn Kiếm, rơi xuống nước xanh, rụng xuống cỏ xanh, ve sầu lột cánh đã kêu rền rền vào buổi trưa; và cứ chiều chiều dân Hà Nội kéo nhau đu đạo quanh hồ, trải chiếu lên cỏ hay dắt nhau đứng giữa cầu Thê Húc nhìn ra những phố Pônbe, Tràng Tiền hay Hàng Đào, Ngõ Hồ, Cầu Gỗ lập loè nghìn vạn con mắt điện màu sang chói.

[Tháng tư đầu mùa hạ](#)

Tiết trời thật oi ả

[Tiếng dế kêu thiết tha](#)

[Đàn muỗi bay tới tả](#)

Nỗi áy náy cùng ai.

Tình này buồn cả dạ!

Mấy câu thơ ấy, học thuộc lòng khi còn nhỏ bé ở một ngôi trường trăng giữa phố Hàng Vôi – Không biết có phải của cụ Bảng Mộng không nhỉ, chẳng hiểu tại sao đêm nay lại đến với tôi? Mà tại sao có lúc tôi quên phút mất rồi, mà đêm nay tự nhiên lại nhớ rành mạch khong quên một chữ?

Nhớ đến như thế, tức là nhớ lại cả một thiếu thời lúc còn mặc cái áo maga đi học, vừa đi vừa tung chiếc giày do Đức Mậu lén trời vì đi giày nóng chân quá, giẫm đất nó thảnh thoie, mát mẻ hơn. Ô, “tiết trời thật oi ả” nhưng tại sao chỉ vì thấy “tiếng dế kêu thiết tha” và “đàn muỗi bay tới tấp” mà cụ Bảng “buồn cả dạ” và không biết “tỏ nỗi áy náy cùng ai”?

Đến bây giờ nằm nghĩ lại một cách thong minh, thấu đáo, tôi thấy không vô lý gì hơn, vì nhớ đến “tháng tư đầu mùa hạ”, tôi không thấy buồn một chút nào.

Tháng tư của miền Bắc ngày xưa, tháng tư yêu dấu có nóng, có oi, có dế kêu, có muỗi đốt nhưng tất cả những cái đó có thẩm vào đâu với những buổi bình minh nạm vàng, mở mắt ra nhìn lên cao thì thấy máy bay thông thả như trời khám bàng xà cừ, gió hây hây mát, mở cửa đi ra đường thì cảm thấy cả trời đất trong như là pha lê mà cái than mình nhẹ tênh tênh như là có cánh.

Anh có thể đi dạo như thế chừng nửa tiếng đồng hồ rồi mới về tắm rửa và làm công chuyện. Đời ngọt ngào trầm lặng và thông thả. Chứng chín mười giờ, nắng hoe lên, trời bắt đầu nồng nóng, nhưng đời sống trầm lặng không làm cho anh đở mồ hôi, sôi nước mắt. Vừa làm việc, anh vẫn có thì giờ pha một ấm nước trà tàu để nhấp giọng cho đỡ khát nước cả ngày. Anh có thì giờ trò chuyện tâm tình với các bạn quen và nếu anh mệt, tôi mời anh làm như tôi khi còn nhỏ, bắc một cái chõng tre, tìm một chỗ mát nhất trong nhà, ngửa mặt nhìn lên trời xem máy bay, ăn củ khoai lang vàng đầy nhựa rồi thiu thiu nhủ lúc nào không biết...

Êm ái thay những giấc ngủ sang tháng tư có gió mát đem lại cho ta những giấc mộng thiên thần. Cứ nghĩ rằng người ta ở đời chịu bao nhiêu khổ lụy, lo bao nhiêu thứ “bà rắn”, trải bao nhiêu nỗi buồn thương vô nghĩa, rồi rút cục lại làm nên thiên tư định chung, giàu thiên ức vạn tài, buông xuôi hai tay xuống cũng là hết, hết cả, không hơn gì một anh nghèo rớt mùng tai không có tấc đất cẩm dùi, không có cả vợ cả con để chia lo sẻ buồn... thì mình lại càng thấy hưởng được phút nào nhàn nhã, sống được phút nào thông thả với nội tâm mình, tức là được lâai...

Cái người đàn ông Bắc Việt lâm khi lạc hậu đến như thế đấy. Mà không những lạc hậu, lâm khi

lại điên khùng: nằm đâu mà mơ ước tận đâu, ở thung lũng thì mơ trèo lên nùi ngắt một bong hoa mà đương ở biển thì lại mong lên rừng xanh, bẻ đôi cành, hái một quả sim chin vừa ăn vừa nghe tiếng chim kêu vượn hót.

Tôi cũng thế: nằm ở đây, tôi nhớ tháng tư ở Bắc Việt xưa cũ không biết ngàn nào và trong những giấc mộng thiên thần, đó ai tưởng tượng được long tôm bang hoàng đến chừng nào khi thấy mình còn là đứa trẻ lên năm lén sáu, đi ra ven hồ, tìm đến các bãi cỏ, dưới các gốc cây để đái vào những cái lỗ con con bắt đê, vì mùa này là mùa đê sắp chui ra, leo lên cây để lột xác thành những con ve sầu. Có khi đi như thế một mình, có khi đi với vài chúng bạn. Cả mấy đứa mang theo một cái ống bơ, nếu đái vào lỗ mà chưa đủ cho đê phải ngọt mà bò lên thì chúng tôi lấy ống bơ ra nằm xuống bãi cỏ ở vệ hồ, thò tay xuống mực nước đỗ vào lỗ đê. Chừng mười hai giờ, trời bắt đầu nắng to. Mệt quá, tìm một cái bong mát dưới một cây cao nào nằm khẽnh, nhìn ra những bãi cỏ chung quanh xem những cái “búp đà” màu vàng ó rỡ xuống cỏ rồi nhặt lấy thi nhau thổi, hoặc tìm những quả đà rụng, lấy tay khía vỏ xanh ra đến cái thịt đỗ lấy con dao nhỏ khắc cái mắt, cái mũi thành những cái mặt nạ Quan Vân Trường, Lữ Bố hay Lưu Bị... Không một ngày nào, tôi không bị mẹ đánh và giam như tên tử tù ở trong nhà. Những ngày như thế, tôi thường hay mắc võng vào hai cây nhãn ở sau vường nằm ngủ, mơ những cuộc giang hồ vặt ở con đường Hàng Vôi sau nhà Máy Đèn chi chít những cây nhột để bắn sáo sậu và chim khuyên; mơ những buổi lăng du trên cầu Bồ Đề sang bên Gia Lâm, Gia Quất; và mơ những buổi sang đi tha thẩn lên Cột Cờ, gần trại lính, cầm một cái đinh chọc vào cây đa lấy nhựa để sang ngồi ở đài “Chiến sĩ trận vong” vê lại thành quả bong. Cứ mơ như thế rồi thiu thiu ngủ lúc nào không biết để đến khi thức dậy thì nghe thấy tiếng ve sầu kêu rèn rèn ở chung quanh nhà.

Tôi không hiểu tại sao có người lại không chịu được tiếng ve kêu và cho là đinh tai nhức óc. Riêng tôi, cứ đến đầu mùa hạ, thấy tiếng ve kêu rèn rèn trên các cay me, cây sáu, cây xoan, cây gạo, tôi cảm thấy một cái thú khác thường của một người nằm mơ mơ màng màng sắp ngủ mà có một gian nhạc tuyệt vời từ trên trời tấu cho mình nghe một bản nhạc kỳ diệu không thể được thưởng thức hai lần trong một năm.

Nắng mới tháng tư thường làm cho người ta mỏi mệt vào buổi trưa. Thành phố Hà Nội im ắng tiếng người, tiếng xe: anh châm một điếu thuốc lá, cầm tờ báo đọc thiu thiu sắp ngủ... thì đột nhiên có tiếng ve kêu, trước khoan khoan, sau mau mau, rồi cứ kêu như thế rèn rèn, không ngọt, lớp này vừa nghỉ thì lại có lớp kia thay, đều đều mà liên tục đến nỗi nghe tiếng ve, anh cảm thấy trời đất im lặng lạ lùng, nếu ve ngưng bản nhạc một giây thì y như thế có ai phá sự im lặng

thần tiên đó.

Tôi yêu tiếng ve kêu và tôi lại yêu cả cái kiếp ve nghệ sĩ. Cái kiếp gì quái gở! Từ lúc còn là trùng mèn đến lúc thành nguyên hình ve ve, vỗ đôi cánh huỳnh kim ca hát cho thiên hạ nghe khúc nhạc mê ly, tính ra phải bốn năm ròng tu luyện, lúc ở dưới đất đen, lúc đào lỗ chun lên, lúc đối phó với loài người chỉ rình bắt đem về chiên mỡ hay loài chim loài kiến tha về ố đẻ cho vào tòn kho, ấy thế mà đến lúc mạnh chân khoẻ tay múa may, ca hát được thì chỉ sống nhiều lăm ba mươi ngày! Cái kiếp con vò âu cũng thế. Nhưng mà ở đời có mấy ai thấu tâm sự của ve? Đóng đảo thay là những người chê trách ve chỉ biết ca hát múa may rồi đến khi mùa đông tháng giá thì tiền hết gạo không phải đến vay kiến! Khốn nạn, ve có bao giờ sống được đến khi gió bắc thổi đâu. Thường khi chưa tới giữa mùa hạ ve đã “từ bỏ cái nghiệp du ca”, buông chân báo vào cành cây rót xuống đấy “kim thiền thoát xác” giúp cho con sâu cái kiến có một thực phẩm tích trữ ăn dần trong mùa đông tháng giá.

Tôi chưa ăn sùng ve chiên mỡ bao giờ, nhưng bây giờ nghe thấy tiếng ve kêu ở trong rừng, trên núi hay giữa đô thành ngọc ngà này, bất cứ lúc nào, tôi cũng nhớ lại cái tiếng ve kêu rèn rèn đặc biệt ở Hà Nội ngày xưa. Nhớ tiếng ve tức là nhớ những buổi trưa và buổi chiều sẩm tối vào cứ tháng tư ở cái Hà Nội mến yêu có xe ôtô xítéc đi tưới đường cho mát mẻ, có những hàng “xê cô” gánh đi bán rong ngoài đường, có những hàng kem ở chung quanh Hồ Gươm thưốt tha những cô gái mặc áo hang màu, đẹp mộc mạc ngây thơ, đưa nước ngọt và kem cho khát giải khát mà lại khéo chạm vào khách một cách ý vị và duyên dáng. Đã nhớ như thế là nhớ tất cả: nhớ ánh đèn lung linh ở phía Tràng Tiền rung động trong nước hồ, nhớ Bút Tháp, Nghiên Rùa, nhớ những cây liễu xanh mơn mởn nằm nghiêng trên mặt nước chõ cạnh trấn Ba Đình, nhớ những buổi chiều cùng con là Vũ Lăng cầm một cái sáo dính nhựa thông đi bắt ve sầu về để xem nó kêu từ miệng hay từ cái “mõ” ở hai bên háng, nhớ những buổi tối cùng vợ đi xe giờ về mạn Láng, nằm trên nệm cỏ thơm, ngửa mặt lên trời xem máy bay cùng ăn trái vi đàu mùa...

Ờ phải, cũng vào cũ này đây, ở Bắc việt bắt đầu có vải. Nhưng mà trái vải ở Bắc, trái vải yêu thương, trái vải thơm lùi, ngọt xót! ít lâu sau nát, ở Đà Lạt có nhà trồng tía đã lấy được giống vải đem trồng và đem trái bán ở chợ Sài Gòn; thêm vào đó, ở các tiệm bán trái cây lại còn có một loại vải phơi khô, bán kí, vỏ thảm sì mà móp lại, bóc ra ăn thịt khô queo, dai nhách mà chẳng có mùi thơm gì hết. ăn vải như thế tức vô hình thoá mạ một loại trái cây nổi tiếng vì được người đàn bà đẹp nhất đời Đường ưa chuộng.

Tất nhiên, người đẹp ấy không ăn vải đóng hộp bao giờ. Người Tàu còn mê vải đến nỗi phải chế ra một thứ trà ướp bằng nước trái vải, tức và “Lệ chi hồng trà”, nhưng dù là vải đóng hộp,

trà vải, vải khô hay vải tươi trồng ở Đà Lạt đem về, tất cả đều không có nghĩa lý gì, nếu anh đã được hai lần thưởng thức trái vải chính cống ở đất ngàn năm văn vật.

Ở Lạng Sơn, Tuyên Quang, có một loại vải thiều trồng y hệt trái chôm chôm, có lông, ăn vào nhiều thì say và dễ bị sốt rét như ăn dâu vậy. Đó không phải là vải chính cống Bắc Việt. Vải Bắc Việt, đến mùa, không miền nào không có. Ai đi hội Phủ Giầy hẳn còn nhớ những dãy vải dài hàng cây số, cành lá sum sê, đứng xa trông cây nào cây nấy tròn xoe như cái tán, đến cuối tháng ba đầu tháng tư, trái trổ từng chùm to bằng cái nong làm cho cả bầu trời tươi lên hơn hẳn vì màu xanh của lá chen vào màu huyết dụ của trái cây. Có người đã đi Tàu, đi Tây về ăn thử vải này khen còn ngon hơn cả Tàu – và có ý muốn bảo rằng thứ vải mà Dương Quý Phi ngày xưa bắt Đường Minh Hoàng cho ngựa đi hỏa tốc lấy về để ăn chưa chắc ngon bằng.

Tiên Hưng nước chảy lững lờ,

Bên thì răng vải, bên bờ tre xanh,

Ai về Cố Quán cùng anh,

Mà xem bộ đội tung hoành súng gươm.

Ấy đó, cái vải Tiên Hưng lẫy lừng danh tiếng như vậy mà so với cái vải Cầu Họ còn thua xa. Cầu Họ nổi tiếng vì vải là bời đất ở đây hợp với giống vải; hơn thế ở Cầu Họ lại có một khoảng đất riêng tốt đặc biệt để trồng vải tiên.

Nói đến vải tiên thì quả thật là “cúng” được! Tôi không biết ngày xưa dân làng ở đây tiến vải các vị tiên để ra sao, nhưng tôi biết rằng dưới thời vua Bảo Đại, dân làng Cầu Họ làm những cái lồng bằng thép chứa hàng hai ba chục ký loại vải này để gửi xe lửa gấp vào đế kinh Ngài ngự.

Lúc đó, tôi còn trẻ tuổi, ngồi yên một chỗ không thể nào chịu được. Tôi nhớ có một đêm tháng tư, không hiểu tình cờ làm sao gặp một người bạn làm xếp da rủ đi chơi tết trên một chuyến tàu đêm chạy từ Nam vào Huế. Nửa đêm về sáng, mấy anh em lấy rượu ra uống. Ông xếp ga và hai anh “bagadít”, gặp lúc rượu ngà ngà, nghĩ ra được một món nhắm rất hách và rất quý: ngay trên chuyến xe ấy, có chở một lồng vải vào Huế cho vua Bảo Đại. Ờ, cứ bảo cái vải tiên này ngon ác lăm, hay là ta móc ở dưới đáy lồng – vì chung quanh lồng đều cắp chì, mở ra thì có dấu vết dễ làm cho anh em hỏa xa đâm áy mang tai mang tiếng – lấy ít trái ra nèm thử xem sao. Thì ra cái vải gia dụng, cái vải thật ngon cũng có khác với cái vải thường ta ăn rất nhiều. Ngay

tù cái vỏ trái vải tiến cũng đã khác thường rồi: nó không đỏ màu huyết dụ, mà ống óng một màu nâu cỏ kính, mà nhẵn lì đi chớ không có gai gò ghè. Nhìn kỹ hơn một chút nữa thì trong làn da màu nâu ấy có một chấm đỏ hiện lên. Trái vải này thực ra không lớn lắm, trung bình chỉ to hơn cái chén quân pha trà tàu một chút nhưng đặc biệt là khi bóc vỏ ra rồi, không có nước tèm lem, mà hột thì chỉ nhỏ bằng cái đầu ngón tay. Cùi nó dày như cùi dừa, nhưng không trắng bạch mà lại hung hung màu ngà. Đặt lên lưỡi cắn một miếng thì nước chan hoà, ngọt sắc mà nhai thì mềm, không nhão mà lại giòn, nhai khe khẽ mà chính tai mình thấy như sậm sụt.

Ơi ơi trái vải của miền Bắc xa xưa, ngon biết chừng nào, ngọt biết bao nhiêu, thôi, chắc là từ giờ đến chết ta không còn có bao giờ ta được nằm trên cỏ thơm đường Láng để thưởng thức với người vợ tấm mǎn biết nhau từ một đêm mưa rào ở vườn Bách Thảo và chia tay không phải từ lúc đánh Tây mà lại chính là lúc nước nhà ca hát mừng rao độc lập, tự do thống nhất! Nhớ ơi, nhớ sao nhá thế này! Nhớ cũng vào một mùa vải như thế này, hai vợ chồng rảnh rang cùng đi về Vụ Bản thuê một căn nhà rrom để nghỉ mát thay vì đi lên núi, sáng sáng, lúc mặt trời chưa mọc, hai đứa cùng đi tha thẩn dưới rặng vải cùng uống mùi thơm của vải chín tiết ra trong không khí trong vắn vắt. Chín mười giờ sáng, vào một cái quán ăn một bát canh bún, uống một chén chè tươi rồi lại đi... đi mãi dưới các vòm cây tận cho tới trưa, mệt quá, không thể đi được nữa, phải ngồi dựa vào gốc cây thiêm thiếp... Mặt trời bắt đầu lên cao. Có vài chỗ mả đã tốt giã ra mơn mởn xanh màu cõm giót.

Quỳ ơi, bây giờ em ở đâu? Tại cái xứ có nhiều loài kèn xe hơi cực kỳ tối tân này, em có biết rằng có người chồng thỉnh thoảng trông ra nắng tháng tư lại nhớ đến một buổi trưa tiền kiếp, chúng ta đang dựa gốc cây thiêm thiếp, sực nghe thấy tiếng chim tu hú đậu ở đâu mà kêu to như thế ở chính bên tai ta vậy?

Phải rồi, cứ mùa vải đến là có chim tu hú. Tiếng chim kêu nào có độc đáo gì đâu, mà xét ra cũng chẳng hay ho gì cả vậy mà không hiểu làm sao kẻ xa nhà, nằm gói đầu tay sầu giữa tháng tư, lại cứ nhớ da diết, nhớ tê mê đến cái tiếng của nó và ước ao lại được nghe lại một lần. “Tu hú! Tu hú! Tu hú!”. Thấy cái mả chim xấu xí mà tiếng kêu lại nhạt phèo, trẻ con lấy đá ném, kèm theo câu chửi “Tu hú! Chú mày chết!” nhưng chim vẫn cứ kêu như thường và có khi đứng ở trên tít ngọn cây mà nhìn xuống như không coi thiên hạ ra gì cả.

“Tu hú! Tu hú!” Thế là cái gì vậy? Nó bảo rằng mùa xuân đã qua đi, mùa hè đã đến, nếu không yêu lấy đời thì thu đến và đông sang sẽ hết biến một năm? Hay là nó kêu gào nỗi buồn tro troi kẻ du mục, suốt đời không có tổ, phải đi đẻ nhờ trên đất khác, rồi bây giờ nhớ con, đậu thật cao mà gọi con? Hoặc là chim sống mãi cuộc đời lang thang, mộng làm chuyện lớn lao, không

nghĩ đến gia đình mà bây giờ thấy ngày tàn bóng xế vẫn chẳng làm được trò gì hết, nên kêu lên để cho thiên hạ biết cái lòng tiếc nuối của mình?

Thôi, nhưng muôn cách gì đi nữa thì mùa xuân cũng đã chết rồi, bây giờ chỉ còn lại những ngày mỏi mệt để ngồi mà tiếc nhớ, thèm thuồng những ngày vui đã qua đi như bóng nắng chiều lên tường hoa nhà cũ.

Ngày xưa, có người nghe thấy hơi may, chắp tay xin hai sao bến Hán cho vợ chồng được đoàn tụ vào ngày thất tịch. Minh bây giờ thấy tháng tư đem tiếng ve sầu, tiếng tu hú trở về chỉ thấy buồn nã nè, vì có ngò đâu cái buổi sáng nào đó vào giữa tháng tư vợ ra bến nước tiễn chồng đi chơi lại chính là ngày ly biệt – chốc đà ly biệt mười mấy năm trời, mà không biết đến bao giờ mới lại được đoàn tụ với nhau!

Nhớ lại hàng hôm đưa nhau trên bến nước đùi hiu, hai đứa cùng trèo lên một trái đồi, giong một ngọn đèn mờ lên uống rượu và ăn bữa cơm thanh đạm mà ngon, chắc chắn là đến khi nhắm mắt cũng không thể nào quên được. Nhớ đến miền Bắc xa xôi, nhớ đến ngày gia đình bị chiến tranh tàn khốc chia cây rẽ lá, người chồng nằm ở cái đất này làm cách gì mà quên được người vợ khéo tay mùa nào thức này, thân chinh muối dưa, nén cà để cho hợp ý chồng, mùa nào thức này, đi chợ lo từ con cá lá ray, để cho cm lành, canh ngọt.

ở đây này, trời nóng như nung như nấu. Buổi trưa, ăn xong rồi, gấp những hôm khó ngủ, nằm nhắm mắt gói đầu tay mà nhớ những chuyện xa xưa, người chồng thường vẫn thấy hiện ra lờ mờ trong trí óc cái bóng lưng thon nhỏ của người vợ ngày xưa, ngồi ở cửa trông xuống dưới vườn, cắt những chũm cà để đến hôm sau đem muối. Ngon biết chừng nào, cái quả cà Nghệ muối vừa vặn, lấy ra ăn với nước rau luộc hay là canh trứng cua đồng vắt chanh cẩm thơm lạ thơm lùng.
Tháng giêng là tháng ăn chơi,

Tháng hai trông đậu, trồng khoai, trồng cà.

Cà trồng tháng hai, cuối tháng ba, đầu tháng tư đem ra ăn thì nhất, không thể nào đúng “líp” hơn. ăn một chén cơm chỉ có chan nước lã không thôi, mà điểm mấy quả cà Nghệ thanh thanh, mặn mặn, cắn cứ giòn tanh tách, anh sẽ thấy là đưng mệt mỏi, người cũng tỉnh ra liền và muốn ăn một, anh cũng cứ phải ăn hai, ăn ba mới chịu. Cái “cà bát” đậm tương ăn cũng “ác” lắm”: này cứ thử dùng cao lương mỹ vị độ một tuần mà coi, anh chán ngấy lên đến mang tai, về nhà, lấy cơm nguội với thứ cà đậm tương này ăn thử rồi nói chuyện lại cho tôi nghe nhé!

Góm thay cái xứ Bắc Việt mến thương không giàu bằng ai, không sang bằng ai mà sao lại sản xuất được cái cà, cái dưa, cái tương, cái mắm ngon “quỉ khóc thần sầu” đến thế.

Công anh làm rẽ Chương Đài,

Một ngày ăn hết mười hai vại cà...

Câu hát khéo phóng đại làm sao! Nhưng quả cà ở Bắc, quả cà chính cổng ở trên đất Bắc, nó ngon đáo để là ngon, muốn gì ta cũng cứ phải tin như thế và riêng tôi lại biết chắc có những ông ngoại quốc đến Bắc Việt chê ông chê eo mà ăn tương ăn cà như quỉ, ăn hết cả cơm, ăn đến nỗi phải vào nầm nhà thương để... xổ!

Hồi ôi là cái lòng thương nhớ của người ta: nhiều cái chẳng ra cái “chết” gì mà làm cho mình nhớ quá. Nhưng nhớ đến qu cà Nghệ hay là miếng cà bát đầm tương ăn đúng vào lúc hè, có phái đâu chỉ là nhớ cà mà thôi, mà chính nhớ đến người vợ tào khang, từ thuở bé đã được mẹ dạy cho cách làm tương cà mắm muối, lớn lên chỉ sợ không muối dưa muối cà được bằng chị bằng em, - vì vẫn nghe thấy nói rằng muôn biết tài bếp núc của các bà các cô, chỉ xem mềm muối tương cà thừa đú!

Nhưng coi chừng đó, hối người bạn hau ăn! Cà mềm môi chén tì tì vào, khát lấm, mà phàm đã khát mà theo tác phong ở trong này, cứ nã hết ly đá lạnh này đến ly trà đá khác, hết chai lave nọ đến chai nước ngọt kia thì bụng dễ trương lên như cái trống.

Khéo biết ý chồng, người vợ đã nấu vài chén chè để cho chồng xi giải khát mà mát ruột. Tháng tư chẳng chẳng là tháng “đong đậu nấu chè” đó sao? Ở miền Nam này, chè ngọt là một cái gì thường quá, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, sà vào một cái tiệm hay một cái xe đậu ở đầu đường cuối ngõ, anh cũng có đủ thứ chè dùng: chè đậu xanh, chè bạch qu, hạt sen, chè phô mai nhàn, chí mè phù, chè hạnh nhân, chè trứng... ăn một vài chén, xia tiền ra trả là xong. Tiện quá. Cũng y như thế ta đi chơi vậy!

Tôi yêu yêu cái tính tình thực tế, cái cách giải quyết mau lẹ và khoa học ấy, nhưng tôi lại yêu hơn cái thú la cà, chậm rãi của Bắc Việt xưa cũ, đi hát thì phải đi hát cô đầu, uống trà thì phải đủ lệ bộ, quân, tống đâu ra đó, ăn uống thì phải ăn cho sành cho kỹ, “quý hò tinh bát quý hò đa”. Đến bây giờ, tôi vẫn nghĩ rằng chưa chắc chè ở Bắc Việt đã thực ngon hơn chè của các chú bán đầy đường, nhưng quả thực ăn một chén chè ở Bắc tôi thấy thẩm thía vô cùng là thẩm thía. Đó là tại vì đậu để nấu chè thuộc một giống tốt hơn mà lại trồng trên một thứ đất màu mỡ

hơn Tại vì các thứ chè ở Bắc nấu không giống chè ở Nam? Hay là tại vì mình “tưởng” như là ngon hn bởi vì chè Bắc do chính tay mẹ mình, người thương của mình thân chinh vào bếp nấu cho mình?

Có lẽ cả ba giả thiết trên đều đúng cả Hiện nay đi bách bộ trên các nẻo đường ở miền Nam hay la cà vào các chợ, các sạp ở mười một quận đô thành, người “di cư” chợt thấy có hàng xôi vò chè đường, ít khi ngăn được khẩu cái khỏi thèm thuồng. Có nhiều hôm, ta lại thấy có những bà hàng rong bán chè đậu đũi, chè đậu đen xôi vò, chè hoa cau cũng hấp dẫn mê ly đáo để; nhưng tất cả các chè đó chỉ là một thí dụ rất nhỏ bé của cái hệ thống chè bao la bát ngát của miền Bắc mà ta thương ta nhớ.

Chao ôi, có ai sâu xú vào một ngày nào đó, thấy trong người háo quá, thèm cái phong vị chè của nơi nghìn năm văn vật có nhớ đến chè cồm không? Vào tháng tư, củ mài nhiều, vợ chồng nấu chén chè củ mài để vợ chồng cùng ăn trước khi đi ngủ cũng hấp dẫn lạ lùng, nhưng điển hình nhất cho chè ở Bắc Việt đó ai quyên được chè lam và chè bà cốt?

Tại sao lại kêu là chè bà cốt? Thú thực đến bây giờ tôi cũng không hiểu cái tên này phát sinh từ điểm tính nào – có phi từ câu hát bình dân “Con chim chính choè... ông thầy ăn một, bà cốt ăn hai, còn cái thù cái tai đem lên biếu chúa, chúa mới hỏi chim gì? Con chim chích choè, nó đậu cành chanh...” nhưng chè bà cốt quả là một thứ chè đặc biệt Bắc Kỳ, ba chục năm ở miền Nam, tôi chưa thấy có nhà nào nấu! Tôi nghiệp, cái chè ấy có gì lạ đâu, chỉ có gạo nếp, mật và gừng, nhưng nói đến chè, không hiểu tại sao tôi lại nhớ nhiều nhất đến chè bà cốt! Nhớ như thế tức là nhớ đến hồi tôi còn nhỏ lăm, còn bà, còn bố mẹ, đồng đủ đại gia đình, mỗi khi nhà có vụ gì buôn bán phát tài thì bà nội tôi lại “gióng lên: “Hôm nay để tao nấu cháo bồi cho trẻ con ăn” hay “à, lâu lăm, không nấu chè bà cốt. Có đứa nào ăn không, bà nấu cho một nồi”!

Ngày xưa, đời sống của người dân vất vả và tần tiện, có đâu như bây giờ. Làm ăn một nắng hai sương, tối ngày vất vả kiếm ra được tiền, nhưng nào dám ăn vào miệng bao giờ. Tôi nhớ rằng thầy mẹ tôi buôn bán vào cái hang đủ ăn mà nửa tháng hay một tháng một lần mới dám liều ăn một bát cháo lòng bò sai người đi mua từ hiệu “Cát Tường” ở Cầu Gỗ đem về, hay hôm nào phởn lăm mới dám đưa đứa con cưng nhất đi ra Bờ Hồ ăn một bát phở tái ba xu.

Chè bà cốt, chưa chắc đã ngon hơn các thứ chè khác trên đất Việt thân yêu, nhưng cứ mỗi khi nói đến chè thì tôi lại nhớ ngay đến chè bà cốt, có lẽ là vì nhớ đến ngày còn nhỏ, sống trong thanh bình, ở không có binđinh, máy lạnh, ăn không có patê gan, phomát và bơ, chỉ có những món ăn mèng thế thôi nhưng lúc nào cũng mát ruột, mát lòng, không vì “miếng ăn quá khẩu thành tàn” mà bị ngoại quốc nó khinh cho như chó!

Chè đậu đũa bây giờ người ta gánh bán khắp các ngả đường, nhưng cũng thuộc loại chè đậu này, tôi ít thấy có ai làm chè lam. Hồi những người bạn ở đây hay phiêu bạt nghìn trùng mây nước, bây giờ mỗi khi thấy năm hết tết đến có còn nhớ những đêm mùa xuân lành lạnh, chúng ta đóng cửa lại uống rượu, đánh bài rồi đến lúc tàn canh thì cùng xúm lại quanh bàn ăn chè lam, uống trà mạn sen?

Tội nghiệp cho người vợ bé nhỏ đầu tắt mặt tối, miến sao làm cho bạn chồng và chồng được vui vẻ là mẫn nguyệt! Trà mạn sen phải do chính tay mình mua sen, tẩy lá, lấy “gạo” rồi ướp lấy, sấy lấy; còn chè lam cũng phải do mình đai đậu, quấy lấy và chính mình xem lúc nào nên bỏ đường, cho gừng, bắc ra và đun vào đĩa, cho vào trong “lòng bàn”. Ăn cái chè lam, nó không mềm quá, mà cũng không rắn quá. Đến lúc tôi lớn lên, không còn mấy nhà làm chè lam nữa.

Bây giờ, nhớ đến cái loại chè lam này, thỉnh thoảng tôi lại thấy hiện ra trên màn bạc của trí óc những buổi chiều ở căn nhà cổ kính đầu Hàng Gai, u già tắm rửa và thay quần áo cho tôi xong rồi, tôi lại “lẩn” ra đầu Hàng Trống, ngay ở dưới cây đèn, trông sang nhà Đỗ Bá Ty, vẽ tranh bạch hổ, để ăn óc luộc hay mua ô mai, trám, khế, để ăn. Một bà già đội một cái mít con cù vào khoảng sáu bảy giờ chiều thì ngồi lại đó bán quà cho trẻ con. Trong các quà đó, tôi nghiện nhất chè lam – nhưng cái chè lam này không phải là chè lam đơn đĩa mà là chè lam đóng thành bánh mỏng, dài bằng bàn tay, hình cái lưỡi, hai đầu tròn, ngoài có rắc một lớp bột mỏng như kiếu kẹo vừng, kẹo bột.

Tháng tư, đong đậu nấu chè

Nói đến chè Bắc Việt, người xa quê tự nhiên thèm lại mấy thứ chè bây giờ không còn nữa, nhớ luôn cả chè hoa cau, chè củ từ, nhớ chè đường vẩy mây giọt dầu chuối hăng hăng, nhớ thạch chan nước đường có ướp hoa bưởi từ đêm hôm trước...

Thực ra, có hôm nào rầu rầu trong bụng, sầu sầu con tim, mình nhẫn nha nấu lấy một cái thứ chè ao ước để mình thưởng thức với mình, cũng cứ được đi; nhưng nghĩ vậy mà thôi, chứ cũng chẳng bao giờ làm cả. Là vì có nấu lên ăn cũng không ngon lành gì mà lại rầu thêm, vì đâu còn cái hưng vị chung tình, bùi ân ngọt ái của người vợ vui cái vui của chồng, buồn cái buồn của chồng, mà lại khéo đón ý chồng nấu đôi chén chè để hai vợ chồng cùng thưởng thức trong bầu không khí lắng đọng của ban đêm có tiếng ve kêu lẫn với lời oan trách của con tát xuất.

Tháng Năm

Nhớ nhót, mận, rượu nếp và lá móng

Cảm giác của anh ra thế nào? Tôi không biết. Nhưng tôi biết là đối với nhiều người, bốn câu thơ ấy hay ác, mê không chịu nổi.

Đả tử hoàng oanh nhi,

Mạc giao chi thượng đế.

Đè thời kinh thiếp mộng,

Bát đắc đáo Liên Tê.

Mê nhất là có người không biết chữ nho, nghe thấy ngâm lên bốn câu đó, không hiểu nghĩa ra sao mà cứ thấy là hay. Nói gì đến dịch ra tiếng Việt, giữ được nguyên ý của thơ là du dương, tiết tấu thì khỏi cần phải nói, cũng thừa biết là người nghe thơ cảm xúc biết chừng nào, tiêu sái biết chừng nào:

Đánh cho chết cái hoàng oanh,

Ai cho mi hót trên cành cây cao.

Hót thời tan giấc chiêm bao.

Chẳng cho hồn thiếp được vào Liêu Tây.

Tôi cũng mê bốn câu thơ trên hàng nặng, nhưng vì quá thành ra mắc bệnh hay phân tích, nên có lúc tôi đã mạo muội chê cái bà chinh phụ ở trong thi hi khó tính: mộng gì mà chẳng có lúc tàn; chỉ vì đương nằm mơ thấy chồng ở Liêu Tây, nghe thấy tiếng chim kêu, tỉnh mộng, mà sao thị nữ đánh đuổi cái hoàng oanh đi, thì cũng tội nghiệp cho chim quá.

Riêng tôi, chưa bao giờ tôi lại ghét chim như vậy; trái lại, nếu bây giờ còn nhớ lại cảm tính gì

sâu đậm nhất đối với chim, ấy là tôi nhớ đến lúc còn nhỏ, vào những ngày tháng năm, chim khuyên, chim sẻ, chim sâu đã đánh thức tôi dậy vào lúc tinh mơ sáng.

Tinh mơ sáng tháng năm, trời trong vắt như lọc qua một tấm vải màu xanh. Đó là lúc trời mát mẻ nhất trong một ngày, giấc ngủ của người lành mạnh tương đối vào lúc này ngon nhất, nhưng không bao giờ tôi dậy muộn là vì chính vào lúc đó thì các con chim bé nhỏ ríu ran tập hót ở trên các ngọn cây chung quanh nhà. Bao giờ cũng vậy, nghe tiếng chim hót như thế tôi cũng thức dậy, nhưng không mở mắt vội, cứ nằm mà nghe khúc nhạc của chim và tôi ưa nằm đoán một mình xem tiếng nào là tiếng chim sâu, tiếng chim khuyên, tiếng nào là tiếng chào mào, tiếng chích choè, và tiếng nào nữa là tiếng chim vu, bạc má...

Không khí thanh bình lúc ấy hiện lên từ trong ngọn gió, từ tiếng động ở trong nhà, từ cái xéng của người phu xúc đất dắt vào trong đường rầy xe điện cho đến cái tiếng chổi chà cán dài ngòng của người quét đường làm việc một cách thong dong, nhàn nhã.

Chắc hẳn cũng có nhiều người vất vả, nhưng không hiểu tại sao dưới mắt tôi lúc đó, đời sống của người ta có vẻ nhẹ nhàng, bình dị, không bôn ba lo nghĩ quá đến đồng tiền như bây giờ để đáp ứng những đòi hỏi mỗi ngày mỗi nhiều hơn Bây giờ, thấy người ta giữa buổi trưa nắng nẩy dom dom mắt mà vẫn cứ chạy bù đầu ở ngoài đường để buôn bán làm ăn kiếm đồng tiền mua cái máy giặt, cái tivi, cái máy thu băng... tôi ưa nhớ lại những buổi trưa tháng năm trước ở Bắc Việt, cũng oi, cũng nóng, cũng mồ hôi kê nhẽnh hại, nhưng hầu hết người nào lúc đó cũng tự cho phép mình nghỉ xả hơi, kiếm một chỗ nào có gió mát để chợp mắt đi một chút.

Đường phố vẫn hẵn người đi lại. Nằm ở trong nhà nhìn ra bên ngoài thấy cái cảnh đêm của phố phuờng tự nhiên mình cảm giác thấy cái nắng cũng có vẻ êm đềm, tiếng giun tiếng dế nghe cũng có một cái gì thú vị, mà ngay đến sự uể oi của người ta cũng là thứ uể oi phong lưu chứ không phải vì quá lao tâm khổ trí mà thành ra kiệt sức. Hầu hết mọi người, ngoài thì giờ bôn ba tranh đấu sự sống còn ra, vẫn có một chút thì giờ để pha một ấm trà ngon nhắm nhót, cao hứng ngâm một vài câu thơ để mình lại nghe với mình, xong rồi tìm những đường phố mát thủng thỉnh đi chơi, xem cây thế, ngắm gió lan và nếu cao hứng hơn chút nữa thì đi tìm hàng mǎn thắn gia dụng đậu ở đền Vũ Thạch ăn một tô hay rẽ xuống chợ Hôm tìm hàng bánh cuốn ngon nhất thường thức vài miếng rồi tráng miệng một chén chè hạt sen long nhãn.

Ấy, cứ ăn bấy như thế lại ngon, chớ thật ra thì vào cái tháng này nghĩ đến cm đã ngán. Người vợ hiền biết ý chồng cứ phải nghĩ cách để thay đổi món luôn luôn cho cồng “dễ nuốt”: nay canh riêu cua, mai giờ sống nấu với canh cải ngọt, mốt rau ngót nấu với trứng cáy ăn với cà... nhưng ta cứ phải thành thực nhận rằng ở Hà Nội, vào những buổi chiều tháng năm “đứng gió”

người sang kẻ hèn đều có thể tự tạo một cái thú vô cùng thanh lịch mà ít đồng tiền: áy là ăn bánh tôm ở trên hai bờ cỏ đường Cổ Ngư.

Cô Năm đã ra thăm ngoài Bắc lần nào chưa nhỉ? Thủ tướng tượng mà coi: một bên là Hồ Tây, một bên là hồ Trúc Bạch, giữa là con đường Cổ Ngư thăng vút lên Nghi Tàm, hai bên viền cỏ xanh mướt và san sát cây cao bóng cả Cứ vào khong năm sáu giờ chiều, nắng bắt đầu nhạt thì người ta dọn bàn ghế ra hai bên lề cỏ ấy bán cho những người đi hứng gió các thứ giải khát địa phương. Ngồi uống đỡ mệt rồi, mà thấy lòng phơi phới vì có gió mát từ hai cái hồ đẹp dâng lên, anh có thể bo khẽ chủ nhân đưa lên cho anh một đĩa bánh ăn chơi.

Bánh đây là bánh tôm – nhưng kỳ lạ lắm cô Năm à: nói cô đừng buồn, chớ thực quả là tôi thấy cái bánh tôm chiên bán ở tiệm, ở quán, ở chợ trong mười một quận đô thành nó vẫn thế nào, chớ không như cái bánh tôm ở đường Cổ Ngư Hà Nội. Cái bánh tôm chính công ở Hà Nội không có khoai lang tẩm bột đánh với trứng vịt rắc lên trên, mà là thứ bánh chỉ hoàn toàn có bột và tôm thôi, ăn vào không ngán mà lại thm, chấm với xì dầu, giấm ót, ngon không chịu được. Anh muốn ăn chiên già hay chiên non, tuỳ ý; nhưng chiên già hay chiên non cũng vậy, ăn cái bánh ấy, tôi đồ người nào lại không da diết nhớ lại lúc còn đi học, kẹp cái cặp vào hai đùi, đứng ăn hai ba xu bánh tôm như thế và húp xì dầu giấm bao nhiêu cũng chưa thấy “đã”. Cái bánh tôm ấy, ăn không cần kèm các thứ rau, đã ngon rồi. Bánh tôm ở trên đường Cổ Ngư chính là thứ bánh ăn theo kiểu đó - mà chưa biết chừng lại thú hơn vì nhiều lẽ khác: vừa ăn bánh mình lại vừa được trời quạt cho khỏi nóng; thêm vào đó, sóng nước lại rì rào đậm vào bờ như hát ru bao nhiêu cái nõn bà của biết bao nhiêu người. Ối, vào những buổi chiều như thế thì nam thanh nữ tú thiếu gì chẳng sợ anh nhìn không xuể. Mà thương nhất là mắt cô nào cũng như mơ, nhìn anh mà anh biết ngay là thương yêu anh thực sự, y như thế mẹ thương con, em gái thương anh trai vậy.

Càng về tối, sóng càng tràn mạnh hơn vào vệ cỏ. Bây giờ, anh không còn thấy sóng rì rào nữa, nhưng có vẻ như thủ thi ân tình. Vừa lúc đó, người hầu bàn bưng một đĩa trái cây tráng miệng lên. Bà ấy cầm một quê bồ câu đưa lên miệng thì chính là lúc ông cũng vừa ngồi sát lại với bà ấy hơn chút nữa và bắt đầu kể chuyện ngày xưa:

“Ngày xưa - mình cũng chẳng nhớ là vào triều đại nào - có một ông vua nước ta đem quân sang đánh nước Chiêm Thành. Anh không nói giỡn đâu: nước mình ngày xưa hùng lẫm, phần nhiều các nước hùng đều coi nước nhỏ là tiểu yểu không ra gì. Nhưng nước nhỏ còn khuya mới chịu đầu hàng. Quân ta bị Chiêm Thành chống lại, gặp nhiều trận thất bại bát đơ. Có một lần chính nhà vua bị vây ở trong rừng núi và tưởng chừng phen này có thể cùng nhau rãnh chết đói,

nhưng may làm sao giữa lúc khô lên khô xuống như thế thì chim rùng ở đâu bỗng tha đến cho một loại tráo cây nhỏ xíu, lớn hơn quả găng một chút, nhưng đẹp một màu huyết dụ mà ăn vào thì lại ngọt, có hột nhỏ như vật vừng. Trái ấy nuôi tạm quân ta một hai ngày để cho ta kịp thời sửa sai, mở một đường máu ra để thoát.

“Trái ấy là trái bồ quân em đương nhầm nháp đó, em! Có nơi gọi là bồ quân, có nơi kêu là hồng quân, nhưng chính tên nó là phù quân, vì nhà vua nhớ lúc bị vây, có loài chim đem loại trái cây này để cứu, nên gọi như thế để kỷ niệm một thứ quả đã cứu vua chúa và quân quan thoát nạn”.

Điểm đặc biệt nhất của bồ quân là không ăn từng vốc hay từng chùm, mà ăn từng trái, như trái xori; nhưng xori bán từng lon, chớ bồ quân thì xâu vào một cái que, mỗi que chừng dăm sáu trái, khi nào ăn thì tách ra từng quả để cho mình vừa suy nghĩ vừa ăn.

Nói không phải nịnh, chớ miền Nam nước Việt nhiều trái cây không chõ nói, mà trong đó có nhiều thứ ở Bắc không thể lấy giống đem ra trồng. Muốn trồng thế nào, xoài trong này đem ra ngoài ấy cũng thành ra muỗm còn sabôchiê, vú sữa, sầu riêng, cốc, ô mai, măng cụt... cho đến lúc đất nước chia đôi, tôi vẫn chưa thấy ai gây được giống... ít lâu nay, ta đã thấy có trái sầu bán kí lô cho túi nilông để các bà nội trợ mua về nấu canh; ta cũng thấy quất, hồng Lạng, cam sành... nhưng riêng tôi cm thấy như từ một thế kỷ nay không được trông thấy trái phù quân xâu vào que là một, qu nhót là hai, qu cậy là ba, quả vải là bốn, quả hồng bì là năm...

Thật ra lúc nào thức đêm nhiều xót ruột, chán cảm nhầm nhót trái cây của miền Nam nước Việt thân yêu, tôi vẫn nhớ đến năm người bạn lâu ngày không gặp đó, nhưng sang đến tháng năm tôi phải nói thực là có lúc nhớ quả nhót đến thèm... rõ dãi!

Ấy là vì tháng năm là mùa nhót, nhưng làm cho tôi nhớ nhót nhiều chính là tại vì nhà nào ở Bắc, vào ngày tết Đoan ngọ, mồng năm tháng năm, cũng giết sâu bọ bằng rượu nếp, mện, nhót và bỗng bộp. ờ, mà nghĩ cũng thật tình thật. Sống vào cái thời đại mới này, mỗi khi muốn phát động một chiến dịch gì, gây một phong trào gì, kỷ niệm một ngày lịch sử gì ta vẫn thấy dán khẩu hiệu àm àm, bắc loa đi cổ động nhân dân sa sả thế mà có nhiều lúc nhân dân cũng lười biếng chẳng theo; vậy mà sao cứ đến mấy ngày lễ vớ vẩn ở đâu, chẳng cần cổ động, chẳng căng biểu ngữ, chẳng hô khẩu hiệu mẹ gì mà dân vẫn cứ tự động theo rầm rắp? Cứ lấy cái ví dụ người mình, nghìn nhà như một vạn nhà như một, tự động ăn tết Đoan ngọ thì đủ biết.

Ở thành thị vào cái tháng này, người ta lo làm ăn. Mỗi phố tổ chức lễ vào hè riêng biệt đã phờ râu ra rồi. Còn ở nhà quê, càng bận, vì tháng năm là tháng làm mùa:

Tháng tư đi tậu trâu bò,

Để cho ta lại làm mùa tháng năm.

Sớm ngày đêm lúa ra ngâm,

Bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra.

Gánh đi, ta ném ruộng ra,

Đến khi lên mạ thì ta nhổ về,

Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,

Cây xong rồi mới trở về nghỉ ngơi.

Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,

Nước ruộng voi mười, còn độ một hai.

Áy thế mà tôi đố ai thuyết phục nổi nhà quê cũng như thành thị đến ngày mùng năm cứ cắm đầu làm việc, không ăn tép Đoan ngọ đây. Không bao giờ, không bao giờ.

Đến cái lớp tôi lớn lên, bị ảnh hưởng của văn minh Âu Mỹ cứ kể đã là sâu cay lấm, tôi cứ phải thú thực là không có một năm nào tôi bỏ được cái tục giết sâu bọ - mặc dầu tôi đã làm cách mạng bản thân, không nhuộm móng tay móng chân bằng lá móng như hồi còn bé tí.

Vào những ngày bé tí ti đó, bố mẹ tôi cho người đi mua lá móng về cho vào cối giã từ ngày mùng bốn để đến tối thì phát cho mỗi đứa con một chút. Anh em chúng tôi đem cái thứ lá giã nhỏ đó đắp vào mười đầu ngón chân, mười đầu ngón tay rồi lấy những miếng vải nhỏ quấn lại một đêm để sáng tinh mơ hôm sau thức dậy mở ra ngắm nghía và hành diện vì móng tay móng chân mình đỏ chói màu gạch cua bể luộc.

Bên cạnh cuộc cách mạng nhuộm móng chân móng tay, tôi lại bỏ luôn cái lệ mua “bùa tua bùa tú” để đeo vào nút áo hẫu tránh tà ma quỷ quái; nhưng trước sau, dù các ông nhà báo đả kích thế nào cũng mặc, cứ đúng sáng sớm mùng năm tháng năm là tôi phải giết sâu bọ bằng cháo trắng, rượu nếp và các thứ trái cây mà vợ đã đi chợ Mơ, Ô Cầu Dền mua cả đống về từ hôm

trước.

Nhớ đến như thế thì làm sao mà quên được là có nhiều lần hai vợ chồng cặm cụi đồ xôi cả ngày rắc men, rồi ủ, rồi đâm thức dậy dở ra xem đã có nước chảy xuống thau chưa và bàn bạc có nên rút bớt lại không hay cứ để nguyên thế cho tới sáng... Nay em ạ, cái rượu nếp này ăn thì ngon thật, nhưng làm công phu quá.

Hay là từ giờ ta cứ mua béng về ăn, tội gì mà vất vả cái thân thế này, mệt quá.

Vợ không chịu, nhưng rồi cũng chiều chồng. Thực tế, cứ sáng mùng năm tháng năm, các đường phố Hà Nội ngày xưa đâu cũng sang sảng tiếng rao rượu nếp. Kêu một hàng vào mua, cả nhà ăn, chỉ mất hơn hào chì là cùng, nhưng có phần thú hơn của nhà làm, không những vì các bà bán hàng này là những chuyên viên làm rượu nếp, mà còn vì lẽ nữa là từ cái chén đến đôi đũa của họ cũng hợp lệ bộ hơn.

Mấy năm gần đây, ở miền Nam, người Bắc di cư cũng làm rượu nếp bán rong, đựng rượu nếp vào những cái bát như bát ăn cm và dùng muỗn để xúc lên ăn như ăn chè đậu xanh, đậu đỏ.

Ăn rượu nếp ra ăn, đâu có tàn nhân thế! Cái chén đựng rượu nếp phải là những cái chén nhỏ như chén chè, còn đũa dùng thì là một thứ đũa riêng vót bằng tre cật, ngắn bằng hai ngón tay, tròn trịa, nhẵn nhụi mà lớn chỉ hơn cái tăm bông một chút. Tôi van cô bạn đứng có lấy đôi đũa xinh xinh đó để và lùa một mạch vào trong miệng tươi hơn hớn, mà tôi xin cô khẽ cầm đũa xới từng hạt rượu nếp lên, để lên đũa rồi thong thả nhâm nhót từng miếng nho nhỏ, be bé và cô sẽ thấy cái rượu ấy nó ngọt biết chừng nào, cái nếp ấy nó ngọt, nó thm, nó bùi, nó bồm biết chừng nào!

Ở miền Nam, tôi đã thử căn cơm rượu, ăn không và có khi ăn lẫn cả với xôi. Bảo rằng cơm rượu này không ngon, không đúng; mà bảo ngon, lại cũng không đúng nữa. Có lẽ tôi chê vì thành kiến, nhưng tôi cứ phải nói thực là cái thức cơm rượu viên từng cục nổi lèn bèn trong rượu không gây cho tôi một cảm xúc gì đặc biệt và có nhiều lần tôi đã có tìm hiểu xem tại sao tôi lại không thích cơm rượu bằng rượu nếp.

Có lẽ yếu tố đầu tiên là việc trình bày, sau đó là vấn đề nè nếp dùng để đồ xôi làm rượu. Nếu tôi có lầm xin cô Năm, cô Sáu, cô Bảy cô Tám, cô Chín, cô Mười cứ chỉ dạy cho tôi: rượu nếp Bắc làm bằng gạo lứt, loại nếp cái chưa giã, còn cm rượu thì làm bằng nếp trắng, riêng hai cái nếp đã khác nhau rồi và cái ngon, cái bùi của hai thứ đó có nhiên là đã khác biệt hẳn nhau. Kẻ phàm phu này ăn cơm rượu cảm thấy hơi sườn sượng và không mấy đậm. Chứ cái rượu nếp chính cống Bắc Việt thì là một cái gì khác hẳn: nó mềm, nó ngọt, nó lại bùi. Ngọt, bùi và ngọt là vì nếp lứt cái nó đã no đủ chất bổ rồi, một hạt nếp ấy để lên trông chẳng khác một con

rệp ăn no bụng sệ: còn cái hạt nếp trắng thì nó dài, chỉ lớn hn hạt gạo tẻ một chút, trông yếu lấm. Còn mềm? Theo tôi, đó là vì làm rượu nếp đòi hỏi nhiều công phu hơn làm cơm rượu. Làm cơm rượu, người ta ngâm nếp rồi đồ lên như đồ xôi là đủ. Rượu nếp không thể người nội trợ sành sỏi không ngâm gạo, nhưng đồ lên như đồ xôi một lần, dỡ ra nia, xả nước lại đồ lên lần nữa, rồi mới dỡ ra nia, “sềnh” ra, chờ lúc nào nguội mới cho vào rá, cứ một lần nếp mỏng thì lại rắc một lần men làm bằng thuốc Bắc, rồi lấy lá chuối, lá khoai ngứa hay lá sen ủ lên cả Nước rượu chảy như giọt nước đồng hồ ngày xưa xuống một cái thau đặc sẵn dưới cái rá nếp đồ...

Ai bảo giết sâu bọ như thế là nuôi sâu bọ? Tôi thú thực theo học Tây từ thuở bé, cũng biết ấm ở nói chuyện khoa học như ai, nhưng tôi xin nói với các bạn một điều: nếu giết sâu bọ như thế là phản khoa học, tôi thích phản khoa học cả đời, vì rượu nếp ăn quá ngon, sướng quá, “thần sầu” quá.

Mà không phải tôi chỉ phản khoa học như thế mà thôi đâu: rượu nếp ăn rồi, tôi lại thích ăn liền roi mện – Hỡi ơi, mận Thát Khê to bằng quả đào, cắn một miếng ngập răng mà ngọt, dám chắc không có thứ mận Đà Lạt nào sánh kịp - ăn luôn cả một vốc nhót cho nó đau bụng luôn đi, nhưng năm nào cũng “giết sâu bọ” như thế, tôi chẳng thấy đau bụng bao giờ hết! Chính vì “được trời thương” như thế cho nên ở giữa cái thời buổi mà người ta kêu là “thời buổi hoả tiễn” này, nằm ở cái rốn Sài Gòn mà bài hát ca ngợi là “đẹp quá”, tôi vẫn hủ hoá nhầm ngày tép mừng năm thì cứ “giết sâu bọ” như thường – bất di bất dịch!

Ở đây, tôi giết sâu bọ bằng úytky, macten, rượu Minh Mạng nhắm với củ kiệu, măng càu, khé xanh, cốc tím, xoài ang ca, vú sữa. Vừa giết sâu bọ như thế, vừa nhớ lại lúc còn ở Bắc Việt, có một vài lúc, tôi muốn kêu trời lên một tiếng để xem trời có cách gì cho tôi được ăn một qu nhót, và chỉ một quả thôi, để cho đỡ thèm thường, nhớ tiếc. Nhớ như thế nào, có phi là tiếc nhớ thèm thường riêng quả nhót thôi đâu, mà thèm thường tiếc nhớ cả một thuở thiếu trời xanh mướt mộng thần tiên, đi học về, mua nhót đầy hai túi áo, lấy ra từng quả xoa vào cái tay áo maga cho hết bụi phấn rồi bóp cho mềm, chấm muối ớt, mút sì sà sì sụp.

Đó là nhót chín.

Nhót xanh thì lại nhớ cách khác, nhớ là cứ vào cái khoảng cuối tháng tư, đầu tháng năm, vợ mua nhót xanh về nấu canh ăn sướng quá, sướng không biết thế nào mà nói. Cái trái cây gì góm ghiếc: trông như quả trám màu bạc ó, bóp hơi mềm mà đem nấu canh thì không thể có cái gì ăn ý với thịt thăn hơn: Khé nấu riêu cua, sấu dầm nước mắm ớt chấm với rau muống luộc, nhưng nấu canh thịt ba chỉ hay thăn, để cho dễ nuốt vào mùa hè, không có gì hơn là nhót. ăn như thế

mới là hợp với... lẽ trời, sai đi thì hỏng kiếu.

Giết sâu bọ vào những ngày mồng năm tháng năm mà ăn nhót chính hay nhót xanh đều thú cả. Tôi không biết các nhà khoa học vì lẽ gì bảo giết sâu bọ mà ăn rượu nếp, nhót, mận thì là nuôi sâu bọ, nhưng tôi thì cho rằng nếu ăn như thế mà có bị Tào Tháo đuổi thì bát quá cũng chỉ là một cách xổ thôi: người Việt Nam không có cái thói quen uống thuốc xổ ba tháng một lần như lời ông đốc tờ chỉ bảo, nếu một năm có trót đại xổ một lần cho nhẹ bụng, chắc cũng chẳng chết ai đâu mà sợ.

Có lẽ nhiều người nghĩ như vậy nên vào ngày tết Đoan ngọ họ ăn chí tử; ăn bao nhiêu thứ đó cho là chưa đủ, đến bữa trưa, nhiều nhà lại ăn bún xoá vịt, tố thêm dưa hấu rồi đi tắm với nước đun với lá chanh và vỏ bưởi. Tắm như thế, theo nhiều người, trừ được nhiều thứ bệnh cũng như có nhiều người tin rằng nếu chính giữa trưa mùng năm tháng năm mà trời đổ mưa hứng lấy nước ống máng bôi vào những ngón tay “xước mang rô” thì sẽ hết hàn, không bao giờ trở lại, hay sắc vỏ cây bưởi bong để uống sau khi ăn đủ các thứ “độc” vào bụng rồi thì không còn sợ đau bụng nữa.

Ấy, chính vì tin như thế, cứ mỗi khi tết Đoan ngọ tới thì tôi ăn th cửa, chẳng lo âu gì hết và tôi tiếc rằng ở đây người ta không còn được hưởng những thú lặt vặt như thế nữa. Còn gì chán đời hơn là cứ mỗi khi ăn một thứ gì, uống một chất gì, người ta lại cứ phải tự hỏi xem thức ăn ấy, đồ uống ấy lợi hại ra sao và có đủ chất bổ không.

Bổ càng hay, nhưng thích mà không bổ cũng cứ ăn ăn cho đã. Ở đây, xoài tháng năm nhiều vô kể mà thơm, mà ngọt cứ lùi đi, chẳng lẽ vì thầy thuốc bảo là nóng mà phải chịu buộc mòn buộc miệng hay sao? Mà tính tôi lại thích hồng bì, nói dại đó đi, bây giờ có ai ở Bắc Việt vào cho một mó, vỏ cứ bóng như da đồng, ăn mới đến môi đã trôi đến cổ, mà bảo tôi đừng nên dụng tới vì sợ kiết ly hay phi chánh trị, nghe sao... vô được!

Bắc Việt mèn thương ơi! Nhớ Bắc Việt ngày trước quá, nhớ sao nhớ quá thế này! Mà càng nhớ lại càng yêu, vì Bắc Việt ngày trước tự việc nhỏ đến việc to, từ khía cạnh ngày sang phung diện khác, lúc nào cũng giữ nguyên được đặc tính của mình, không bị chi phối, không bị ai cho được vào trận hoả mù để rồi từ đó bỏ đặc thái của mình đi tìm cái mới lại chưa chắc đã là bổ ích, chưa chắc đã hợp với dân tộc Việt.

Đừng ai thấy thế mà bảo rằng mình không tìm tòi, học hỏi thêm. Không. Mình muốn luôn, nhưng bảo mình bỏ tết Đoan ngọ vì nó hủ lâu không hợp thời, nhất định mình không chịu. Có khi chính vì thế mà mình lại yêu tháng năm hơn nữa cũng nên bởi vì tháng năm có tết Đoan ngọ... mà nhớ đến bao nhiêu phong tục của nước ta đã tạo nên một nền văn hóa oai hùng mà

bao nhiêu ngoại nhân muốn cắt ngọn đèn tỏ ra bất lực.

Trời tháng năm nóng quá, đêm mòi bắt đầu có ngọn gió phe phẩy đuôi cái nóng đi. Hai vợ chồng kê cái giường tre ra nầm ở dưới gốc bưởi trước nhà, nhắc lại cái bữa bún xoá vị buổi trưa không được hoàn toàn xứng ý vì măng ninh chưa nhù. Mặc dù có giờ mát rồi, chồng vẫn quen tay quạt cho vợ và nói nhỏ:

- Làm thế đã ngon chán rồi, đừng nghĩ nữa. Ngủ đi. Em không biết đêm tháng năm chưa nầm đã sáng đấy ư?

Chập chờn nửa tỉnh nửa say, vợ đáp lại chồng, nhưng nói như thế là nói cho chính lòng mình nghe vậy.

-... Chưa nầm đã sáng thực, những đêm ngắn lại càng hay, chớ có làm sao đâu. Em yêu đời quá, mình ơi, ngủ nhiều thấy phí phạm quang âm quá.

Bên kia bức tường hoa, con đỗ vũ sâu đưa giọng khắc khoải trầm trầm như ru người ngủ vào một thế giới đầy những lầu hoa điện ngọc, thỉnh thoảng lại bay lên ngọt ngào tiếng địch quyện vào bóng lá của những hàng thuỷ dương xanh biếc.

Tháng Sáu

Thèm nhãnh Hưng Yên

Thế thì con đỗ vũ là con quái gì mà lại ru người sắp ngủ vào những giấc mộng vàng son như thế?

Góm ghê cho các bô già, bất cứ vật gì cũng có thể tạo thành sự tích. Con đỗ vũ, còn có tên là đỗ quyên, là tử quy, chỉ là con chim cuốc đen trùi trūi, miệng lớn, đuôi dài, lưng màu tro, bụng màu trắng, cứ hết xuân, sang hạ thì kêu ra rả, nhưng kêu dữ nhất vào tháng sáu bởi vì thiên hạ đồn rằng nó kêu hết mùa hạ thì thổi máu ra mà chết.

Tôi chưa thấy ai quả quyết đã trông thấy con cuốc kêu ra máu, nhưng không biết bao nhiêu văn sĩ, thi nhân dựa vào truyền thuyết đó đã viết nên những lời thông thiết và nhất định nó kêu ra máu vì thương nước.

Là vì, theo sự tích, con cuốc kiếp trước là vua nước Thục, tục gọi là Đỗ Vũ. Ông vua đốn mạt này thông dâm với vợ bè tôi Biết Linh, nên trao ngôi báu cho anh chàng này. Về sau, Biết Linh làm ngặt, không phát lương thực cho Đỗ Vũ. Buồn bã, Đỗ Vũ bỏ xứ mà đi.

Sau, thác đi, hoá thành chim đỗ vũ. Người ta bảo rằng Đỗ Vũ tiếc nước nên ngày đêm mới kêu lên những tiếng thảm thiết bi thương như vậy.

Lại có người bảo rằng chim cuốc là hoá thân của vua Chàm. Ngày xưa, nước Chàm nằm ở phía Nam xứ Giao Chỉ. Dưới thời vua La Hoa, Chàm đem quân đánh Giao Chỉ. Thấy thế của mình yếu mà đối phương thì mạnh một gián quan Chàm tên là Quốc hết lời can vua nhưng vua Chàm không nghe. Biết rằng cuộc viễn chinh này thế nào cũng đem lại thất bại cho xứ Chàm viên gián quan Quốc xin đi theo phò vua để được chết theo vua, hầu tớ được tấm lòng trung quân báo quốc.

Cuộc chiến giữa hai nước Chiêm Thành và Giao Chỉ diễn ra ở đèo Ngang. La Hoa chết vì trúng một mũi tên. Viên gián quan Quốc xông ra trận, định cướp lấy xác nhà vua, nhưng cũng bị chết luôn. Hồn của Quốc không tiêu tan được, hoá ra làm con chim cuốc. Ngày đêm, chim ấy kêu lên những tiếng bi thương của một vị trung thần khác quốc vương tử trận: “Cuốc, cuốc! La Hoa?” Cuốc, cuốc đây, còn La Hoa bấy giờ ở đâu?

Ây chỉ có thể thôi, nhưng con cuốc đã thành ra một đề tài bất tận trong văn học sử.

Nhớ thương đau lòng con cuốc cuốc,

Thương nhà mỏi miệng cái già già.

Bà huyện Thanh Quan đi qua đèo Ngang lúc chiều tà đã cm hái nên những vần thơ bất hủ. Sau đó, cụ Trần Danh án, một di thần nhà Lê, cụ Nguyễn Công Trứ, cụ Tam nguyên Yên Đổ, cụ Nguyễn Thượng Hiền, cụ Huỳnh Thúc Kháng... mỗi khi nhớ thương đất nước đều nhắc đến con chim cuốc; nhưng đặc biệt nhất, theo tôi, là bài “Tàm phụ ngâm” của Tạ Phung Đắc, tả người con gái nhà nghèo hái dâu nuôi tằm, nhờ tiếng cuốc kêu khắc khoi mà không ngủ, thức thâu đêm suốt sáng để chăm lo việc tằm tang. Trong khi ấy, có người con gái đẹp trên lầu cao cũng thức thâu đêm suốt sáng nhưng là để đàn địch múa hát với người yêu.

Tử quy để triệt tú canh thì,

Khởi thị tằm trù phạ diệp hy.

Bất tín lâu đầu dương liễu nguyệt,

Ngọc nhân ca vũ vị tầng quy.

Canh tư tiếng cuốc kêu vang

Dậy xem tằm nở lòng càng lo âu;

Tằm nhiều sợ thiếu lá dâu,

Thoáng nghe địch ngọc rộn lầu bên kia

Hàng dương xé bóng trăng khuya,

Say mê múa hát này chưa chịu về.

Tôi không biết những người khác nghe tiếng cuốc thì cảm nghĩ thế nào; riêng tôi, lại thấy tiếng con chim nước trầm trồ, buồn buồn nghe mới đau khổ chịu nhưng quen tai rồi thì lại hay hay, mà đến khi nghe đều đều thì như thể là tiếng ru mình ngủ vậy.

Thường thường, trong những lúc chập chùng sấp ngủ như thế, tôi hay mơ thấy hiện ra những cung vàng điện ngọc của một thời xa xưa lầm lầm rồi, có những người con gái nghèo nghe tiếng cuôc kêu mà buồn cái cảnh hưng vong suy thịnh của kiếp người sung sướng, trâm cài ngọc giắt, ngồi trên lầu cao múa hát sáng đêm đến nỗi mê quá không còn muốn ra về nữa...

Sung sướng như thế thì cuôc kêu ra máu có làm gì. Kêu ra rả thì cuôc chết, có ai thưng, mà cuộc đời thì cứ thản nhiên trôi đi như một dòng sông chảy đều đều, hết trong lại đục, hết vui lại buồn. Sóng rất khó mà chết thì tương đối dễ hơn nhưng ít có ai muốn chết.

Có đêm đi lang thang trên vỉa hè thành phố Sài Gòn, nhìn lên cao thấy những cái lầu khuya sáng chói đèn màu, tôi có lúc đã tự hỏi không biết con cuôc ở miền Nam có giống con cuôc ở miền Bắc hay không, mà nếu nó kêu thì hay kêu vào tháng mấy, kêu “cuôc cuôc” hay kêu ôm ôm như chim “thắng bè” chim “già sói”, kêu thanh thanh như “nhạn sen”, “óc cao” hay kêu ríu rít, líu lo như chim “chàng nghịch”, chim “võ vẽ”?

Nỗi tiếng về người đẹp, về trái cây, miền Nam nước Việt còn nỗi tiếng về chim cá Hậu Giang lạ không biết thế nào mà nói, nhiều không biết thế nào mà kể, nhưng tôi cầu xin cho ở đây không nên có giống chim cuôc gì, bởi vì tiếng nó kêu thảm quá, nhỡ lọt vào tai của những người tiền rừng bạc bẽ, phong nhã hào hoa, có thể làm cho u ám phần nào sự vui sướng thần tiên, cao quý. Bắc Việt, so với Nam Việt, là một xứ nghèo, nghe những tiếng kêu thảm thiết nó quen đi, không có làm sao hết...

Nhưng hối ai ở đất lạ đã có lần đặt chân đến Bắc Việt, có thể cho tôi biết tại sao Bắc Việt nghèo như thế, buồn như thế và chịu đựng đau khổ nhiều như thế, mà người xa tử vẫn thương vẫn nhớ, vẫn yêu, vẫn quí?

Cái thương cái nhớ, cái yêu, cái quý đó, người Bắc Việt nào, “cũ” cũng như “mới”, giàu cũng như nghèo, sang cũng như hèn, đều cảm thấy và đều rầu rĩ, nhưng ít có nói ra. Vì thế những cảm nghĩ ấy ngày hai nó lần cả vào trong tiềm thức để rồi có những đêm xanh như tóc những cô gái tuyêt trinh, người xa nhà mong thấy mình phiêu diêu đi về những đường cũ lỗi xưa trò chuyện với những người thương yêu đã mấy thế kỷ nay vắng mặt.

Những đêm mộng về Hà Nội như thế, thức giấc nửa đêm muôn ngủ lại không tài nào ngủ được. Ở trên cái gác nhỏ, nhìn xuống con đường giới nghiêm, thỉnh thoảng có một chiếc xe quân cảnh bay vút như hỏa tiễn, người xa quê cm thấy như có cái gì bốc cháy ở trong người. Y nhìn bốn phungười trời và tự bảo: “Nếu bây giờ trời mưa cho một trận thật to, may ra mình ngủ được”.

Nhưng cái mưa ở miền Nam, lạ lắm. Chính vào lúc mình cầu mưa như thế thì chọc thủng trời

ra cũng chẳng mưa; nhưng lại cũng vào lúc mình không ngờ và không mong nhất thì mưa, nhiều khi không kèn không trống, trút xuống àm àm làm cho người đi đường không kịp tìm chỗ ẩn, khiến người ở trong nhà thấy người đi đường ướt lướt thướt, quần áo dán cả vào mình, cảm thấy ái ngại và tội nghiệp.

Áy, cũng vào tháng sáu này đây ở Hà Nội cũng hay có mưa rào, nhưng mưa rào ở Bắc đâu có thể: trước hết, mưa Bắc thường thường không lớn bằng mưa ở trong Nam, nhưng mưa Bắc lai rai hơn có khi mưa suốt ngày suốt đêm không nghỉ, khác hẳn cái mưa rào trong Nam thoát một cái mưa, đánh đúng một cái tạnh, rồi nắng liền. Y như thế một anh "thọc lét không cười" liền khi mà mặt thì cứ phuot ra không nhéch mép... Lắm lúc thấy cái mưa như thế, tức giận không đẻ đâu cho hết, nhưng có lúc thấy mưa cũng thương nhưng thật yêu mưa, phải nói rằng quả là tôi yêu những trận mưa rào đất Bắc nó có đầu có đuôi, có xuôi có ngược, nhất là không bao giờ vừa mưa xong lại nắng liền, mà bao giờ cũng có một thời kỳ quá độ, tạnh mưa thì mát mẻ hắt hiu, thơ mộng...

Vợ chồng ăn ở với nhau, như thế là bàn tay mở rộng, còn có gì mà giấu được nhau? Bữa cơm hôm ấy, vợ làm thêm một món nữa để chồng nhâm với rượu ngâm bát vị hạ thổ bách nhật và chính vợ rót ra mời chồng uống rồi tự mình cũng cầm lấy cái ly uống một chút cho lưu thông huyết mạch. Trời mấy hôm nay oi quá, mưa được một trận thế này, cho cửa cũng không bằng. Chồng lại mời vợ uống thêm chút nữa và thấy mắt vợ tự nhiên sáng hơn mọi ngày mà đôi má hình như hồng hơn và mịn hơn Không khí mát mẻ thế này, đóng cửa ở trong nhà uống quá.

Đi ra ngoài ngoại ô cho thoáng đãng thêm, anh nghe thấy rõ ràng không khí thơm nức mùi hoa chanh như ở trong giấc mộng: đường sá sạch như lau; lá cây non cỏ xanh ngăn ngắt vì vừa được trời tắm rửa, không còn trăng bụi như ban trưa nữa. Bước trên những con đường xảo xạo đá dăm cát trắng, mà nhìn vào những căn nhà nhỏ bắt đầu lên đèn ở giữa những mảnh vườn mát mẻ, có bóng đàn bà ẩn hiện, tự nhiên anh cảm thấy đời thơm tho ý vị mà tim anh, quái lạ, sao lại rung rinh lên nhẹ nhẹ như đôi cánh bướm!

Chẳng hiểu có phải vì thế mà mình mát mẻ dễ chịu thực hay là tại mùi hoa lá, sau trận mưa, hòa vào không khí làm cho ta say như наркотик men tình? Anh nhớ... hình như đã có một thời kỳ, anh cũng say như thế. à, phải rồi, đó là lúc hai vợ chồng mới gặp nhau, mới yêu nhau, cùng nhau ngồi trên một bãi cỏ ven hông Bảy Mẫu thả chân xuống nước và cùng ngây ngất vì hương gió ngát mùi sen thơm dội về ban đêm.

Đêm hôm ấy, người vợ nằm rái suối tóc xanh ở trên giường nệm trắng, cảm thấy cái hương gió ngày xưa ở đâu lại trở về vuốt ve da thịt mình.

Anh ơi, mở cửa sổ ra cho trăng chiếu vào thật nhiều vào giường của đôi đứa chúng mình và anh để tay thế này, anh nhé, vì em thích nghe tiếng đồng hồ đeo tay của anh kêu tí tách bên tai như những trái tim bé nhỏ. Và người chồng tự nhiên lại thấy từ trong tóc da của người bạn chiếu chấn cái mùi sen ngát của một buổi xa xưa trên bãi cỏ ven hồ Bảy Mẫu...

Ngủ đi em. Anh ru em ngủ đi em. Ở đàng Nam, có những đám mây vẫn vụt kia và thỉnh thoảng lại lóe lên những lần chớp sáng, có lẽ còn mưa, em à.

Đương nắng hạn, gặp mưa rào, đã dành là thú thật, nhưng thấy mưa nhiều cũng sợ vì tháng này là tháng ở Bắc có nhiều dông bão, mà nước lại thường dâng to. Đây là mùa người ở tỉnh kêu trời kêu đất vì không mưa, nhưng người nông dân, sống với thiên nhiên hàng ngày xem phong vũ biểu qua những phản ứng động trời của cây cỏ cùng loài vật.

Kiến cánh vỡ tổ bay ra

Bão táp mưa sa gần tới.

Mùa hè đang nắng, cỏ già trăng thì mưa.

Đóng thấp thời bão, đóng cao thời lụt.

và họ lo từng chút một – có khi được mùa này mà lo cho mùa khác:

Được mùa cau, đau mùa nhăn.

Kể ra được mùa nhăn thì ai cũng lo là phải. Mặc dù nông dân ta chưa đúc kết kinh nghiệm về mây mưa, sấm chớp nóng rét, lụt bão thành một bản thông kê có lý giải khoa học, nhưng ai cũng có thể nghiệm thấy rằng những năm được mùa nhăn, những năm ấy là năm nước lớn và bão lụt nhiều. Ai cũng biết như thế, nhưng cầm lấy quả nhăn để ăn, có mấy ai nhớ vậy đâu, chỉ biết ăn nhăn thì sướng không gì bằng, ăn bao nhiêu đi nữa cũng không biết chán.

Ở miền Nam, độ mươi năm trở lại đây, người ta đã có nhăn bán đầy đường, bán từng ký, bán từng mó và cũng bán từng trăm bó lại, trông đẹp mắt vô cùng nhưng riêng tôi ít khi dùng vì ngay lúc mới bắt đầu có nhăn ở đây, tôi thấy nhăn ở đây "tro" quá. Cố ăn để thưởng thức hương vị của thời trân, càng nhớ quả nhăn Bắc Việt, cũng là quả nhăn mà sao khác một trời một vực!

Cô Ba thử tưởng tượng những quả nhăn to gần bằng trái chôm chôm bó lại, chung quanh có lá xanh ôm lấy quả vàng óng như những vòng tay ôm ấp người thương, chỉ nhìn thế thôi cũng đã sướng mắt rồi phải không? Chưa thấm, cô Ba à: lột vỏ ra, đưa lên miệng còn sướng hơn.

Cái cùi nhăn trắng như ngà, mà dày, mà thơm mà lại ngọt như đường phèn, làm cho ta thoạt đâu chỉ muốn giữ nguyên ở lưỡi, vì sợ nuốt vội thì phí quá.

Nhưng nhăn ấy thì ăn thua gì so với nhăn lồng, nhăn tiên, không to sô sô như thế mà ăn vào còn mê ly gấp ngàn lần! Cái giống nhăn này lớn chừng nào thì cùi dày chừng ấy, lột vỏ ra không có nước dính tay, nhưng ăn vào thì nước nhiều, hưng thm ngào ngạt, nhăn mãi mới thấy cái hột có khi chỉ to bằng đầu ngón tay của đứa trẻ con mới đẻ.

Bây giờ, gặp ai ăn nhăn, tôi cảm thấy như vậy vẫn còn thấy rõ ràng những ngày tháng sáu ngày xưa, cứ mỗi khi nhăn sắp chín thì ông Hương Tam lại lên mòi mẹ tôi mua một vài cân. Nhăn mà ăn nhăn Hưng Yên hay nhăn Cót thì quả là... trời sầu đất thơm, qui khốc, thần kinh! Anh có thể ngồi trên bãi cỏ, bảo trẻ trảy nhăn cho anh ăn kỳ thích thì thôi, nhưng biết thế nào là thích? Vì thế, hàng năm những gia đình đủ ăn ở Hà Nội thường đặt mua năm mươi cân nhăn "gia dụng" để ăn dần cho đến hết mùa.

Nhiều người bảo rằng giống nhăn ăn vào nóng lắm. Tôi chưa có dịp nghiên cứu xem lời ấy có đúng không, nhưng có một vài lần tôi đã say nhăn, tèo tựa như say rượu nếp cẩm, uống vào ngọt lùi lùi nhưng say lúc nào không biết, say nhẹ nhẹ, say êm đềm, mà có thể say lơ mơ như thế hai ba ngày. Có người bảo ăn long nhăn cũng có thể say như thế. Long nhăn phần nhiều làm bằng nhăn Lạng Sơn. Đây là đất sản xuất một phần lớn tổng số tiêu thụ trên toàn quốc. Vừa ăn, và ngắm nghĩa miếng long nhăn, người ta thấy cùi nhăn này dày ở phần trên, mà mỏng ở phía dưới, chó không dày toàn diện như những quả nhăn lồng, nhăn điếc mà ta ăn hàng ngày hay bóc ra lồng một hạt sen vào bên trong nấu chè để thưởng thức vào những buổi chiều oi bức.

Tôi yêu đất nước tôi vì mỗi vùng có những con cá lá rau, những hoa thm trái ngọt nổi tiếng, và tôi yêu người nước tôi đã khéo biết đem các thức ăn ngon lành nổi tiếng đó làm thành tục ngữ ca dao, muôn đời nghìn kiếp không sao quên được: cam Xã Đoài, xoài Bình Định, bưởi Đoan Hùng, mít Gio Linh, nhót Thanh Chương, tương Nam Đàm, nhăn Hưng Yên, giò Văn Điển, vịt Bầu Bến, gà trống thiến Lạng Sơn... Dưa La, cà Láng, nem Báng, tung Bàn, nước mắm Vạn Vân, cá rô Đầm Sét...

Cũng vào mùa này đây, ăn mận ai mà không nhớ Mận Khê vừa giòn vừa thơm, ăn ngọt ơi là ngọt, na thì na Láng là ngon nhưng na Phủ Lý cũng là na có tiếng; song lẽ đến bây giờ tôi vẫn chưa biết tại sao dứa ở Bắc Việt ngon lạ ngon lùng như thế mà không thấy có câu tục ngữ nào nói tới? Tôi đồ chừng là tại dứa ở vùng nào cũng có mà ở vùng nào cũng ngon lành như nhau nên thành ra không có gì cần phải ghi nhớ nữa.

Phải không cần ghi, nhưng nhớ thì vẫn nhớ. Cũng như nhăn, dứa ở ngoài ấy cũng khác dứa

trong này: trái nó phần nhiều không lớn như trái thơm nhưng đến cái dứa thì mập thì tuyệt, nhất định thơm ở trong này không bằng. Vợ ngồi bóc dứa cắt từng khoanh, xếp vào đĩa tây trắng bong ra, rắc đường tây, bỏ nước đá vào, đợi ăn cơm xong, thì lấy ra tráng miệng: này, anh thử cầm lấy một miếng soi lên sẽ thấy miếng dứa chắc nịnh nịch, lõi gần như không có. Mà nếu có, ăn cũng không có xơ nhiều, nhưng đặc biệt là chung quanh miếng dứa sao nó vàng thế nhỉ, vàng cứ như mật ong, mà cũng thơm phưng phức như là mật ong!

Cái thứ dứa thường để ăn lăm rát lưỡi nhưng thái từng miếng để xào với lòng vịt thì tuyệt trần. Lòng vịt với dứa hình như có duyên nợ với nhau từ kiếp trước cho nên lòng vịt xào với dứa ăn ý nhau lạ lùng, còn xào với lòng gà, không hiểu tại sao nó có cái gì làm cho thực khách thấy ngang ngang một chút.

Có một ông bạn già nghiêm trang, một hôm giải thích cho tôi về sự kiện đó như sau:

- Có gì lạ đâu, ông? Dứa màu vàng, thuộc về dương, vịt ở dưới nước thuộc về âm. Âm dương hòa hợp với nhau thì nhất định là đúng phép, cũng như núi với sông, bướm với hoa, trai với gái!

Dù sao, ăn như thế cũng chỉ là ăn chơi ăn bời: mùa nực mà ăn đồ xào nhiều, nóng lầm. Người đàn bà săn sóc đến miếng ăn giấc ngủ của chồng, tinh ý, không ưa làm món thịt thường xuyên, mà lại ưa làm món cá buri vì cá vào cữ nước lớn thường tương đối béo. Muốn ăn cá chép phải đợi đến cuối tháng bảy sang tháng tám; cá quả thì tép Trung thu ra ăn mới vừa miệng người sành; còn cá rô Đàm Sét nổi thiêng là ngon thì đợi đến tháng một, tháng chạp ăn mới thật là đáo để.

Nhưng ở vùng Bắc Giang, Hà Đông vào Vân Đình, Hương Tích, Đọi Đệp, chợ Đàm, chợ kẹo, ai đã qua chơi, mấy nơi đó vào cữ cuối tháng sáu, đầu tháng bảy có còn nhú rằng có một thứ cá rô gọi là "cá rô non", ăn cũng ra phết lầm không? Giống này chỉ to hơn ngón tay út, lưng đen, bụng vàng, đánh vẩy bỏ ruột, nấu với rau cải cúc ăn đã sướng nhưng không thấm vào đâu, nếu đem hầm trong nồi đất, theo lối nhà quê.

Tôi không bao giờ quên được những ngày tản cư ở cái làng đồng chiêm giữa chợ Kẹo và chợ Ngãm, không biết làm gì trong những giây phút vô liêu, vợ chồng và con cái mua những cái xa về kéo soi. Đến phiên chợ, đem sợi bán.

Yêu người vợ tẩm mắm không biết chừng nào! Trong những giây phút gian lao như thế, vẫn chẳng nghĩ đến mình, lúc nào cũng chỉ lo chồng buồn, chòn khổ, vì thế bao giờ bán sợi rồi cũng tìm mua cho kỳ được một vài thứ để đem về nấu nướng cho chồng thường thức và thết đãi các bạn hữu ở mạn trên về qua đó hay ở Hưng Yên, Đáp Cầu sang thăm.

Cái món "cá rô non" ăn ngon không chịu được, nhưng có nhiều phần chắc chắn là tôi khó có

dịp được thưởng thức lần thứ hai. Không những vì giống cá này ở đồng chiêm, nơi đây hiếm có, mà còn vì đời sống ở đây vất vả gay gắt quá, người ta không có thể phí phạm thì giờ nịnh khẩu cá của mình hay nuông chiều một ý thích có khi không mặc mỏ gì cho lầm.

Thực vậy, một rổ cá rô non ngày trước bán đắt lầm cũng chỉ đến hai hào. Đem về làm chǎng tôn kém gì, bát quá cũng chỉ thêm một hai xu lá gừng, cọng gừng và một ám nước trà tàu đặc là cùng, nhưng mà hầm một nồi để ăn mất công phu nhiều lầm. Làm vậy, mỗ ruột bỏ đi rồi, xếp vào nồi, cứ một lớp lá gừng và cọng gừng lại là một lớp lá cá, đun rồi lấy nồi đất úp lên trên, lấy tro và trầu trét lại cho nồi thật kín; lúc đó mới bện rơm chung quanh nồi, bỏ ông nồi rau ra và vùi xuống tro có lửa riu riu, phủ kín nồi. Như thế, vài ba tiếng đồng hồ. Đến lúc được, mở ra thì cá rô đỏ đồng đục mà dù nhanh; ăn ngon gấp bội cá mòi đóng hộp.

Nếu không muốn cầu kỳ, cá rô ron nấu với rau cải, bỏ mấy nhát gừng, ăn cũng sướng khẩu cá lạ thường. Nhưng tháng sáu là mùa trám xanh ở Bắc, ăn canh cá, tội gì không điểm trám xanh vào cho nồi vị thơm. Trám xanh khác trám đen: trám đen bỏ đôi ra, chấm với tương Bần, hay nhồi thịt, mộc nhĩ, nấm hương đem hấp; còn trám xanh, nhiều người cho rằng làm theo lối đơn giản, bỏ đôi ra, dầm nước mắm ớt, ăn kèm với canh cá rô rau cải theo kiểu cà của ta hay trái ôliu của Tây, hợp giọng không chịu được.

Vợ chồng yêu thương nhau thì ăn uống cần gì phải cầu kỳ mới ngon. Tôi còn nhớ có một thời kỳ sống độc thân ở một căn gác nhỏ tại Thanh Mộc ấp cứ chiều đến lên đèn, phải sửa soạn đi đến nhà hát ở nhà bà Phủ Thắng. Nói là đi hát cho thanh nhã chứ thực ra thì là vì mê đàm. Đào này lại không ở đêm ở nhà hát, cứ vào khoảng mười hai giờ thì về nhà ở cách đó chừng bốn năm cây số. Tôi không hiểu mảnh lực gì ghê gớm cứ buộc tôi tối não cũng phải đưa cô ta về nhà; tuy nhiên, cái đó cũng chưa lạ bằng có đêm tháng sáu, mưa rào như trút nước, tại sao tôi lại cứ có thể cùng đào đội mưa đi như thế cả tháng mà cứ khỏe khoắn, cứ tươi vui như thường? Nghĩ lại những đêm hai đứa, độ một giờ sáng mới về đến nhà, ướt lướt thướt như chuột lột, phải quần phoi áo xong lấy nồi đất thổi một nồi cơm nóng lên ăn với mấy cọng rau cải xanh chấm nước mắm dầm trứng, tôi mới vượt bức lá bầu không khí lúc ăn và người cùng ngồi ăn với mình.

Ở miền quê Nam Việt, tháng sáu là mùa khoai và bắp. Trông thấy những luống khoai tươi tốt, có củ to như cái cườm tay, tôi lại nhớ lại những bữa ăn với vợ sau này, cũng thanh đạm như hồi còn tảng tịu với cô đầu ở Thanh, có khi chỉ có mấy nõn khoai mà sao ăn ngon thế. Thì nào có quái gì đâu: ở Hà Nội, sáng sáng vẫn có những người ở quê lên bán những cái nõn khoai xanh ngắn ngọt, cuộn lại như tháp bút. Mua về rửa đi, cho vào nồi đất có tung ngon và mịn dù

lên rồi lấy ra ăn; có thể thôi, nhưng mà ăn cứ là ngon, một cái ngon mộc mạc, quê mùa, nhưng bây giờ có khi đang ngồi ăn thịt gà rang muối hay vịt bở lò, sự nhớ đến thì thấy thèm quá thèm là thèm. Y như là đương uống rượu mạnh như đốt ruột đốt gan mà thèm một chén chè Tàu ướp trong một bông sen dầm trong nước Hồ Tây hay là rõ gót phong trần trên một vùng đồi núi xa xôi, lúc chiều tà, nghe thấy tiếng hát dịu dàng của người vợ ru mình vào giấc mơ huyền thoại:
Bên này con sông,

Bên nọ con sông,

Nước sông bên nọ theo dòng bên kia.

Quản chi lận đận sớm khuya,

Thân em dầu dãi nắng mưa vì chồng.

Tiếng ru xen lẫn lời than của con đồ vũ làm cho trăng trên trời mờ đi. Không khí lúc nửa đêm về sáng rung lên nhè nhẹ. Trong lúc chập chờn, người chồng thấy sao rụng ngay xuống đầu mình và ở phía xa xa hình như có tiếng xênh phách của những cô nàng bé nhỏ ti ti vừa bay vừa hát:

Bến Nam liễu bá con đò,

Mảnh mây viễn phố, cánh cò hàn sa.

Ngàn Đông khói lẫn lạc hà,

Giọt mưa cỏ thụ, tiếng gà cô thôn.

Vó câu pha gió nhẹ bon,

Bên lầu Bắc hỏi hoàng hôn địch nào?

Trời Tây bóng hạc non sào,

Đường rêu khách quanh ruồi vào Thiên Thai.

Tháng Bảy

Ngày rằm xá tội vong nhân

Thì mình cứ nhận ngay là cái trò áy gợi cảm không chịu được. Sáng tháng bảy, ai chẳng nhớ đến đại lễ Vu lan bồn, xá tội vong nhân! mà cứ nói đến xá tội vong nhân, chắc chắn trong mười người Bắc Việt di cư phải có tám chín người nhớ đến bài thơ Chiêu hồn:

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,

Toát hơi may, lạnh buốt xương khô.

Não người thay, buổi chiều thu

Hoa lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng...

Tôi còn nhớ lúc bắt đầu vào đây, tìm cả tháng không ra bài văn ấy. Về sau, vào một ngày tháng bảy nhớ đến Nguyễn Tuân xát xà bông vào người nồi bọt lén, gõ chậu Thau, niệm bài văn đó, tôi thèm được nghe một cô đầu nào ở Phú Nhuận, Đại Đồng niệm đúng theo lối Bắc cho nghe, nhưng chưa có dịp nào thì may làm sao người phục trách mục Tao Đàn cho nghe bài ấy qua giọng một danh ca xứ Bắc.

Thứ tưởng tượng: chín mươi giờ đêm, cả nhà đi ngủ rồi, mình lò mò trở dậy, ngồi varten máy nghe một mình bài thơ thảm thiết ấy với một giọng quý khốc thần sầu thì đã rợn tóc chưa? Thật tình, tôi không ngạc nhiên chút nào khi thấy có những cô hàng xóm người Nam thấy tôi nghe bài đó, sáng hôm sau, hỏi tại sao tôi lại có thể nghe một cách thích như thế và các cô lại không ngại nói trăng ra là các cô nghe “tởn” lạ lùng vì nó “ma quái” quá! Muốn chê gì, mặc, tôi cứ nghe như thường.

Tôi có cái bệnh là không ưa đài phát thanh, xuân thu nhị kỳ mới mở máy nghe một chút; nhưng năm nào vào ngày mười bốn hay rằm tháng bảy, tôi cũng nhớ varten nghe bài chiêu hồn ma quái ấy và bất cứ năm nàm, với bất cứ ca sĩ nào, tôi cũng thấy nguyên vẹn cái thích thú buổi ban đầu. Tuy nhiên, mỗi khi nghe xong, bao giờ tôi cũng tiếc một chút là tháng bảy ở đây... nắng quá, oi quá, hấp hơi quá. Mà tôi thì quan niệm rằng bài Chiêu hồn của Nguyễn Du chỉ có thể hay hoàn toàn khi người ta niêm vào ngày mưa sầu gió thảm miên ở Bắc.

Bắc Việt từ đầu tháng bảy, mưa thối đất: mưa lai rai, mưa dầm dề, mưa lê thê, và tự nhiên thấy

mưa ai cũng nǎo nè là vì không ai bảo ai mà đều biết đó là mưa ngâu. Và ai cũng nhớ lại câu hát mà ai cũng thuộc lòng từ thuở nhỏ:

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,

Con trời lấy đứa chăn trâu cũng phiền.

Một rǎng duyên, hai rǎng là nợ,

Sợi xích thằng ai gỡ cho ra...

Vụng về cũng thế cung nga,

Trăm khôn nghìn khéo, chẳng qua mục đồng...

Ở trong Nam, vài chục năm về trước, những ai chưa từng đặt chân lên đất Bắc không thể biết thế nào là mưa ngâu.

Vào lúc đó, một năm chia rõ rệt hai mùa: mùa mưa và mùa nắng, quanh năm không biết cái lạnh là gì. Về sau này, thời tiết thay đổi hẳn. Có người đùa bảo rằng người Bắc mang theo thời tiết vào đây, năm tháng đổi thay, từ tháng chín tháng mười, vào lúc nửa đêm về sáng trời hơi lạnh, phải đắp chăn đơn. Cuối chap, có mưa, đôi khi từa tựa như mưa phún để cho cây cối đậm chồi nẩy lộc. Từ tháng năm, bắt đầu mùa mưa. Sang tháng bảy có khi mưa sầm sụt. Mưa không lớn, nhưng ào ào một tí rồi thôi, rồi lại mưa, mưa dai dẳng, có khi kéo dài cả một buổi chiều đến hết đêm, nhưng mưa như thế không thể ví với mưa ngâu đất Bắc.

Ở đất Bắc, sang tháng bảy trời chưa lạnh, nhưng đứng ở trên cao mà nhìn ra sông nước, người ta thấy trời đất cỏ cây ướt sũng một thứ hơi đùng đục, khiến người ta linh cảm như sắp có một cái gì làm cho tá bứt rứt, làm cho ta tẩm túc. Trời thấp tè tè. Thỉnh thoảng, lại có một làn gió ướt thoảng qua. Ai cũng đoán là sắp mưa. Quả nhiên mưa thực, nhưng cái mưa gì mà buồn không chịu được! Nó lai rai như muốn cứa vào thần kinh ta, nó tạnh một lát rồi lại mưa, mưa đều trên mái nhà, mưa đều trên bụi cây đồi cỏ, có lúc im phăng phắc nhưng có lúc lại trút xuống rào rào, rồi lại mưa đều đều, và cứ mưa như thế hết ngày ấy sang ngày khác hết đêm nọ sang đêm kia, chán không để đâu cho hết, mà rầu rĩ trong lòng không biết bao nhiêu.

Chẳng còn ai muốn bước chân ra đường. Đứng ở sau bức chậu liêm nhìn ra con đường lấy lội, người còn gái đẹp tưởng tượng như mình sống ở một thế giới cách biệt với đời và cảm thấy

chưa bao giờ cô quạnh lạnh lùng như thế. Bao nhiêu ước mơ đã quên đi trong những ngày hè oi bức có tiếng đàn ông cười giàn tan, có những bóng dáng phong lưu in vào tròng con mắt, có những câu nói hữu tình đầy đưa những con mắt hữu tình, tự nhiên, không biết từ đâu trở lại làm cho con tim tròn cho đa tình đau như thế có một bàn tay nào bóp khẽ.

Nhin mưa ngâu, người con gái đẹp cũng thấy mưa ở trong lòng mình vì cho rằng mình là một thứ Chức Nữ bị trời đầy phi cách biệt. Ngưu Lang và Chức Nữ còn có dịp gặp nhau đêm thất tịch để cùng than khóc với nhau, còn Ngưu Lang của nàng thì biết đến bao giờ mới gặp?

Ai không vui duyên hương lửa, ai ôm trong lòng vạn lý tình, ai tiễn người đi mãi mãi không về, ai nhìn khói sóng mà nghĩ đến người bặt ngàn mây nước, ai nhớ ai cùng xây mộ ước m nhưng vì trời chẳng chiều người mà phải gầy khúc đàn cho kẻ khác nghe, vào những ngày mưa ngâu như thế, hỏi có đau không, hỏi có sầu không? Ai cũng như ai, không nói ra lời nhưng đều thấy lòng nặng trĩu một bầu trời thương cảm. Thương cho vợ chồng Ngâu một năm mới gặp mặt nhau một lần, thương cho mình, thương cho kiếp người sao lại dệt toàn bằng những sự nhở nhàng ngang trái! Giọt lệ của vợ chồng Ngâu, ai cũng cho là chính giọt lệ của mình. Ai cũng cho là mình còn khổ hơn cả vợ chồng Ngâu vì vợ chồng Ngâu còn có chim qua bắc cầu ô thước, chớ đến mình thì có chim nào bắc cầu đâu? Câu chuyện truyền kỳ, tự nhiên, đượm một vẻ nên thơ kỳ lạ và rồi người ta thấy rằng mưa ngâu to ra một thi vị bao la man mác.

Những đêm như thế, người nằm nghe mưa thấy trong cõi buồn vơ vẩn một thú vị nhẹ nhàng của những người được đau khổ để cảm thông cái đau khổ của bao nhiêu người khác cũng đau khổ như mình, đương sống hay đã chết. Đêm mưa sườn sượt nghe thấy tiếng van xin của những người ăn mày ở đàng xa vọng tới, hay tiếng guốc kê sèn sét trên đường khuya, hoặc tiếng rao buồn muôn chét của những người đi bán hàng khuya chưa về với gia đình, mình tự nhiên thấy chán chường cho kiếp sống và tự hỏi có nhiều người khổ quá sức là khổ thế thì có thể gọi họ là người được không?

Nhưng nói cho cùng thì sống chết đều khổ cả. Ai bảo chết là xong chuyện? Ờ thì cứ bảo là phản khoa học đi, bảo là dị đoan đi, nhưng thâm tâm tôi bao giờ cũng tin rằng chết không phải là hết, rất nhiều người chết mà vẫn khổ như thường.

Ấy là những người chết mà không siêu thoát, chết mà vẫn nuối tiếc cái gì, chết mà không nhắm mắt, vì còn ân hận. ấy là những người trước đây lầm le thay đổi non sông nhưng gặp phải vận cùng thế khuất; ấy là chỉ còn mảnh lá che thân; ấy là những kẻ lâu đài phượng các không còn ai bát nước nén nhang; ấy là những kẻ vào sông ra bờ, đem thân chôn dấp vào lòng vào chiếu xác một manh; ấy là những đứa trẻ lỗi giờ sinh phải lìa mẹ cha từ tấm bé, không có ai bồng bế.

Thương thay thập loại chúng sinh

Hòn đơn phách chiếc linh đinh quê người.

Hưng lửa đã không nơi nương tựa,

Hòn mồ côi lần lữa bấy niên..

Những hòn mồ côi ấy siêu thoát làm sao cho được, đành là cứ phải vất vưởng ở ngang bờ dọc, bụi, lang thang ở quán nọ cầu này, nay hiện lên ở đây chợ cuối sông, mai lại lập loè ở chân mây ngọn suối.

Khi sầm sầm mưa gào, gió thét,

Khí âm huyền mờ mịt trước sau;

Ngàn cây nội cỏ rầu rầu,

Nào đâu điếu té, nào đâu chung thường.

Những cô hồn vô định, côi cút áy đành là chỉ còn biết trông vào những người có đôi chút từ tâm, ngày rằm mồng một thì bỏ cho bát cháo nắm xôi, hay đốt con thoi vàng manh áo để rồi Nghe gà gáy kiếm đường lánh ẩn,

Lặn mặt trời lần thẩn tìm ra.

Tháng bảy mưa ngâu, thấp ngọn đèn con lên mà niệm một mình bài “Văn tế thập loại chúng sinh”, quái thật, sao mình cố giữ cho lòng bình tĩnh mà như có sóng gió nổi lên ở trong tim?

Nửa đêm về sáng, trời bắt đầu lành lạnh. Góm ghiếc cho cái mưa quái quỷ gì cứ kéo lê thê ra mãi không có một lúc nào ngót hột. Ngoài kia, trời tối mù mù.

Có ai thức vào những lúc này có cảm thấy gì không, chứ tôi thú thực có nhiều lần đã ớn lạnh nơi xương sống vì tưởng như trông thấy những cô hồn rách rưới tang thương kéo từng đoàn đi lờ lững trong không khí âm u sương khói.

Bao nhiêu truyện “Liêu trai chí dị”, “Truyền kỳ mạn lục” đọc từ ngày đi học lần lượt xâm chiếm đầu óc tôi lộn xộn, lờ mờ, nhưng có lúc hiện ra rõ rệt như những tia sáng yêu ma loé ra trong một thế giới hỗn mang có những hồ ly hoá trang thành đàn bà xoã tóc, những bộ xung

trắng chui từ trong lòng núi ra đi lọc cọc, chạm vào nhau kêu cóc ca cóc cách, và những người không đầu từ những mảnh giẻ ở dưới đất bay ra thành hàng vạn đốm lửa rồi tụ lại thành ra không biết bao nhiêu ngọn tháp bay lơ lửng trên lưng chừng trời.

Tất cả những cái đó là người hay ma? Là u hồn không được siêu thoát hay chỉ là ảo tưởng do người không phản khoa học tưởng tượng ra vì bị ám ảnh, vì hỏng óc?

Thôi, chẳng tội gì mà nghĩ ngợi vẫn vơ vè vấn đề có ma hay là không có ma, chết là hết hay linh hồn còn tồn tại, những cô hồn không được cúng kiến đi lang thang trong cõi hư vô là thật hay chỉ là chuyện đặt để không đây để lấy làm điều răn người sống! Chỉ biết rằng mắt mình trông thấy thật như thế thì cứ nói toẹt ra, chẳng sợ ai cười là hủ hoá, là “rùng”, là “chật Tiến”. Thế nhưng mà tại sao những cô hồn rách rưới tang thường kéo từng đoàn đi lơ lửng trong không khí sùi sụt mưa dầm, lạnh toát hơi may, cứ diễu đi diễn lại mãi không thôi thế này? Họ đi đâu mà kéo đi bất tận thế này? Họ có bao giờ nghỉ ngoi không, hay là cứ phải đi như thế mãi, như thế mãi? Mà họ là ai vậy mà trông vừa gớm ghê, vừa ai oán, nửa như thực mà nửa như hư thế này?

Quả là đến lúc viết tời đây tôi cũng không hiểu tại sao lại nhớ đến một chương trong thiên phóng sự “Về Bắc Việt” của Madeleine Riffaud “viết dưới bom”: Ở, Mỹ bắt đầu oanh tạc Bắc Việt hồi 1966 chính là vào cữ mưa rầm tháng bảy, vong nhân xá tội đây! “Chúng tôi đọc thấy rằng, từ một vài tháng nay, các phi vụ ở Bắc tăng gấp ba, số bom ném cao lên vòn vọt, còn nhiều gấp tư số bom ném trung bình hàng tháng ở Cao Ly. Người Việt Nam có bị tiêu diệt không? Mà họ làm thế nào chịu đựng được?”

Chẳng cần phải nghĩ vẫn vơ, ai mà lại không biết số người chết hẳn phải nhiều. Đem cộng con số này với bao nhiêu người Việt Nam đã chết vì bom của “đồng minh” đến “giải phóng” chúng ta khỏi ách của “phát xít” Nhật, bao nhiêu người chết đói năm 1945, bao nhiêu người chết vì bệnh tật, súng đạn của Pháp đến “cứu” ta ra khỏi “nanh vuốt” của Cộng sản, rồi lại bao nhiêu người chết vì “chống Cộng”, bao nhiêu người chết vì bom Mỹ, súng Mỹ ở ngay tại miền Nam, bao nhiêu người bị đột kích, pháo kích, truy kích, xung kích, oanh kích công kích, xạ kích, phục kích... Ờ, nhiều quá sức là nhiều, thế thì những oan hồn cứ kéo nhau đi hằng hà sa số, trường kỳ bất tận cũng không có gì lại hết.

Nhưng mà họ đi đâu? Họ cứ đi mãi thế à? Nghe nói cả bên đạo, bên đời đều chủ trương là có một cõi ghê gớm lắm, tục gọi là địa ngục, rộng bằng cả thế giới chúng ta đang ở, xét xử rất phân minh, ai làm tội ác thì bị cưa đầu, cắt lưỡi, leo cầu vòng, cho chó ngao moi ruột, còn người nào làm việc thiện thì được lên thiên đường.

Thiên đường và địa ngục, hắc bạch rất phân minh, thế thì tại sao lại có những cô hồn không lên thiên đường mà cũng không ở địa ngục, cứ đi phát phuơng lang thang như thế? Có phải là Nam Tào, Bắc Đẩu đã quên ghi họ vào sổ tử chǎng? Hay là vì họ không có tiền chạy chọt nên còn phải ở ngoài chờ đợi? Hay là vì không phải ở “đàng ta” nên chưa được gọi vào xét xử, cứ phải cõm nǎm, muối vừng đứng chầu rìa?

Nhưng dù sao đi nữa thì mình cũng cứ chịu vị đài đức nào đã ghi ra sự tích lễ Vu lan, mỗi năm lại lấy ngày rằm tháng Bảy làm ngày xá tội vong nhân... ở nơi âm phủ.

Bây giờ ngồi nghĩ lại thì mới thấy tội nghiệp cho vợ mình: cứ mỗi năm đến lễ ấy – còn kêu là lễ Trung Nguyên hay là tết Vu lan – thì lại kể lại cho chồng nghe sự tích lễ ấy theo đúng sách “Mục Liên cứu mẫu kinh diễn âm”, theo đó thì Mục Liên không phải là tên thật mà là cái hiệu. Tên thật Mục Liên là La Bộc.

“Theo đúng sách, La Bộc là con ông Phổ Tướng và bà Thanh Đề. Vì gia đình túng thiếu, La Bộc phi đi buôn bán ở tỉnh Kiên Lien. ít lâu sau, giàu có, La Bộc cho người đem tiền về biếu mẹ. Bà mẹ ăn xài hết nhẫn rồi lại còn giết con chó làm nhân bánh biếu sú. Đến lúc La Bộc về thì bà mẹ lái chối và nói rằng bao nhiêu tiền con gửi về cho đã đem cúng cả vào đền chùa miếu vĩnh cửu rồi.

“Chẳng bao lâu, bà mẹ chết. Chịu tang mẹ ba năm, La Bộc đi qua nước Ki Đô là nơi Phật ở, xin pháp ở lại tu luyện theo hâu. Phật thương tình, ứng thuận, sai thày Kha Na cắt tóc ông và đặt tên là Đại Mục Khiêm Liên và cho vào tu ở chùa Lã Bí trong rừng Quít Sơn. Cái tên Mục Liên phát sinh từ đó. Muốn đến rừng Quít Sơn, phải qua chùa Thiên Giai là nơi có những âm hồn ở lẩn quất nghe kinh. Mục Liên chỉ nhận thấy có cha là ôm mặt khóc, Phật hiện lên bảo cho biết là Thanh Đề vì khi sống điêu ngoa ác nên bị đày xuống ngục A Tỳ rồi.

“Mục Liên lặn lội tìm cho tới ngục A Tù gặp mẹ. Nơi đây bà mẹ chịu trăm ngàn thứ cực hình, không sao chịu nổi. Thấy con, bà mẹ khóc lóc nhờ con tìm cách cho bà ra khỏi ngục. Mục Liên dắt mẹ đi nhưng quỉ sứ giữ lại. Chàng lại cầu xin đức Phật. Ngài thương tình bảo Mục Liên: “Nhà người cứ an tâm, trở về Vương Xí, ta sẽ hóa phép cho mẹ người thành con chó ở bên cạnh nhà ngươi”.

“Quả nhiên về đến Vương Xí thì có một con chó quấn quít ở bên chân Mục Liên. Chàng hiểu ngay đó là mẹ mình, bèn hóa phép cho con chó thành người. Từ đó, Mục Liên ngày đêm đem hết lợi khuyên mẹ sám hối, rủ lòng theo chân lý đạo Phật. Bà mẹ nghe lời con, ăn chay niệm Phật, rồi một đêm rằm tháng bảy, hóa thành tiên bay lên trời. Mục Liên bay theo mẹ và cầu xin đức Phật xoá tội cho bảy đời họ hàng nhà mình.

“Dựa vào sự tích áy, cứ đến ngày rằm tháng bảy, các đèn chùa, miếu mạo đều làm chay chạy đàm, phá ngục cho các tội nhân. Tục gọi là tết Vu lan. Mọi nhà cũng đều làm lễ cúng bái rất thành kính vì tin rằng ngày đó là người ở dưới âm, vong nhân xá tội cho những người quá cố”. Ấy, câu chuyện đại khái chỉ có thể thôi. Nghe một, hai lần cũng vui tai, nhưng vớ chồng ăn ở với nhau ch襍 là hai mươi một, hai mươi năm trời mà cứ nhắc đi nhắc lại sự tích áy vào dịp vong nhân xá tội, thét rồi cũng ngây. Nhưng đến bây giờ, cũng vào tháng bảy ngày rằm, cũng ăn cái lễ xá tội vong nhân dưới một trời nắng cháy, mình có muốn gói đầu vào tay vợ, nghe chính vợ kể lại cho mình nghe sự tích Mục Liên Thanh. Để một lần nữa trong khi ở ngoài trời mưa sùm sùt, có gió may thoổi vi vu thì cũng chẳng còn được nữa..., nuối tiếc đến mấy thì cũng chẳng còn được nữa...

Nhưng nuối tiếc không phải chỉ có thể mà thôi. Người ly hương còn nuối tiếc không biết bao nhiêu cái không khí chùa chiền ở Bắc vào dịp lễ Trung Nguyên, chiêng trống, chũm choẹ vang rân cả những vùng chung quanh, các sự lũ lượt ở xa về họp ở mấy ngôi chùa chính, đội mǎo có mũi như mũi khế, thêu xanh đỏ, trắng, vàng, cầm gậy chạy đàm, ra điệu phá cửa những nhà ngục ở dưới âm ty để giải thoát cho những u hồn tội lỗi rên xiết trước những hình phạt gớm ghê mà óc người không thể nào hình dung được trọn vẹn, như leo cầu vòng, rót xuống sông mê, chó ngao moi ruột, quăng vào vạc dầu, cưa đầu, móc mắt, leo cột đồng nung đỏ, rút lưỡi hà răng... Có trông thấy người vợ bé nhỏ thấp hết tuần nhang này đến tuần nhang kia, khán hết bàn thờ này đến bàn thờ khác, xuýt xoa lễ bái hết gốc cây này đến ụ đất kia, mình mới thấy rõ ràng hơn hết cả bao giờ là vợ mình tin tưởng như điên, lễ trời lễ Phật đã dành, nhưng nếu thấy rằng lễ yêu tinh quỷ sứ, cô hồn các đảng, bà cô ông mãnh mà các tà ma yêu quái đó đỡ ác đi thì cũng chẳng ngại gì mà không lễ.

Lễ như thế, chưa đủ: về nhà còn lễ nữa. Nhưng muốn lễ thế nào thì lễ, vào ngày tết Trung Nguyên nhà nào cũng phải nấu một nồi cháo trắng múc ra từng chén đặt ở trước nhà, và nhang đèn vàng mã, chè đường bông bồm bày ra để cho các u hồn phảng phát ở chung quanh đó tìm lại mà phối hưởng. Lễ xong, các phẩm vật ấy người nhà thường không ăn, mà để cho các người nghèo khó đến giành giựt để ăn hoặc cho vào bị đem về nhà.

Sóng ở trong này, thì tôi không thấy các thành phố ăn tết Trung Nguyên như thế. Có thể bo ròng bà con miền Nam ăn tết to hơn: xí nghiệp, Công ty, tư sở, công sở nào cũng cúng rồi quay ra uống lava, nhậu với thịt quay bánh hỏi, không cứ vào đúng ngày rằm tháng bảy mà có thể vào bất cứ ngày nào từ rằm đến ba mươi, vui lăm, nhộn nhịp lăm, nhưng không có mấy nhà nấu cháo bày ra đường và bày chè lam, bông bồm để tiếp đón những oan hồn đi qua, như ở Bắc.

Tôi còn nhớ lúc nhỏ, vào những đêm cúng cháo chúng sinh như thế xong rồi, lên giường nằm ngủ, tôi thích tưởng tượng ra những cảnh cô hồn ở các nơi kéo nhau về ăn cháo, tranh giành bỗng bột, chè lam và giành giựt nhau những cái áo cắt bằng giấy tàu xanh đỏ, những thoi vàng bé bằng nan nứa ngoài bọc giấy vàng hay những tờ giấy tiền làm bằng những tờ thiếc tráng tượng trưng cho bạc và những tờ thiếc quét “hoè” tượng trưng cho vàng.

Nhớ lại như thế tức là nhớ lại cả một thời bé dại, nhà chưa có gì, tôi còn đi học “Dương Tiết” ở nhà cụ Tú Tăng đầu Hàng Gai. Học xong, về nhà, bắc chõng ra giữa sân nhìn lên trời xem máy bay rồi ngủ lúc nào không biết. Đến khi thức dậy thì mẹ tôi đã đếm xong những thiếc buộc lại từng bó ngàn tờ một. Nồi lá hoè cũng vừa nấu xong, thấy tôi lấy một cái chổi cọ dúng vào nồi lá hoè, phết lên tờ thiếc thành một mày vàng sẫm. Tôi phụ trách gấp đôi những tờ thiếc lai, phơi lên những cái “vè” nhỏ làm bằng tre, mắt ướt để ra ngoài. Khi nào hoè khô, một người em tôi lấy xuống, xếp đếm từng trăm một, buộc lại thành bó một ngàn, thỉnh thoảng để một miếng giấy để đánh dấu từng trăm một.

Những tờ thiếc trắng và vàng đó bán vào cái cũ răm tháng bảy chạy không thể nào tả được. Về sau này, nhà tôi không “bồi thiếc” nữa, mà cũng không quét hoè nữa, nhưng đến răm tháng bảy thì vẫn cúng cô hồn; tuy nhiên, cúng với tháng năm lì lợm, tôi không còn mấy khi nghĩ đến các cô hồn ở các nơi về cướp cháo lá đa như hồi tôi còn nhỏ; nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn yên trí rằng nếu ngày răm tháng bảy mà không lễ các cô hồn thì là một cái tội không thể tha thứ được đối với những người đã khuất, nhất là những u hồn lang thang khe suối gốc cây, vất vưởng nơi cầu sương điểm cỏ.

Ấy là bởi vì mặc dù đã bị tiêm nhiễm văn minh Hy Lạp, Latinh, mặc dù khoa học thét vào tai tôi rằng tin tưởng như thế là hủ bại, tôi vẫn không thể nào tẩy não được mà vẫn cứ “ngohan cố” tin rằng ngoài cái thế giới chúng ta đang sống hiện nay, còn một thế giới u huyền khác mà loài người chưa涉足 được đến nơi đến chốn nhưng bởi vì “muốn cho xong chuyện” nên kết luận toạc ngay là “dị đoan”.

Thôi thì muốn bo tôi là chậm tiến, là dị đoan, là hủ hoá thế nào tôi cũng cứ chịu đi, nhưng những điều mà tôi thấy, những điều mà tôi biết không cho phép tôi nói khác những điều tôi vừa nói.

Thế là nghĩa làm sao?

Tôi không hiểu ra sao hết, nhưng có những sự việc mà tôi chứng kiến, mà người sống các chuyện ấy hãy còn sống sờ sờ để làm nhân chứng cho tôi, lăm lúc đã làm cho tôi nghi ngờ khoa học. Có cô hồn không? Cô hồn có oan ức không? Cúng kiến có giúp ích gì cho họ hay không? Câu chuyện nhỏ dưới đây chắc chắn sẽ cho bạn đọc phải suy nghĩ nhiều, còn tin là có thật hay

cho tôi bịa đặt, hoàn toàn tuỳ ở nơi các bạn.

Hồi 1947, một người bạn tôi tên là Q. (Hiện nay làm ở Sở Thanh niên) ở ngoài kháng chiến hồi cư về Hà Nội. Thành phố lúc ấy tan nát, có đường không còn lối một căn nhà. Vì thế Hội đồng An dân, phụ trách sự ăn ở cho những người có nhà bị tàn phá, buộc lòng phải lấy tạm nhà của những người chưa trở về để cho những người hồi cư ở tạm. Q. được Hội đồng An dân dành cho ngôi nhà số 47 đường Lê Lợi.

Đây là một căn nhà hai tầng, khác rộng, đàng trước có vườn. Chung quanh có một hai ngôi nhà khác đã có người về trước.

Vốn là một thanh niên mạnh khoẻ, lì lợm, có võ mà lại bắn súng vào hạng khá, Q. một mình đến ở đó (vì lúc ấy gia đình anh chưa về). Ở được độ một tuần, hàng xóm có người sang chi trò chuyện, đến lúc ra về hỏi Q. “ở bên này, ông thức khuya nhỉ, mà sao bè bạn đến cứ rầm rập, chúng tôi không tài nào ngủ được”. Q. ngạc nhiên hết sức vì từ lúc hồi cư, không có người nào đến thăm anh lúc đêm hôm. Chính anh cũng nghe thấy tiếng chân người rầm rập cả đêm, nhưng anh lại cứ tưởng đó là tiếng người đi lại ở nhà bên cạnh.

Từ lúc nghe câu chuyện, anh bắt đầu để ý thì ngay tối hôm ấy mới nhận thấy rằng tiếng đi sầm sập ấy ở chính dưới nhà anh – anh ngủ một mình trên gác. Lắng tai nghe kỹ thì dường như có hàng trăm người vừa đi giày, vừa đi guốc, vừa đi chân không, từ ngoài vườn đầy cửa vào trong nhà, giương to mắt ra nhìn thì không thấy gì. Từ bờ yên lặng. Nhưng Q. không phải là tay “vừa”: thấy thế, anh tức, nhất định phải “ăn thua đủ” với bon ma quỷ đó. Anh rình.

Hình như biết “thóp” như vậy, bọn đó bắt đầu làm dữ: rung chuyển giường của anh, ném đá vào đèn, chạy sầm sầm lên gác rồi hàng trăm ngàn cái đầu đâm sầm vào tường tạo nên một tiếng vang dữ dội trong đêm tối. Q. đương nằm chồm trở dậy thì thấy có hàng trăm cái bóng cao lớn, đen trùi trui, có cái mặc áo ngắn, có cái cởi trần, râu ria tua tua mà đầu thì trọc chạy sầm sầm đến trước mặt anh rồi... biến mất...

Bao nhiêu tiếng tục tằn rác rưởi nhất, Q. giờ ra dùng hết, nhưng vừa nằm xuống được một lát thì lũ quỷ sứ ở đâu lại dẫn đến, nện gót xuống sàn gác kêu thỉnh thịch và có vẻ như muốn sấn cả lại để lôi anh dậy. Vớ lấy cây súng giấu ở đầu giường, Q. bắn lia bắn lịa, vừa bắn vừa chửi. Đến lúc nhìn lại thì tường vách và đồ đạc đều có vết đạn nhưng tuyệt nhiên không thắt có dấu máu nào. Cứ như thế chừng một tuần. Thết rồi, Q. không biết làm thế nào khác, đành phải chong đèn nằm ngủ, nhưng cứ chợp mắt một chút – mà có khi mắt còn mở hấn hoi chưa ngủ – thì lũ quỷ sứ kia lại sầm sập chạy từ dưới nhà lên làm dữ. Cho đến một ngày kia, gia đình Q. ở hậu phương về, ông thân anh Q. thấy căn nhà con ở dữ quá, nhất định bắt anh phải dọn đi nơi

khác.

“Cứ ở mãi thế này, trước sau gì cũng chết, làm sao mà sống nổi. Bởi vì ai lại còn không biết tự vệ ở Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bông, Hàng Hòm đến ngày chót rút cả về khu Lê Lợi này, quân Pháp một mặt công kích, một mặt ném bom, nhà cửa tan nát, trăm người không thoát một; oan hồn của họ không tiêu tan được cứ lưỡng vường ở đây khuấy phá, không những ban đêm mà có khi cả ban ngày nữa. Có người thuật lại rằng có những ngày mưa dầm sùi sụt những cái bóng ma ấy kéo nhau thành hàng một, đi lơ lửng trên trời, sàn sàn các ngọn cây và lại cũng có hôm họ lại hiện ra trong các chợ vầy vọc và các hàng miếng chín và chỉ từ sáng đến trưa bao nhiêu thịt thà, nem chả tự nhiên thiu thối hết, chỉ có mà đồ đi. Thôi, anh ạ, tôi xin anh là hết; anh bướng với ai chớ bướng với các “ông ấy” chỉ có mà đợi thôi”.

Anh Q. đành phải nghe lời ông cụ, nhưng vẫn tức bức không chịu được. Vào đêm trước khi định dọn nhà đi nơi khác, anh ngồi chửi om lên, chửi văng mạng, chửi tuốt, nhưng không chỉ đích xác ai. Vào gần sáng, lũ người đèn trùi trui, trọc đầu lại đến, nhưng lần này có vẻ hoà nhã hơn. Một người - áng chừng là đại diện cho cả bọn - đứng ở đầu giường lúc anh đang chập chờn sắp ngủ, bảo: “Chúng tôi phá anh như thế cũng đủ rồi. Thôi, bây giờ chúng ta nói chuyện thành thực với nhau, anh có bằng lòng không? Chúng tôi quả thực không muốn làm cho anh bức tức hay tác hại đến sinh mạng của anh. Bây giờ, chúng tôi muốn kết thúc, không đùa dai nữa. Anh lo công việc của anh, còn chúng tôi thì có công việc của chúng tôi. Chúng ta giãn biệt. Nhưng trước khi chia tay, xin nói thật với anh, chúng tôi đói rét lắm, anh cố xoay cho chúng tôi một ít quần áo, thuốc đánh răng và kiêm cái gì để anh em “mổ” cho đỡ lòng một tí”.

Thức dậy khi mờ sáng Q. nằm suy nghĩ, chửi thề một hồi lâu rồi ra phố mua bánh mì chả lụa về bầy đầy một mâm, đặt trên một cái ghế giữa sân. Vì lúc ấy những người hàng mã chưa về, anh lục tủ lấy hết quần áo cũ, dây lưng, sơ mi, cavát, thuốc đánh răng thật, chồng lên một đống trên cái chiếu trải dưới đất rồi châm nến, đốt nhang, lẩm nhẩm khấn các oan hồn phá phách anh từ nửa tháng nay “nếu có linh thiêng thì về thụ hưởng”. Đoạn, anh đồ một chai dầu lửa vào tất cả, bật một que diêm đốt hết, trong lòng bán tín bán nghi, không biết làm như thế thì có ích lợi gì không, mà những oan hồn kia làm sao hưởng được những đồ vật cháy ra than đó.

Nhưng Q. ngạc nhiên không thể tả được, mà còn ngạc nhiên mãi đến tận bây giờ, vì kể từ đêm hôm đó trở đi, anh không thấy những cái bóng trọc đầu, đèn trùi trui đầy cửa vào nhà anh, chạy thỉnh thoảng trên thang gác để rung chuyển giường anh, ném đá vào đèn, và đâm đầu vào tường vách để bắn tung ra như quả bóng, như trước nữa.

Đêm buồn không ngủ mà chong một ngọn đèn con lên, nhớ lại những chuyện “liêu trai” như thế,

mình dù sống ở miền Nam người đồng như kiến cũng thấy ón lạnh nơi xương sống và muốn bắt chước người xưa bán cả áo cùu đi để mua rượu uống cho đỡ sợ và luôn thèm tiêu cái sầu thiên vạn cổ.

Nước khe cơm vắt gian nan,

Dãi dầu nghìn dặm làm than một đời

Buổi chiến trận mạng người như rác,

Phận đã dành, đạn lạc tên rơi.

Lập loè ngọn lửa ma trời,

Tiếng oan vắng vắng, tối trời càng thương.

Công danh, phú quý, sắc đẹp, ngai vàng, bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, bao nhiêu trí tuệ, mưu cơ, rút cục lại cũng chỉ còn là những oan hồn đi vất vưởng đó đây, chờ lúc lặn mặt trời thì kéo ra để ăn xin một nắm cơm, bát cháo, la cà các đèn chùa miếu mạo nghe kinh và suy nghĩ về chữ “giai không vạn cảnh”.

Thôi rồi, lại nói chuyện “chiến bại” rồi. Thê thì còn đâu là tinh thần đấu tranh, tiến bộ? Nhưng giả thử ở đời ai cũng suy nghĩ một cách chiến bại như thế, chưa biết chừng thù hận sẽ ít đi, chiến tranh giảm bớt và do đó số oan hồn cơ khổ sẽ giảm rất nhiều cũng nên! Nhưng nói vậy mà chơi thôi chó thê giới làm sao mà “thoái hoá” như thế được? Còn giống người thì còn ganh đua, còn ganh đua thì còn mâu thuẫn mà còn mâu thuẫn thì còn đâm chém giết nhau, lẽ đó khó mà tránh được.

Còn nhớ ngày xưa có một anh chàng tên là Candide, trong một cuộc lăng du cuối cùng, nhìn thấy ở giữa đại dương có một hòn đảo trên có người ở đồng đúc như kiến cỏ. Candide quay lại hỏi ông có vấn theo sau:

- Người ta làm việc mà tấp nập như vậy?

Vị có vấn trả lời:

- Thưa, họ chém giết nhau. Đất nước chia làm hai bọn: một bọn mang tiếng là bảo thủ, một bọn tự nhận là tân tiến. Bọn tân tiến lật bọn bảo thủ, hai bên giết nhau hơn cả người khác giống.

Đi một lát nữa, đến một eo đất kia thấy người ta làm việc quên cả ngày đêm, Candide vỗ tay khen:

- Học chăm chỉ quá. Chắc là họ kiên thiết quốc gia.

Vị cố vấn chật rãi nói:

- Họ đang xây cát nhà tù đấy, là vì có mỗi khi có cách mạng thì có một số người chống cách mạng. Phe thắng sẽ bắt hết những người của phe bại, hoặc giết chết, hoặc cho vào nhà giam. Thế rồi, không còn chỗ để mà giam người nữa, họ phải hối hả xây thêm nhà giam mới để nhốt những đồng bào của họ.

Candide hơi buồn nhưng chỉ một lát sau, chàng vui lại vì thấy ở trên một đảo khác có đèn giăng lá kết và từ trên chiếc tàu chạy giữa biển khi chàng nghe thấy tiếng đàn hát từ đàng xa vọng lại.

Candide vỗ tay, bảo viên cố vấn:

- Thôi, chắc chắn ở đây là thiên đường rồi. Nếu không, sao lại có nhã nhạc và sinh ca như thế?

Vिन cố vấn lắc đầu:

- Bầm, cũng lại không đúng nữa. Đây chính là địa ngục: những người đàn hát múa may đó có phải vui sướng gì đâu; họ phải theo lệnh chủ, múa hát đàn ca như thế để che lấp tiếng khóc than của muôn dân đói khổ rên xiết dưới gông cùm nô lệ. Có thể, chủ họ mới có lý do để tỏ cho thế giới biết là dân chúng không đồ thán mà trái lại, lại vui vẻ tôn thờ cả tớ lẩn thây...

Lần này, Candide không còn bám được vào cái gì để mà tin tưởng và yêu đời nữa. Chàng ngửa mặt lên trời mà than: “Đời đến thế này thì ra còn biết phân biệt ai là người, ai là quỷ. Chẳng thà toàn là quỷ cả lại còn dễ sống hơn! “Nói như thế là nói phẫn. Có nước nào chịu đựng chiến tranh và chét chóc nhiều đến như nước Việt Nam không? Oan hồn, ma quỷ hăng hè sa số, nhưng chính mắt người thì có mấy ai thấy chúng đâu, hay chỉ thấy toàn người – mà những người đẹp như tiên, thơm như mít, mỗi ngày nghĩ ra được thêm thú vui kỳ quái để tiêu khiển trong tiếng nhạc “sót gòn” huyền ảo.

“Anh ơi, đừng bỏ em ở nghĩa trang một mình...”

Không. Có ai bỏ em đâu. Trăng chiếu lên nấm mộ em, hãy đứng dậy đi, chúng ta cùng hát một bản “sun”. Thế giới sẽ chụp lại hình ta và đó là một cách tuyên truyền hùng hồn nhất để tỏ cho c стран hoàn này biết là ở Việt Nam, cả người sống lẫn người chết đều sung sướng.

Tháng Tám

Ngô Đồng Nhất Diệp Thiên Hạ Cộng Tri Thu

Gặp những ngày trời đất xuống màu như thế, người khách xa nhà cả trăm người như một, đều cảm thấy buồn tê tê trong lòng mà tự nhủ: “Ờ, đúng là mùa thu ở Bắc... Trời này có rượu ngon đem uống thì tuyệt trần đời!”.

Thế thì ngày trời đất xuống màu ấy ra sao mà người ta lại rầu rầu trong dạ, sầu sầu muốn uống một cái gì? Thôi, ai lại còn lạ cái thời tiết ở miền Nam nước Việt nó nhõng nhẽo đến chừng nào: buổi tối nóng như điên, nửa đêm xoay ra lạnh lúc nào không biết; chiều sấm chớp àm àm, yên trí có mưa thì một lát sau trăng lại sáng trưng, ấy thế mà chính lúc người ta đang yên chí là nóng còn lâu thì mưa trút xuống rào rào làm cho ai cũng ngạc nhiên tự hỏi: “Quái, sao năm nay mưa sớm thế?

Thế rồi ai cũng tưởng là mùa mưa bắt đầu thì chọc trời cũng không ra một hạt nước, trời nóng đến cái mức làm cho người ra mồ côi mắt, nhức cả đầu; nhưng có một buổi tối kia đi ăn đầu cá với một người yêu xa cách lâu ngày ở cầu Bình Lợi thì tự nhiên trời đổi gió, giăng tơ lên ngọn cỏ lá cây để đến lúc sắp đứng dậy ra về anh cảm thấy như có một cái lưới buồn rủ từ trên trời xuống nước, lan tràn ra khắp cả mặt đất chân mây và gói ghém luôn cả anh cùng với tâm óc anh vào đó.

Lau lách ở ven hồ kêu lên những tiếng rì rào y như thế những tiếng than nhỏ bé; nước vỗ vào bờ nghe trầm trầm; qua những chùm lá, qua những cành cây, gió rì rào như kể chuyện xa xưa và giục người ta xích lại gần nhau cho ấm cõi lòng hơn một chút.

Mùa thu ở Bắc cũng đến với người ta như thế. Bây giờ mỗi khi thấy trời trở gió, không gian bằng bạc một màu chì; mỗi khi thấy lá rụng ở các công viên những người đau ngực, bay lào xào trên mặt đất hanh hoa; mỗi khi thấy lá tre rụng vèo xuống các ao hồ nằm êm trong những lớp bèo ong bèo tám, có ai biết rằng tôi nhớ lại những gì không? Cứ vào đầu tháng tám, trời Bắc Việt buồn se sắt, đẹp nao nùng, sáng sánh thức dậy từ lúc còn tối đen, cầm cái áo maga mẹ lấy ở trong rưng ra mặc cho mình, húp bát cháo đậu kho và ăn ba nắm xôi lạc do mẹ mua cho rồi đút hai ba đồng xu đồng kêu sảng soảng trong túi áo đi qua dãy Nhà Thờ, thảng một lèo đến dốc Hàng Kèn, có ai biết rằng tôi đã trông thấy những gì và nghĩ những gì không?

Lúc ấy, trời đã sáng thu. Lá cây nhội ở hai bên đường đi ra dốc Hàng kèn vùn những cái thân

gảy lên trên trời và mỗi khi có gió thổi thì tung chiếc lá vàng lại rụng xuống, xoay nhiều vòng, rồi đậu ở trên những vai trắng nuốt của các pho tượng mỹ nhân cởi truồng trong công viên ở cuối Phố Nhi, gần cái hang đá thờ Đức Mẹ.

Cái mà bây giờ còn trông thấy rõ từng ly từng tí là một cậu bé xách cái cặp da nặng trĩu đi học một mình, vừa đi vừa ôn lại một bài văn xuôi có vần:

“Sáng ngày ra, ta đi học, hiu hiu gió, lá vàng rụng bay. Ấy là gió mùa thu, đưa hơi thu, rét sấp đến. Hỡi các anh học trò con, có nghĩ đến mặc áo rét không? áo mặc rét, các anh sẽ trông lấy vào đâu? Có khi phải về hỏi mẹ cha.

“Các anh đi học xa, mẹ ở nhà, sáng, mùa thu, đưa hơi thu, rét sấp đến, đã nghĩ lo áo rét cho các anh. Mẹ mở hòm, tìm áo cũ, áo cũ lành tốt thời gửi ngay, áo cũ rách thời mẹ vá, không có áo cũ thời mẹ may.

“Các anh ở nhà trường ngồi bàn ghế, cầm bút viết mẹ ở nhà, ngồi dưới cửa, cầm kim vá may. Các anh đi ra đường, thấy gió lạnh, lòng nhớ mẹ mong mẹ gửi cho áo; mẹ ở nhà thấy gió lạnh, lòng lo con, gửi cho áo, mong con học cho hay.

“Gió mùa thu, mỗi năm, lá vàng bay. Các anh đi học trường, mỗi năm càng mỗi hay, đèn công cha mẹ, không phụ áo mẹ may.

“Gió mùa thu, lá vàng bay, năm sau như năm trước. Nếu sự học của các anh cũng năm sau như năm trước thời công mẹ may áo cũng như gió mùa thu, lá vàng rụng bay”.

Lầm nhầm ôn lại bài học rồi, anh học trò bé nhỏ ấy nhìn lên bầu trời bàng bạc và nhợt như một con chim se. Là vì y biết là mùa thu đã bắt đầu, các cây nhội chi chít quả, chim hót về nhiều, chắc chắn y có nhiều hy vọng bắn được nhiều đê về nuôi, nếu còn sống hay rán lên cho mèo ăn, nếu chẳng may chim bị trọng thương mà chết.

Tuy nhiên, chỉ có ý tưởng của tôi theo chân được cậu bé ấy mà thôi, vì cậu bé ấy chỉ là cái bóng, mà là cái hình bóng của chính tôi năm mươi mấy năm về trước. Thương, thương cậu bé vô tội ấy biết chừng nào! Tôi chú ý tới cậu ta, nhưng lúc chính tôi là cậu bé ấy thì tôi lại không chú ý.

Đến bây giờ tôi không còn là cậu bé ấy nữa thì tôi lại thương, thương vô cùng, nhưng thương, thương đến mấy cũng là vô ích vì cậu bé ấy đâu còn nữa; đồng thời ông bà, bố mẹ cũng chết rồi mà có khi anh em, bè bạn lúc nhỏ cũng không còn nữa, vì chiến tranh này, ai mà dám biết người thân của mình sống chết ra sao.

Duy chỉ còn có mùa thu tồn tại, nhưng đến cái buồn se sắt, đẹp nao núng của Bắc Việt thân yêu cũng lại biệt mù tăm tích, không biết đến bao giờ lại được nghe thấy hơi may về với hoa vàng,

không biết đến bao giờ mới lại được thấy lá ngô đồng rụng xuống giếng thu, nửa đêm thả một lá thuyền con đi mua rượu sen Tây Hồ về uống mà cũng không biết đến bao giờ mới lại được cùng với người vợ tâm mẫn ăn mấy con ốc nhồi thịt thăn, miến, mộc nhĩ hấp với lá gừng trông trắng trong khi thỉnh thong ở đàng xa lại vọng lại những tiếng hát chèo, tiếng rước sư tử, tiếng trống quân thùng thùng!

Mùa thu ở Bắc Việt xa xưa ơi, ta buồn da diết khi nghĩ đến kiếp chúng sinh hụt hụt trong biển trầm luân nhưng ta không thể không cảm ơn trời phạt đã cho người Bắc đau khổ triền miên một mùa thu xanh mơ mộng diễm tình đến thế. Mộng từ ngọn gió, cánh hoa mộng đi, mộng từ tiếng nhạn về én đi mà mộng lại, mộng từ bông sen tàn tạ trong đầm mà mộng lên, mộng từ sắc ố quan hà mà mộng xuống.

Quái lạ là cái mùa kỳ diệu: tự nhiên trời chỉ đổi màu, gió chỉ thay chiều làm rụng một cái lá ngô đồng thế là bao nhiêu cảnh vật đều nhuộm một màu tê tái, làm cho lòng người đa cảm tự nhiên thấy se sắt, tư lường. Thế là trời đất cỏ cây tự nhiên hiện ra dưới một lăng kính mới: trăng sáng đẹp là thế cũng hoá ra buồn, trời bát ngát yêu thương như thế mà cũng hoá ra tê tái sông nước đẹp mông mênh như thế mà cũng ra điều hiu lạnh.

Ngay đến cái thân mình, bình thường chẳng làm sao, vậy mà không hiểu cơn cớ nào thấy gió thu về xào xạc ngoài hiên mình cũng tự nhiên thấy thương cho thân thể và bâng khuâng buồn nhớ. Nhớ cái gì, buồn cái gì, không rõ rệt. Chính vào lúc bóng tối chưa tan, người vợ thấy chồng chong một ngọn đèn con lèn pha trà uống một mình và khe khẽ ngâm thơ cũng không hiểu tại sao chồng lại bâng khuâng như vậy.

[Trăng tà con qua kêu sương](#),

[Lửa chài le lói, sầu vương giấc hồ.](#)

[Thuyền ai đâu bến Cô tô,](#)

[Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.](#)

Chính thực ra nghe thấy gió thu đuổi lá chạy ở rặng cây ngoài vườn, người vợ cũng bâng khuâng nhưng chính mình không biết đó thôi.

Lúc ấy, muốn chiều chồng cách gì đi nữa thì cái buồn vô căn cớ của người chồng cũng không thể, bao nhiêu cuộc ân tình ngang trái, bao nhiêu mộng ước không thành, bao nhiêu cuộc phù trầm cay đắng của những ngày xa thật là xa, tưởng đâu như ở một tiền kiếp đã lu mờ, tự nhiên

trở lại như vang như bóng, ẩn ẩn hiện hiện trong khúc ngâm cảm khái của Bạch Cư Di buộc
ngựa vào gốc ngô đồng trèo lên trên một cái chòi uống rượu với đám ca nhi lạc phách.
Bóng đâu trong sáng vô ngàn,

Sâu thêm giận đắp cõi trần khắp nơi,

Đóng lâu đồn thú kìa ai,

Biệt lý buổi mới đâu người trước sân.

Canh khuya ai đó phi tần,

Vua không yêu nữa tàn ngàn về cung.

Biên thành thế thủ không xong,

Bạc đầu ông tướng thong dong lên chòi.

Soi cho đứt ruột bao người,

Thièm thù, ngọc thỏ trên đời biết chi!

Cái buồn mùa thu lê thê, cái buồn mùa thu tê mê, cái buồn mùa thu nao nè nhưng không day dứt
đến mức làm cho người ta chán sống. ấy là vì gió thu buồn nhưng trời thu lại đẹp, đẹp nhất là
trăng thu, đẹp đến nỗi làm cho người ta buồn nhưng vẫn cứ muôn sống, để hưởng cái đẹp bàng
bạc trong khắp trời cây mây nước nếu chết đi thì uổng quá.

Trong một năm, không có mùa nào trăng lại sáng và đẹp như trăng thu. Từ thượng tuần tháng
tám, nhìn lên cao, nhà thi sĩ thấy cả một bầu trời phảng lì mà xanh ngắt, không có một đám mây
làm vắn đục làn ánh sáng mơ hồ của trăng tỏa ra khắp cả nội cõi đồi cây chân sim bóng đá,
nhưng từ rằm trở đi thì ánh trăng mới thực lung linh kỳ ảo. Vợ chồng dắt nhau đi vào trong ánh
trăng lúc ấy cảm thấy mình đi ở trên trần mà dường như có cánh ở dưới chân, không bước mà

có cái gì đây chân đi nhè nhẹ vào trong cõi mê ly thần thoại. Lắng tai nghe thật kỹ, đâu đây có cái gì rung động như cánh của những con bướm mới ra ràng.

Mà ở đây, có cái hương thơm gì dùi dịu thế? à, đây là hương lúa ba giăng, mà tiếng rung động nhẹ nhẹ kia chính là tiếng ân tình nhỏ bé của những bông thóc thơm thơm ngã vào lòng nhau để tìm sự ấm áp trước ngọn gió vàng hiu hắt.

Mùa hồng lúc này đã rộ, bưởi cũng đã nhiều, nhưng thơm ngọt ngào mùi đất nước quê hương, đó có cái gì sánh được với cỗm Vòng ăn với chuối trứng cuốc ngon lù.

Đi trên những con đường nóng bỏng của trời tháng tám miền Nam bấy giờ, tôi nhớ gì là nhớ đến những buổi sáng mùa thu mẹ mua cho một mẻ cỗm giót ăn lót lòng buổi sáng trước khi đi học, rồi đến khi có vợ có con thì vợ biết tính chồng, thường dặn những người gánh cỗm ở Vòng lên bán, thế nào cũng giữ cho những mẻ cỗm thật ngon đem nén rồi đem vào những cái đĩa con vừa ăn vừa nhấm nháp nước trà sen thơm ngát.

Những ngày như thế, trời vào buổi trưa sáng mờ mờ như lọc qua một dải lụt nõn nường. Có người thấy trời đẹp nõn nường như thế cảm thấy rạo rực không ngủ được. Tôi nhớ có nhiều khi giữa buổi trưa, có những anh bạn gõ cửa vào ngồi đòi uống rượu “nhầm với bất cứ cái gì cũng được”. Gió đập vào lá cây hoàng lan trông giữa sân kêu rào rào. Một vài cành hoa tím ở trên giàn hoa rơi vào trong chén rượu: anh em uống cả hoa và cù như thế uống cho đến xế chiều rồi tất cả dắt nhau đi lang thang bất cứ đâu, vì tuy rằng không ai nói ra lời, nhưng ai cũng cảm thấy trong sâu thẳm cõi lòng rằng gấp những ngày trời đất thế này mà không đi ra ngoài thì uống quá. Đi quanh Hồ Gươm nhìn lên cây gạo ở Ngõ Hồ nghe những con sếu báo tin rét sắp về; đi lên Ngọc Hà ở đằng sau Bách Thú xem hoa và tán tỉnh chuyện tầm phober với mấy cô nàng trắng ngà trong ngọc; đi ra Nghi Tàm mua mấy cây thế rồi rẽ ra ngõ Quảng Lạc tìm nhà một ông bạn già để ngắm lại cái tượng “Mạnh mầu gánh sách cho con đi học”... đi như thế trong một bầu không khí vừa vừa lạnh, hiu hiu gió, biêng biếc sầu; kể đã là thú của người đàn ông được vợ chiều, vào buổi tà huân dắt tay vợ đi chơi ở ngoại ô nhìn trăng giải trên ruộng lúa và nghe tiếng hát trống quân theo gió vang heo hút ở làng bên kia sông vọng lại.

Trăng sáng quá, em ơi, cứ đi như thế này, cả đêm em không biết chán. Trăng giải trên đường thơm thơm; trăng cài trên tóc ngoan ngoan của những khóm tre xào xác; trăng thơm môi mòi đón của dòng sông chảy êm đềm; trăng ôm lấy những bộ ngực xanh của những trái đồi ban đêm ngào ngạt mùi sim chính... trăng ơi, sao trăng khéo đa tình, cứ đi hoài theo chân cô gái tuyệt trinh và lén cả vào phòng the của người cô phụ lay động lá màn chích ảnh?

Lúc ấy, đứng dừng lại nhìn vào mắt vợ thì trong mắt vợ mình cũng thấy có trăng, có trăng cả ở

toàn thân mặc quần áo mà như là kho thân; chạm mạnh vào thì vỡ. Tự nhiên mình có cảm giác trăng ở trong lòng mình cũng lung linh một thứ ánh sáng xanh màu huyền diệu, thắm hoa hương, làm cho cả tâm óc chơi với, rung động.

- Ở, ngày xưa Thân Thiên sư dùng phép thuật đưa Đường Minh Hoàng du Nguyệt điện để tìm Dương Quý Phi có lẽ lòng cũng chỉ chơi với, rung động đến thế là cùng.

Tội nghiệp cho cái ông vua mê gái quá chừng là mê: Dương Quý Phi chết rồi mà thương nhớ không nguôi đến nỗi phải nhờ Thân Thiên sư đánh đồng thiếp đi tìm, mà đến lúc Thân Thiên sư bảo là đã gặp nàng thành tiên trên cung nguyệt. Chỉ một lát, thân hình của ông vua mê gái đó nhẹ bỗng như lông hồng, bay bổng chín tung không, vào được cung nguyệt và gặp người yêu thực. Nhưng tiên giới và phàm trần cách biệt nhau, Dương Quý Phi chỉ biết trông Đường Minh Hoàng mà khóc.

Theo sách “Thiên bảo di sự” thì Quý Phi ném một chiếc vòng ngọc cho Minh Hoàng rồi biến mất. Minh hoàng nhặt lấy xem: quả thực là chiếc vòng ngọc tự tay mình ban cho nàng năm xưa. Nhà vua úa nước mắt. Thì vừa lúc đó con ngọc thỏ đang cầm chày già thuốc ở dưới cây quế, ném cái chày vào vai áo nhà vua mà bảo: “Làm vua mà chẳng biết lấy nước lấy dân làm trọng chỉ say mê một người đàn bà, chuyện đó đã xấu lắm rồi, nhưng xấu vượt bức là đến lúc loạn ly, chẳng biết sửa lỗi mình lại đồ cả lỗi lên đầu một người yếu đuối như thế sao gọi là thương yêu được, sao gọi là tiếc nhớ được?”. Đường Minh Hoàng sực thức.

Thì ra đó chỉ là một giấc chiêm bao, nhưng lạ thay cái vòng của Quý Phi tặng ở trên cung nguyệt vẫn còn ở trong tay Minh Hoàng. Buồn héo lá gan, Đường Minh Hoàng từ đó đỡ nghĩ đến Quý Phi nhưng nhà thơ Lý Thương ẩn nhờ đó đã viết nên tám câu thống thiết khi đi qua trạm Mã Còi, nhắc lại cái nhục quân sĩ bắt nhà vua phi giết Quý Phi, đồng thời nhớ đến lời nguyện ước khi xưa giữa “chàng” và “nàng” đêm thất tịch.

Có sao bốn kỷ làm thiên tử

Kém Mạc Sầu kia được hắn hoi

Mê gái, thế thì hay hay dở? Dở hay hay không dám quyết, nhưng Đường Minh Hoàng chỉ vì mê gái mà thành ra thần tượng của tình yêu, âu cũng ly kỳ ác!

Không thế, sao cứ đến Trung thu ở Bắc cũng như Nam, nhà hát nào cũng đưa vở tú “Đường Minh Hoàng du Nguyệt điện” để chài người đi xem; còn hàng bánh dẻo, bánh nướng thập cẩm,

đậu đen, hạt sen trứng muối, ôi thôi hàng nào mà không có một bức tranh thật lớn vẽ ông vua mè gái đó lúng liếng con mắt nhìn Dung Quý Phi hay làm thành hình đèn cho chạy đèn kéo quân để hấp dẫn nhiều người bu lại?

Ở niêm Nam, đồng bào ăn tết Trung thu kể đã vui đáo để, nhưng không có những khu hoàn toàn tết, Mua một cái đèn con thỏ, ở Chợ Lớn có, ở Sài Gòn cũng có cả cái tàu chạy trong thau nước, có đầu sư tử, có ở đường Thủ Khoa Huân có mà ở Nancy cũng có; có đèn quả đào, có cả ngựa nghèo bằng nilông nữa... nhưng ở Bắc thì không thể.

Có những năm đi xem tết Trung thu ở niêm Nam đất nước ta, tôi tưởng như lạc vào trong một cái động đồ chơi bằng giấy có đủ các cầu vòng, chan hoà ánh sáng thần tiên, nhưng có ai bảo cho tôi biết tại sao tôi vẫn cảm thấy là chơi cái tết Trung thu như thế vẫn còn thiếu cái gì? Cái gì đó là cái không khí chǎng? Cái gì đó là cái thời tiết chǎng? Cái gì đó là cái tâm hồn phơi phói chǎng?

Từ đầu tháng tám, các phố Hàng Gai, Hàng Hài, Hàng Mã, Hàng Hòm, Hàng Thiếc, Hàng Bông lờ, Hàng Trống hoá trang một cách kỳ diệu đến nỗi làm cho du khách không thể nào nhận ra được nữa. Các hàng tạp hoá, hàng sách, hàng giấy, hàng tơ lụa, nhất nhất đều thu cả hàng hoá lại một chỗ để bày bán toàn những đồ chơi tháng tám. ôi chao, sao mà lăm kiêu đèn thế, đèn quả dưa, đèn xếp, đèn trái trám, đèn con thỏ, đèn kéo quân, đèn thiềm thừ, đèn ông sao...

Hồi người đàn bà đẹp như th đi sắm tết cho con, bà đã mua con voi lắc lư cái đầu đứng trên một cái bệ có bánh xe đầy được thì ngại gì không mua thêm một đầu sư tử và một quả ngọc cho nó vờn để vui cửa vui nhà? Ai ưa điển tích, rước ông lão Vọng râu bạc ngồi câu cá về mà bày cỗ; con cá chép kia là “Lý ngư bái nguyệt” treo ở nhà có con đi thì rất nhiều hy vọng đỡ cao; nhưng cô gái nhà lành kia đừng mua lũ nhỏ làm bằng vỏ trứng làm gì? cứ về lấy hai quả dừa phết bông gòn vào rồi đính tai đính mắt vào đó làm hai con thỏ mẹ đặt vào trong hai cái bát chiết yêu, trông còn nền nã hơn nhiều, phải không cô?

Bây giờ tôi bàn với cô như thế này: Ngày mười bốn kê cái án thư ra ngoài hàng hiên bầy hai con nhỏ mẹ hai bên, giữa để một cái lư trâm rồi đặt ông Lã Vọng câu cá ở giữa, hai bên là hai con chó tết bằng tép quả bưởi bở ra, mắt làm bằng hai hột nhãn, hai bên hai bát hạt dẻ, giữa là bốn bát chiết yêu gạo nếp trắng bao lấy bốn chữ cũng bằng gạo nếp nhuộm màu xanh, đỏ, tím, vàng “Trung thu Nguyệt bính”. Ai muốn cỗ to hơn thì treo ở trên một cái đèn kéo quân, dưới đặt rất nhiều ghế, và trên mỗi ghế để một thứ đồ chơi như đàn tỳ bà làm bằng catông, cô tiên đánh đàn, cái đầu sư tử và các thứ bánh trái như bánh dẻo, bánh nướng, bánh đậu xanh, bánh chữ, bánh Tô Châu; nhưng có một nguyên tắc không ai được phép quên; cái bánh dẻo to nhất

phải bày ở giữa, trên một cái kỷ kê ở trước án thư, và nhó đặt lên đó một con thach sùng bằng bột; còn các con giống khác như kỳ lân, con phượng, trái đào, quả chuối, cành hoa... muôn đặt đâu cũng được.

Ấy đấy, cỗ trung thu bày như thế có thể coi là tạm xong rồi đấy. Bây giờ chỉ còn đợi trời tối là thắp đèn xếp, đèn quả bưởi, đèn mùi trám treo ở đây kẽm cảng hai bên cho sáng tinh lén rồi đốt nhang thắp nến, lẽ trời, lẽ Phật, trong khi người lớn đốt nhang thắp nến, lẽ trăng, còn trẻ con đánh trống cù om lén và múa sư tử lung tung xoèng ở trước sân gạch có trăng chiếu sáng như ban ngày.

Bây giờ đã lớn tuổi, rồi trí óc hắn là phi suy đi chừ có đâu được phuong cương như trước, nhưng quả tình tôi không hiểu làm sao cứ nhó đến những cái tết Trung thu hồi nhỏ, bày cỗ, múa sư tử, đánh trống àm àm như thế thì tôi lại như thấy máu chảy mạnh hơn, con mắt sáng hơn, mà tinh thần cũng hăng hơn?

Góm chết là cái thuở thiếu thời tai ác ấy. Nhà tôi bán đầu sư tử: ai mà bảo sư tử của nhà khác cùng phố lớn hơn mà đẹp hơn thì tôi tưởng có thể sanh sự liền; đèn kéo quân nhà tôi bán cũng là đèn đẹp nhất; còn cỗ tháng tám thì khỏi phải nói, bao giờ tôi cũng thấy cỗ nhà tôi hách nhất và to nhất, không cỗ nhà ai sánh kịp... Cứ từ mười hai tháng tám là ngày bày cỗ, tôi sướng như điên, có đêm thao thức đến một hai giờ khuya không ngủ được. Đi hết Hàng Thiếc xem những cái tàu bay tàu thuyền, lại rẽ Hàng Mã xem con giống quay xuống Hàng Gai xem đèn và sư tử, rồi lại quanh ra Hàng Trống để đứng ngắm nghĩa xem nên về nhà xin tiền để mua cái trống nào, tôi oán ức bố mẹ bắt phải lên giường đi ngủ. Nằm nhìn lên những đám mây bay quanh ông trăng sáng in rõ hình thằng cuội, cây đa, tôi thao thức vẫn vơ và nhiều khi, mở mắt rõ ràng, tôi tưởng như thấy có những cô tiên bé nhỏ bằng ngón tay út bay là là từ mặt trăng xuống đất dắt nhau đi “dung giăng dung dẻ” và hát những câu hát dân gian mà tôi thích thú vô cùng vì lẽ chính tôi cũng biết những câu hát ấy:

“Ông giăng, ông giăng – xuống chơi với tôi – có bầu có bạn – có ván cơm xôi – có nồi cơm nếp – có đệp bánh chưng – có lưng hũ rượu – có chiếu bám dù – thằng cu xí xoái – bắt trai bỏ giò – cái đở ấm em - đi xem đánh cá - có rá vo gạo – có gáo múc nước – có lược chải đầu – có trâu cày ruộng – có muồng thả ao - ông sao trên trời...”

Tôi cũng lầm bầm trong bụng hát theo các cô tiên rồi thiu thiu ngủ lúc nào không biết, nhưng trong khi chập chờn vẫn nghe thấy tiếng trống sư tử ở đàng xa vọng lại và những đứa trẻ hàng xóm vừa vỗ tay vừa đồng ca:

Ông trăng mà bảo ông trời,

Những người hạ giới là người như tiên.

Ông trời mới bảo ông trăng,

Những người hạ giới mặt nhăn nhúm.

Nhớ ơi là nhớ cái tết Trung thu ở Bắc! Vui, mà vui thế là cùng! Về sau này lớn lên, nghĩ đến giờ phút đó, tôi không lạ làm sao lại có những người thấy tết Trung thu về lại muôn phát điên lên, bầy các trò chơi lạ để hưởng thụ cuộc đời cho đã.

Ờ này, hầu hết chúng ta gặp lúc trời sầu ngất ngất, lòng hận mang mang, thường ngâm câu thơ cõi:

Thương nữ bất vi vong quốc hận

Cách giang do xướng Hậu Đinh Hoa

Nhưng có mấy ai nhớ rằng Hậu Đinh Hoa, nguyên thuỷ là của một anh chàng thấy mùa thu đẹp như điên không chịu được, đã sai các cận thần soạn ra bản hát ấy để cùng hát với khúc “Ngọc Thụ” đêm rằm tháng tám ở Vọng Nguyệt đình trong ngự uyển?

Cái anh chàng mê mùa thu xanh ấy là một vị vua chơi bời vô độ, hoang dâm có tiếng, tên là Trần Hậu chủ. Chính ông này đã cùng các cận thần soạn ra hai khúc “Ngọc Thụ” và “Hậu Đinh Hoa”, nhạc và lời dâm dật để cho các phi tần đẹp nhất trong ban “Nguyệt lý quần tiên” vừa múa vừa hát theo điệu “lộng nguyệt vũ” tức là múa vòn trăng vậy.

Ôi chao, người ta cứ đả kích các cái “sô” và khích động nhạc bấy giờ: tội quá. Âu Mỹ, tổ sư lối vũ nhạc ấy, bất quá cũng chỉ là những kẻ nô gót Hậu chủ mà thôi! Đêm thu, trăng sáng, Trần Hậu chủ cho bày tiệc yến diễn, nào nấy chỉ khoác ngoài một cái áo dài lụa bạch để vừa múa vừa thoát y... rồi thốn thà thốn thiện đến trước mặt Hậu chủ để trình... ngự duyệt.

Tương truyền các trong ban “Nguyệt lý quần tiên” đều vui vẻ trình thân như các người đẹp “xéch xy” bấy giờ, duy có một người đẹp rụt rè không chịu tiến lại gần nhà vua.

Nhân lúc đó chất men đã bốc, Hậu chủ chạy lại ghì chặt lấy cô ta, xé cái áo dài lụa bạch ra

để... soạng làn da mát rượi mỗi lúc mỗi trăng, mỗi lúc mỗi trong hơn và sáng hơn: Nhà vua cười ha ha:

- Chao ôi, trăng cũng đa tình! Không thể, sao mỗi lúc mỗi sáng hơn lên như vậy?

Rồi ngâm xong bốn câu thơ dưới ánh trăng:

[Nguyệt diệc đa tình thậm](#)

[Chiếu thử ôn nhu hương](#)

[Duy ngô đắc chung lão](#)

[Lao nguyệt phí quang mang](#)

Về sau, có người tạm dịch:

[Góm cho trăng cũng đa tình,](#)

Này nơi êm ấm cũng rình sáng soi;

[Suốt đời riêng một ta vui](#)

[Trăng soi tỏ lầm cũngtoi công mà!](#)

Sách xưa chép rằng: sau khi ngâm xong bốn câu thơ trên, Hậu chủ buông tay ra thì người con gái lăn xuống đất, không động đậy. Thì ra người đẹp bị hôn quân nắm chặt, sợ và hổ thẹn không chịu được, đã tắt thở từ lúc nào rồi.

Các phi tần hoảng hốt tâu lên Hậu chủ thì đức vua lè nhẹ truyền cho thái giám khiêng bỏ xác chết xuống sông. Nhưng cũng chính giữa lúc ấy thì lửa sáng loè ở hoàng thành, tiếng hò hét, tiếng dao kiếm vang lên như sấm dậy, quân nhà Tùy chiếm được hoàng cung và búa vây tú phía để tìm bắt tên vua dâm dật.

Hậu chủ chui trốn vào một bụi rậm, chờ lúc nửa đêm về sáng, thura khi có mây che khuất mặt trăng bò ra một cái giếng ở hậu cung, đâm đầu mà chết.

Cái chết không mấy gì đẹp, điều đó ai cũng thấy nhưng nghĩ cho cùng thì cũng tội cho Hậu chủ vì tội có phải riêng của Hậu chủ đâu. Ai bảo trời thu đẹp nao nùng, buồn se sắt; ai xui gió thu

biêng biếc nỗi sâu hắt hiu; ai làm cho ánh trăng thu mươn mướt như nhung để cho người đã cảm thấy tâm hồn phơi phới, thấy lòng tê tái, thấy thèm ân ái?

Nằm ở trên cái lầu cao nhìn ra dòng sông có khói to mờ mờ, người chồng tưởng như thấy trong lúc bong giăng lồng bóng nước thì cả bầu trời rền rĩ lên khe khẽ, thương thương, y như thể tiếng rèn rĩ thương thương khe khẽ của người vợ nằm trong vòng tay của người chồng trìu mến. Gió lay động bức màn mỏng nơi cửa sổ. Xa xa, ở trên con đường dọc mé sông, có những bóng đèn trẻ con đi rước tháng tám phản chiếu xuống nước trong vần vắt. Im, để mà nghe! Anh có thấy gì không?

- Anh chỉ nghe thấy có tiếng thở của trăng và tiếng tim em đập mạnh như một con chim bé nhỏ.
- Không. Còn gì nữa. anh không thấy à? Thỉnh thoảng cùng với gió may ở bên kia sông đưa lại, có tiếng hát trống quân. Thôi phải rồi, mình ở thành phố lâu ngày không nghe hát trống quân, mà Trung thu không có tiếng hát trống quân không được. Em là con gái Thuận Thành ở Bắc Ninh vốn là đất nổi tiếng về hát trống quân và quan họ. Đã lâu lắm, em không được nghe một đêm trống quân nào “gia dụng” thế nào, tối rằm này chúng ta cũng phi sang Gia Quất xem hát, anh có chịu không?
- Chịu chờ. Và anh chịu luôn các cụ nhà ta sao mà tâm lý thế, lại khéo biết lất mùa này làm mùa cưới vợ, lấy chồng. Gió hiu hiu khêu gợi thế này, mà trời về khuya, lại hơi lạnh lạnh, trai với gái tốt đỗi, thử hỏi còn có bài thơ nào đẹp hơn không?

Quan quan thư cưu...

Nằm xích nũ lại đây em, anh kể cho em nghe nốt bài thơ của cặp vợ chồng mới cưới...

Người vợ mỉm cười, mở rộng cửa sổ ra hơn một chút để cho ánh trăng tràn vào cả gian phòng. Đến lúc thiu thiu ngủ trên tay chồng, người vợ nói khe khẽ như trong mộng: “Nhớ nhé... thế nào chúng mình cũng phải đi nghe hát trống quân!”

Thương biết bao nhiêu, nhớ không có cách gì quên được cái đêm Trung thu năm ấy, hai vợ chồng quần quít tơ hồng, cùng dắt tay đi qua cầu Bồ Đề sang bên kia sông, vào trong một quán ngồi ăn miếng bánh đậu xanh, uống chén nước chè tươi, nghe hai tay tảo là Hai Mão và cô Sinh ở Hưng Yên về Hát đồ nhau những câu hiết hóc do lý Xuyến ở Gia Lâm sang cầm trịch. Từ khi lạc bước vào Nam, tôi không còn được đi xem một đám trống quân nào, trừ phi nghe với vẫn ở trên đài phát thanh, nên càng nghĩ đến cái đám hát đêm Trung thu năm đó lại càng nhớ quá.

Thực ra, nói đến hát thì nhớ không biết bao nhiêu thứ: Phú Thọ có hát xoan, hát ghẹo, Vĩnh Phúc có hát hội Rô. Bắc Ninh có hát quan họ và có biết bao nhiêu miền còn bao nhiêu điệu hát

mê ly nữa, như hát cửa đình có màu sắc tôn giáo, hát nhả trò ở các đám khao vọng, hát ca trù, hát văn, hát xẩm... nhưng không hiểu là vì vợ mình thích mà mình cũng thích lây hay tại một lý do nào không biết, tôi thích hát trống quân... không chịu được.

Tục truyền nghệ thuật hát trống quân có từ thế kỷ thứ mươi ba phố biển lúc quân ta chống quân Nguyễn. Khi nghỉ, quân ta ngồi gõ vào tang trống mà "hát suông" và "hát đôi". Về sau, trong ngày tết Trung thu, trai gái thường họp nhau dưới bóng trăng, trên bãi cỏ, trước sân đình, để háy trống quân với nội dung đôi đáp giao duyên, để cao tình bạn, ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên đất nước.

Hỡi cô Ba Sa Đéc, cô Tư Cần Thơ, cô năm Vĩnh Long, cô Sáu Mỹ Tho, cô Bảy Đồng Xoài, mấy cô đã có bao giờ được xem tận mắt một đám hát trống quân chưa? Ngô không để đâu cho hết, mấy cô à. Nhạc cụ của điệu hát này giản dị không chỗ nói: đàn kìm, đàn nhị, đàn xén, tay ban cầm... hết thảy đều là đồ bỏ. Tất cả nhạc cụ chỉ gồm một cái hố sâu, có cái thùng bằng thiếc sáu thước cẳng giữa hai cái cọc. Cầm mảnh gỗ, gỗ khẽ một chút vào đầu dây, cái dây bật vào thùng phát ra một thứ âm thanh giòn giã nhịp theo tiếng hát:

Thình thùng thình!

Một đàn có trống bay tung,

Bên nam bên nữ ta cùng cất lên,

Cất lên một tiếng linh đình,

Cho loan sánh phượng, cho mình sánh ta...

Hát trống quân thường mô tả niềm vui hồn nhiên của dân ta. Người hát phải biến báo, mau trí, sáng tác đột xuất để hát trả lời lại bên kia, có khi nghiêm nghị, có khi trào phúng, nhưng bao giờ cũng phải giữ thái độ thanh nhã, khiêm nhường, thua thì chịu thua chó không được tỏ thái độ cục cằn thô bỉ, nói thánh nói túng, đề cao mình, hạ thấp địch.

Tôi nhớ đêm ấy Hai Mão đã hát một câu hót búa để hạ phe Sinh:

Thình thùng thình!

Tiếng đòn thực nữ đại tài,

Bây giờ anh hỏi một lời phân minh.

Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,

Bốn phương phảng lặng hai kinh vũng vàng,

Tài hoa ma mọi già gan,

Hỏi rằng tên học anh chàng ở đâu?

Tuy biết nhiều câu đó hiềm hóc, nhưng chỉ thuộc những vật dụng hàng ngày, chớ không biết
nhiều điển tích, Sinh không thể nào giảng được. Dưới ánh trăng rằm, khán giả thấy mặt nàng đỏ
ứng lên... Nhưng chẳng lẽ ngồi im? Nàng đành phải nhượng bộ, xin Hai Mão giảng giùm:
Một lòng như ý sở cầu

Xin chàng nói lại trước sau sự tình

Thình thùng thình!

Thình thùng thình!

Hai Mão nhìn Lý Xuyên cầm trịch một cách hả hê và giảng:

Thình thùng thình!

Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,

Bốn phương phảng lặng hai kinh vũng vàng,

Họ Lưng tên gọi Thạch An,

Triều vua Gia Tĩnh rõ ràng tài hoa,

Thật là trong ngọc trắng ngà,

Thấy mình không biết giảng ra mấy lời.

Đôi ta cũng một làng chơi,

Thấy em thực nữ trả lời cũng xinh,

Bây giờ lại hỏi phân minh,

Tài hoa ngỏ hết sự tình anh hay.

ở đời một giống lạ thay,

Đêm đêm hí nguyệt ngày ngày có thai.

Thình thùng thình!

Những tiếng “Thình thùng thình” cứ nhắc đi nhắc lại mãi câu đố của Mão làm cho Sinh càng rối ruột, Biết làm sao bây giờ? Sinh nhất định không chịu phục vì Sinh vẫn khinh Mão ra mặt thường giễu Mão què.

Nhưng tiếng “Thình thùng thình” mỗi lúc thêm giục giã. Mà cái phép hát trống quân lại không cho người ta giờ giọng cục cằn liều lĩnh.

Rút cuộc, Sinh lại đành phải xin hàng vây, xin hàng như vậy có lợi vì giữ được thể diện với công chúng và mặt khác thì lại được chia giải thưởng, chó giờ mặt liều thì chẳng được xơ múi gì.

Sinh cúi mặt hát:

Thấy chàng tôi bõn cợt chơi,

Thi gan mới biết là người tài hoa.

Chấp chi bồ liễu đàn bà,

Giữ gìn cho vững bông hoa trên cành.

È khi sông gió bắc bình,

Đành thân phận thiếp, ngại danh giá chàng.

Ấy mới tài, ấy mới gan,

Xin chàng tỏ lại rõ ràng thiếp hay.

Có thể chứ! Cái công tu luyện của Mão không phải là vô ích. Thấy Sinh hạ mình xin lỗi, Mão thấy nao nao trong lòng. Bèn hát:

Hay, hay, hay thực là hay

Làng cho có lẽ chịu tay bợm già,

Thuyền khuyên rõ mặt tài hoa,

Nếu nàng đã chịu thì ta cũng lờ,

Cát đằng thuận nẻo gió đưa,

Chấp chung tần to sớm trúc tuỳ lòng.

Sinh đáp:

Sâm thương đã vẹn chữ đồng,

Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao?

È khi chiếc bách ba đào,

Nỗi chìm cũng mặc lúc nào rủi may.

Sắt cầm hồ đã bén dây,

Thiép xin thưa lại câu này vui chung.

Hai chữ “vui chung” của Sinh có ý nghĩa xin chia giải với Mão, nhưng sợ người cầm trịch không nghe, nàng liếc Lý Xuyên một cách tình tứ rồi hát:

Đâu nhiều tài tử anh hùng,

Biết rằng lòng có chắc lòng cho ai,

Sợ khi ép trúc nài mai,

Thế trong dù lớn hơn ngoài phó phân.

Vụng hèn nhờ lượng đại nhân,

Tuỳ lòng giải cầu xử phân được nhờ.

Lý Xuyên hiểu ý, trông Sinh mà cười. Ông phê vào tờ giấy cầm trịch cho nàng ngang khuyên với Mão.

Nhưng sau Trung thu năm đó, Sinh không đi hát giải nữa. Cô đã trở thành bác Mão gái; còn Mão què, xong vụ giật giải ở Gia Quất rồi cũng bỏ nghề, xếp một chỗ ngồi ở đê Mậu Dung đoán thê cho các bà các cô đi lễ.

Đau nhất là trong khi thiên hạ ca khúc bạc đầu như thế thì ba năm sau đó, vào một ngày cách mạng bùng nổ mùa thu, vợ chồng mình lại ngâm câu ly biệt. Đó chính là cái năm mà chính lúc vợ chồng đi lễ giao thừa đền Ngọc Sơn thì cầu Thê Húc gãy. Điểm xui xẻo đó ai ngờ lại vận vào mình cho đến cuối năm, rồi từ đó cứ kéo lê thê mãi như lời thơ “Chinh phụ hành”.

Thập bát giá lang quân,

Thập cửu lang quân xuất,

Nhị thập, bất qui lai,

Kim niên nhị thập nhất.

Mà sau này có nữ sĩ dịch là:

Mới năm mươi tám lấy mình,

Mà năm mươi chín dứt tình ra đi

Hai mươi, mình vẫn chưa về,

Giờ hai mươi một trăng thè con soi!

Cái thời buổi loạn ly tạo nên bao nhiêu là biệt ly. Năm ở miền Nam vắng trăng mà chỉ thấy hỏa châu, không có tiếng trống quân mà chỉ nghe toàn tiếng súng, không biết làm gì để giết cái vô liêu, người chồng bây giờ chỉ còn biết trèo lên trên lầu, cầm ly rượu nhìn ra bóng đêm mịt mù, ngâm câu thơ “Thú cỗ đoạn nhân hành”:

Sưu không trống giục người xa,

Thu về cánh nhạn bay qua gợi sâu.

Đêm nay sương trăng bắt đầu,

Cố hương hẵn cũng một mầu gung nga.

Mấy em tan tác không nhà,

Tử sinh nào biết đâu mà hỏi han.

Thư đi không thấu dặm ngàn,

Bên trời huống lại chưa tàn nửa bình.

Nửa đêm về sáng, trăng xuống thấp chỉ còn cao bằng ngọn tre thì cũng lúc ấy người thương tư cố hương cũng say khà. Hà, sáng mai đây, cuộc đời lại tiếp diễn, cả thế giới lại thi nhau kêu gọi hoà bình và chưa biết chừng lại có người tự thiêu “vì hoà bình, cho hoà bình”. Nhưng hoà bình bao giờ tới? Hoà bình đi có còn trở lại không?

Người xa nhà không muốn nghĩ lôi thôi gì nữa, vì hy vọng sống để trông thấy hoà bình và trở lại cố hương nhìn lại cố hương một chút trước khi nhắm mắt, mỗi ngày mỗi nhat đi mất rồi.

Cái thời buồn ly loạn này, tiến bộ đến tột bực, có đây lại như thời Thiên Bảo được. Cuối thời Thiên Bảo, An Lộc Sơn nổi loạn, chiếm kinh thành Tràng An, Vua Huyền Tông phải chạy vào Thục. Sau, hoàng thái tử lên ngôi ở đất Linh Vũ, hiệu là Túc Tông.

Bây giờ Đỗ Phủ ở Khung Thôn (Lộc Châu) cùng với gia quyến. Nghe tin tân quân mới túc vị, nhà thi sĩ từ biệt vợ con, trốn đến nơi hành tại. Chẳng may giữa đường, ông bị giặc bắt và bị ket mây tháng trời. Mãi sau, Đỗ Phủ mới trốn được về Linh Vũ. Túc Tông phong cho ông chức Tả thập di, giữa khi ở nhà, vợ con ông cùng quẫn, đến nỗi có vài con nhỏ chết đói. Túc Tông nhận cho phép ông về thăm nhà:

Mặt trời xé vè Tây,

Núi cao cao vút, sắc mây ứng hồng.

Kim ô chìm xuống mặt đồng,

Thấy ta, cái sẻ reo mừng ngõ gai,

Ta từ ngàn dặm xa xôi,

Về quê hương cũ với người thân yêu.

Vợ con sững sốt nhường bao,

Lạ rằng “người ở nơi nào lại đây?”

Định Thần lau mắt lệ đầy,

Làm than, kê lại những ngày ra đi...

Loạn ly, trôi giật một thì,

Ra đi, đâu hẹn ngày về hôm nay.

Đầu tướng, hàng xóm tối đầy,

Nghẹn ngào cùng vị thân này cảm than.

Cầm đèn quên cả đêm tàn,

Nhin nhau còn tưởng mơ màng thấy nhau.

Bây giờ sống trong chiến tranh “một” mới, ai đã từ biệt vợ con để ra đi lại còn dám nuôi hy vọng được ngâm lại bài “Khương Thôn” như Đỗ Phủ? Họa chăng chỉ thấy cố hương trong giấc mộng hay là mượn bóng trăng để gửi mối tương tư hoa vàng về chốn nghìn dặm quan sơn.

Tiếng chim xào xác bên đồi.

Giật mình lại ngỡ tiếng người dưới hoa,

Đường xa, rùng vắng, trăng tà,

Khói lên nghi ngút thấy nhà ta đâu!

Trăng thu, mây thu, gió thu ơi, trăng đẹp quá, mây cao quá, gió buồn quá, người nhớ nhà van xin trăng đừng đẹp quá, mây đừng xanh quá, gió đừng buồn quá, vì càng đẹp, càng xanh, càng buồn thì người xa nhà lại càng nhớ day dứt đến phong vị Giang Nam, không có cách gì khuấy kho được trăm sâu nghìn giận.

Đó cũng là lời nguyện ước của cô già còn son nhớ chồng đi lính trong khi chiến cuộc vẫn lan

tràn, sen tàn rồi sen lại nở bao nhiêu lần mà người thung vẫn đi biền biệt không về.

Từ ngày chàng ra ải quan,

Mình em với bóng trăng tròn lẻ loi,

Trăng đứng tròn mái hiên ngoài,

Xin trăng hãy vỡ làm hai mảnh lòng,

Mảnh thì rơi xuống cô phòng,

Mảnh gài ngọn ải cho chồng em soi

Đến gần sáng, gió may làm rụng mấy cái lá biệt ly cuối cùng trên mặt đường hanh hao xào xác. Người mặc bịnh tương tư uống thêm một ly rượu thật đầy, cho thật say, rồi lên giường nằm thiu thiu giấc hồ. Trăng khéo trêu người, nào có chịu thôi, lại chiếu vào cái giường xô lệch một nửa trăng (là trăng) đê đó, một nửa giường đê đó (đê đó) chờ ai... hữ la ơi...

Tháng Chín

Gạo mới chim ngói

Thì đã bảo cái gì đẹp thường là vẫn chóng tàn. Giai nhân, danh tướng đều không để cho người ta thấy bạc đầu thì dễ gì trăng lại cứ sáng mãi, tròn luôn để cho tao nhân mặc khách cứ uống rượu khà mà ngâm câu “nguyệt thi cổ hương minh”.

Trăng giữa tháng tám đẹp trội lên, đẹp ảo huyền túc là trăng sấp kém tươi và bớt sáng đến nỗi rồi. Biết quá cái diễn tiến của cuộc đời là thế, các nhà thơ đành chỉ còn biết nhìn trăng mà luyến tiếc, sống mà đã cảm thấy rõ rằng ngày đương có là ngày đã hết.

Bao nhiêu lời vàng nói lên cái cảnh đưa bạn ở trên sông nước bây giờ thành ra là những tiếng thơ tả nỗi lòng của người đa cảm chia tay với trăng thu để cho những ngày bàng bạc màu thì có mưa bóng mây, có gió lạnh, có tiếng sếu kêu dùn hiu về thay thế.

Đầu bên sông Hoài bóng nguyệt soi,

Trời chìm đáy nước, nước trôi xuôi,

Sáu triều việc cũ,

Mây nổi chơi voi,

Dưới trăng ấy

Ta với người

Biết nhau rồi đây muôn trùng thăm

Thuyền rẽ sông Hoài sóng bạc trôi.

Cái buồn của tháng tám nên thơ, qua khúc rẽ, cái buồn của tháng chín ủ ê, day dứt.

Nhin lên trời, người ta trông thấy trăng liềm nhô ra khỏi mộng để cho ánh ngà vắt sữa xuống ngàn cây; nhưng bây giờ thì mỗi khi chiều lảng xuống, sưng đâu đây đã dâng lên và hơi lạnh bắt đầu vỗ cánh bay vào trong quán gác, có người đàn bà vặn ngọn đèn nhỏ lên may áo rét cho

chồng nơi gió cát.

Những lúc đó, vì có muốn bắt chước người ly phụ trong thơ Đường lật trăng xin ở lại trăng cũng chẳng buồn nghe. Nay giờ, nghĩ mới ghê cho các cụ ngày xưa, biết lẽ tồn vong hn c ai ai, gấp những giây phút rầu rĩ như vậy, không nói không rằng, lặng lẽ trèo lên núi cao uống rượu “Trùng cửu đăng cao” để tiếc nuối mùa thu sắp hết.

Hay là để hưởng nốt những cái gì còn thể hưởng? Không biết. Nhưng các cụ ăn tết Trùng cửu ở trên cao như thế thì vợ chồng mình một ngày trùng cửu xa xưa nào đó cũng bắt chước, trèo lên trên lầu, nhìn ra sông nước xa xa ngâm khúc hát tự từ:

Hôm nay có phải là thu,

Mấy năm xưa đã phiêu du trở về,

Cảm vì em bước chân đi

Nước nghiêng mặt ngọc lưu ly phớt buồn.

Ai về xa mao cô thôn,

Một mình trông khói hoàng hôn nhớ nhà.

Ngày anh mới bước chân ra,

Tuy rằng cách mặt lòng ta chưa sâu.

Nắng trôi, vàng chảy về đâu?

Hôm nay mới thật bắt đầu vào thu.

Ở cuối sông, sương đục bốc cao ngút lên đến trời. Người vợ, thấy gió lạnh, kéo cái khăn che nắng che nửa mặt mà rằng:

- Nhưng nghĩ cho cùng thì “trùng cửu đăng cao” để tiếc nuối trăng thanh gió mát chưa chắc đã

hoàn toàn đúng. Đâu phi chỉ có mùa thu là đẹp? Mà tết Trùng cửu ăn vào ngày mùng chín tháng chín mỗi năm hình như còn có một ý nghĩa khác hẳn thế, chứ không phải dành riêng cho các nhà văn nghệ sĩ ngồi mà luyến tiếc mùa thu đẹp và than khóc mùa thu chết.

Chứng cứ là theo sách sử để lại thì tục ăn tết Trùng cửu bắt đầu từ bên Tàu: cứ vào ngày mùng chín tháng chín, cả thiên hạ đều nô nức vui chơi như trong tết Thanh minh, kẻ lên núi cao, lội suối, người ra sông thả một con thuyền rong chơi, người đánh cờ dưới bóng tùng, kẻ thả diều trên bãi cỏ. Các công nương mỹ nữ, trong xiêm y lộng lẫy, đi trong sương mù, gió lạnh hái hoa đêm về cùng với các trái cây đặt lên bàn thờ, vì theo tục lệ truyền lại thì ăn trái cây tháng này tránh được tai nạn bất thường, còn hoa đem sắc lênh láng nước uống thì tránh được nhiều bệnh tật trong những ngày đông tháng giá.

Vậy là cả bần dân thiên hạ vui chi trong ngày tết Trùng cửu, chứ không phải chỉ là ngày tết dành riêng cho các mặc khách tao nhã nói lên cái đẹp của mùa thu đang chết.

Có lẽ như thế đúng hơn, vì mùa thu đẹp, mà đẹp hơn nữa là những ngày tàn thu, nhưng ai bảo mùa đông lại không có những cái đẹp riêng của nó, cái buồn nênh thoả riêng của nó?

Tháng chín là tháng cuối cùng của mùa thu, nhưng bây giờ ngồi nhớ lại những ngày tháng chín đã qua ở Bắc, tôi thấy rằng tháng chín không hẳn là thế, mà còn ẩn ẩn một cái gì đẹp hơn thế, đa tình hơn thế: ấy là lúc đôi mùa thu, đông gặp nhau, mở hội giao hoan trước khi đưa tiễn nhau trên bến sông trăng cỏ bạc đầu, có gió lạnh mới về chạy xào xạc trong lau lách.

Ói ơi những người lỡ hội chồng con, có phải đến tháng này, ở Bắc Việt, cái gió lạnh mới về ấy thấm vào da thịt, len lỏi tới sâu thẳm của tâm hồn, nó làm cho người buồn dằng dặc, tự nhiên cảm thấy thèm khát yêu đương hơn cả bao giờ hết phải không?

Nhìn ra thì thấy cái gì cũng vãy chào, hẹn hò nhau, cái gì cũng tơ hồng quần quít, cái gì cũng đủ lứa no đôi; hồng thì có cõm đẹp duyên, buổi thì có lòng ân ái, gió bắc có mưa phùn, cam vàng có quít xanh, ăn cái món rươi thế nào cũng phải có vỏ quít mới dậy mùi, thế thì tôi đồ ai cầm lấy chén cơm mới đưa lên môi mà lại không nghĩ ngay đến chim ngói nhồi củ cải, thịt ba chỉ, hạt sen và miến?

Ghê cho các loài cây sao mà đến tháng này thấy hoa rết trở về cũng như cảm thấy thèm thuồng ôm áp, để cho đỡ lạnh lùng. ấy là cây phật thủ. Ba mươi tám năm trước ở miền này, tôi chưa được thấy loại cây “tiến” ấy nhưng bây giờ lạc nước đi vào vườn của mấy ông bạn chịu chơi, một vài gốc phật thủ đã thấy hiện ra, nhưng hầu hết chỉ tốt lá đẹp hoa mà bói thế nào cũng không chịu ra lái một hai quả để bày cho thơm nhà.

Ở Bắc, cứ vào cữ tháng chín này, sao các cây phật thủ sai quả thế? Mà tại sao ở đây lại cứ được

ra? Hay là tại thô ngói? Hay là tại hơi bom đạn của Mỹ ném đã làm thui chột các quả đó ngay khi còn trứng nước?

Hoá ra nghĩ như thế là làm. Có tìm được những người đã trồng phật thủ ở Bắc Việt vào đây mới biết là giống cây này tuy là mang cái tên rất đạo mạo trang nghiêm nhưng đến tháng tám bước sang đầu tháng chín là lúc bói quả thì lại không chịu được sự lẻ loi, cô quạnh. Muốn cho sang đến tháng chín phật thủ có trái thì từ tháng bảy, tháng tám nhà trồng tia đã phải ủ cho cây “một chất đàn bà” để cho ấm lòng.

“Nói bậy. Cây gì mà lại có cây khéo khéo đa tình đến thế?”.

“Ấy thế mà thực đấy, mới phiền. Không có chất đàn bà, cây nhất định cứ ì ra nằm vạ”.

“Thế cái chất đàn bà ấy là chất gì?”

“Nói thì tục tĩu, nhưng thực, sợ gì mà không dám nói? Chất ấy có thể là một cái yếm, một cái quần, một cái khăn... Nhưng điều cần là khăn ấy, quần ấy, yếm ấy phải do người đàn bà đã dùng rồi, nghĩa là phải có hơi hướng của người đàn bà mới được. Đem ra bón ở gốc cây, cũng như hoàng lan bón phân ngựa, mai vàng bón gạch non, sứ Thái Lan bón khô dầu, rồi lấy nước giặt quần áo của đàn bà ra tưới, ấy thế là phật thủ đỏ mày hạy hạt, sang đến tháng chín thì quả cứ lùi ở trên cây. Lại lấy cái quần, cái yếm cũ của đàn bà ra bọc lấy trái cho đến khi da nó bóng lên, các cái móng dài cuộn lại như móng tay Phật, anh hái đem về để lên trên mâm ngũ quả, đến đêm hương dậy, lên khắp cả nhà. So với thanh yên, và bưởi, hay hồng hạc, cam sành, trái phật thủ bỗn ra ăn chơi một miếng, chưa chắc đã ngon bằng, nhưng từ xưa nó vẫn được tiếng là quý thành ra lúc ăn, ai cũng lấy làm trọng – nhiều khi cứ để đấy mà trông, thỉnh thoảng cầm lên mà nắn cho nó teo đi, để dành phòng khi đau bụng mang ra dùng chớ không dám ăn sơ phí. Những người ăn thuốc “sura” rồi lại bầy ra cái trò kỳ cục không chỗ nói: tiêm thuốc phiện vào trong phật thủ rồi để đấy cho nhuyễn vào vỏ và thịt của trái cây. Nay, cứ thỉnh thoảng tiêm một chút như thế rồi để đấy, hàng năm không thúi; khi nào cần, lấy ra dùng một miếng, sợ còn hay hơn là thuốc tiên, cụ a. Góm cho cái giống Âu Tây họ không chảy máu mắt ra; lấy vỏ phật thủ chê ra cái rượu cointreau ngon đáo để, ngọt cù lù, ấy thế mà say đơ đồng đo địa lúc nào không biết”.

Mứt phật thủ ăn cũng ngon gia dụng, nhưng riêng tôi lại ưa cái mứt kỳ đà hơn, vì cùi của kỳ đà dày, còn thơm cũng tựa như phật thủ. Đó là một thứ bưởi lớn có khi hơn cả cái đầu một đứa trẻ lên năm, ngon không thể bằng bưởi Đoan Hùng, Phúc Trạch nhưng quý vì cái cùi của nó giòn, ăn vào sùn sụt mà thơm một cách độc đáo, nửa như mận Thất Khê mà nửa như hồng mòng. à, hồng mòng! Phải rồi, cái hồng này ít lâu nay cũng thấy bày bán ở niêm Nam nhưng có lẽ vô

duyên là khẩu cá của tôi cho nên từ khi có loại trái cây này bày bán các chợ đô thành, tôi chưa được thưởng thức một trái nào mềm xót, ngọt lùn như hồng mòng ở Bắc ăn với cỗm vào cuối tháng tám đầu tháng chín.

Cỗm thì xanh biêng biếc mà hồng thì đỏ chói chang, hoạ sĩ lập thể nào đã dám dùng hai màu đó kết hợp với nhau chưa? ấy thế mà ở Bắc, cứ đến tháng chín thì nhà trai lại đem đến sêu tết nhà gái hồng và cỗm, hai thứ bầy sát với nhau. Nhìn những mâm hồng và cỗm tốt đỗi như trai gái tốt đỗi, ai cũng cảm thấy lòng mình nở hoa và kính sợ tổ tiên ta hơn lên một chút vì sao các cụ lại có thể lựa chọn tài đến thế trong việc chi màu sắc đồng thời lại đem cho nhân duyên của trai gái một ý nghĩa đậm đà đến thế.

Hồng, thực ra, có ba bốn loại: hồng hạc, bốn múi, trái dài, ít hột, ngon nhất là giống ở Việt Trì; hồng ngân túc là thứ hồng xanh, có trái ăn hơi chát, muốn kiềm thứ thực ngon phải là giống ở Sơn Tây. Nhưng trong lễ cưới hỏi, nhất định phải tìm cho được hồng mòng, chẳng những trông đã đẹp mắt, mà cỗm và hồng ăn vào miệng lại nhuyễn với nhau, vừa thơm, vừa ngọt, vừa bùi, áy ai đa cảm, mấy mà không nghĩ rằng thịt ướp lấy thịt, da ướp lấy da để hoà làm một cũng chỉ mê ly đến thế chó không thể nào hơn được!

Ôi thôi, đến cái thú thường thức miếng ngon đất Bắc vào những ngày tàn thu, nghe gió bắc thổi vi vu bên cạnh người thương bé nhỏ thì biết kể đến bao giờ cho hết. Tháng chín thì quít mới đỏ tròn, ăn chưa xứng ý, nhưng cam thì có cả rừng bạt ngàn san đã ở trên những vùng mường mán, ai muốn ăn bao nhiêu tuỳ thích, mà muốn trả mấy hào cũng cứ được đi. Tuy nhiên, ăn như thế chỉ là ăn chi. Mùa này, bắt đầu có cam sành nổi tiếng ở Bố Hạ, vỏ vàng ăn ngọt như đường phèn; cam chanh ở Xã Đoài không những ngọt lại thơm, chẳng thế lại được liệt vào hàng cam tiền; còn cam Giàng sản xuất từ làng Giàng ở Thanh Hoá thì có ý mát và nhiều nước hơn.

Tôi nhớ lại có những buổi chiều vô liêu tháng chín, trời lạnh, gió té tê buồn, không đi ra ngoài, ăn cơm xong, tráng miệng bằng cam rồi không biết làm gì ngồi châm một ngọn đèn dầu lên hút thuốc rồi lấy những cái vỏ cam b López và ngon lửa; nước ở trong vỏ tia ra làm bùng ngọn lửa đèn, tạo cho mình một sự thích thú và hồi hộp lạ.

Chẳng biết cái vỏ cam ấy để dành có làm được vị thuốc gì không, chứ cái vỏ quít thì quả là dùng vào được nhiều công việc quá. Ai ăn nhiều mà đầy dạ bụng, khó tiêu cứ lấy vỏ quít kinh niêm sắc lên mà uống; nhưng ăn rươi mà dùng vỏ quít phơi khô không sướng bằng dùng vỏ quít tươi mới lột ra, thái như sợi chỉ.

Tài thế! Chẳng cần nhiều chỉ một dûm thôi, cho vào rươi tráng trứng, rươi mắm, rươi nấm với củ cải theo kiểu tam xà đại hội hay là rươi xào xâm xấp nước với củ niẽng, rắc mấy cọng mùi

lên trên, tự nhiên rươi dậy hắc mùi. Thiếu vỏ quít, nhất định không phi là rươi nữa cũng như non thiếu nước, trăng thiếu hoa, gái thiếu trai, nhất định không có cách gì tạo nên được bài thơ ý nhị!

Thế nhưng mà quái, làm sao đến tháng chín, có nhiều cái thú ý nhị thần tiên thế nhỉ?

Đã cõm với hồng, đã vỏ quít với rươi, lại còn gạo mới chim ngói nữa. Có phải là ông trời đem tất cả những cái gì đẹp nhất, mê ly nhất lại cho người Bắc Việt để đèn bù lại cái đời sống vất vả của những người ưa chuộng hoà bình nhưng liên tiếp cả ngàn năm phải vật lộn, phải đấu tranh để chống lại ngoại xâm lúc nào cũng mạnh tâm thon tính cái dải đất nỗi tiếng là bờ xôi, ruộng mặt?

Mặc. Muốn mưu toan gì mặc, người đàn ông cứ quyết tâm giữ phần đất của mình đến kỳ cùng, còn người đàn bà thì cứ thờ chồng nuôi con, và giữ lấy dung nhan cho đẹp để cho người chồng được hởi dạ dưới ngọn đèn rủ chao xanh.

Thường thường, vào cũ có nắng hanh ban ngày, da người vợ hi nẻ và hồng lên đôi má. Mặc dầu ánh sáng đèn chiếu ra xanh lờn lợt, người chồng ngồi cạnh vợ cũng thấy đôi má vợ phản phớt hồng như hoa đào. Tấm áo nhung đen rung rức làm nổi bật sắc da ở cổ tròn tria lên; cặp mắt có vẻ thăm thêm một chút; ở ngoài gió bắc xào xạc làm rung động ngọn hoàng lan và người chồng nhìn vợ nghĩ đến làn da ám áp thm thm mùi hoa chanh.

Trời tháng chín ở Bắc Kỳ lạ lăm. Có nhiều lúc trời đang nắng hanh vàng bồng tím về một hướng rồi mưa rào rào một lúc rồi tạnh, rồi bất thần lại mưa.

Đó là mưa bóng mây, đó là mưa rươi.

Cái mưa này, tuy vậy không có gì độc hết. Thường thường, người ta chỉ se mình, khó ở một chút thôi. Nhưng trời khéo đa tình, cứ vào lúc màn đêm rủ xuống, gió bắc nổi lên thì máu phát ra từ con tim dường như chy mạnh hơn và cả vợ cả chồng đều thấy diễm tình bát ngát trên làn môi thương thương, trong đuôi mắt yêu yêu... Đến khuya, cả hai vợ chồng vẫn nằm mở mắt trong bóng tối để nghe tiếng gió lay động những cành hoàng lan. Người vợ lấy tay đập khẽ vào vai chồng nói khẽ, như sợ có ai nghe thấy:

“Này, mai nhớ đánh thức em dậy sớm, đừng có ngủ quên đây nhé”.

“Dậy sớm làm quái gì. Thức khuya mệt, ngủ đi cho khoẻ”.

Nhưng người vợ không thể chiều ý người chồng vì mai là muồi bón, phải đi chợ Mới Mơ mua chim ngói về cúng với gạo mới.

Gạo mới gặt về đúng lúc có chim ngói, hai thứ gắn liền với nhau, cũng như quít với rươi, hồng với cõm thiếu một thứ không còn ra nghĩa lý gì. Nhưng tại sao hai thứ đó lại ăn khớp với nhau

nurse thế? Suốt một năm, người ta không thấy bóng một con chim ngói, thế mà không hiểu tại sao cứ có gạo mới thì cái giống chim ấy ở đâu lại dẫn diệu về để làm tăng cái thơm, cái dẻo của gạo mới tạo thành một khối thuần nhất, lạ kỳ, thứ này làm tăng hương vị của thứ kia lên, khiến cho người sành ăn chỉ còn biết tặc lưỡi, gật đầu vì không còn chừ để mà ca ngợi nữa.

Chẳng biết xem ở sách nào, người vợ kéo cái chǎn đơn lên đến cổ y như con chim nhỏ thò đầu ở tổ ngó ra ngoài, kể cho chồng nghe lai lịch của con chim ngói:

- Đúng rồi. Cái giống chim này quanh năm không có, tuy chỉ xuất hiện vào khong đầu tháng chín mà thôi. ấy là vì nó không phải là một giống chim của nước ta, mà là của những vùng biên giới Trung Hoa thấy gió rét, bay về phung Nam để tìm một nơi ấm áp hơn trú ngụ, nhưng vừa tới đây thì người ta bẫy tung đòn. Bẫy bằng vó như bẫy chim sẻ vậy.

Tài tình đáo để người Việt. Các đồ vật ứng dụng chǎng cần máy móc mộc không gì, chǎng cần phung trình thức, đại số thức, hoá học thức con tườu gì, ấy thế mà đem ra dùng thì bén nhạy và hữu hiệu lạ lùng.

Cái vó bẫy chim ngói, có gì cầu kỳ đâu: chỉ có một cái lưới, hình tròn, giữa có một cái trụ để dựng một lừa lưới lên, còn nửa kea thì để nằm trong ruộng, trên rắc lúa làm mồi. Chim ngói, bay tung đòn mà râm cả một góc trời, sà xuống để ăn thóc. Người bẫy chim, do một sợi dây buộc vào cái vành lưới làm bằng tre cật, giật một cái, phần nửa lưới úp xuống, và cả mẻ chim vào bên trong. Muốn cách gì cũng không thể chêch được vì người bẫy chim đã cẩn thận buộc vào vành lưới đó nhiều hòn gạch nặng, một khi đã úp xuống thì chim khó lòng thoát được ra. Có khi có tới vài chục con bị mắc lưới theo kiểu đó cùng một lúc.

Bây giờ, ngồi ở đây nhiều khi trông mưa nhớ nhà, tôi ưa nhớ đến những ngày có bóng rươi ở Bắc, cha mẹ anh em quây quần dưới một ngọn đèn dầu, chúng tôi tranh nhau vặt lông chim ngói rồi thả xuống đất giậm chân đẹp tay để cho nó trốn lui vào những gầm giường, xó tủ.

Chính ra con chim ngói trông cũng không đẹp mấy: từa tựa như bò câu, chim gáy, nhưng nhỏ hơn và tròn mình hơn. Lông chim ngói màu nâu, điểm những chấm đen đen, mà đuôi thường cụt. Vặt lông rồi, nó để lộ ra một làn da xám xám, thỉnh thoảng có vết máu róm ra vì người nhổ lông bất cẩn. Có lẽ vì nó sợ, và có lẽ vì đau, chim chịu đau xuống đi bộ bà bộ bỗng, trông như một đứa trẻ lột trần vừa bị đòn đau, tìm chỗ trốn.

Tôi nghiệp cho kiếp chim, ai thấy mà không ái ngại, nhưng triết lý là một chuyện mà thực tế lại là chuyện khác: chỉ một lát nữa thôi, mổ ruột bỏ lòng đi rồi nhồi hạt sen, ý dĩ, miến, thịt ba chỉ, mộc nhĩ, nấm hưng cho vào nồi hầm lên, anh sẽ thấy rằng các nhà đạo đức tu hành khuyến cáo các đệ tử ăn chay trường, cấm sát sinh, thật quả là dại, dại quá, dại không thể để đâu cho hết.

Đáo đẽ là cái giống chim này, sao mà thịt nó thơm, mà lại mềm đến cả cái xương, bò câu, chim cu sao có thể đem ra mà ví được? Chết, đem nó làm món gì cũng ngon chết người đi: Xáo với măng, lá lốt như kiểu sáo vịt đã hay, thái ra từng miếng nhỏ hấp với rau cải nõn lại càng ngon tệ, nhưng ngon vượt bực là đồ một chõ xôi “nếp cái mới” rồi úp mợt hai con chim ngói lên trên đẽ cho mõ nó nhuyễn vào xôi lấy ra ăn thập nóng, nhất định là c thê giới này không có một món ăn nào sánh nổi!

Ấy chính là chim ngói ngon và quý một cách rùng rợn như thế cho đến mùa mà ăn ngay thì đặc tội với trời: không được!

Vì thế tất cả những gia đình có lẽ giáo mỗi khi đến mùa chim ngói đều phải sửa lẽ cúng trời đất, tổ tiên cùng với gạo mới vì cuối tháng tám đã gặt lúa mới, sang tháng chín gạo mới đã bắt đầu đem bán ở khắp nhà quê kẻ chợ.

Ở đây, ngon nhất thì có Rẻ Cánh, Nanh Chồn, Nàng Hưng... thổi một nồi cơm lên thơm ngát cả nhà; kể ra cũng đã là “cao cấp”, nhưng mà đến cái gạo Tám Thơm ở Bắc thì phải nói là thム “điếc mũi”, ghê nỗi cơm lên, không những cả nhà thấy ngào ngạt hương thơm mà cả mấy nhà hàng xóm cũng bắt thèm rõ dãi! Gạo Tám nỗi tiếng nhất là ở Bắc Ninh, nhưng Bắc Ninh lại có một làng riêng sản xuất một thứ Tám Thơm “thượng thặng”: làng Cói. Gạo Tám Cói thổi lên ăn với chim ngói hầm đem cúng thiền địa quý thần và tiến vua quả thực là đúng khổ, y như thường trống cô đầu đến đoạn “dịp phách phách” mà đánh “bóc bóc” hai tiếng ăn nhịp với nhau chan chát, chịu sao cho nổi!

Nhưng người đẹp như Tây Thi đau bụng nhăn mặt lại mà vẫn cứ đẹp như thường thì gắp Tám Thơm cùi gì phải ăn với những món thực quý, thật là mới ngon? Nay, thổi một nồi cơm gạo Tám Cói cho thật vừa lửa, ghê cho thật vừa tay rồi xới ra một chén đưa lên, nhìn cái hạt cơm trong muốt, trắng tinh, ong óng như con ong, có khói bốc lên thơm ngào thơm ngạt, có khi anh chỉ rưới lên một tí nước mắm Ô Long hay một hai thìa nước thịt rim ăn cũng đã thấy ngon quá thế rồi; nhưng nếu người nội trợ Bằng thấy thịt thăn ngon mà rẻ, lại mua về làm mấy lạng ruốc bông đẽ đầy, lấy ra ăn với cơm Tám vừa chín tới thì... nhất định tối hôm ấy phải yêu thương người vợ hơn một chút.

Người chồng mới nói rằng:

“Cơm hôm nay thổi khéo quá. Giá em thổi cơm thi nhất định anh phải chấm em giải nhất”.

Ấy đó, người đàn ông thường có những cái bực mình lặt vặt như thế đấy: tưởng nói như thế thì lòng tự ái của vợ mình căng lên, không ngờ chính anh nịnh vợ lại đậm ra “hó” vì nịnh không đúng chỗ.

“Anh nói em lại nhớ. Phải rồi, vào cái cũ này đây, ở Bắc Ninh ngày trước, có cái tục thổi cơm thi nhưng không phi ở Thuận Thành mà ở Thị Cầu. Con trai bốn giáp Đông, Bắc, Giữa, Già, từ mười tám đến hai mươi được cử đi rước thân – anh có nhớ tháng tám tháng chín là hội cha mà tháng hai tháng ba là hội mẹ không – và đến hôm rã đám thì được phép dự cuộc thổi cơm thi.

“Nhưng thổi cơm thi có tiếng là làng Tích Sơn, huyện Tam Dương tỉnh Vĩnh Yên. Khác hẳn làng Thị Cầu làng Tích Sơn lại có tục thổi cơm thi vào ngày hội mở ngày mồng ba tháng kiến dân. Trai làng từ mười tám đến bốn mươi phải thổi mỗi người một nồi cơm mang đến trình các cụ ở đình. Sau khi ban giám khảo xét nét rất nghiêm minh, nồi nào thổi khéo nhất thì để thờ, các nồi khác để các cụ thưởng thức rồi còn bao nhiêu để mời khác thập phương nếm thử.

“Nhưng ở Thị Cầu, cũng như ở Tích Sơn, cơm thổi dự thi mà được trúng cách không tơi lén như thứ cơm gạo mới em thổi cúng tháng ngày hôm nay đâu anhạ.

“Lúc em còn nhỏ, em đã đi xem nhiều cuộc thổi cơm thi rồi nên em cũng biết ít nhiều. Cơm dự thi mà được coi là khéo phải hội hai điều kiện; một là cơm phải mịn như cơm nấm, đồ ở nồi ra có thể lấy dao cắt thành miếng một mà cầm không có chát hay có vỏ bao lấy nấm cơm; hai là cái nồi đất thổi cơm không được bén lửa, nấu cơm rồi mà cái tròn nồi vẫn mới nguyên.

“Ăn một miếng cơm như thế, nó cứ lùi đi trong cuống họng, vừa thơm vừa mát mùi nhựa gạo. Nhưng chỉ ăn chơi bời một hai bữa là cùng, chớ ăn hàng ngày thì phải thổi cho ráo nước, cơm cứ tơi lén, không khô, không nát thì mới gọi là thổi khéo”.

Khéo chồng chế, anh chồng nói:

“À, ra cơm thổi thi nói như thế hay sao? Nào ai biết. Chỉ biết đọc truyện “Phạm Công Cúc Hoa” thấy nói đến thổi cơm thi khác thổi cơm thường. Nhưng mà cơm thi hay cơm thường thì em vẫn cứ là nhất, anh tự lập lấy một ban giám khảo, và chấm như thế đấy”.

Người vợ cười và đêm ấy cũng thấy yêu thương người chồng mặn mà hơn đêm trước nhiều. Gió bắc thổi về gần sáng lạnh hơn, buồn hơn. Cả hai người lúc ấy cùng cơm thấy sống đủ đôi âm quá, mà cái tháng chín ở Bắc quá là tháng lý tưởng của bùi ân ngọt ái. Nhưng càng bùi, càng ngọt bao nhiêu thì càng lại càng thương biết mấy mươi những người chinh phục trăng tui, hoa sầu không biết than cùng ai thở cùng ai không biết chồng đi trận còn sống hay đã chết, đành là gửi hồn mộng đến Ngư Dương để gặp bạn chiểu chăn ngày cũ:

Bên thành rặng liễu thướt tha,

Dâu xanh um tốt to ra đầy đồng.

Vẫn vơ mang giỏ về không,

Ngu Dương còn nhớ giấc nồng đêm qua.

Bây giờ, nằm ở niêm Nam, nhớ về phương Bắc, người chồng không ngờ đâu mình lại cũng là người đi hái dâu chỉ thực sống khi còn trong mộng, mà mộng tỉnh rồi thì lại tiếc mộng mấy mươi!

Hôm xưa đương lúc nửa đêm,

Gặp nhau trên gối đã tìm trong mơ.

Nỗi lòng vừa kể hết;

Mặt đẹp tựa hoa xưa,

Tha thướt đôi mày liễu,

Nửa mừng nửa ngắn ngo,

Muốn gần nhau vẫn đứng tro,

Đau lòng nghĩ tiếc giấc mơ vừa tàn.

Tiếc không biết bao nhiêu những đêm lạnh nằm chung một chăn đơn với vợ ăn hạt dẻ, nói đôi ba câu chuyện buồn vui thế sự; tiếc những buổi chiều mưa rươi hai đứa dắt nhau đi trên những con đường vắng ẩm ướt có hoa sấu rụng thơm lên trong không khí một mùi hương dịu dàng, man mát lại chua chát; tiếc những ngày tản cư cùng đứng trên con đê sông Máng với con trai nhìn về phía có đèn sáng ở đô thành ngâm bài thơ đi đây.

Nằm ở đây bây giờ, người chồng bỗng nhiên thấy tủi thân vì cảm thấy chìa khoá để mở cái tháp vàng đã mất rồi, ngày vui không hy vọng còn trở lại, cũng như người tỳ bà nữ bến Tầm Dương

không còn hy vọng được thấy những ngày ở Hà Mô có không biết bao nhiêu chàng trai đem the thăm để mua lát tiếng đàn huyền diệu.

Thì ra cái thân mình ở đây cũng chẳng hơn gì người tỳ bà nữ lúc về già, lấy người lái buôn chè, một đêm ngồi thuyền gảy mấy thiên ai oán cho Bạch Cư Dị nghe lúc tiễn bạn ở sông Bồn, vào khi ông bị biếm ra làm chức Tư mã ở quận Cửu Giang hổ lánh:

Từ xa kinh khuyết bấy lâu,

Tầm Dương đất chính gói sầu hôm mai,

Chốn cùng tịch lấy ai vui thích,

Tai chẳng nghe đòn địch cả năm;

Sông Bồn gần chốn cát lầm,

Lau già trúc võ nảy mầm quanh hiên,

Tiếng chi đó nghe liền sớm tối,

Cuốc kêu sầu vuợn nói nỉ non,

Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn

Lần lần tay chuốc chén son riêng ngừng,

Há chẳng có ca rừng địch nội,

Giọng líu lô buồn nỗi khó nghe

Tiếng tỳ bỗng lăng canh khuya,

Dường như tiên nhạc gần kè bên tai...

Nghe thấy tiếng đàn của người tỳ bà nữ, khắp tiệc hoa đều tuôn nước lệ rơi, nhưng đến lúc
chiều cuốn rượu tàn, trở lại chỉ còn chiếc thuyền trắng giãn nước trôi, người tỳ bà nữ nằm một
mình, nghĩ một mình lại chỉ còn biết vui với cảnh, với người trong mộng, ấy vậy mà ngay ở
trong mộng cũng buồn, tỉnh dậy mà vẫn còn thấy nước mắt đầm đìa mặt gối.

Người chồng bây giờ ở đây cũng ôm đàn đi gảy thuê cho thiên hạ giải sầu, nhưng đêm khuya về
nằm một mình ở căn nhà gác, y không khóc như người tỳ bà nữ, nhưng nâng chén rượu lên uống
một mình, ngâm khẽ mấy câu thơ cũ:

Hơi may heo hắt từ tây,

Giang Nam phong vị độ rầy ra sao?

Năn nỉ với hai sao bến Hán,

Dải trường giang giới hạn đông tây,

Hai sao soi biết nạn này,

Xin cho thát tịch cùng ngày đoàn viên.

Vàng trắng trước về miền vân thuỷ

Soi những người thiên lý tung tư,

Đi qua vườn cũ lơ tho,

Thử xem án cũ cầm như thế nào?

Trông đàn én bay cao pháp phói,

Xịch then song gọi với trước mành.

Tiện đây nhò gởi chút tình,

Chờ xuân nhǎn gởi chim xanh còn chờ!

Tình nam bắc thây ngày qua tháng,

Sầu biệt ly vời sáng đầy chiều,

Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều,

Cậy ai về nèo Thước Kiều hỏi tin...

Đến nửa đêm, thức dậy, cái giường tre ở ngoài vườn có sương mù bốc lên như khói. Ngừng đâu nhìn thấy có những cánh hoa trắng nhỏ rụng lá tả trên chiếu lạnh. Người chồng cúi đầu nghĩ lại giấc mộng vừa qua, thấy mình về phương Bắc cùng vợ đi trên con đường xưa cũ, con đường hò hẹn khi mới quen nhau, hai đứa cùng lấy một tấm lá che đầu để tránh mưa rơi mà chân thì giẫm lên những cánh hoa sấu rụng cũng nhỏ, cũng trắng như những cánh hoa rụng đêm nay trên chiếc giường trống trải.

Nhưng hoa này đâu phải là hoa sấu rụng thơm lén trong đêm xanh một mùi hương dịu dịu, man mát, chua chua! Mà đó chỉ là hoa cây trưng cá lúc rụng cũng duyên dáng vô vàn, nhưng chẳng có hương thơm gì hết!

Tháng Mười

Nhớ gió bắc mưa phùn

Không khóc như người tỳ bà nũ bến Tầm Dương? Mà chỉ rót rượu uống một mình rồi nằm khoèo trên chiếu lạnh, mộng về Hà Nội, đi với vợ trên con đường hò hẹn thơm thơm mùi hoa sấu?

Không. Nói như thế là dối mình, dối người. Tình mộng rồi, người chồng ấy nằm khóc một mình.

Khóc thì yếu thật, nhưng anh ta khóc, khóc âm thầm – rồi khóc nức nở, khóc thảm thiết như chưa khóc thế bao giờ.

Là vì chính ngày tàn thu ấy, anh ta vừa được một người bạn viễn phương tìm đến báo cho biết rằng người vợ mà anh khắc khoải nhớ thương qua ngày ấy sang tháng khác đã lìa trần và lúc gần mất chỉ nhắc nhở đến anh vì băn khoăn không biết ở miền Nam nó đói ra thế nào và sống chết ra sao. Nhớ đến những lời bạn thuật lại cho nghe, người chồng buồn đứt ruột: bao nhiêu kỉ niệm đã có khi lăng xuống bầy giờ lại như nước bị khuấy lên.

Trong bóng đêm lạnh, có tiếng mưa rơi trên giàn hoa thiên lí, anh khóc vợ, khóc chính mình, khóc không cho ai biết.

Và bao nhiêu việc đã qua dần dần hiện ra mờ mờ nhân ảnh trước đôi mắt lênh láng: cái đêm hẹn ước đầu tiên, gặp mưa rào trên con đường vắng tanh vắng ngắt đi vào Bách Thú; những lời trách móc phản đối của gia đình; bao nhiêu là hi sinh của người đàn bà quyết tâm theo một người chồng mang tiếng là hư hỏng bị cả họ hàng khinh khi; những ngày đầu chung sống thấp một ngọn đèn dầu ở trong màn viết một bài truyện lấy năm đồng bạc; những lời ơng tiếng ve của ruột thịt bạn bè khi thấy vợ đem bán hết cả tư trang; rồi tiếp đó là những ngày thắt lưng buộc bụng, một nắng hai sương, xây dựng cơ đồ để mong mở mày mở mặt với người; những ngày tao loạn vợ chồng con cái lang thang đi sát vào nhau trên sông Máng để cho gió khói thổi bay đi; những ngày hồi cu thúc khuya dậy sớm, vợ chồng heo hút với nhau, chồng có khi cáu bẩn, chơi bời hư hỏng, nhưng vợ thì cù chịu đựng, cù thui thủi ở nhà dạy con và lo lắng miếng ăn giấc ngủ cho chồng từng li từng tí.

Thôi, thế là hết. Bây giờ thì còn ước mơ gì nữa, bây giờ thì còn đợi chờ gì nữa, bây giờ thì còn cầu xin gì nữa? Vợ chồng lấy nhau từ lúc còn hàn vi, đến lúc chết tướng là được vuốt măt cho

nhau, ai ngờ đâu lại vô duyên đến thế. Đã buồn như vậy, lại còn rầu vì nỗi cùng lúc hay tin vợ mất thì lại được biết là con nhó bô mấy năm nay thăm dò mà không làm sao nhờ được én nhạn trao tin, cháu nhớ ông chỉ cầu nguyện nhận được một chữ của ông gửi về để cho ngui ngoại thương nhớ nhưng chiến tranh tàn ác đã cắt hết cả đường dây liên lạc. Thương nhớ não lòng não ruột, nhưng biết làm sao hở Khoái, hở Lăng? Mà cháu Khanh, có phải sau khi ở Trung Quốc trở về, cháu đã có gia đình rồi phải không?

Nhớ lúc ra đi, đứa cháu ấy mới có bảy tám tuổi, theo bà ra bến nước tiễn đưa ông, nào đã biết chi là buồn. Mười tám, mười chín năm rồi... Bây giờ, ở miền Nam, người li hương nhớ đến vợ, nhớ đến con, đến cháu làm thế nào mà quên được những buổi tối tháng mười ở Bắc có gió bắc thổi lạnh lạnh, có mưa rơi rầu rầu, ai đi đâu, ai làm gì cũng cố phiên phiến để về cho sớm quây quần với nhau chung quanh cái bàn ăn, dưới một ngọn đèn hồng ấm áp?

Lúc ấy, trời bắt đầu rét, gió bắc bắt đầu thổi, người ta chưa quen với khí hậu nên cứ chiều đến, lúc lên đèn ăn cơm thì gia đình sum họp đầy đủ, người lớn trẻ con, mỗi người có vài ba câu chuyện nói với nhau, hưởng cái thú vui ích kỉ là sống đầm ấm trong khi ở bên ngoài có những người hối hả bước mau dưới trời mưa để về nhà. Khỏi từ nồi cơm và các thức ăn toả ra trong gian phòng nhỏ ở cầu thang đi xuống làm cho lòng người ấm thêm lên và cơm ăn cũng ngon hơn lên một chút.

Đây là mùa gạo ba giǎng cơm thổi lên ăn quên chết. Là vì riêng cái gạo nhựa mới ăn vào đã dẻo quá rồi, thơm quá rồi, người vợ lại cẩn thận chuyên động của người quen thành ra không pha phách gì hết, ăn mới thực hoàn toàn thích khẩu.

“Cũng thì là một thứ thóc, cho vào cối xay, nhưng mỗi người hàng xáo sàng trấu cho tách rời khỏi gạo, khéo vụng khác nhau. Phải làm sao cho gạo không lẩn trấu. Mà thế cũng chưa đủ: gạo sàng rồi phải giã trắng thì ăn mới ngon miệng chứ có trấu lẩn vào, hư cả chén cơm đi”.

“Vẽ chuyện! Gạo giã ngon, thì có lẩn một vài hạt trấu vào vẫn cứ ngon như thường”.

“Không được. Ăn một chén cơm ngon lúc hết mà có một vài hạt trấu lẩn vào, coi như bỏ. Vì thế những người hàng xáo thông thạo, lúc sàng gạo rất cẩn thận mà đến lúc giã gạo cũng không cẩu thả: họ đếm từng chày, và đôi khi hò gạo bằng một vài cái mạ non. Xong rồi, phải giàn cho thật kỹ để cám và tẩm tách rời riêng khỏi gạo”.

“Trấu dùng để đun bếp hay trải chuồng lợn, cám thì cho lợn ăn, còn tẩm sở dĩ phải để riêng ra là vì ăn hơi sạn sạn. Cái nghề hàng xáo cũng như nghề con gái may áo cưới cho người ta, anh ạ. Gạo ngon thì đem bán hay để dành cho chồng cho con, còn chính các bà các cô hàng xáo thì ăn cơm tẩm”.

“Tại cơm tấm ăn ngon và lạ miệng”.

“Không phải. Nhưng bởi vì cơm tấm no lâu, đi chợ xa đỡ phải ăn quà. Mà bỏ đi cho lợn ăn thì phí”.

Dói no một vợ một chồng,

Một niêu cơm tấm dày lòng ăn chơi.

*

**

Cách đây ba chục năm, ở miền Nam có sáu xu vào tiệm ăn, phô ky đưa ra một đĩa xì dầu, một cái hột gà và một thia mỡ nước không tính tiền ngoài đồ ăn ra, mà cơm thì nóng sốt, trắng tinh – vì kĩ nghệ xay thóc mỡ mang, không có nghề hàng xáo như ở Trung và Bắc – tôi gần như không thấy ai ăn cơm tấm; nhưng bây giờ vì Ơn nhờ kiêm Ước, cơm tấm được coi là một thứ quà sang vào hạng sang, thiên hạ ăn nha nhẫn, trông thấy người ta ăn mà mình đã thấy ngon rồi. Nhưng ngon cách mấy đi nữa thì cũng không có cách gì so sánh được với gạo ba giăng tháng mười. Cơm chín tới, cả nhà quây quần lại rồi bắc ra ăn với cá mương đầm Vạc vào hồi này đương béo kề đã là ngon, nhưng ngon thật là ngon thì phải kể đến cá mòi vì tháng mười chính là mùa của giống cá này – béo bùi nhất định là hơn đứt cá thu, mà ngọt thịt thơm hương dám cuộc là cá trắm, cá mương không thể nào sánh kịp. Thực ra, cá mòi không lạ gì lăm với miền Nam là đất có tới chín mươi ba thứ cá, tôm, cua, còng; ngon như cá trêm, cá chìa vôi, cá lăng, lạ như cá duồng, cá tra l López, cá sặc buồm, có tiếng như cá thát lát, cá chạch lá tre, cá vỏ chó, cá vỏ cờ... Cứ vào khoảng tháng năm, tháng sáu ở đây, các chợ có mà thiếu giống cá mòi, các bà các cô mua rả rích đem về, hoặc chiên lên đầm nước mắm, hoặc nấu ngọt hay kho lạt ăn bằng thích.

Nhiều người bảo: “Thích gì! Cá mòi đóng hộp quanh năm có bán, ăn vào thơm mà xương lại nhừ, không tanh, tội vạ gì mà mua về làm cho cục!”

Những người nói như thế là lầm. Cá đóng hộp kêu là sardines là cá trích, cá lầm, còn sardines của Mỹ và của Nhật là cá chuồn chuồn có râu ở mép và một cái vây dài ở lưng trông như cái cánh. Cá mòi (hareng), cũng thuộc vào loài cá biển, nhưng khác thế: nó đẹp, nhiều xương răm, mình tròn, thường thường lớn bằng ba ngón tay là cùng. Đặc trưng của nó là lầm mỡ; vào tháng năm tháng sáu, cá này béo gia dụng, mua một kí đem về lấy dao khứa ở hai bên lườn ra mà

chiên lên có khi được tới một chén mỡ vàng như mỡ gà mái đẻ.

Ở Phan Thiết, tại cực nam Trung bộ, cá mòi là căn bản của một sản phẩm đặc biệt quý giá: mắm mòi – một sản phẩm từng làm đầu đề cho nhiều câu hát, câu hò tình tứ:

Cô kia bói tóc cánh tiên,

Ghe bâu đi cưới một thiên cá mòi.

Không tin dở thử lên coi,

Rau răm ở dưới, mắm mòi ở trên.

Con trai Bình Thuận nghe thấy cô gái Phú Yên đẹp quá, mê cứ tí đi, dẫn cưới cả một thiên cá mòi, thế thì đủ biết mắm mòi ngon biết chừng nào, cá mòi quý là nhường bao.

Ở Bắc Việt, cá mòi không có nhiều như ở Nam và ở Trung. Cả năm, chỉ tháng mười, tháng một mới thấy giống cá này xuất hiện, mà đặc biệt là nó chỉ rõ lên mươi ngày lại thôi rồi lại có, có vài ba bận rồi thôi hẳn, y như thể chim ngói và ruồi vậy.

Tôi còn nhớ mỗi khi trời bắt đầu rét mà có cá mòi thì người ta gánh đi bán rao ầm ĩ cả hàng phố lên, y như thể có một thứ hàng gì lạ lẫm. “Ai mua cá mòi ra mua”. Và cũng như ruồi, côn trùng và chim ngói, quay đi quay lại chỉ một buổi sáng là những bà nội trợ sành ăn đồ ra mua hết hẳn. Ở bên ngoài có gió rét mưa phùn, đóng cửa sổ lại mà uống một vài cốc rượu hâm cho nóng thì vừa lúc vợ ở dưới bếp đưa đĩa cá mòi lên cho chồng đưa cay: không, dù anh là người không ưa món cá, sợ tanh, anh cũng phải nhận cá mòi ở Bắc khía cạnh, rồi xát nghệ, nướng lên trên than tàu, chấm nước mắm gừng, nhấm rượu ngon gia dụng!

Cứ nói thực ra thì có người đẹp miền Nam không lấy làm dzui lắm, nhưng tôi cứ phải chịu lấy cái tội “thiếu sự thè” mà nói rằng, vào đây, tôi cũng ăn cá mòi, nhưng cá mòi ở Bắc sao nó vẫn có cái gì ngát hơn, bùi béo hơn, mà cũng ngọt ngào hơn. Không biết có phải tại hiếm mà quý? Tại thương vợ quá, phàm vợ làm món gì cũng thấy ngon dội hẳn lên? Hay là bởi tại thời tiết hiu hiu lạnh, mang mang buồn, ăn vào thấy ngon hơn? Mà cũng không biết có phải tại con cá mòi ngoài Bắc nó li kì hơn con cá mòi ở Nam và ở Trung?

Sách “Giao Châu Ký” chép rằng ở miền bắc phía Nam có thứ cá vàng đến tháng chín hoá ra con chim cút, trứng ăn vào bổ thận tráng dương, thịt chữa được các chứng phiền muộn, cảm lị, thì sách “Thoại thực kí văn” của Trương Quốc Dụng cũng ghi rằng cá mòi là do con chim ngói hoá ra, cái ruột con cá mòi là cái mề của con chim ngói.

Cuối tháng chín ăn chim ngói cơm mới sau lễ Thường Tân còn đương thòm thèm thì chim ngói bói không còn lấy một con, mà bây giờ sang đến giữa tháng mười lại vang rân tiếng rao cá mòi là con chim ngói hoá thân, mấy mà không có mua ăn cho kì được để ngâm nghĩ lại cái ngon của chim ngói và nhân tiện sánh cái ngon của chim ngói so với cá mòi ra sao.

Ăn một miếng cá như thế, muốn nói gì thì nói, cũng cứ phải nhận là thú vị không tả được, mà vừa nhảm nhót vừa thấy thú vị trong lòng, ngon một cung thành ra ngon mười, gia đình dù có túng thiếu ít nhiều cũng vẫn chan hoà một bầu không khí tươi vui ám cúng. Chính lúc ấy, người chồng cảm thấy câu dân ca này đúng hơn cả bao giờ.

Khé rụng bờ ao, thanh tao anh lượm

Ngọt như cam sành, héo cuồng anh chê...

Mà người vợ, hình như cảm thông với chồng từ khoé mắt, từ tiếng cười, mặc dầu không thốt ra miệng cũng cảm thấy trong tim như có tiếng hát bé nhỏ vọng ra:

Nhà em có vại cà đồng,

Có ao rau muống, có đầy chĩnh tương

Dầu không mĩ vị cao lương,

Trên thò cha mẹ, dưới nhường anh em.

Một nhà vui vẻ êm đềm,

Đói no trong cảnh không thèm luy ai.

Hay lắm. Cơm hôm nay thường thường thôi nhưng mà hay vì món cá mòi. Người chồng say chén choáng, lên trên gác đi nằm trước, vỗ vào cái chậu sứ Giang Tây tròn một gốc thanh tùng cổ thụ mà hát một mình:

Bữa ăn có cá cùng canh,

Anh chưa mát dạ bằng anh thấy nàng.

Chập chờn nghe tiếng mưa ở ngoài sân, người chồng loáng thoáng thấy tiếng trẻ ở dưới nhà trò chuyện với nhau về một con chim yến “chú Lăng làm bay mất”, tiếng máy nước chảy lanh canh xuống những tách chén chí sen đang rửa... rồi người vợ phàn nán:

“Quên rồi, lúc nãy không ai nhắc tôi lấy chuối để cho cậu xơi tráng miệng! Chuối thế này mới

là chuối chứ”

Cóm, hồng, chuối trứng cuốc, cam... đó là thời trân của tháng mười, nhưng yêu nhất là quả quýt tháng mười sao nõn nường đến thế, sao cái vỏ nó mỏng đến thế, sao màu sắc tươi lợ tươi lùng đến thế. Tháng chín thì quýt đỏ tròn, sang đến tháng mười thì quýt chín. Trông những vườn quýt trĩu trịt những quả thắm một màu vàng xen vào những chùm lá xanh màu thiên lí, ai mà quên được những cô hàng đẹp như thơ, chít khăn vuông cười duyên với khách mà nói nửa đùa nửa thật:

“Quýt đẹp như thơ, ngọt mua chua trả, ba quả một hào.”

Ồ thì mình cứ nhận là si, đã chết ai chưa, nhưng mà ăn nói duyên dáng như thế, cứ mua đi để... ăn dần, mình ạ! Yêu biết bao nhiêu người vợ tào khương thấy thế đã không giận người chồng trắc nết mà lại cốn cười hoạ theo với cô hàng và nức nở khen cô hàng xinh quá.

Nghe thấy thế người chồng ròn rọn tưởng là vợ chơi chua, nhưng dò ý tú mãi thì thấy không phải thế, thực ra chỉ là khéo biết chiều ý chồng mà thôi.

Không chiều ý thì làm sao người chồng “lên cơn” bảo đưa tiền để tiêu xài một cách phi lí mà cũng cứ chịu liền? Ấy là tại vì người vợ hiểu chồng quá đi rồi, biết là có tiền cũng chẳng đi cô đầu cô đít hay là trai gái phiện phò đâu, nhưng lại đi lên Nghi Tàm hay tạt về Ô Đống Mác mua cái đồi, hòn non bộ hay một cây thế lăng nhăng gì đó để ra ngắm vào ngắm rồi tưới, rồi sủa, rồi uốn, rồi bón, rồi hầm mất hết ngày.

Mùa thu vừa qua đây, cây khô lá vàng, vì thời tiết hanh hao, sang đến tháng mười, có mưa dầm, cây cối tĩnh lại, không mua ngay gốc tùng La Hán của Nhiêu Ban hay chạy lên nhà Ba Thá nói khó để lại cây bỗng nổ gốc to bằng cổ tay mà lá lăn tăn như hạt thóc thì uổng quá.

Sáng dậy, ra thăm mấy chậu cảnh, mấy cái đồi, thấy lá cây còn óng ánh nước mưa, lá tươi hơn hờn, hay những cái “rễ nồi” trắng phau như có ai mới lau chùi, mình tự nhiên thấy nhẹ nhõm cả người và tưởng như mình là một thú người đạo cốt tiên phong sống hẳn ra ngoài vòng kiềm toả. Khoác một cái áo lạnh lênh lanh, đi quanh quẩn trong vườn, “trả lại” cành này cho cây này, tìa những lá thừa kia cho cây kia, mình thấy ngày giờ trôi đi nhẹ như mây, nhưng nếu ví thử cái máu giang hồ vặt nỗi lên, không muốn bị tù hãm trong bốn bức tường mà lại đi ra ngoài hứng rét đội mưa để nghe tiếng chuyển mình của sông hồ đồi núi thì lại thấy trong lòng ngan ngát một sự say xưa khác hẳn.

Đó là cái say xưa thần thoại của Từ Thức nhập Thiên Thai nhìn ra bát ngát chung quanh toàn những hoa đào, mà lắng tai nghe thì trên trời dưới đất toàn là tiếng suối đàm rách.

*

**

Nhưng tháng này đâu đã có hoa đào? Mận mới bắt đầu nảy lộc xinh xinh màu hoa lí, trà chửa ra hoa mà mộc thì cũng chưa hé nụ, nhưng hoa chấu, sang đến giữa tháng mười sao ở đâu ra không biết mà nở nhiều đến thế! Nhớ lại lúc còn kháng chiến, vai mang một cái ba lô, tay chống một cái gậy tre, lê gót trên con đường Chi Nê đi Đàm Dạ thẳng hướng lên Lạc Thuỷ, Châu Sơn dưới mưa phùn gió lạnh, phải nói có cả chục cây số đường đất trăng tươi hoa chấu. Hoa chấu rơi xuống kín cả đầu, cả vai người cán bộ, kín cả cổ hai bên vệ đường, kín luôn cả đồi cây, vách đá ở chung quanh. Xa xa, bỗng nỗi lên tiếng xi xô của mấy đồng bào Thổ đi làm việc buổi chiều về, hát lên những câu hát mình nghe không hiểu, nhưng biết là nói lên nỗi uất hận của những người căm thù đế quốc làm cho con lìa cha, vợ lìa chồng, anh lìa em, mẹ lìa con, tình nhân lìa tình nhân vì chiến tranh.

Ngày tháng mười tàn vội vã, mặt trời vừa lặn thì bóng tối dãi ra khắp đồi núi lúc nào không biết. Chính vào lúc đó, đứng trên một trái đồi mà lắng nghe hơi thở của trời, ta thấy có một mùi hương kì lạ làm cho ta nhẹ nhõm hẳn lên, một mùi hương dịu dàng như mùi dạ lan hương mà lại nữa như mùi hoa mơ, hoa mận. Giẫm lên hàng cây số hoa chấu đó và tắm hương của nó vào lòng, anh nhớ lại bộ tú binh ngày xưa treo ở trong căn nhà lụp xụp phố Hàng Gai và thấy hiện ra rõ rệt, như trong một cuốn phim, cái cảnh mùa đông ở trong tranh vẽ một ông già mặc áo tay dài, vai mang bình rượu, đi với một tiểu đồng “đẹp tuyêt tầm mai”.

Nhớ lại như thế tức là nhớ lại cả một thiếu thời hồi cha mẹ song toàn, cứ vào những buổi tối tháng mười thì cậu Hảo và chú Cả Tộ lại sang nhà ngồi nói chuyện mua cái áo dạ Mông Tự để may mặc vào những ngày giá rét sắp tới hay là rủ nhau đi ăn chả cá ở nhà Hy “chó không nên vào cái nhà Sơn Hải mới mở ăn không thú lăm vì không có cái không khí mông lung sương khói”

Ở đây là xứ giơ tay ra thì có gạo, vớt nước lên thì có cá, ôi thôi, còn thiếu món cá gì mà chẳng có người làm: đâu cá nhấm không, hay cuốn thành gói, hoặc là ăn với bún, cách gì cũng vẫn cứ là ngon; muốn lạ miệng, thì dùng cá nướng trui, cá bọc vào đất rồi bện rơm lại mà hầm, như các ông sư hổ mang hầm thịt chó; nhưng có cô gái nào xót ruột thì nên dùng canh chua cá lóc hay lấy tạm cá tra sọc, cá đặc buồm, cá bi côi nấu với xoài xanh ăn cũng “đỡ” vô cùng.

Cá làm thành bao nhiêu món, cá tạo nên bao nhiêu là bài thơ, nhưng chỉ lạ có một điểm là làm sao không ai làm chả cá để đến nỗi phải đợi sau khi di cư đến bảy tám năm trời mới có hai ba nhà làm món ấy để cho các ông ghiền món ăn này “xài đỡ”? !? Đi chơi mười một quận đô thành, đi khắp cả các Vầm Đông, Vầm Láng, Vầm Tây, Bãi Xầu, Sóc Trăng, Bạc Liêu xưa kia nỗi

tiếng về nghề đóng đáy thả lưới, quăng chài để bắt cá bắt tôm mà cũng nổi tiếng luôn là có nhiều các chú:

Bạc Liêu nước chảy lờ đờ,

Dưới sông cá chốt, trên bờ Triều Châu

thật quả tôi chưa thấy một người Tàu nào làm chả cá trong khi bao nhiêu món ăn Bắc như phở, bánh dẻo (1), thang, cuốn, thịt cầy, lươn, éch, họ đều làm tuốt để bán cho người mình thưởng thức! Tại chả cá khó làm? Tại có một bí quyết riêng ướp chả? Hay tại vì cá anh vũ dùng làm chả không ở đâu có ngoài Bắc Việt? Điều đó chưa có người nào nghiên cứu nhưng hồi còn ở Hà Nội, mỗi khi ngồi tán chuyện gẫu với Hy-Chả-Cá (2) mà thấy có những người Tàu ở Hồng Kông về đặt mua cả trăm cả ngàn “gấp” với đủ rau, hành, nước mắm, bánh đa, cà cuồng, mắm tôm, chanh ớt để đưa lên máy bay chở hoả tốc về Hồng Kông ăn nhậu thì tự nhiên mình cũng thấy sướng tê tê vì người mình đã sản xuất được một món ngon đặc biệt mà chính ba tàu nổi tiếng là nước “kén ăn” cũng phải mua của ta để xài!

Nghĩ như thế rồi ăn một bữa chả thật ngon, được chủ nhân để dành cho vài chục gấp “lòng”, chan mõ nước kêu lách tách, rồi uống nước trà mạn sen, ăn một miếng trầu nóng ran cả người lên, đoạn đi ngắt ngưởng trong gió lạnh, tìm một cái xe bỏ áotoi cánh gà trực chỉ Khâm Thiên hay Vạn Thái nghe một vài khẩu trống, không, anh phải nhận với tôi là cái bọn tiểu tư sản sống vô bổ và đây tội lỗi thực đấy nhưng sướng lăm – sướng không chịu được. Có anh sẽ bảo:

“Nói giọng gì mà nghe thấy cái thói ích kỉ nó thẩm vào đến tận xương, tận tuỷ! Thế chú may không biết rằng ở quê cày bừa gặt hái vất vả, người nông dân chính vào cái cũ này khổ cực vô cùng, không mở mắt được, có khi phải làm việc suốt đêm đến sáng?”

Đương nằm làm một điều tự tay em tiêm “tròn quýt” đưa mòi, mà nghe thấy ông bạn nói thế, ai mà không cảm thấy như bỏ cục tuyết vào cổ áo làm tê dại cả xương sống, xương sườn.

Người hưởng lạc cảm thấy nao nao trong lòng một giây lâu, nhưng sau đó lại tìm ngay được rất nhiều lí lẽ để tự bào chữa cho mình, tự an ủi, và tự tuyên bố là mình trắng án. Là vì nằm bắt óc nhớ lại hết các ca dao, tục ngữ, dân ca của đất Việt trời Nam, anh không thể nào kiểm ra được một câu nào nói lên là người dân quê khổ cực trong tháng mười.

Tháng giêng chân bước đi cày,

Tháng hai vãi lúa, ngày ngày siêng năn.

Thuận mùa lúa tốt đằng đằng,

Tháng mười gặt lúa ta ăn đầy nhà.

...

Tháng mười buôn thóc, bán bông,

Tháng một tháng chạp nên công hoàn thành

...

Cỏ lúa dọn đã sạch rồi

Nước ruộng voi mười còn đỗ một hai.

Ruộng thấp đóng một gàu dai

Ruộng cao thì phải đóng hai gàu sòng.

Chờ cho lúa có đòng đòng,

Bấy giờ ta sẽ trả công cho người,

Bao giờ cho đến tháng mười,

Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.

Gặt hái ta đem về nhà

Phơi khô, quét sạch thé là xong công.

Thực ra, chính đến tháng mười là người dân quê Bắc Việt tương đối rảnh tay, vì lúc bấy giờ là mùa gặt, thóc gặt về, đập sảy, phơi phỏng xong rồi là yên. Cho đến hết tháng mười, họ chỉ còn lo quây vào cót để ăn dần, bán dần đi để lo trả công trả nợ, đóng sưu đóng thuế cho chồng, nhưng đây là những năm được mùa. Còn mất mùa thì sao?

Phải biết rằng trước đó, vào lúc lúa sắp chín, đã có biết bao nhiêu ngày, biết bao nhiêu đêm, người nông dân lo sợ mất ăn mất ngủ. Họ sợ những đêm chớp bể mưa nguồn, họ sợ những trận mưa to, khiến nước lũ kéo về làm lụt lội, và đêm đêm họ trông từng cái ráng trời, cái rẽ cây; họ hỏi sao, họ trông gió, họ nhìn trăng, vì nếu “có bể nào” thì tất cả thành công cốc! Không những là đói mà còn bao nhiêu thứ khổ cực bêu riết nữa!

Bây giờ gấp phải hội này,

Khi thì hạn hán, khi hay mưa dầm,

Khi thì gió bão àm àm,

Đồng điền thóc lúa mười phần còn ba.

Lấy gì đăng nạp nữa mà,

Lấy gì công việc nước nhà cho đang,

Lấy gì suru thuế phép thường,

Lấy gì bỏ chợ đồng lường mà ăn?

“Nói thế là nguy biện. Tháng mười gặt hái, vui vẻ như anh vừa nói là chỉ nơi đất đồng mùa. Ở những đất đồng chiêm như Nam Định, Thái Bình, Phủ Lý, tháng năm là mùa gặt hái, còn tháng mười, anh còn nhớ ra thế nào không? Từ giữa tháng sáu, các cánh đồng chiêm biến thành những dải nước mông mênh trăng xoá. Làng mạc thành ra những cù lao nằm chờ vơ trong nước bạc, từ thôn này sang thôn nọ có khi phải đi bằng thuyền nan. Và cái cảnh trời nước mông mênh như thế kéo dài cho tới trung tuần tháng tám. Lúc ấy, nước mới bắt đầu rút lần lần. Đó cũng là lúc người dân quê bắt đầu lo bừa vụ chiêm. Thủ tướng tượng cuối tháng chín đầu tháng mười, trời đất hanh hao, tay chân bị nẻ mà phải lội nước để cày bừa những thửa ruộng lởm chởm những gốc rạ đậm vào chân. Mà nào chỉ có thế thôi đâu, đất đồng chiêm lại nhiều giống đia cứ bám riết lấy chân người cày ruộng mà cắn và hút máu!

Cày đồng đang buổi ban trưa,

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.

Ai ơi bụng bát cơm đây,

Déo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Đấy tôi lại đố anh tìm được một câu dân ca nào nói lên được cái khổ cực của người dân quê hơn là câu ca dao nói về việc cà bừa vụ tháng mười!"

Nghe thấy thế người khách chơi đêm ó mặt, không biết nói ra thế nào. Nhưng biết làm sao được? "Trời cho mỗi người một lộc", thôi, ta cứ biết hưởng thụ đã rồi muốn ra thế nào thì ra.

*

**

Về khuya trời rét ngọt, nằm trên một tấm nệm rồi trùm cái chăn lên trên mình nghe các em lũy Kiều hay hát vo bài Tỳ bà, thỉnh thoảng lại làm một điếu, hâm một miếng táo hay một trái nho, rồi lim dim con mắt lại mơ mơ màng màng, tôi quả quyết với anh rằng cách mạng, đảo chánh, chống bất công xã hội... tất cả những cái đó anh đều cho là "đồ bỏ" không ăn nhầm gì hết! Những lúc ấy mình mới mang máng thấy rằng những người làm chánh trị họ tâm lí thật: cái bọn "tạch tách sè" chẳng làm được mẹ gì, còn những người cứu nước từ ngàn xưa như Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Huệ, Lê Lợi... đều xuất thân là những nông dân áo vải...

*

**

Thôi, biết rồi! Nghĩ lan man quá làm gì nó mất vui đi mà hại lây cả đến bữa thuốc xài toàn hộp con rồng, đã đậm mà lại bùi như lạc. Đến mờ mờ sáng, vác cái thân mệt nhọc ra về, bảo phu xe mặc cái áotoi lên để cho hàng phố khỏi nhìn thấy mặt, có phải đã mấy lần người chồng ấy hé mắt nhìn ra ngoài đã thấy vợ đỡ cái xe nhà ở gốc cây đa ba ngọn, đi chợ thật sớm mua con cá lá rau cho thật tươi, thật rẻ, để cho cơm lành canh ngọt, chồng con vui vẻ, gia đình ấm cúng, thuận hoà?

Ghét không biết chừng nào cái thiếu thời đầy tự ái! Mang tội lỗi cùng mình đến thế, người chồng đã chẳng biết thương người vợ mưa dầu nắng dãi mà lại còn lấy làm hả hê vì đã sống đúng theo lí tưởng của một người chồng kiểu mẫu lúc bấy giờ: vợ phải chịu thương chịu khó, còn chồng thì muốn ăn chơi chè rượu gì, tùy ý, vợ không có quyền can thiệp.

Sau này, đến lúc có con, có cái với nhau rồi, bắt đầu biết thương vợ, anh ta có lúc đã nghĩ thầm thế nào rồi một ngày kia, gấp khi có bóng trăng hửu tình soi sáng trước sân, vợ chồng gộp

trăm mối lại để đem làm tâm sự thì sẽ thú hết cả tội lỗi với người thương về những lỗi làm ngày trước... nhưng thôi, bây giờ thì còn biết thú tội với ai, thú tội cách gì, mà còn ai nữa để mà thú tội!

Nằm trong đêm, mở mắt nhìn vào cái tối tăm sâu thẳm, bao nhiêu đoạn đời sống bên cạnh vợ con, dưới mái nhà lành, hàng đêm lại hiện ra từng mẩu một, từng mẩu một, và chưa bao giờ anh lại thấy ngao ngán cho mình như thế, chưa bao giờ lại thấy cái thân bé nhỏ của mình chòng chát nhiều nỗi sầu to đến thế!

*

**

Sài Gòn đẹp như mắt cô con gái đa tình! Ta yêu Sài Gòn quá, nhưng ghét sao mười mấy năm nay vẫn cứ giới nghiêm hoài không để cho người ta đi thông thả nghe tiếng của ban đêm một chút? Thôi thì muốn làm gì nhau thì làm, cũng cứ vùng dậy mà đi, đi, miễn là đi, nhưng đi đâu, mà đi làm gì, chưa biết. Thì ra làm quá: mình cứ tưởng tượng giờ giới nghiêm thì chẳng có ma nào ở ngoài đường, hoá ra không phải. Giới nghiêm cho có lệ, chứ một hai giờ sáng, nhiều nhà hàng, tiệm nước vẫn có khách túa vào, nhảy nhót ăn chơi, hả quá.

Nhớ lại có những đêm tháng mười ở Hà Nội, vợ chồng còn sống cạnh nhau, cứ vào khoảng này thì mặc áo ấm dắt nhau đi trên đường khuya tìm cao lầu quen ăn với nhau một bát tam xà đại hội có lá chanh và miến rán giòn tan, người chồng lạc phách đêm nay nhớ vợ cũng đóng cửa lại đi tìm một nhà hàng nào bán thịt rắn để nhâm nháp một mình và tưởng tượng như hãy còn ngồi ăn với người vợ thương yêu ngày trước, nhưng sao đi tìm mãi, đi tìm hoài không thấy một tiệm nào bán thịt rắn thế này?

Rõ mình là thằng điên! Rắn thì phải ăn vào trời rét, vì rắn lúc ấy mới béo mà nhả hết chất độc ở trong mình ra, cho đến đông chí thì vào thu hình trong hang; lúc ấy rắn ăn không còn bồ mà có khi còn độc nữa, thế thì sao tháng mười ở đây, nóng chảy mỡ ra, lại có thể có thịt rắn để làm vui khách hàng kén ăn?

Người đàn ông oan khổ lưu li ngưng lên nhìn trời thấy mây đỏ đồng độc mà không khí đặc quánh lại như có thể lấy dao ăn để thái ra: trời này còn nóng mà độc lắm đây. Ai dại gì mà ăn thịt rắn. Muốn ăn thì phải về Đồng Tháp, chó ở Sài Gòn người ta ăn những cái gì chứ đâu có ăn thịt rắn, đi kiếm chỉ mất công vô ích.

Hờ hờ, nếu không có thịt rắn thì ăn làm gì? Người chồng tức giận mà không biết tức giận cái gì, lại quay gót về nhà và tưởng như thấy ở mỗi góc đường tăm tối có những cầm thú đi hai chân chỉ rình giết người đi khuya và hình như ở xa xa có tiếng vượn lâm tuyến khóc rợn trăng

khuya, “đâu đâu u uất hồn sơ cõi, từng bóng ma rùng theo bước đi”.

Người khách đi đêm ơn ón lạnh. Anh ta nhớ lại lúc cùng đi với vợ trong đêm theo bước nhịp mà họ gọi đùa là “nhịp bước quân hành”: ờ, lúc ấy cầm thú ít, yêu ma không có, đời đẹp như một bông hoa trinh trắng, không biết một ngày kia bắt chước Orphée xuống địa ngục tìm Eurydice, có bao giờ lại thấy như thế nữa không?

*

* *

Ôi mộng, chỉ là mộng và chỉ là mộng mà thôi! Địa ngục thì bao giờ lại có hoa trinh trắng! Đến dưới một gốc đèn râu rի, anh thấy cái bóng anh đi lù lù ở phía trước, đi cô độc trên đường dài. Người chồng dừng lại, sợ chính bóng mình. Nước mắt anh lại úa ra, và chảy dài theo lối đi lấp loáng một bông sao rụng.

Chú thích

(1) *Bánh cuốn ở Thanh kêu là bánh dẻo*

(2) *Chủ hàng chả cá nổi tiếng nhất ở Hà Nội*

Tháng Mười một

Thương về những ngày nhẽ bỗng con rận rồng

Tưởng là hết chuyện truyền kì, quả là lầm. Sang tháng một, lại có truyền kì về con cà cuống. Có ai ở Bắc Việt vào đây cho hỏi thăm tháng một mấy năm nay ở Bắc Việt, trời có rét lắm không, mưa vẫn riêu riêu buồn như trước hay thời tiết vì ảnh hưởng bom đạn của Mỹ đã khác xưa? Nghe thấy nước bạn Mỹ xuất toàn lực ném những loại bom kinh khủng lắm, mà ném toàn bom nặng tới bảy trăm tấn có sức phá hoại ngang bom nguyên tử, mình ở đây thấy rợn cả tóc gáy lên, ấy thế mà không hiểu làm sao cứ nghe thấy người ta nói là Bắc Việt vẫn đánh và đánh dữ hơn cả lúc mới phát động chiến tranh là khác!

Thế thì là cái thó gì? Ở đây, người ta cũng ném bom tiêu diệt quá khích, ai cũng bảo là thời tiết không như trước, mưa không đúng cũ mà nắng cũng ra ngoại lệ, thành ra mình cũng tưởng thời tiết Bắc Việt đổi thay, do đó lầm đêm nằm tưởng tượng, mình cứ ngỡ là Bắc Việt không còn mưa rét nữa mà có khi lại nóng nứt đá tan vàng cũng nên. Nghĩ như thế, thấy buồn; nhưng nằm nghĩ thêm một lúc mình lại cười muôn khóc. Bom không làm nhụt được người thì sao mà lại ảnh hưởng được đến trời?

Bảo rằng thuốc khai quang có thể làm cho người ta ngứa; đạn thối có thể làm cho người ta nghẹt mũi trước tiến bộ của văn minh khoa học; đạn cay có thể làm cho người ta nhức đầu khó chịu, nhưng bảo rằng bom mà thay đổi được thời tiết, có lẽ là chuyện mơ hồ bịa đặt.

Ấy, chính vì nghĩ dở dần như thế mình mới thấy yên tâm hơn một chút.

Hơn thế, lại còn nghe thấy nói rằng những vùng bị bom, mười ba năm nữa không cày cấy, tròng trọt được cũng lại là loè nữa. Trái lại, có người quả quyết những chỗ bị bom cày như thế tròng trọt cày cấy lại tốt hơn, còn không khí ở những vùng bị bom nguyên tử ở Nhật tưởng đâu là bị ô uế đời đời nhưng chỉ mấy tháng sau thì lại sạch sẽ và trong vắt như thuở trước. Cây lại đâm hoa trổ lá, chim lại ca hát trên cành, thế thì cơn bom đạn qua rồi trời lại trong xanh, gió lại thổi, mây lại bay, cây lại nở ngành xanh ngọn, có hè gì đâu, như thiên hạ vẫn thường đòn đại ?!

Nước non là nước non trời

Ai chia đặng nước, ai dời đặng non

Không ai dời đặng non, không ai chia đặng nước, thế thì tháng một ở Bắc Việt, tất nhiên vẫn rét, mưa tháng một ở Bắc Việt tất nhiên vẫn riêu riêu. Và nghĩ đến như thế thì bảo không yêu Bắc Việt làm sao cho được?

Mưa rét thì khổ, khổ nhất cho người nghèo, nhưng biết như thế mà vẫn cứ yêu bởi vì cái mưa, cái rét ấy thông thường quá, vì chỉ có Bắc Việt mới có cái mưa cái rét ấy thôi. Ai đã xa nhà, trôi nổi ở một phương trời không có nước mắm, không có phở, tương tư phở và nước mắm thế nào thì ở giữa một thành phố khét lẹt hơi người, chói chan nắng lửa, người ta cũng nhớ mưa rét tháng một ở quê hương mình đến thế là cùng.

*

* *

Chập tối, thắp một ngọn đèn lên ăn cơm rồi uống một ngụm nước vối, quây quần lại với nhau nói chuyện, cái thú ấy kể đã êm đềm; nhưng nếu lại chống một cái gậy tre, đi qua vũng lội mà sang nhà hàng xóm bàn chuyện tầm phو, cái thú ấy lại càng đậm đà hết sức.

Những cái gốc, những cành cây mót lại và chất đống ở đằng sau vựa thóc, lúc bấy giờ lấy ra đem chụm để cùng quây lại mà sưởi ấm, có một cái gì rất mờ ảo, thần tiên, làm cho người ta quên mệt nhọc, quên cả lo âu, quên luôn những buồn rầu về tiền nong công nợ. Ánh lửa bập bùng soi vào những bộ mặt nửa sáng nửa tối của những người ngồi nói chuyện. Thỉnh thoảng, nghe gió rào rào và nước lốc róc trên tàu ba tiêu, có người mới nhớ là bên ngoài mưa và rét. Ở trong này chén nước vối nóng làm ấm lòng người ta. Một ông vỗ vào đùi:

- Ồ, thằng Cún đâu nhỉ, tao có giấm mấy củ khoai trong bếp tro, về lấy sang đây, mau!

Có tối chỉ có một mẻ ngô rang mà khè khè ăn gần hết đêm. Lại có ông nhấm nháp một vài chén rượu với chả nhái, rung đùi tưởng chừng như có thể gãy cả thang giường vì ngon quá thế là ngon, ngon có thể chết ngay đi được.

Hồi kháng chiến, tôi đã từng sống ở những làng đồng chiêm và những buổi tối tháng một vẫn ngồi đốt lửa họp hội đồng như vậy. Họp chừng một tuần, thành ra nghiện. Nghiện chuyện của bà con lối xóm, nghiện nước vối, nghiện ngô rang, nghiện khoai lùi, và nghiện luôn cả cái lòng ưu ái đậm đà của những người hàng xóm nghèo nhưng ăn ở lúc nào cũng như bát nước đầy.

Ở đất đồng chiêm, khoảng giữa tháng mười, sau khi tắt nước để làm vụ cây, người nông dân gieo mạ trên những thửa ruộng xâm xấp nước. Buổi chiều, chắp hai tay sau lưng đi ra ruộng, vào trung tuần tháng một, ta đã thấy ngọn mạ đạt dào trước gió bắc. Qua màn mưa phùn tím

nhạt, những ruộng mạ xanh hoa lí giải ra như những tấm thảm lưu li, chõ đậm, chõ nhạt, trông thật tài tình. Mạ lúc ấy cao chừng ba tấc, mỗi khi có gió chạy qua, rụt cả xuống rồi lại đứng lên, trông y như thế là các cô tiên đang múa.

Trông thấy mạ, người nông dân không những sướng mắt mà sướng cả lòng. Là vì lúc ấy họ cảm thấy đã hơi hoi “ăn chắc”; mai kia, họ sẽ nhỏ mạ lên bó lại từng bó, xén bớt đầu lá để đem cấy lại, nhưng trước khi cấy lại, thường thường phải tát nước vào trong ruộng.

Chính lúc này nước lại khan, hồ ao lầm khi gần như cạn hết, người làm ruộng phải mất công tát từ những mương xa, nhiều khi phải cho nước chảy qua ba bốn thửa ruộng khác mới tới ruộng của mình. Ấy chính đôi khi tát nước như thế mà bắt được vài con cá nhỏ hay mấy con tôm càng, họ nhịn miệng không ăn, lại đem biếu vợ chồng người khách lạ tản cư về làng họ. Tôi nghiệp, ông bà ấy bỏ cả nhà cả cửa mà đi...

Họ không nghĩ đến chính thân họ mà chỉ nghĩ thương đến người từ ở phương xa tới và đã biết bao nhiêu lần đi kiếm rau mồng tơi, mảnh bát về nấu canh, họ không quên hái thêm một mớ cho vợ chồng mình “ăn tạm”.

*
* *

Ở thị thành, phải nói thật là cái không khí yêu thương, ưu ái đó không có mấy. Tôi nhớ những đêm tháng một hòi còn bé, cứ độ tám giờ tối thì nhà nào nhà nấy đóng kín cửa lại ở trong nhà với nhau, ít có người nọ đến thăm người kia, ít có đốt lửa sưởi với nhau và cũng ít có những “vụ” uống nước vối, ăn khoai lùi, trò chuyện cởi mở với nhau như thế. Thường thường, trẻ con chui vào chǎn bōng đi ngủ sớm, trùm kín đầu đâu đầy rồi mới móc túi lấy hạt dẻ hay ngô rang ra xực, trong khi một cô em gái đọc cho bà nội nghe truyện “Thuyết Đường” hay “Tây Du” lấy công một hai xu một quyển.

Có khi ăn chưa hết ngô rang trong túi đã ngủ rồi, và chỉ độ một tiếng đồng hồ đã mộng thấy mình đi qua cầu, sang Gia Lâm, Gia Quất bẻ trộm ngô và bị người ta đuổi đánh. Sợ toát mồ hôi, thức dậy thì có khi cả nhà đã tắt đèn đi ngủ rồi. Lúc ấy, nằm mà lắng tai nghe những hạt mưa nặng hơn lúc ban ngày rơi lộp bộp trên mái ngói, người ta, dù hãy còn nhỏ nhít, cũng thấy buồn tê tê, nhưng buồn nhất đêm đông ở Bắc Việt là tiếng rao “giò giày” và tiếng một người ăn mày từ ở tít đàng xa vọng tới, ví cái thân mình với con cá: “*con cá nó sống vì nước, con sống về cửa ông cửa bà*”.

Hình ảnh một người đàn ông mặc áo lá rách, đội một cái thúng vá trên đầu và xách một cái đèn dầu ở tay, thỉnh thoảng lại đánh rơi trong đêm khuya một tiếng rao ngái ngủ “giò giày” cũng như hình ảnh một người mù, tay cầm một cái gậy bò lê dưới trời mưa, trong gió lạnh (có khi có một con chó dẫn đường), tinh đốt tay cho đến bây giờ đã có ngót sáu mươi năm nhưng vẫn cứ mờ mờ hiện diện trong óc tôi mỗi khi thấy tháng một trở về.

Tháng một trở về ở đây không có gió bắc, không có mưa phùn, tháng một trở về ở đây tươi hồng rậm lá, tháng một trở về ở đây sướng như điên trong tiếng nhạc “sốt gun” có cô con gái Việt Nam bá vai thằng Mỹ đu đưa, thế mà không hiểu tại sao tôi cứ nhớ hoài, cứ thương mãi cái tiếng rao “giò giày” và tiếng than “con sống về cửa ông cửa bà” của người ăn mày mù! ... Sài Gòn ơi, Sài Gòn có đêm hồng, Sài Gòn có những cô ca sĩ đeo một triệu rưỡi hột xoàn ở cổ và một triệu rưỡi hột xoàn khác ở vú, có khi nào quay về xứ Bắc anh em để nhận thức rằng Sài Gòn sướng không biết chừng nào vì gạo thì thừa, cá lại lăm mà mùa đông lại không cần áo rét vì

Ở đây được cái quanh năm nắng,

Chẳng mượn ai đan áo ngực hàn!

- Rõn hoài. Bộ anh này muốn nói mỉa Sài Gòn sao chớ?
- Đâu có. Này, tôi hỏi: thế từ xưa đến nay có bao giờ ở miền Nam lại có người chết đói chưa? Mà có bao giờ đã có người chết rét chưa? Ở Bắc, có những năm mất mùa, vô số người chết đói; còn rét mà chết, nói đâu xa làm gì, chỉ cách đây vài năm thôi, các báo chẳng đăng bằng tí bụi như thế này, rằng “Ở Bắc Việt người ta chết cả đống vì trời ra tai rét quá, không thể nào chịu nổi”?

Thế nhưng mà thôi, nói mấy cũng là thừa, bởi vì từ xưa tới nay ai cũng biết là Bắc Việt nghèo khổ mà Nam Việt thì phè phỡn. Phè phỡn vì Nam Việt là con cưng được trời thương, nhưng “con ghét làm nê” có lẽ cũng là được trời thương cách khác. Nhưng dù là con thương hay con ghét thì cũng là anh em ruột thịt cho nên Nam, Bắc lúc nào cũng thương nhau, mỗi khi thấy cảng đậu đun hạt đậu, thì hạt đậu khóc hu hu:

Cùng chung nhau một mẹ,

Dùn nhau nỡ thế ru?

Tôi không ưa mấy ông “Bắc Kỳ cũ” lên mặt thạo, nói rằng người Nam “chịu được người Trung chớ không chịu được người Bắc” và mặc dầu người Nam không nói ra miệng nhưng trong tiềm thức vẫn nuôi một tinh thần kì thị.

Thú thực, tôi chỉ thấy ở Mỹ có kì thi đèn trăng chứ ở Án bây giờ cũng chẳng còn kì thi giữa quý phái và cùng định thì sao ở Việt Nam lại có thể có kì thi Nam Bắc được? Nói lí sự nghe lồng nhách, cứ nhìn vào thực tế mà xem. Chỉ trong vòng có hơn chục năm nay, Bắc Việt và Nam Việt đã tỏ ra “chịu” nhau như chưa bao giờ thấy ghi trong lịch sử: chịu nhau từ việc lớn là bảo vệ tự do, xây dựng dân chủ cho đến việc nhỏ như vũ nhạc, y phục, trang trí, ẩm thực, thời trang... Cuộc di cư vĩ đại một ngàn chín trăm năm mươi tư tưởng đâu là một giai đoạn đau buồn trong lịch sử Việt Nam, thế mà không ngờ lại thành ra một cái cớ để siết thêm chặt tình thương yêu Nam Bắc.

Hồi còn người Pháp ở đây, tôi hả hê không biết chừng nào khi thấy có những ông tây chính công nghiên mắm tôm, đến nỗi cho cả mắm tôm vào chè đường để ăn. Đến thời Mỹ, thấy họ đem thực phẩm từ Mỹ sang để xài với cả nước lạnh từ bên Mỹ sang để uống, tôi cứ tưởng suốt đời người Mỹ không thèm nhúng vào một miếng ăn nào của Việt Nam; ấy thế mà chỉ một hai năm sau, chả giò, chả lụa, lươn um, thịt bò khô trộn với đu đủ, bún thang... họ tìm ăn như quỷ. Thấy vậy, tôi cười, và thích thú vô cùng.

Nhưng thích thú, hả hê gì thì cũng không bằng thấy các ông, các thầy người Nam lịch sự như trời nghiên phở Bắc, sáng sáng không làm một tô thì dù ra trông thấy, hay các bà các cô người Nam đẹp như tiên chịu bún riêu, bánh cuốn, bún ốc, rượu nếp, thang... hơn là bún bò, bì cuốn, hủ tíu thịt heo, cháo huyết...

Vẫn biết mỗi thức ăn có một phong vị riêng, không thể đem ra so sánh được, nhưng trông thấy người Nam “ăn Bắc”, tôi thấy có một cái gì duyên dáng lạ lùng, và tôi ưa nghĩ rằng ăn như thế là đem cái thương yêu đặt vào trong lòng, trong ruột.

*

* *

Cô Ba đã thấy có những người Bắc mới vào đây không biết ăn sầu riêng chưa? Ngô lăm: họ lợm giọng, muốn nhả ra, nhưng sợ bất lịch sự đành phải nuốt mà chảy cả nước mắt nước mũi ra, y như thể một đứa trẻ ăn cơm muốn bỏ múa nhưng không được, phải nhảm mắt nhảm mũi

nuốt cho xong.

Ở Bắc, có một món mà lúc đầu nhiều người trong này cũng không chịu được, cũng như có một số người Bắc lúc đầu không chịu được sâu riêng nhưng sau quen giọng rồi thì nghiện như nghiện cần sa vậy: đó là cà cuồng - một thời trân của tháng một, được lưu ý nhiều từ khi có cuộc di cư.

Bây giờ, nói đến cà cuồng, tất còn có cô Bảy, cô Ba lợm giọng và chê là hôi quá, không chịu nổi, nhưng nói chung thì nhiều người ở đây đã chịu cái giọng của nó rồi. Tôi còn nhớ hồi năm một ngàn chín trăm hai mươi chín, ba mươi, ở trong này, về phía đồng bào người Nam có thể nói một ngàn người thì may ra có một dùng được nổi mà thôi, còn chín trăm chín mươi chín người “cảm như Tây” không thể ngửi được mùi của nó, chớ đừng nói là thường thức.

Thực tình đến bây giờ tôi không biết tại sao lại có người ngửi mùi cà cuồng mà lại bảo là hôi, chớ ở Bắc thì có thể nói không người nào lại không mê cà cuồng, không nhà nào lại không có một ve cà cuồng để săn trong nhà, ăn uống món nào đó cần phải có tí cà cuồng mà không có để đưa ra thì người nội trợ chưa được liệt vào “số dách”.

- Tưởng là gì! Con cà cuồng anh nói đó có phải tên thật là đà cuồng không? Nếu thế thì ở đây thiếu gì. Người ta không buồn bắt. Vào cữ này, đêm nào anh cứ đi láng cháng trên con đường Tân Sơn Nhứt hay là ra cầu Bình Lợi xem có cả đống không?

- Chính “hắn” đó. Người ta quen gọi là cà cuồng. Thực ra, tôi không biết sự tích nó thế nào, nhưng nhớ lại lúc vợ chồng sum họp với nhau, ngồi nhể bọng cà cuồng lấy dầu, thì vợ vốn là người thuộc thơ và nhó tích truyện, cho biết con cà cuồng thực ra là con đà cuồng, và cũng như chim ngói, cá mòi, cũng có một truyền kì về nó.

Tục truyền rằng Triệu Đà là người đầu tiên ở nước ta ăn cơm với con cà cuồng. Thấy thơm một cách lạ kì, ông ta bèn gửi dâng vua Hán một mớ và gọi nó là “quế đồ”, nghĩa là con sâu cây quế. Vua Hán ném thử thì nhận rằng nó giống mùi quế thực, khen ngon và phân phát cho quần thần mỗi người một con. Bất ngờ trong đám có một ông lăm chuyện tâu rằng: “Đó không phải là con sâu sống ở trong cây quế mà chỉ là một con sâu sống ở dưới nước “thuỷ đồ”. Vua mới phán rằng: “*Thứ nái Đà chi cuồng dã*”, nghĩa: đó là lời nói láo của Đà. Từ đó, cà cuồng thành ra đà cuồng. Nó còn một tên nữa là “long sắt”, nghĩa là con rận rồng.

Con rận rồng! Nghe tên có quý không? Ta có tá món ăn quý nhất gọi là bát trân : nem công là một, chả phượng là hai, da tây ngu là ba, bàn tay gấu là bốn, gân nai là năm, mồi đười ươi là sáu, thịt chân voi là bảy, yến sào là tám. Con rận rồng không phải là một thứ trân, mà chỉ nên coi là gia vị, nhưng nghe tên thì quý có phần hơn cả bát trân là khác.

Là vì con cà cuồng quý không phải vì thịt nhưng vì cái dầu của nó. Cứ vào cữ tháng một ở Bắc Việt cà cuồng trứng, cà cuồng cay “dội” lên ở khắp nơi. Trên các đường phố Hà Nội thương thường, có những người đàn bà đội thúng ở trên đầu, tay đeo đĩa đi trong im lặng không rao một tiếng mà tài thế, nhà nào cũng biết để mà gọi vào mua.

Tôi còn nhớ có một thời kì tôi được sống những ngày trời tháng bụt: mùa rét, tám chín giờ mới dậy, chừng mười giờ mặc ba-đờ-suy, đi ghẹt đờ-vin láng cháng ra một nhà hàng gần đó uống rượu hâm, rồi về nhà giết những phút vô liêu bằng cách lén gác xuống nhà, ngâm ngợi dầm ba câu lếu láo.

Chính nhò thê, tôi mới biết là những người đàn bà bán cà cuồng ấy sở dĩ không cần rao vì họ đã có khách quen cả rồi: có hàng thì cứ tự nhiên đem vào bán, mà đã vào thì các bà nội trợ cứ tự nhiên mua. Người bán và người mua cùng ngồi nhế bọng cà cuồng cho vào một cái đĩa nhỏ, đến khi xong cả thì mới trút vào trong một cái ve nhỏ bằng ve dầu Vạn Úng, đây thực kín, lấy giấy bóng bao ngoài cái nút rồi lấy dây quấn chặt để cho không bay hơi đi mất.

Vì không có công chuyện gì phải làm ăn gấp rút, có nhiều lần tôi cũng “ké” vào ngồi xem và cũng bắt chước đi lấy tăm nhế bọng cà cuồng chơi. Những con cà cuồng này còn sống cả. Nếu cầm không cẩn thận, nó châm cái ngồi vào tay. Ngồi nó vừa tựa như vòi con ve vậy. Mà “như” gì nữa? Theo tôi, cà cuồng là một loại ve lớn, nhưng thay vì mình ve khác tròn thì mình nó dẹp, có bốn cánh, hai cánh ở trong ngắn, mỏng mà vàng còn hai cánh ở ngoài thì dài, cứng hơn một chút, màu cánh gián sẫm, có gân tim tím.

- Anh cẩn thận kéo nó bò đi mất đây. Mà nó lại bay nữa, phải coi chừng!
- Biết quá mà. Hồi chúng mình chưa lấy nhau, anh đi chơi một hai giờ đêm mới về. Anh còn nhớ cũng vào khoảng tháng này đây, đi con đường từ Lò Sũ về Bờ Hồ, qua rạp Philharmonique và đèn Bà Kiệu lá rụng và cà cuồng bay cứ rào rào làm lu cả bóng đèn điện ngoài đường, bắt không xuể... Nhưng này, sao nó chỉ dội lên mấy ngày, một tuần lễ là cùng, rồi mất hẳn không thấy nữa?
- Cái gì đẹp mà quý lại chẳng hiện lên rồi mất ngay? Con ruồi, chim ngồi, cá mòi, cồm... đều thế cả. Có phải Tây cũng như Tàu đều tin như vậy và vẫn nói rằng “ngay hôm nay phải hái liền những bông hồng của cuộc đời” phải không anh?
- Nhưng mà này, sao mình nhế “liền” cái bọng của con này lại không có gì là nghĩa làm sao?
- Ông ơi, ông chỉ được cái tài nói khoác. Có phải con cà cuồng nào cũng có bọng để lấy dầu đâu! Đây này là con đặc, chỉ có con đặc là có dầu thôi. Vì thế, cà cuồng cay bao giờ cũng là cà cuồng đặc. Con cà cuồng đặc có một cái bao nhão dính với ruột, trong chứa một chất nước như

mùi nước đái quỷ. Ở hai bên, phía trong bụng, dưới cặp chân thứ ba, có hai cái túi nhỏ bằng hột gạo trong đựng một chất nước thơm. Cái nước thơm ấy, ta đương nhả ra đây. Nhả phải nhanh tay mới được, chậm thì bay mất mùi thơm đi. Ta gọi cái nước thơm ấy là dầu cà cuồng. Dầu cà cuồng nhẹ hơn nước, mùi thơm hơi cay, cho vào lọ mà bịt nút kín thì nó bay hơi đi mất.

Nhớ những lời của vợ kể ngày xưa, người chồng nói khoác hôm nay lại cứ đúng nguyên văn mà nói lại với những cô bạn mĩ miều phương Nam đương ngồi ăn thang chan đỗ mắm tôm cà cuồng. Cô nào nghe cũng cứ treo mắt lên môi anh chàng. Và anh không quên nói tiếp mấy câu tráng miệng:

- Thế nhưng đừng tưởng cà cuồng chỉ quý riêng về cái dầu đó mà thôi. Ta biết cà cuồng có hai thứ: cà cuồng cay và cà cuồng thịt. Cà cuồng cay cho chúng ta chất dầu đặc biệt vừa nói, nhưng cà cuồng thịt lại có một vẻ lâm li khác hẳn. Bỏ cánh đi rồi, anh nhần nhần sáu cái chân nó, lấy cái đầu, xé ra nhấm nhót cái úc trước rồi cái đuôi sau, anh sẽ thấy nó có một vị ngon khác hẳn các món ăn ngon nào khác: nó nhặn nhặn, bùi bùi, beo béo mà lại thanh thanh, một người tục có thể ăn cả trăm con không biết ngán.

Mà ngán làm sao được? Tháng một là tháng cà cuồng thịt hầu hết đều có trứng, tách đôi cái bụng nó mà nhần lấy những chùm trứng xanh xanh, vàng vàng như hoa cà hoa cải, tôi nhất định tin là còn khuya cái món ca-vi-a (1) của Âu Mỹ mới mong sánh kịp.

- Thế cà cuồng cay lấy dầu xong thì “rục” cả đi ư?

- Nói vậy. Ăn cũng ngon như cà cuồng thịt vậy, nhưng nó kém ngon một chút vì không có trứng mà thịt ở úc không mấy béo.

Một cô mĩ miều bỗng đập tay vào vai cô ngồi cạnh:

- Thôi chết rồi, nói vậy thì ở đây mình cũng có cà cuồng mà mình không bắt đẽ ăn...

- Thì đã nói là ở đây thiếu gì, nhưng cái hay là có người không buồn bắt, trong khi có người khác lại biết bắt lấy để rút cái chất nước thơm và cay ở trong bụng nó làm đồ gia vị độc đáo nhất, mê li nhất. Đừng ai bảo ăn uống như thế là tầm bậy tầm bậ. Không. Ăn uống như thế là đã đi đến chỗ tinh vi triệt đẽ, không dễ gì các nước vỗ ngực là văn minh, mà cũng không dễ gì các nước có một nền văn hoá hai ba trăm năm đã biết ăn như vậy.

Mù-tạt là cái gì? Nước cà tô-mát là cái gì? Mà ma-di là cái gì? Đó là tất cả những cái gì rất ngon, rất quý của Tây phương, ai mà dám chê; nhưng có nhiều lúc tôi đã nghĩ thầm như thế này và tôi cười muôn chết: ngày tép gói bánh chưng trộn nhân với mù-tạt; ăn thang, cuốn, chả cá, tiết canh lòng lợn chấm mắm tôm mà lại cho tô-mát-dút (2); hoặc ăn bánh cuốn, cháo ám mà

lại cho vào nước mắm một ít ma-di hay lạp-chíu-chương thì trời đất quý thần ơi, phong vị các món ăn gia dụng ấy sẽ ra sao?

Nước Việt Nam khô sở của chúng ta có biết bao nhiêu món ăn thích khẩu, nhưng biết bao nhiêu món ăn thích khẩu sẽ “đi đoong” nếu không có gia vị là cà cuống. Âu cũng là một điều đáng tiếc là phải đợi mãi đến gần đây ta mới thấy người mình ở trong này lấy dầu cà cuống để điểm vào những bữa tiệc hay những bữa quà cho “thơm” hơn! Vậy mà dần dần đồng bào ở đây và cả các ông ngoại quốc cũng “chịu giọng” cái “chất nước trong, cay hắc mà hôi hôi đó” - chịu quá, chịu đến hoá ra ghiền, vì tôi đã thấy có người ăn bất cứ món gì cũng phải cho mấy giọt cà cuống vào nước chấm mới làm được vừa ý ông thần khẩu.

Ấy thế mà cà cuống ở đây, thực ra, mới chỉ là hạng nhì, vì cà cuống đây không cay sắt là một lẽ, mà lẽ khác là vì dầu cà cuống phần nhiều pha chớ không được nguyên chất, lại cũng có thứ dầu cà cuống chế bằng chất hoá học chớ không phải là dầu chính cống, lấy trong bụng con cà cuống ra.

Tôi tiếc ở đây người ta không xài cà cuống thịt, phải chi có những người đến mùa đi bắt đêm về luộc lên để cho các bợm nhậu đưa cay, dám chắc xí-quách, lỗ tai heo, khô nai, khô cá thiều, thịt bò lúc lắc đều thua xa một nước.

*

* *

Nhưng nói thế mà thôi, chớ nóng chảy mỡ ra như cái tháng một ở trong này, ăn vàng vào miệng cũng như là ăn rơm. Chỉ được cái trái cây gỡ lại. Không nuốt được cơm, chỉ lấy trái cây mà rãy, rồi ăn xong thì mồ hôi mồ kê nhẽnhại, anh nầm quạt máy lim dim con mắt mơ về những chuyện xa xưa, tôi đố anh không có lúc thấy tiếc tiếc, nhớ nhớ, thương thương cái bầu trời đục màu chì lồng, cái mưa lày lội chỉ vừa làm ướt gấu quần và cái rét êm êm, ngòn ngọt thỉnh thoảng lại có một ngọn gió hơi buôn buốt thổi vù vù từ xa lại làm cho những cành cây thưa lá đập vào nhau và reo lên khe khẽ như tiếng của những người yêu bé nhỏ gọi những người yêu.

Mưa rét như thế, ai mà chẳng cảm thấy ở trong nhà đọc sách thỉnh thoảng lại nhấp một miếng cà phê do chính mình pha lấy và hít một khói xì gà thì nhất: những người có chất nghệ sĩ lầm khi khó chịu đến cái mức vợ con không thể nào chịu nổi. Có ai nầm nhớ lại Hà Nội ngày nào, vào những lúc trời se sắt, mưa dầm dề, gió lê thê như thế, thỉnh thoảng ở giữa đường lại có một anh chàng mặc áo tươi, đội mũ mott sang, đi ghẹt, ngậm cái ống điếu đi lang thang một mình

như đang nghĩ thơ không?

Ấy đó, biết là đóng cửa lại ở trong nhà âm cúng thật tình, nhưng có những người nhìn lên trời thấy ở bên ngoài sâu sâu một cách nén thở, tự nhiên cảm thấy không chịu được, phải vội vàng khoác áo đội mũ ra đi để tận hưởng cái rét, để dầm mình vào trong mưa, để nghe cái nhịp thở âm thầm của cỏ cây lúc đó bắt đầu hé những lá non bé tí tẹo, xanh mướn mướt.

Không phải là thi sĩ, nhưng vào những buổi chiều tháng một ở Hà Nội, người nào cũng muốn làm thơ: trời lạnh có gió mưa, nghe tiếng rao sì-cốc-bểu là một loại bánh cuốn hấp, người ta cũng thấy có một cái gì gợi cảm; cái xe tay trùm áo rơi cánh gà cũng có thể là một đề tài để cho người đa tình suy nghĩ hay một cái quán bên đường he hé mở để cho người đi qua nghe thấy một cái lò than hồng tráng bánh cuốn có mấy người ngồi ăn trong làn khói mờ mờ như sương cũng có thể làm cho ta tưởng tượng bao nhiêu cuộc họp hoan chờ đợi...

Rét lấm, anh ơi, thôi đi về, anh nhé. Những bờ vai sát lại với những bờ vai; những con mắt nhõng nhẽo tìm những con mắt ngọt ngào; mớ tóc ai đen rưng rức như đêm tăm sao khéo buông lơi xuống môi má người thương y như thể tờ hồng quấn quýt lấy cành mộc-liên xanh nõn...

Kéo cái màn cửa sổ mà nhìn qua lớp kính mờ hơi nước xuống con đường nhựa láng bóng nước mưa, anh thấy vũ trụ im ru như trong buổi hồng hoang mà nhịp thở ân tình của người yêu là tiếng hát ru, còn bộ ngực ngát thơm là cái gói mộng đưa anh xuống con thuyền bát nhã chở về miền cực lạc.

Bây giờ, ngồi ở trong một quán nước vắng teo mà nhìn lên gác nhà ai le lói một làn ánh sáng mờ mờ ấm ấm, người chồng phiêu bạt đột nhiên cảm thầm thía hơn cả bao giờ nỗi cô chích của mình và bao nhiêu kỉ niệm với người vợ bùi ân ngọt ái khi xưa lại trở về như những cánh chim non trong mộng.

Ôi, ở cái đất giàu có sung sướng này, hương phấn thừa thãi, gio ngón tay út lên thì lúc nào chẳng có người sẵn sàng kết bạn một đêm với anh ngay, nhưng người chồng “đánh rẻ cái hồng nhan” đứng dậy, bỏ quán nước đứng lên; đi thẳng thỉnh dưới mưa phun gió bắc. Ngao ngán cho thân mình, y có lúc không còn mong gì nữa, không còn thèm gì nữa. Mong gì bây giờ? Mà còn thèm gì bây giờ? Những tiếng cười tiếng nói đa tình, những bộ đứng, cách đi duyên dáng của các cô bạn mĩ miều đã tắt như lửa ở trong lò sưởi tắt lúc trời gần sáng. Bao nhiêu ám cúng, bao nhiêu yêu thương, bao nhiêu an ủi đã chết rồi, bây giờ chỉ còn lại một cái gì trống rỗng mông mênh, một cái gì nhạt nhẽo không làm rung động được khứu giác, một cái gì ghê rợn thoang thoảng mùi bệnh tật và chết chóc.

Chiếc chìa khoá vàng rót từ ở trên đỉnh tháp xuống bây giờ biết tìm đâu? Đến gần sáng, người

chồng mới về được tới nhà, mở cửa rộng ra, và tự nhiên thấy tạt lại một mùi gì nhạt nhẽo: có lẽ đó là mùi chăn hôi chiêu mốc. Một mồi, anh không buồn đóng cửa lại nữa, gục đầu xuống cởi giày nhưng để nguyên quần áo lăn ra giường và lấy nửa cái chăn đắp vào ngực cho đỡ lạnh. Ngoài kia, mưa rơi buồn bã thiết; gió thổi qua khe cửa làm cho lá màn màu bạc úa cũng rung lên vì lạnh. Kỉ niệm xa xưa ơi, cứ đến trêu chọc người gối lê nằm mất ngủ đêm mùa đông làm gì ?!

Em ra bến nước trong về Bắc,

Chỉ thấy mây trôi, chẳng thấy làng!

Ý giờ tay bưng lấy mặt, nhưng vẫn không tài nào chụp được mắt.

*

* *

Một lát thì ở xa tiếng gà đã gáy te te. Trời lọc qua cửa kính rồi vào một làn ánh sáng đục lò như thế cà phê sữa. Chẳng biết bây giờ ở xứ bạn nằm yên giấc, trời đã sáng chưa, mà sao ở trong căn phòng úa héo này, vẫn còn tối mù tối mịt.

Người chồng lăn bên này, lăn bên nọ thì đã thấy ở bên cạnh có tiếng máy truyền thanh nhỏ nhẹ vọng sang. Cái đât này nghiện máy truyền thanh, cải lương, Quỳ ạ.

Trước đây, vợ anh thích nhất hai tuồng “*Sơn Hậu*” và “*Chiêu Quân công Hồ*”. Anh cũng thích là vì vợ thích. Nhưng đêm nay, ruột cứ nẩu ra, còn bụng dạ nào mà nghe nữa? Anh kéo chăn trùm kín lấy đầu, nhưng giọng Út Bạch Lan trong “*Bui mờ ải nhạn*” vẫn cứ như khoan vào lỗ tai. Trong lúc chập chờn nửa mê nửa tỉnh, anh bỗng thấy từ dưới đất dung lên đồi núi trùng trùng điệp điệp, trắng xoá dưới những lớp tuyết dày dãi ra bát ngát không biết đâu là đất, đâu là trời.

Không có một bông hoa, một bóng chim. Tuyết, chỉ toàn là tuyết trắng. Thỉnh thoảng, nổi lên một tiếng tí bà oán hận. Rồi ở xa xa, xa tí dang xa, có hai cái hình bóng bé nhỏ hiện lên trên hai con ngựa già cúi đầu đạp tuyết mà đi về phía chân trời tẻ ngắt. À, ra là Vương Chiêu Quân đi công Hồ, có Lưu Văn Long hộ vệ, và cứ đến mỗi chặng đường, Chiêu Quân lại khóc bằng mười đầu ngón tay trên cây đàn tí rồi tức cảnh làm thơ để Lưu Văn Long hoạ lại, nói lên nỗi

lòng thương Hán oán Phiên.

Người chồng chảy nước, nói một mình như thể người mơ ngủ:

- Tôi nghiệp Chiêu Quân vì sắc đẹp mà phải đem mình sang cống vua Phiên, nhưng ai oán nào cho bằng Lưu Văn Long bị vạ lây, phải bỏ vợ mới cưới đi hộ tống “linh bà” sang đất rợ để tới khi được về thì tóc xanh đã bạc quách từ bao giờ rồi!

Chú thích

(1) *Caviar: một loại trứng cá esturgeon, thoát đầu chỉ Nga có, nhưng bây giờ thì có hầu hết cá Âu Châu.*

(2) *Tomato juice: nước cà chua.*

Tháng Chạp

Nhớ ơi chợ té

Đáng lí ra thì công lên việc xuống như thế, vợ phải mệt đùi, nhưng tài thực, không những đã chẳng sao mà lại còn tươi hẵn lên là khác. Ấy là vì làm việc nhiều mà quên mệt? Ấy là vì thời tiết? Ấy là vì thương chồng, thương con mà không quản ngại vất vả chăng? Đã dành là vào cũ tháng chạp ở Bắc Việt người ta thấy trong người khoẻ mạnh hơn cả những tháng vừa qua; đã dành có khi lòng yêu thương làm cho người ta quên mọi nỗi buồn phiền cực khổ khi thấy những người thân yêu của mình vui sướng; đã dành là có nhiều khi ham mê công việc quá mà quên mệt mỏi; nhưng bao nhiêu cái đó chưa thấm vào đâu với cái vui của người đàn bà khi thấy năm hết té đến, nhà cửa bình an, vui vẻ mà trong mình lại có một số tiền dành dụm được từ trong năm, tạm đủ để mua bán cho bằng chị bằng em hầu ăn một cái té không to nhưng cũng không lúi xùi.

Năm nào chồng cũng bảo vợ:

- Thôi nhé, năm nay ăn thế nào xong thôi, chờ bày vẽ ra lăm chỉ tớ ôm người, em ạ.

Và năm nào vợ cũng trả lời:

- Thì nào có sắm sửa gì đâu. Chỉ có vài con gà con quê và một nồi cá kho xì xưởng...

Ấy thế mà từ đầu tháng chạp, nhà chǎng có lúc nào rỗi rãi. Vẫn đè quần áo té đã giải quyết xong xuôi từ cuối tháng một rồi – vì sợ để đến gần té mới lo thì không có người nhận may – người vợ ngày nao cũng dậy từ tinh mơ đi chợ để bắt đầu mua các thứ đồ nấu cát sẵn một chỗ, vì sợ để đến rằm tháng chạp mới mua thì đã kém ngon mà lại đắt. Hầu sì, bong bóng, bào ngư, bột ngọt, măng tây, vây cá... tất cả những thứ đó cát sẵn cả vào trong chạn. Tuy vậy, cũng chưa yên tâm. Nhiều khi sực nhớ ra điều gì lại lấy cuốn sổ ra ghi.

- Phải thế mới được. Dạo này em nói trước quên sau, hỏng quá.

Này, còn phải mua mấy cái tranh gà lợn và hai ông “Tiến tài, Tiến lộc” để dán ở hai cánh cửa chính này; mua một hộp thuốc đánh đồ đồng này; lên trên phố Lò Rèn lấy hai con dao gọt thuỷ tiên đặt đánh này; mua thêm mộc nhĩ để gói giò thủ này... À, nếu em quên, anh nhớ nhắc nhé: mai, thế nào cũng phải xuống ông Cả ở Khâm Thiên xin một ít lan chân cua về trồng.

Ở Hà Nội, đến Tết, nhà nào cũng phải có một cành đào hay cây mai, một chậu cúc, cụm hồng nhung hoặc một cặp đỗ quyên có hoa nở đỏ chói để cho vui nhà vui cửa; nhưng có những nhà

đặc biệt quan niệm rằng tết mà không có hai chậu lan chân cua để trưng bày thì cái tết kém hẳn phần rực rỡ. Bởi thế năm nào cứ vào đầu tháng chạp, người vợ cũng tự tay tròng hai khúc xương rồng vào hai cái chậu sứ Giang Tây rồi lấy con dao nhọn khía xương rồng ra để ghép những cánh lan chân cua vào cho lan hút lấy nhựa xương rồng mà sống. Ghép lan như thế, phải làm từ đầu tháng chạp. Chừng một tuần, những lá lan trông như chân con cua bể căng nhựa, tươi lên trông thấy, và thường thường vào cuối tháng chạp thì hoa nở sum sê, đỏ chói – nhưng đỏ một màu đỏ đặc biệt, nửa như màu chu sa mà nửa lại như màu cánh sen.

*

* *

Người chồng vụng chân tay, chịu chết không thể làm được công việc đó, đành là phải đứng ở bên cạnh để xem có đỡ đần được việc gì chăng. Tủ chè, sập gụ và bộ sa lông bằng gụ cẩn đá hoa đánh bằng xi không được, phải đánh bóng bằng lá chuối khô; đồ đồng đánh bằng tro và trấu, đã lau sạch rồi mới bôi thuốc đánh đồng; sàn gạch cứ đổ dầu lạc một đêm rồi lau đi, đợi đến hai mươi chín, ba mươi cọ bằng nước thì mới bóng; mi môn, quần m่าน đem phơi săn một vài nắng chó không thì mốc đấy. Lặng ơi, con xem giùm mẹ cái tranh “Đông Phương Sóc ăn trộm đào” cuộn lại cát ở đâu, lấy xuống phơi nhân thể để nay mai treo ở ngoài phòng khách nhé.

Bao nhiêu m่าน ở ban thờ đã thay hết rồi, nhưng cái mâm ngũ quả nhớ đem rửa sạch. Khanh ơi! Còn Khoái, con nhớ hai cái đèn lục lăng treo ở hai bên bàn thờ Phật, phải hạ xuống rửa các miếng kính bằng xà phòng chó cứ lau không, không sạch. Ấy đó, quanh đi quẩn lại chỉ rặt những công việc vặt như thế mà hết cả ngày. Hết cả ngày mà cũng không hết việc. Cứ vào khoảng mồng mười trở đi, người vợ lại phải thức khuya để quét dọn bàn thờ, bày biện lại mấy bộ đồ trà, mấy bình rượu thuỷ lục, thuỷ hồng bày ở trên đầu tủ rồi đem hộp mứt ra rửa, cắt những miếng trang kim để bày dưới những miếng kính ở coi trầu, rồi ra sân vặt đèn thay nước của từng cốc, uốn lá và lấy những cái tăm tách những cài giờ thuỷ tiên ra để cho đừng chạm nhau. Nhiều khi đến lúc ấy thì người chồng đã chợp được một giấc ngắn rồi. Nhìn xuống nhà thấy còn đèn, biết là vợ chưa đi ngủ, người chồng dặng hắng rồi xuống thang, nhăn mặt:

- Làm gì mà đến giờ này vẫn chưa ngủ?

Biết là chồng khó tính, người vợ cười:

- Em sắp xong đây. Chỉ còn một tí nữa thôi: em để chậu thuỷ tiên này ra sân cho có sương rồi

lên ngay đây mà.

- Một giờ hơn rồi đấy. Em cứ thức thế này ốm mất. Đã bảo cái tục ăn tết phiền lắm, phải giản tiện một chút, cứ theo đúng thủ tục thì làm sao cho được.

Ngọn đèn đêm bật lên rồi, gian phòng ngủ chìm vào trong một bóng tối xanh biêng biếc. Bấy giờ người vợ mới thử thi bên tai chồng:

- Thì em cũng muốn giản tiện lắm đấy chứ, nhưng cũng chỉ giản tiện được có chừng thôi. Tết mà không trang hoàng một tí cho vui cửa vui nhà và sắm sửa lệ bộ mỗi thứ một tí, lòng nó không yên, anh à.

Có lẽ là vì từ bao nhiêu đời nay tổ tiên mình, rồi đến ông cha mình tin tưởng, rồi đến mình đây tin tưởng là đất đai cũng như sinh vật, ngưng hoạt động trong những ngày cuối năm, lại bắt đầu sống lại, với sự trở về sắp tới của khí ám. Từ quan niệm đó, người ta vui mừng trông đợi lúc cây cối và muôn vật trở lại cuộc sống bình thường và ao ước năm mới phải có một cái gì mới, một tiến bộ mới.

Người nông dân ao ước sản xuất nhiều, người thị thành ao ước khôn ngoan hơn, giàu có hơn, trưởng thành hơn. Bao nhiêu thù oán xếp lại, tình đoàn kết được đề cao, sự lo buồn lộn xộn quẳng đi một xó. Người ta thăm hỏi nhau, kiêng mắng chó chửi mèo, kiêng hốt rác, rồi trông nêu, vạch vôi vẽ cung tên, chẳng qua chỉ là để hi vọng năm sắp tới bản thân mình, gia đình mình, làng nước mình sẽ khôn ngoan hơn, khoẻ mạnh hơn, sinh sản nhiều hơn. Người ta chúc mừng nhau, cầu trời khấn phật, chỉ là để xin các súc huyền bí viện trợ cho mình. Sự hoang đường mê tín thường xuất phát từ một nhu cầu thực tế. Không theo như thế thì không yên dạ. Không yên dạ vì sợ rỗng, vì sợ xúi quẩy cả năm, nhưng không yên dạ còn vì sợ việc này hay việc nọ trong năm sẽ không bằng được năm cũ.

Em nghe thấy nói trước đây, ở chợ Đồng (Hà Nam), chợ Phú Giày (Nam Định), có những người đến phiên chợ cuối năm thường cố mang một thứ hàng, bất kì nhiêu ít, bất kì tốt xấu đi bán, chỉ mong bán chạy chứ không mong lấy tiền. Bán như thế là bán cái xúi quẩy của năm cũ đi.

Cũng vậy, ở Nghệ Tĩnh trở vào Thừa Thiên ngày trước cũng có tục đến phiên chợ tết thì đem đồ đi bán và rao “Có ai mua đại ra mua” và không cần bán mà cũng không cần ai trả lời mua hay là không mua.

Tất cả những tục lệ ấy, truy tầm ý nghĩa sâu xa của nó, chỉ là biểu hiện nguyện vọng của dân tộc muốn cho mọi sự trong năm mới phải hơn năm cũ.

Em thiết nghĩ nêu ta có chỉnh trang nhà cửa, mua bán sắm sửa cái này cái nọ, cho cửa nhà vui

về chǎng qua cũng chỉ là theo truyền thống của dân tộc, lập lại cái nguyên vẹn chung của dân tộc, nếu không có lợi thì cũng chǎng có gì là hại.

- Nhưng mà mệt mỏi, bận rộn, ôm người!

- Đó là ý nghĩ của anh, chờ em thì thấy mình có bận rộn mấy ngày này thì đến tết nghỉ ngơi, mình mới càng thấy sự nghỉ ngơi thanh thản là quý báu. Anh bảo người ở xa nhà xa cửa đến tết lôi thôi lêch thêch vợ con kéo về quê ăn tết còn mệt mỏi và tốn kém đến đâu, sao mà họ vẫn cứ về quê ăn tết? Không về là không ăn tết, không ăn tết thì không thể yên tâm được. Có ai bắt buộc họ đâu, nhưng họ cứ về, vì cách gì trong một năm họ cũng phải trở về nhìn lại bàn thờ, ngôi mộ, cây cau, cúng ông bà, thăm họ hàng làng nước một lần, mà lần đó phải là ngày tết. Về quê ăn tết, đối với tất cả người Việt Nam tức là trở về nguồn cội để cảm thông với ông bà tổ tiên, với anh em họ hàng, với đồng bào thôn xóm; về quê ăn tết tức là để tỏ cái tình thân lạc quan ra chung quanh mình, tỏ tình thương yêu cởi mở và biểu dương những tinh thần, những kỷ niệm thắm thiết vì lâu ngày mà quên đi mất.

Riêng cái quan niệm về tết đó đã cao thượng lắm rồi, nó khác hẳn đạo Phật, đạo Lão, nó không tách ra khỏi cuộc sống mà lại đi vào cuộc sống, dựa vào cuộc sống mà vươn lên, nó thực tiễn và tiến bộ, anh ơi, mình chỉ thông cảm sơ sơ cũng đã thấy khoẻ rồi. Thú thực với anh, em không thấy mệt một phút nào và em nói thẳng là em yêu tết, mong tết y như lúc em còn nhỏ vậy. Chẳng lẽ em của anh yêu tết, thích tết, ham sắm tết và trưng bày ngày tết, anh yêu lại ngăn cấm em sao?

*

* *

Nghe vợ nói như thế, người chồng ở người ra, không còn biết nói nǎng sao. Ờ thôi, em muốn làm gì mặc, nhưng có mệt mỏi, đừng than phiền đây! Nhưng cùng lúc nói câu ấy, người chồng thấy vợ đột nhiên đẹp trội hẳn lên, y như thể một thiên thần. Nghĩ cũng kì: ăn thì khẽnh, ngủ thì ít, mà làm sao trong những ngày gần tết, vợ mình lại nhanh nhẹn hơn, đôi mắt sáng hơn mà má cũng hồng hơn? Người chồng cảm thấy rõ rệt như thế; hơn nữa, trong những buổi theo vợ đi chợ Mớ Mơ, chợ Bàng, chợ Ô Cầu Dền, chợ Đồng Xuân, chợ Đầm, chợ Ngãm, chợ Đẹp... đông quá, chen chân không được mà sao vợ mình cứ đi dẻo queo, không tỏ vẻ gì mệt mỏi, dừng chỗ này mua một thứ, rẽ ra dãy kia mua thứ khác, ôm đodom trăm thứ mà vẫn cứ tươi như thường.

Đất thì lầy lội, người thì đông, chen chúc xô đẩy ôn ào, minh mệt muối đút hơi, đút ruột mà cứ phải đi theo xách làn mây leo dēo, lắm lúc muối thở hắt ra đi về; nhưng nghĩ thế mà thôi, chó chợ tết có một sức hấp dẫn hết sức kì lạ, muôn về nhưng lại cứ muốn đi, đi để xem thiên hạ mua bán, đi để xem bao nhiêu cái ngon, cái đẹp của quê hương, đi để xem... chợ tết.

Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc,

Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,

Vài cụ già chống gậy bước lom khom,

Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ.

Thằng em bé nếp đầu bên yếm mẹ,

Hai người thôn gánh lợn chạy đi đâu.

Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau,

Sương trắng đỗ đầu cành như giọt sữa;

Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,

Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh;

Đồi thoa son nấm dưới ánh bình minh,

Người mua bán ra vào đầy cổng chợ.

Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ,

Để lắng nghe người khách nói bô bô,

*Anh hàng tranh kêu kít quầy đổi bồ,
Tìm đến chõ đồng người ngồi dở bán.

Máy thây khoá gò lưng trên cánh phản
 Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân;

Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cầm
 Miệng lâm nhảm đọc vài hàng câu đổi đố;

Bà cụ lão bán hàng bên miếu cỗ,
 Nước thời gian gọi tóc trắng phau phau.

Chú hoa man đầu chích khăn nâu,
 Ngồi xếp lại đồng vàng trên mặt chiếu;

Áo cụ lý bị người chen sau kéo,
 Khăn trên đầu đương chích cũng tung ra.

Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà,
 Quên cả chí bên đường đang đứng gọi.

Máy cô gái ôm nhau cười rũ rượi,
 Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa.*

Những mệt cam đỏ chói tựa son pha,

Thúng gạo nếp đong đầy như núi tuyêt.

Con gà trống mào thâm như cục tiết,

Một người mua cầm cảng dốc lên xem...

Chợ tưng bừng như thế đến gần đêm...

Không nhớ nhà thơ nào đã tả chợ tép như thế nhỉ! Một quá, anh ta cũng chẳng buồn nghĩ xem là ai nữa, thì vừa lúc ấy vợ lại từ dãy hàng hoa quả xách một cặp gà sống thiến bảo mình ngồi canh để còn đi mua thêm mấy chục cam sành nữa rồi về.

Ngồi trên cái ghế dài thấp lè tè, làm một khói thuốc hầm với nước trà tươi nóng, người chồng lại lim dim con mắt nhìn qua làn khói thì thấy người lố nhô đi lại y như trong một bức phim màu vậy. Cái yếm sòi của cô gái quê khéo đa tình lại đeo một lá bùa vàng; chiếc quần là ống só của chàng trai chống chiếc gậy tre làm nổi bật cái áo tam giang của cô gái bán dừa; ông thầy bói chít khăn nhiễu nước dừa có nhìn thấy quái gì đâu mà sao cứ nghenstein trông vào những bức câu đối đó của ông đồ bán chữ? Đây là tiếng ói, đó nọ câu cười; mấy ông lái trâu nói thứ tiếng gì mà nghe như tiếng xạ phang, còn các bà bán cây sao hôm nay ăn trầu tươi thế? Nhưng tất cả... tất cả đều thua hai chị em cô hàng bán chiểu cặp điếu cười đã xinh, ăn nói lại tình, ô hay, sao chiểu chất cao gần nóc chợ mà mình lại thấy như có hoa nở ở chung quanh?

Thì ra chợ tép có một sức hấp dẫn kì lạ thật: nhìn vào cái gì mình cũng thấy đẹp, trông người nào mình cũng thấy tươi, thấy cái gì mình cũng muốn mua. Cái ống buồng cắt chéo góc, ngày thường ai mà thèm để ý, ấy thế mà mình cũng muốn mua để về trồng mấy giờ lan “đồng tiền”; cái chút chít bằng đất ra cái chết gì, ấy thế mà mình cũng muốn mua cho trẻ vì bây giờ ở phố phường không có bán; mà cả đến hai chị em cô bán chiểu nọ mình cũng muốn mua luôn đem về vì ngộ quá, y như thế một cặp búp bê Nhật Bản. Nhưng mà nghĩ một cách tội lỗi thôi, và chỉ tán láo tán lêu tí ti thôi, chó đâu dám đi sâu quá...

Phải chi đây là “phiên chợ cưới” thì mình đâu có ngắn.

Phiên chợ cưới... Phiên chợ cưới... Ờ phải rồi, nhớ lại lúc vợ chồng chưa lấy nhau, người chồng rộng cẳng thường vẫn bỏ nhà đi ăn tép lang thang, có khi ở nhà con hát đàn, có khi ở một vùng quê, lại cũng có khi ở một vùng sơn cước. Anh ta nhớ có một năm lên vùng Tam Đảo chia

tỉnh Vĩnh Yên với Thái Nguyên, anh đã đi một phiên chợ đặc biệt của đồng bào người Mán ở mây tỉnh Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ: phiên chợ cưới. Chợ cưới họp vào ngày hai mươi nhăm tháng chạp tại xã Tam Long, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Yên, ở ngay cổng làng Tam Long, giữa cánh đồng, bên một con sông đào nhỏ nước trong vắn vắt.

Từ mười giờ sáng đến năm giờ chiều, các trai gái, hoặc là đi một mình hoặc là cùng đi với bà con thân thích, kéo nhau tới chợ – nơi mà ngày thường mây xã ở quanh vùng vẫn họp nhau buôn bán. Nhưng hôm nay thì một con cá, một lá rau cũng không có, vì đồng bào ở đây đã mua bán xong xuôi từ mấy hôm trước rồi. Hôm nay, trai gái ăn mặc tề chỉnh, đến đây là để giao duyên và tình tự với nhau. Có cặp thè sông hẹn núi; có đôi ước hẹn một ngày chòng vợ vuông tròn; lại có những tình nhân trao đổi cho tình nhân những món quà kỉ niệm. Khe suối, bụi tre, đồi cây, bờ ruộng, chứng kiến bao nhiêu mối tình thơ mộng, dường như cũng rung động một cách khác thường, tươi lên một cách khác thường. Những cái phá sặc sỡ, những cái khăn, những đôi hài sáo thêu xanh viền đỏ với bao nhiêu hoa tai bạc, vòng cổ vàng, vòng tay đen, vòng chân tím giao hoan với mây ngàn trắng màu bạc cũ, gió núi biêng biếc màu băng lăng làm cho phiên chợ cưới và bao nhiêu cảnh vật ở chung quanh có một vẻ huyền ảo lung linh như một buổi quần tiên đại hội trong một thuở vườn thần thánh trên Thiên Đình.

Phiên chợ cưới... Chớ sao? Tiên cũng lấy nhau, chó đâu chỉ có người phàm trần mà thôi. Cô sơn nữ và chàng trai vùng Tam Đảo quanh năm vất vả vì ma chay, giỗ chạp, nuôi trâu bò, gà lợn và đi rừng cắt đồng trùng hạ thảo, mộc nhĩ, hái lá kim giao, quên làm sao được phiên chợ cưới cuối năm; hết năm nọ đến năm kia, bọn này thành vợ thành chồng thì bọn khác lại kế tiếp đi chợ cưới Tam Long để gắn bó keo sơn, kết nên những cuộc ân ái đẹp như trăng thu, trăng như tuyết núi.

*

* *

Thả hồn về chợ tép ở Kinh, người chồng tiếc không biết bao nhiêu cái đẹp đã qua và cảm thấy tức bức con người ở đây sao vất vả tẩm thân vì nhiều thứ phù hoa quá. Năm hết tép đến rồi, mình lì đến mây đi nữa cũng cứ là thấy sốt ruột vì nhiều công việc chờ đợi quá. Hôm qua, vợ đã gióng lên là nhớ việc gì thì phải làm ngay, chó cứ để dồn lại đến ngày chót, làm sao cho kịp: lần này về, cách gì thì cũng phải lo “gửi tép”. Minh là ngành thứ phải đem đồ lễ đến nhà gia trưởng: gà vịt, hoa quả, vàng hương; những ngành trực thống phải “gửi” vàng hoa; còn

những ngành khác thì dùng vàng hồ hoặc vàng lá. Vàng hồ là một thứ vàng gốm, một phần ba những thoi vàng ở lớp trên làm bằng giấy bồi vàng, còn hai phần ba lớp dưới là những thoi bạc làm bằng giấy bồi trắng có dính mặt kính, trang kim. Vàng hoa làm toàn bằng giấy màu vàng, cũng có dính mặt kính, trang kim như vàng hồ nhưng nhiều hơn, tượng trưng cho vàng thoi, do đó mỗi nghìn vàng là một nghìn thoi nhỏ. “Gửi tết” nhà già trưởng mà không có vàng, không được.

Gửi tết rồi lại còn phải lo biếu tết. Bao nhiêu bạn bè, thân thích xa gần buôn bán, giao thiệp với mình, làm ơn làm huệ cho mình, nhất thiết phải moi trí óc ra mà nhớ cho kì hết để đem đồ đến biếu. Biếu như thế không phải là đút lót, mà chỉ là để tỏ cái tình thần thương yêu, cởi mở, thực thi quan niệm “thêm bạn bớt thù”, san bằng những mâu thuẫn để cho người ta có dịp biếu thị những tình cảm, những ý niệm thăm thiết mà người ta không biếu thị được trong những ngày thường trong năm phải làm ăn vất vả, đầu tắt mặt tối không có thời giờ thăm viếng nhau, trò chuyện với nhau lâu.

Xong được mấy công việc đó thì cũng đã đến rằm, mười sáu rồi. Đến cái ngày ấy, anh thấy thời giờ đi nhanh một cách tệ hại. Dù anh lơ là với tết cách nào đi nữa, anh cũng cứ thấy tim anh rộn ràng lên, anh không biết phải làm việc gì trước, việc gì sau và anh thấy rằng mặc dầu là bỏ giấc ngủ trưa, những ngày cuối năm ấy quả là đi nhanh quá, nhanh như “bóng câu qua cửa sổ” – cái danh từ rất sáo mà lúc nhỏ anh vẫn viết trong tờ “com-pò-li-măng” đọc chúc mừng thầy giáo trong buổi học tất niên viết trên một tờ giấy rất trắng vẽ một bó hoa buộc bằng một cái băng tam tài!

Thì ra mình trách vợ bận rộn về tết, ốm cả người, mà chính mình từ rằm tháng chạp trở đi cũng bận rộn, vất vả y như vợ vậy. Cái việc mua giấy hồng điều rắc vàng để nhờ ông Cả Nam viết câu đối dán ở cột trước cửa và ngoài sân; cái việc mua trầm để đốt trên bàn thờ; cái việc đi chọn pháo Công Tường Cát để đốt đêm giao thừa vào ba ngày tết, nhất định mình không đảm trách thì không được. Cũng không được, nếu sắm sửa tết tạm xong xuôi mà mình lại không cùng với vợ đi thăm mộ gia tiên nội ngoại để viếng các cụ, đắp lại mộ các cụ và thắp nhang mòi các cụ về ăn tết với con cháu nhà. Trước đây, làng Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh có cái lệ đi thăm mộ gia tiên hàng năm ấn định vào ngày ba mươi tháng chạp nếu là tháng đủ, hay hai mươi chín nếu là tháng thiếu. Nhiều làng khác cũng theo như thế. Nhưng sau này, đời sống xô bồ, có thay đổi chút ít, người thành thị đi thăm mộ ông bà cha mẹ sớm hơn một chút, có khi trước ngày ông Táo lên chầu trời, có khi sau vài ngày.

* *

Thực tình, cái giống nhà văn, nhà báo có lúc đáng yêu thật, nhưng có một vài khi cũng làm cho đàn bà bức cát mìn. Cái gì lại đem cả ông Táo ra ché nhạo là “đội mũ đi hia chǎng mặc quần”? Cái gì lại đè nghị bỏ tục lễ ông Táo mà cho như thế là dị đoan? Cái gì mà năm nào cũng nhạo ông Táo “lập bô” lên với Trời về các việc xảy ra dưới trần?

Muốn nói gì thì nói, người vợ, đúng ngày hai mươi ba tháng chạp, cứ phải đủ lệ bộ tiễn ông Táo lên trời thì mới yên lòng.

- Minh là người trần mắt thịt, biết thế nào là dị đoan hay không dị đoan, biết thế nào là Tây Phương có lí hay Đông Phương có lí? Ai bảo phản khoa học em chịu, ma ai bảo cái tục này do quan lại phong kiến đặt ra để ngu dân, lại cũng chịu luôn; nhưng lễ tiễn ông Táo vẫn cứ lễ tiễn như thường vì không làm như thế thì em ăn tép không ngon. Tôi gì mình lại khổ thân mình như thế?

- Nhưng mà nó buồn cười, em ạ. Tiễn một ông vua bếp cưỡi ngựa cá chép lên châu trời, còn có cái gì nực cười bằng?

- Nói như thế, thật hay, thật đúng. Nhưng mà ta cũng nên biết rằng ta thờ kính ông Táo có phải là ta thờ kính cái ông vua bếp cưỡi cá chép lên châu trời đâu?! Cũng như ta trồng nêu, vẽ vôi bột, gói bánh chưng, dọn cửa lau nhà, kiêng cữ chửi mèo mắng chó, ta tiễn ông Táo là để chứng tỏ tính chất đồng nhất của xã hội, vì biết ăn tép tức là tầm mắt ta đã vượt được cái tổ chức thị tộc bộ lạc chật hẹp để sống với nhau rộng rãi hơn trong sự đoàn kết của nhiều thị tộc bộ lạc thống nhất với nhau về quan niệm, nghi lễ cũng như về thời gian.

Đấy là lúc tổ chức gia đình đã có cơ thay thế cho tổ chức thị tộc. Sự thờ cúng ông Táo và sự tiễn đưa ông Táo lên trời hôm hai mươi ba tháng chạp chứng tỏ rằng người mình lúc ấy đã tổ chức thành gia đình nhỏ, mà cái bếp của ông Táo là tượng trưng cho gia đình, cái bếp là đơn vị nhỏ nhất của xã hội. Cái gia đình ấy, cái đơn vị ấy đồng nhất từ Bắc vào Nam cho nên không có kẻ nào chia rẽ được Nam với Bắc.

Nếu bảo tiễn ông Táo là mê tín dị đoan thì cả nước ta đoàn kết ngay cả trong sự dị đoan, mê tín: ông Táo ở Bắc, hôm hai mươi ba tháng chạp, lên châu trời cưỡi một con cá chép thì cũng ngày ấy ở Trung, ông Táo cưỡi một con ngựa yên cương chính chắc, còn ở trong Nam thì giản dị hơn, đồng bào ta cúng ông một cặp giò – cặp hia để cho ông đi lên Thiên Đinh cho lễ!

Người chồng đứa dai, chọc nữa:

- Người ta bảo là ông Táo tham nhũng lăm, chẳng biết có đúng không? Ai mà lẽ ông chu đáo, ông tâu tốt, ai không có gì, ông truy...
- Đây là nói đùa. Nhưng nếu căn cứ truyền thuyết mà bàn thì ông Táo nếu ăn tiền có muôn tâu bậy cũng không thể được. Là vì – lại theo thần thoại – các cụ ngày xưa chống tham nhũng triệt để chớ đâu có như bây giờ. Anh quên mất rồi ư? Tháng mười ta có lễ song thập là ngày lễ gần cuối năm, có tên là Hạ Nguyên.

Đó là theo tục lệ nhà Phật.

Nhưng theo truyền thuyết thì ngày song thập, tức là mồng mười tháng mười, trên Thiên Đinh, Ngọc Hoàng Thượng Đế sai một sứ thần tên là Tam Thanh xuống kinh lí tràn gian để kiết toán những điều lành hay dữ trong một năm qua để làm biên bản tâu lên Ngọc Hoàng minh xét. Vì thế, vào ngày ấy, dân chúng lập bàn thờ hương án để rước điều lành, tránh điều dữ trong dịp thăm viếng của sứ thần Tam Thanh, đồng thời sửa cơm canh cúng ông bà cha mẹ qua đời và cầu Trời Phật phù hộ cho mạnh khoẻ, ăn nên làm ra, tai qua nạn khôi.

Như vậy là trước ngày ông Táo lên chầu Trời hai tháng thì đã có một phái đoàn điều tra xuống dưới trần để xem xét tình hình rồi, các ông Táo của các gia đình gan có bằng gan cóc tía cũng không dám khai gian nói bậy.

Nói câu này, nhất định có người sẽ bảo là mình nịnh vợ, nhưng có thể nào cứ nói thế, không sao: tôi thích nghe những truyện truyền kì như thế nhưng từ buổi di cư vào miền Nam ít được ai nói tới, thành thử lầm khi cũng nhớ, mà đời hình như cũng kém thơ mộng đi một chút. Có lẽ cũng chính vì thế mà ăn mười tá, mười chín cái tết ở đây, vào ngày ông Táo chầu trời, không thấy ai cúng cá chép, mình có khi cảm thấy như nhớ cái gì đẹp lăm mà mất đi không còn thấy nữa. Tôi nhớ Bắc Việt vào những ngày hai mươi ba tháng chạp, tiễn ông Táo lên Thiên Đinh, cái không khí nó khang khác chớ không như thế này... Từ sáng tinh sương, chưa bước chân xuống giường, tôi đã nghe thấy rao ơi ới ở khắp các nẻo đường: “Ai mua cá ông Táo không?”, “Cá ông Táo không nào”. Nghe như thế, tự nhiên lòng mình bỗng nao nao vì biết rằng có cá ông táo là sắp đến Tết rồi. Không thể nào nằm được nữa. Mình ra xem thì thấy những bà bán hàng gánh hai cái thùng sơn đi vắt veo đôi tay, như chạy, để bán vội cho hết hàng, kéo còn phải về sớm để sắm sửa tiễn ông Công lên chầu Trời tâu việc hàng năm của mỗi gia đình. Ông Công đó là thần Trương Đàn hay Tử Quách, chỉ phụ trách riêng về việc bếp núc, còn Thổ Địa trông nom việc nhà, Thổ Kỳ có nhiệm vụ coi về chợ búa và tăng gia sản xuất cho đàn bà.

Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ là ba nhân vật trong truyện truyền kì “hai ông một bà” mà dân gian đều biết: hai ông là Trọng Cao và Phạm Lang, còn một bà là Thị Nhi cùng chết trong một đống

rom. Để kỉ niệm ba người cùng chết một lần vào ngày gần tết, dân chúng làm cái bếp ghép bằng ba hòn gạch đều nhau bắt góc. Ở giữa, có để một hòn đá: đó là tên đầy tớ xông vào đám cháy để cứu chủ không được mà cũng bị chết lây. Thường thường, ai cũng tưởng lễ tiễn ông Táo là ngày lễ cuối cùng trong một năm, thật ra sau đó hai ngày còn lễ tiễn ông vải, lễ tạ trường và lễ tất niên.

Trong lễ tiễn ông vải, người ta đem hết cả những chân nhang trong một bát hương đốt quanh năm ra đỗ xuống sông hồ hay đốt đi và thay tro khác vào bát hương. Nhân lúc con cháu dọn dẹp, bày biện lại bàn thờ, ông vải thừa dịp đi chơi vài ngày để chờ lễ Giao Thừa lại trở về ăn tết với con cháu trong nhà.

Ít lâu sau này, lễ tạ trường đã bỏ vì chữ Hán hết thời, nhưng lễ tất niên thì vẫn giữ nguyên cò bay ngựa chạy từ đồng ruộng đến thị thành: đúng ngày ba mươi tháng chạp, dân chúng làm cỗ ăn mừng và gọi là cỗ tất niên. Ăn xong bữa cỗ này buổi sáng, đến mười hai giờ đêm là lễ giao thừa đánh dấu lúc hai năm mới cũ giao tiếp nhau, pháo nổ đì đùng, thiên hạ lũ lượt kéo nhau đi lễ đầu năm hái lộc.

Em ở mình đây, trời nắng lắm

Sài Thành không biết có xuân sang.

Xuân này xúi Bắc ra sao nhỉ,

Đào có hây hây? Cúc có vàng?

Cây đối có còn ôm đổ cột,

Nêu dài tiếng khánh có khua vang?

Nói đến Tết ở miền Bắc thì trăm nhớ nghìn thương, chó đêu chỉ có đào, cây đối và cây nêu như nhà thơ xa cố quận nhớ nhạy đưa thư về hỏi thăm chị Trúc? Năm ở nơi đây là đất mà có người ca ngợi là mỗi khi tết đến “dưa hấu chất cao hơn nóc chợ”, người xa nhà nhớ nhất cái mưa xuân bay nhẹ nhẹ như hôn vào môi, vào má người ta, thay thế cho cái mưa phun đem buốt lạnh thẩm vào da vào thịt; nhớ những con đường hoa láng láng, thơm thơm như có bàn tay ai lau rửa thay thế cho cái lầy lội, ướt át kéo dài từ tháng một sang đến thượng tuần và trung tuần tháng chạp; nhớ những hoa mận, hoa đào đú đơn múa may trước gió hiu hiu thay thế cho những cành

khô nghèo nhựa nambi chết chóc trong giá rét trước ngày đông chí.

Tài thê, lập xuân rồi thời tiết đổi thay liền! Thảo nào sách Thích Danh giải nghĩa Xuân tức là xuân, nghĩa là cựa động, muôn vật đến mùa ấy cựa động mà sống dậy. Người đàn bà Trời đã cho đẹp, lập xuân rồi tự mình cũng thấy mắt biếc hơn, má hồng hơn, ngực tròn hơn và cảm thấy như nháy một thứ men nồng làm cho lòng phơi phói.

Đêm qua hoa nở nhị vàng,

Sáng ngày thiếp thấy bóng chàng áo xanh.

Chàng áo xanh về quê ăn tép thấy cô gái đa tình, mấy mà không thấy lòng rạo rực thương yêu và thốt ra lời tình tứ:

Vườn em có choen cau non,

Nhà anh có chiếc cơi son đợi chờ.

Thậm chí đến bậc lão đại, bạc cả mái đầu, thấy hoa xuân hé miệng ra cười cũng cảm như thấy con tim muốn nói lên những lời yêu thê thiết.

Ai oi, chơi lấy kéo chày

Xem hoa bốn mắt đi giày ba chân.

Yêu tháng chạp không biết bao nhiêu, nhưng yêu nhất là những ngày giáp tép, thời tiết sao mà đĩ thê, con mắt tẩm lòng sao mà đong đưa thê, lời nói, tiếng chào sao mà duyên dáng tơ mơ thê.

Tôi yêu hết và tôi nói là tôi yêu hết; yêu ngọt cỏ gió đùa, mây trôi lâng lâng, ngọt núi đồi sim, nhựa cây mạch đất, yêu con sâu cái kiến nằm co ro trong tổ bầy giờ trỗi lên tìm lá mới hoa non, yêu cô gái mặc quần lĩnh hoa chanh lại cài một cánh hoa hồng trên mái tóc, yêu con bướm đa tình bay lượn trên giàn hoa thiên lí, cái áo nhung xanh nổi bật lên trong vườn quýt đỏ, cam vàng, trông mới lại càng yêu những giọt mưa bé tí ti đọng lại trên nhung mướt làm cho người đẹp óng a óng ánh như thiên thần trong mộng. Cũng may mà cứ vào tháng chạp, ở đây, thỉnh thoảng lại có những đêm xanh gió thổi hiu hiu làm cho người thức khuya cảm thấy da tê tê, lành lạnh mà nghe như thấy tép đến xuân về trước ngõ nên cũng nguôi ngoai được phần nào, chớ cứ nắng chói chan, khô héo liền liền thi chỉ thương nhớ mà héo hắt đi, sống làm sao cho nổi.

Tết ở đây thiếu gì vải lụa của Thái Lan, Đại Hàn, thiếu gì đồ ăn thức uống của Nhật, của Mỹ, thiếu gì trái ngon, gái đẹp “lô can”, nhưng con cờ làm sao mỗi khi có sự giao tiễn đôi mùa thì lòng lại hướng về quê cũ xa xưa, mơ lại ngày nào cùng vợ đi mua đôi ba chậu cúc vàng, quất

đỗ, rồi về ăn quấy quá cho xong để lại đi ù lên Ngọc Hà mua mấy cánh mǎu đơn về để cắm bình, không quên vài tấm giấy đỏ để gói tiền mở hàng cho trẻ, một chai Mai Quέ Lộ hay Sủ Quốc Công, hai vợ chồng đi dưới mưa riêu riêu dặn nhau phải nhớ mua một hộp trà Thiết Quan Âm vỏ thiếc và xé vài chai rượu nếp cầm hạ thổ từ tháng tám!

Nhớ lại như thế thì quên làm sao được vào những ngày hai mươi bốn, hai mươi lăm vợ thức từ bốn năm giờ sáng, khoác một cái áo lạnh trên mình ngồi giữa sập sấp xếp các món đồ đem đi biếu tết những bạn bè thân thiết. Đó là cả một vấn đề phức tạp: hộp trà Thiết Quan Âm vỏ thiếc để biếu ông Long đã dành rồi, nhưng ông Luận hôm qua đã cho rượu, chả lẽ mình lại biếu rượu nữa, thôi hay là biếu cân mứt và chục cam Xã Đoài. Hộp kẹo này đưa sang bác Thanh Châu; chị Sen ơi, hai hộp trà mạn sen tự tay mợ ướp đây là để dành cho ông Chung, ông Churóc; nhưng đến Nguyễn Dân Giám thì quả là khó nghĩ. Hôm hai mươi ba mới rồi, để đánh dấu tập “Dưới rặng thông” in làm phụ bản số tết, anh ta sai người làm đội một cái quả to bằng cái nia từ Hàng Cân đến Hàng Da, đầy đủ bún thang, chả quế, giò lụa, nước xuýt, bào ngư, hầu sì, cuốn; bây giờ biết đem biếu gì đây? Ấy, chỉ có thể mà nghĩ mãi không biết làm ăn ra thế nào. Ôi chao, cứ suy nghĩ vơ vẩn mãi thế này, bức lầm. Người chồng nại cớ đi lấy “cái phong bì” của nhà báo tạ ơn nhân dịp cuối năm, rủ bạn hữu đi ra ngồi “Lơ Lắc” uống lót dạ vài cái “pun sô” và trông mưa bay trên hồ Hoàn Kiếm, ngâm bài thơ điên.

Có linh hồn, tôi đem cho trọn vẹn,

Vốn nhà nghèo, không quen cảnh bán buôn.

Đến những kẻ mới vờ duyên hứa hẹn,

Tôi cũng cho trọn vẹn cả linh hồn.

...

Điên! Điên! Điên! Và say nữa, xin say,

Điên đến chết và say cho đến khóc.

Say thêm nữa! Phút giây điên ngà ngọc!

... Dốc máu buồng tim, giết hồn lấy xác!

Ta cao dâng té lẽ đắng Thiêng Liêng.

Nhạc đâu rồi! Lê vật sấp đưa lên,

Xin mau nổi cho hồn ta rung động...

Yêu tết không biết bao nhiêu, nhưng yêu nhất là những ngày hai mươi chín, ba mươi, anh em say suốt ngày, tơ lòng rung động như điên, chè chén ở quán này chưa đã lại sang tiệm khác đập phá àm àm. Mà để làm gì? Chỉ là để tỏ rằng mình là những người văn nghệ bị đói bạc đãi nhưng nợ cần ai cả, mục hạ vô nhân...

Quan niệm đói một cách sai lầm như thế, chúng tôi tuy vậy vẫn tự cao tự đại và thỉnh thoảng lại lên cái mặt sầu đói, bỏ cả lẽ giao thừa, đi một mình ở ngoài đường để suy tư, và suy tư mãi chẳng thấy tời ra cái gì thì tìm một cái gì trác táng để liều thân hoại thể. Thuốc phiện. Trai gái. Rượu chè. Chúng tôi không chê bất cứ một thứ gì làm cho con người sa đoạ. Nhiều khi đi đến gần sáng mới về mà vẫn thấy người vợ còn thức với con để xem lại nồi cá kho, gói mấy cái giò gà, thái củ cải, cà rốt để sáng hôm sau nêm vào đồ nấu hoặc vừa quấy một xanh chè đậu vừa ngồi trông nồi bánh chưng luộc ở ngoài sân, người chồng cũng cảm thấy hơi se lòng một chút nhưng lại tự mình tha thứ mình liền, chỉ vì lẽ là ngày tết, người đàn ông có thể tự cho phép sống ra ngoài vòng kiềm toả từ ngàn xưa án định, mà cũng là để giải phóng bao nhiêu trói buộc, với hi vọng năm mới sẽ đưa lại nhiều may mắn hơn năm cũ.

*

* *

Về khuya, bắt tay bạn hữu ra về, đi thơ thẩn trên đường hoa một mình, anh thấy lòng anh cũng căng lên một thứ nhựa như cây cỏ và hình như có những bàn tay bé nhỏ mơn man trái tim anh lúc ấy đập mạnh hơn vì máu chảy dồn dập và nóng hỏi.

Lúc ấy, nhà đã trang trí xong xuôi. Đèn nến thắp la liệt trên bàn thờ. Nhìn vào chỗ nào cũng thấy khói hương nghi ngút. Cây đào và những cánh mẫu đơn in bóng lên tường làm cho anh nhớ mình đương đứng trước một bức tranh cổ của Tàu. Ở ngoài kia, có tiếng gì nhỏ bé như tiếng

sóng xa xa mà lại như tiếng đàn hát của thần tiên, tiếng chuyển mình của sông hồ, của lộc cây, của giàn hoa thiên lí?

Người chồng ngòi đó là tiếng của mùa xuân, nhưng không nói cho ai biết, lảng lặng mở bình Mai Quế Lộ, rót ra hai cốc nhỏ mời vợ một, còn mình uống một. Thỉnh thoảng, ở ngoài sân lại có tiếng tách, tiếng đùng: ấy là lúc các trẻ trong nhà bắt đầu “đốt pháo mờ” tung lên trời. Mùi thuốc pháo thơm thơm bay vào trong nhà, làm cho cả vợ cả chồng hơi ngọt, nhưng ngọt một cách du dương.

Trong khi ấy, từ xa xa vọng lại tiếng ống buông nén xuống đất đều đều, hòa với những tiếng hát trầm trầm, bồng bồng của những em đi “súc sắc súc sẻ” ca ngợi sự hoà ám của gia đình “có rồng áp trên giường cao, có rồng chầu dưới giường thấp” và chúc cho ai nấy “sinh đẻ những con tốt lành, những con như tranh, những con như vẽ”, sống lâu một trăm tuổi lẻ mà lại giàu có đê đa, có voi buộc trong tàu, có ngựa giõn nhau trên cỏ…

Cái Tết đẹp nhất, mê li nhất chính là ở vào giây phút thần tiên đó. Lát nữa, cúng kiến trời đất tổ tiên xong rồi, người vợ thoa tí phấn, điểm một giọt hồng lên má rồi bận cái áo nhung màu hoa sim cùng chồng và con mở cửa đi ra đèn Ngọc Sơn, rẽ sang đình Hàng Trống, đi lên Hồ Tây, vào đèn Quan Thánh lễ giao thừa, rồi người thì cầm cành lộc, người cầm hương lộc, đi thong thả về nhà, sự mê li còn gấp trăm gấp ngàn lần nữa.

Những đêm như thế thường thức cho đến gần sáng bạch cả nhà mới đi nằm. Là vì về đến nhà, còn bao nhiêu việc nữa chờ đã được nghỉ ngay đâu. Mở cửa vào xông đất lấy Khoái và Lăng chạy ngay vào buồng khách lấy bánh pháo Điện Quang dòng từ trên mái xuống đốt lấy may; vợ thì lẽ xì xà xì xụp; xong rồi cả nhà quay ra ăn uống, ném thứ này một tí, ném thứ kia một tí, rồi trò chuyện, rồi lập chương trình đánh tam cúc và rút bất, bắt đầu từ tối mồng hai, rồi chồng mở hàng cho vợ; vợ mở hàng cho con... Ôi, cứ thức đến sáng bạch cũng vẫn cứ được đi, nhưng sợ là mai mệt nèn hai ba giờ sáng phải đi ngủ cả.

Chẳng biết lũ trẻ đi nằm như thế thì có ngủ được không, chứ người chồng mơ lại lúc mình còn nhỏ, nhớ mang máng rằng giấc ngủ đêm ba mươi tết chập chờn, không mấy khi ngon. Ấy là tại vào cái thuở thanh bình ấy, pháo đốt suốt cả đêm không ngớt một phút nào, người đi lễ đông nườm nượp, lại thêm có những người có lẽ vì vui quá cứ ngửa mặt lên trời đi ngâm thơ bô bô ở ngoài đường!

Ôi những đêm giao thừa xa xôi, những đêm giao thừa cực lạc, đi không bao giờ trở lại, ta chẳng còn thấy thần thánh xuống trần để vui cuộc đời trần tục, ta chẳng còn thấy Đức Tin ngồi lên trong ánh mắt của muôn người... Cố nhân ơi, cố nhân đem theo biết bao nhiêu hương vị

đậm đà của kiếp sống khiến cho những giao thửa còn lại chỉ là thửa mà thôi...

Em ở mình đây, trời nắng lấm,

Sài Thành không biết có xuân sang.

Một đêm trăng khuyết đây thương nhớ

Đất Bắc xa vời không tiếng vang.

... Ôi, vườn dâu cũ ai cười đó,

Xào xác bên sông tiếng chợ tàn.

Mưa bay đây ngõ hoa đào rụng,

Này đã giao thửa pháo nổ ran...

*

* *

Ở phải, ở đây pháo cũng nổ giao thửa, nhưng còn đâu là bầu không khí dịu hiền của những ngày trước nữa. Bao nhiêu bè bạn giờ này đây đã về với gia đình. Người chồng cô chích cảm thấy mình lẻ loi, xa vắng hơn cả bao giờ hết, đi tha thẩn một mình trên các đường phố giới nghiêm, thỉnh thoảng lại có bóng một gã công an chìm và cảnh sát cùng quân cảnh bảo vệ an ninh trong bóng tối.

Xa xa, tiếng súng nổ như điện.

Không đâu, năm nào đến tết cũng ngưng bắn vài chục tiếng đồng hồ: mình thửa đạn thì nổ thay pháo chớ không phải là diệt địch, cứ yên tâm uống rượu, và tán láo, đừng có sợ! Chao ôi, chơi bời láo lếu mà thấy an ninh được bảo vệ kĩ càng như thế, mình lại càng thấy yêu Sài Gòn không biết chừng nào. Có những nhà hàng mở cửa suốt đêm. Có những quán cà phê bày bàn ghế ra hè nhiều gái chơi bời ngồi đợi khách hơn là khách vào uống rượu. Lại cũng có những phòng trà có

ca nhạc hai ba giờ sáng mà vẫn có người vào nghe.

Kì chưa, thế thì họ không lẽ giao thừa à? Họ không kiêng cữ gì à? Họ không cần biết xông đất là gì à? Họ khoa học như Mỹ, không tin dị đoan chăng? Hay là khói lửa và sự chật vật trong cuộc sống đã làm lệch lạc đầu óc họ? Người mắc bệnh sầu thương cố lí, không lệch lạc đầu óc, mà cũng không bài xích dị đoan, ngồi ở đầu ngọn gió lạnh giao mùa, nhìn hàng tiếng đồng hồ vào trong bóng tối đêm ba mươi không nói, không rằng, đứng dậy, trả tiền đi thong thả trên con đường vắng ngắt. Đèn Sài Gòn sáng lăm, nhưng đêm ba mươi tháng chạp thì ngưng lên trời làm sao thấy được mây lưu lạc, mà tiếng nhạc “sun” àm ī như thế thì nghe làm sao thấy “tiếng sóng nhỡ nhàng ở bến cũ cây đa”?

Đêm ấy, trên con gác nhỏ leo lét một ánh đèn mệt nhọc, có một người nhớ da diết giao thừa Bắc Việt, ngồi dở những trang sách cũ xem lại những tranh con gà con lợn. Tội nghiệp, sinh vào cái thời loạn, ở ngay trên chính đất nước mình mà không có lấy mấy bức tranh con gà con lợn thực để coi, phải dở đồ giả chụp lại đem ra ngắm! Tự nhiên anh cảm thấy có một cái gì làm cho da dẻ tê tê, gòn gợn lạnh. Đã mấy chục năm nay, anh ta không còn được trông thấy những bức tranh gà lợn thực, đưa lên mũi ngửi mùi giấy, mùi mực, mùi màu thực của những bức tranh ấy nữa. Đêm nay, nghe tiếng pháo của nhà ai nổ vang ở chung quanh, người tương tư Bắc Việt không biết làm gì, giở lại những bức tranh gà lợn giả lên coi, cảm thấy da dẻ tê tê, lạnh lạnh chính là vì anh thấy hiện lên ở trên những bức tranh chụp lại, vẽ lại đó không biết bao nhiêu kỉ niệm xa xưa đã được khâm liệm trong trí óc.

Đó là những kỉ niệm lúc còn nhỏ bé ở căn nhà thấp lụp xụp phố Hàng Gai, còn cụ tổ, còn bà nội, bà ngoại, còn cha mẹ, còn đồng đù anh em chú bác.

Năm nào cũng vậy, cứ vào những ngày cuối năm mẹ tôi đi sắm tết về cũng mua cho anh em chúng tôi một cuộn chừng chín mươi tờ tranh vẽ trên giấy Đáp Cầu, dọc chừng một gang tay ruồi, ngang chừng bốn gang hay hơn một chút. Những bức tranh ấy mang những hình vẽ khác nhau: hái dứa, gà mẹ gà con, chuột vinh quy bái tổ, Phúc Lộc Thọ, Thần Trà, Uất Luỹ, cóc đi học, Ngưu Lang Chức Nữ, Đinh Tiên Hoàng cưỡi rồng v.v... Bức nào cũng xanh đỏ loè loẹt, bức nào cũng có những nét hóm hỉnh mà ngây thơ, bức nào cũng làm cho chúng tôi thích thú. Và năm nào cũng vậy, anh em chúng tôi cũng tranh giành nhau những bức tranh gà lợn đó, có khi đến đánh nhau; nhưng rút cục thì anh em thoả thuận dán đầy cả lên tường để ngắm chung và làm như thế thì nhà tôi, đương bình thường, vụt hiện ngay ra một quang cảnh Tết vui tươi khác thường, tung bừng nhộn nhịp không chịu được.

Sau này, lớn lên một chút, đi học Tây, tôi lên mặt homet, coi thường những tranh ấy và cho là

“quê một cục” vì hàng ngày học sử Hy Lạp, tôi thường thấy những bức họa của Gauguin, Léonard de Vinci... và tôi nghĩ rằng tranh như thế mới là tranh, vẽ như thế mới là vẽ, chứ cứ quanh đi quẩn lại chỉ có mấy chú chuột thổi kèn tàu, Chúc Nữ mặt méo xẹo, mà lại có đuôi gà, cóc đi học quạt lò mà cái ấm lại to hơn cóc... thương làm sao cho nỗi! Ấy là cái lúc tôi lai Tây, học sử địa “Nước tôi tên là xứ Gaulle, tổ tiên tôi là người Gaulois” và tôi tưởng rằng cái quan niệm mới mẻ ấy sẽ cứ tồn tại mãi, rồi trưởng thành, rồi già nua trong đầu óc tôi như thế mãi. Hoá ra tôi lầm. Thôi trường ra, đi lang bạt nay đó mai đây xa nhà cửa ông bà, xa quê hương bác mẹ, cái gì làm cho tôi nhớ nhất, ấy là cái Tết, mà nhớ đến Tết, cái mà tôi không thể nào quên được, ấy là những bức tranh gà lợn.

Kế đó là thời kì chè rượu bê tha, nằm ở một cái phòng chật hẹp ở phố Hàng Đồng hút thuốc phiện, bị cả họ khinh khi, nằm bếp gí trên một cái giường mệt nhọc, hút thuốc tối ngày rồi đợi đến đúng trưa ngày ba mươi thì trở dậy đi mua một cành mai vàng về cắm trong một cái cốc dơ và dán ở đầu giường bức tranh “Chúc Nữ Ngưu Lang” để mỗi khi hút xong một điếu lại lơ mơ ngắm bức tranh, tự ví mình với Ngưu Lang bị trời đày, chư tiên ở trên trời khinh bỉ “nhưng đây nợ có cần”, một ngày kia làm chuyện lớn, khói anh xúm lại mà nịnh như nịnh Tô Tân ngày trước.

Một thời gian qua đi nữa rồi đến thời kì bỏ thuốc, sống với vợ con theo đúng một anh “chân chỉ hặt bột”: cứ mỗi khi Tết đến thì vợ, không do ai bảo hết, cũng làm đúng như mẹ mình ngày trước, cứ mỗi khi Tết đến thì lại mua mấy bức tranh gà lợn về để cho con dán lên trên tường.

Thì ra những bức tranh gà lợn đó không phải chỉ hoà đồng với tôi, nhưng hoà đồng với vợ, với con tôi như thế, có lẽ vì chúng tượng trưng cho tinh thần dân tộc Việt Nam mà chúng tôi không biết. Tường Tết mà vắng những tranh ấy mình cảm thấy nhớ nhung. Tết mà không mua tranh ấy dán lên tường, mình thấy chưa phải hoàn toàn Tết.

Tôi nhớ có nhiều khi cứ suy nghĩ vẫn vơ như thế và nói mãi cho con nghe ý nghĩa những bức tranh gà lợn, mình thành ra bị ám ảnh và đến lúc nhắm mắt ngủ thì nằm mê – mê thấy hiện ra những cảnh chuột đi hai chân như người thật, lợn con lội qua sông, mê thấy Đinh Tiên Hoàng đứng điếm binh như một ông tướng Đức, mê thấy cá chép đi cà kheo lộc cộc trên cầu Thê Húc. Tất chỉ những thứ đó hiện ra rồi biến đi trong một thế giới kì ảo lạ lùng mà người cảm thông với vật, chuyện trò thân ái với nhau chứ không có một tí ti gì là thù ghét...

Thôi rồi, bây giờ còn làm sao mà thấy lại được những giấc mơ thơ mộng như thế nữa, bao giờ mới lại được sống ngày thanh bình mà người ta lấy tay vuốt ve từng cái lá, nương góit chân đi sờ làm đau từng ngọn cỏ, mà cũng đến bao giờ Nam, Bắc mới hết qua phân để cho người li

hương lại được trở lại quê nhà vui dưới mái nghèo, kể lại tình kiều tử mười mấy năm đằng
đằng và cùng nhau nhắc lại hòn quan sơn trong lửa đạn dãi dầu.

Người đàn ông sâu nhớ giao thừa Bắc Việt gục đầu xuống những trang sách cũ, chợp mắt đi lúc
nào không biết và y cũng không biết rằng những ý nghĩ vừa hiện ra trong trí óc đều là những ý
nhận hiện lên trong khi y ngủ. Một quá chừng là những phút buồn khổ một mình, không biết than
cùng ai, khóc với ai, nhất là chính mình lại biết rằng trong khi buồn khổ như thế thì trăm họ ở
chung quanh lại vui tươi – dù là cái vui tươi mù loà giả tạo, cái vui tươi chửi rủa những người
lương thiện bị coi là ngu ngốc vì không biết khuây khoả trăm sâu ngàn giận mà lại đi sụt sùi
thở ngắn than dài.

Cách đây mươi măm năm, đúng như nhà thi sĩ “nán ná ở nơi xa” đã nói, Sài thành không
biết có xuân sang và ăn cái giao thừa không bằng vui cái đêm lễ Giáng Sinh. Nhưng bây giờ đã
khác: xa xa, có tiếng giày dép người ta đi lễ giao thừa. Súng nổ àm àm thay tiếng pháo. Ti vi
và truyền thanh hát oang oang những khúc vui xuân...

Người khách li hương cúi xuống đường, nhìn xem cái giao thừa ở đây khác cái giao thừa ở
Bắc ra sao thì vừa vặn có một người lê bước trên đường, nhìn một cành mai cầm ở tay mà đưa
lên câu sâu xú:

Nhớ nhà quăng chén rượu,

Thôi rồi, những ngày vui!

Đâu đây rèn lửa đạn,

Có tiếng ai sụt sùi...

Vàng bay năm lại hết

Lại vẫn không giao thừa...

Ói bạn trăm năm cũ,

Hòn ở đâu bây giờ?

Tết

Hồi cô mặc cái yếm xanh...

Nhưng tại sao cứ đến ngày Tết chẳng ai bảo ai mà thiên hạ cứ tự động kiêng như thế? Kiêng theo tập tục? Kiêng vì mê tín? Hay kiêng như thế thì có may mắn thực?

Tôi không biết. Chỉ thấy rằng ông bà tôi kiêng, rồi cha mẹ tôi kiêng thì đến tôi, tôi cũng cứ theo thế mà kiêng luôn. Và tôi chắc rằng con tôi, cháu tôi, có thể có óc khoa học hơn tôi, nhưng rồi cũng cứ sẽ kiêng như thế.

Lúc ấy, lễ giao thừa đến xong rồi. Giác ngủ lúc hai giờ về sáng ngon lành hơn cả bao giờ. Gặp ngày thường thì năm giờ sáng đã có người đi lại ở ngoài đường rộn rã, nhưng sáng ngày mồng một tết, người ta ngủ muộn mà không sợ ai khinh động giấc ngủ của mình. Bảy giờ, và có khi hơn bảy giờ mới dậy.

Nằm ở trên giường mở mắt nhìn thì thấy cả cái nhà mình mới hẵn ra, cửa vẫn đóng kín mà lại sáng như cái động. Thì ra đèn nến ở trên các bàn thờ để suốt đêm không tắt, nhang vòng vẫn cháy đưa ra một mùi thơm ngọt ngào hoà với hương hoa, hoà với gió đàn của những cánh đồng bao la lùa qua cửa sổ, hoà với tiếng của mùa xuân về trong ý nhạc lời thơ. Rõ ràng anh mở mắt nhưng cảm như thấy tổ tiên mình về ngự ở trên bàn thờ trò chuyện với nhau, và phù hộ cho con cháu thực. Âm dương không còn cách biệt xa vời nữa. Dương quang không phải chỉ đầm ấm trong hơi sương ngọt ở ngoài kia, nhưng ngay ở trong mạch máu của mình. Anh thấy sinh khí len khắp nhựa cây mạch đất và thấm cả vào trong da trong thịt của anh. Khúc nhạc hồn non nước thấm nhuần anh, thử hỏi anh không yêu Việt Nam, nghĩ Việt Nam và cảm Việt Nam sao được.

Từ mấy hôm trước, người vợ đã dặn đi dặn lại các con: ngày tết không được quét nhà, vì sợ đuổi thần tài ra cửa, không được đánh vỡ chén bát để tránh đổ vỡ suốt năm, không được khâu vá vì kim chỉ tượng trưng cho công việc làm ăn vất vả.

Bây giờ kiêng thế là giản tiện nhiều rồi đấy, chứ ngày xưa các cụ còn kiêng gọi tên con khỉ, con chó, con lợn vì nói đến tên chúng thì không may mắn; người làm ruộng kiêng nói đến tên “cày” trước khi cúng cái cày; các gia đình lễ giáo kiêng viết lách trước khi làm lễ khai bút, còn các

nha buôn bán thì kiêng bán hàng trước khi làm lễ tiên sur ở quầy hàng để xin trời đất phù hộ cho buôn may bán đắt.

Tất cả những sự kiêng kị đó, chồng con đã biết quá đi nhưng năm nào người vợ cũng cứ phải nhắc đi nhắc lại như thế, tuồng như không nhắc thì không chịu được.

Con cái trong nhà mà tỏ vẻ hoài nghi về các sự kiêng kị đó thì gọi là còn lôi thôi rày rà. Là vì người vợ cho rằng tất cả những sự kiêng kị đó không phải là dị đoan, nhưng là tin tưởng.

Phải. Tại sao Tết lại đặt vào ngày cuối và đầu năm âm lịch, mà không đặt vào ngày nào ấm áp như Đoan Ngọ hay Thất Tịch? Ấy là vì tổ tiên ta lúc chọn ngày để đặt Tết Nguyên Đán đã có một ý định là đem lại cho Tết Nguyên Đán một sự phù hợp với tính chất sinh hoạt dân tộc: các cụ chọn một ngày rảnh nhất, một ngày có ý nghĩa nhất trong một năm để tưởng nhớ đến ông bà, rước xách thò cúng và nghỉ ngơi cho khoẻ.

Đặt vào ngày cuối Đông đầu Xuân, ngày Tết Nguyên Đán còn có một thâm ý sâu xa hơn nữa: theo Từ Nguyên, xuân có nghĩa là “trai gái vừa lòng nhau”, xuân là cựa động, băng giá tan hết, muôn vật đến mùa xuân đều cựa động mà sống lại. Từ quan niệm ấy, người mình tiến đến tín ngưỡng thờ Thần Đất. Họ tin rằng trong không, thời gian mà Thần Đất vắng mặt trên trần thì không ai được động chạm đến đất như cày bùa cuốc xới đất lên hay giã gạo làm cho vang động đất. Ngày Tết, do đó, có ý nghĩa là đón đợi sự trở về của Thần Đất: người ta chờ lúc cây cối đậm lộc nảy mầm, muôn vật trở lại cuộc sống bình thường, chỉ sợ vì một cớ gì bí mật, không phồn thịnh và sản xuất như xưa nữa. Họ tin rằng nếu không kiêng kị thì Thần Đất không phù hộ loài người và sẽ làm cho cây cối, con người, súc vật, của cải không thể nào phát triển. Đến bây giờ, người Tây mặc dầu có tiếng là văn minh đáo để cũng vẫn có những sự tin tưởng như vậy, thế thì ta tin tưởng nếu kiêng thì Thần Đất phù hộ cho mọi vật tăng gia sản xuất, chẳng có chi là kì quặc.

Tục tiễn ông táo, tục không quét nhà, tục xông đất thoát thai từ sự tin tưởng đó. Có người bảo rằng sự tin tưởng đó có từ lúc dân ta bắt đầu định cư và sống về nghè nông. Có từ lúc nào cũng được, nhưng tựu trung thì cũng chẳng có hại gì, vì tin Thần Đất như thế cũng như thờ cúng ông bà cha mẹ, ai cũng phải nhận là một tục hay mà người phương Tây không thể cho là dị đoan, mê tín.

Người chồng không có ý kiến gì hết, nhưng cảm thấy rằng ngày Tết, mọi người đều kiêng cữ mà mình không kiêng thì mình không được yên tâm. Vì thế, mặc dầu viết báo đôi khi chế giễu tục này tục nọ của ngày Tết, mà về với gia đình anh ta vẫn kiêng kị như ai và cảm thấy có một thích thú nhẹ nhàng, kín đáo trong sự kiêng kị đó. Kiêng như thế có “ăn tiền” không, cái đó

không cần lăm; nhưng cần là làm như thế mình hoà đồng với đồng bào, mình tự động đoàn kết với anh em và, cũng như mọi người, mình cũng nuôi một hoài bão là năm mới có tiến bộ mới và sự tiến bộ đó, muôn đạt, phải nghiêm chỉnh nghênh đón một cách trang trọng từ ngày đầu năm.

Người ta thăm viếng nhau, chúc tụng nhau chính là để thi hành nghiêm chỉnh sự tiến bộ đó và, làm như thế, họ muốn cho năm mới không xúi quấy, trái lại, tươi tốt bằng năm bằng mười năm cũ. Tục cắm nêu, vạch vôi vẽ cung tên nhằm không cho quỷ ma quấy nhiễu là mong cho sức khoẻ tốt hơn, tục quẩy nước súng mồng một đồ đầy chum vại là mong cho cửa cải đề đa, còn tục “bán dại” ở Nghệ Tĩnh trở vào Thừa Thiên ngày trước là mong cho trí óc mở mang, khôn ngoan, minh mẫn hơn năm cũ.

Cứ tin như thế, người ta thấy đời đẹp hơn, đáng yêu hơn. Vừa lúc đó, ở ruộng khoai lại nở những bông hoa tím, ở vườn cải lại có những búp vàng, mưa xanh gió tím ôn hoà, người dân vui sướng đến tận độ, sáng lên mắt biếc, hòng xuống làn môi cũng là lẽ đương nhiên, không có chi đáng lạ.

Có ai ở tỉnh thành ăn Tết ngày mồng một rồi đến mồng hai, mồng ba đi về những vùng đất thơm ngát hoa đồng cỏ nội mới thật thấy cái Tết của ta đẹp biết ngàn nào, êm ái biết ngàn nào. Người nông dân vất vả quanh năm, được mấy ngày ấy nhất định nghỉ không ra đồng. Chè chén đã dành rồi, nhưng tội gì mà chẳng vui chơi để giải quyết sự thèm khát giải trí mà vua quan ngày trước không hề nghĩ tổ chức bao giờ. Vì thế, nghe thấy đầu xuân có hát tuồng cổ “Quan Vân Trường quá ngũ quan trăm lục tướng” hay “Dự Nhượng tam đả long bào”, ở cách xa nơi họ ở dăm mươi cây số, họ cũng cố đi xem cho kì được. Tuy vậy, vẫn cứ “tưng túc thế nào” cho nên tại vài làng mát mặt ở Bắc Việt, các đàn anh vào dịp Tết vẫn rủ nhau rước ả đào, tuồng cổ, phường chèo về diễn cho mọi người xem và được người ta nhớ mãi:

Sang xuân đình đám vui như Tết

Hết đám làng bên lại đám làng...

Em nhớ đào Nhâm phường Đặng Xá

Dóng bà Thị Kính mắc hàm oan.

Thị Mầu chòng ghẹo mà không chuyền,

Nhâm có đôi bàn tay rất ngoan.

Phần tôi nhớ nhất là một năm ăn Tết ở Huế, đánh bài chòi nghe hát hôm mồng hai rồi đến mồng ba vào Hà Tĩnh, thăm một người bạn ở làng Thượng, được em gái bạn dẫn đi xem tuồng “Triệu Tử Long phò A Đâu”, rút trong Tam Quốc. Thế thì có gì lạ? Quảng Lạc, Sán Nhiên Đài lại không thủ tuồng đó hay sao mà lại phải lặn lội vào tỉnh Hà Tĩnh để xem?

Không bao giờ tôi quên được đặc trưng của vở tuồng cổ đó, mà theo người em gái của bạn tôi kể lại thì Tết nào làng này cũng chỉ diễn một đoạn áy thô – kì hơn nữa là diễn ban ngày, trong khi mọi người đi lại nhộn nhịp trên bờ sông thật. Bởi vì khung cảnh toàn là thật cả, chó không phải vẽ như ở trong rạp hát: sông thật, người thật, thằng nhỏ thật, thuyền thật... Diễn viên, từ ở trong đám người đi lại trên sông tiến ra, làm điệu bộ và hát, rồi nhảy từ thuyền nọ sang thuyền kia thực, múa gươm, chuyển từ hát khách sang tấu mã trước những lời khen lao nức nở của các o đứng nấp đằng sau những cột đình cười tít cả mắt đi.

Thôi thì ngày Tết ở đâu mà không vậy, trai gái dù là theo lối giáo đền mây đi nữa cũng cứ có quyền đùa rỡn, chuyện trò ve vãn nhau, ai cấm?! Có chàng trai tán tỉnh xa xôi:

Xuân về nở thăm muôn đảo,

Xuân về nở thăm lòng ta, lòng nàng.

Có cô thiếu nữ đa tình khuyến khích:

Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ,

Đôi ta trinh tiết đợi chờ lấy nhau.

Nhưng cũng có chàng trai ngô ngáo “dăng dện” sát sạt hơn:

Hỡi cô mặc cái yếm hồng,

Đi trong đám hội có chồng hay chưa?

Có cô mặc cái yếm xanh,

Đứng trong vườn quýt cho anh phải lòng!

Bao nhiêu lời tán tỉnh khéo léo nhất, thanh niên nam nữ đều đưa ra hết và họ chơi đùa thả cửa, chơi bất cần luân lí của quan lại phong kiến đưa ra để giam giữ họ trong tù ngục của tình yêu: ở đâu cũng có hát ví, kéo co, đánh cờ người, đá cầu; ở Phủ Quỳ (Nghệ An), Lang Chánh (Thanh Hoá), Bảo Lạc (Hưng Hoá), trai gái dắt nhau đi chơi một đêm một ngày ở trong hang, thổi kèn, hát đúm, uống rượu, tung còn, tìm nơi thanh vắng để tỏ tình yêu thương mùi mẫn; ở Vĩnh Yên có thi vật; ở Bắc Ninh, Phú Thọ có món đánh phết; ở Tích Sơn (Hưng Hoá), làng Yên Đổ (Hà Nam) có trò đuôi lợn, đuôi cuốc trong ngày Tết; ở Thụ Cẩm (Hà Đông) có thổi cơm thi, thổi xôi thi; ở Thanh Hoá có “Tết cơm cá”, ở hầu hết Bắc Việt có lễ “trâu”, lễ “tróc ngũ”... Trong bất cứ cuộc vui nào, trai gái cũng kề vai sát cánh, và công nhiên đùa đùa với nhau mà không sợ ai dị nghị. Theo tôi, tình tứ nhất và hùng lòng nhất là dún đù

Dún mình như thế dún đù

Càng dún càng deo, càng đù càng mềm

Ngày Tết, bước ra khỏi Hà Nội một hai cây số ta có thể thấy ở bất cứ làng nào cũng có trồng

một vài cây đu đê cho trai gái trong làng hay những vùng quanh đấy đến dún dẩy với nhau. Thường thường các cụ trong làng cứ vào khoảng hai mươi nhăm, hai mươi sáu tháng chạp đã cho tuần tráng đi đẽn tre đê trồng đu. Tết đến, trai gái dún với nhau từ bánh mứt cho đến tối.

Cây đu làm bằng tám cọc tre, tròng rất chắc dưới đất vì tròng càng chắc thì dún càng khoẻ. Cái ngang đu vận bằng rơm, giữ hai hàng cột gioăng ra hai bên. Trên đỉnh, phất phới một hai lá cờ đuôi nheo. Thường thường, đu tròng không đủ đê cho trai gái dún, thành ra đúng như lời thơ của nhà nữ thi sĩ:

Người thời lên đánh kẻ ngồi tròng.

Tròng cho thích mắt đã đành, nhưng nhiều khi là đợi đến phiên mình dún. Đu càng cao, các cô, các cậu càng đùa mạnh. Các cậu cố dún. Các cô uốn thêm lên.

Trai đu gói hạc khom khom cật,

Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng...

Bốn mảnh quần hồng bay pháp phói,

Hai hàng chân ngọc duỗi song song (...)

Đu lên bồng, chiếc áo nâu non của cô gái dan díu với chiếc áo the thâm của chàng trai, đôi dải yếm lụa quấn quýt lấy chiếc quần hò trắng b López... hai lá cờ đuôi nheo cũng phải rung lên một cách đa tình. Yêu mây ơi cô gái tuyết trinh chưa biết trăng gió là gì, thế mà đứng chờ bắt đu tròng thấy dải yếm cô nàng và tà áo của chàng trai quấn quýt lấy nhau cũng đỏ hồng đôi má và lò đờ cặp mắt lá khoai...

*

* *

Đến bây giờ tôi vẫn không hiểu rõ tại sao nước ta bị đặt dưới ngàm của vua quan phong kiến mà những phong tục tép đó chống đối luân lí phong kiến ra mặt, vẫn cứ tồn tại mà bọn phong kiến không làm gì diệt được. Có người bảo rằng vì họ tàn ác nhưng lại giả đạo đức nên không dám diệt trừ thẳng tay vì đó là tàn dư của chế độ tạp giao thời nguyên thủy mà lại nặng về phần tín ngưỡng – nếu nhất thiết ngăn cấm thì ảnh hưởng ngay đến mùa màng sản xuất của tập thể và đời sống hàng ngày của nhân dân.

Có lẽ vì thế các nhà luân lí phong kiến thấy trai gái, vào ngày xuân, giao du thân mật đành cứ phải làm ngơ; hơn nữa, họ lại phải làm ngơ luôn nhiều tục cổ khác còn “hăng” hơn thế, như bắt chạch, tung còng, rước cái nõn nường.

Tôi tiếc không được biết trò bắt chạch vốn là một trò chơi cổ ngày nay không còn nữa, nhưng theo một vài cố lão thì “lúc Tây chưa hạ thành” ở một vài tỉnh như Bắc Ninh, Bắc Giang, Phù Lạng, có tổ chức trò chơi ấy trong ngày tép. Muốn dự cuộc chơi này, trai gái phải đi từng cặp, trai ôm lấy vai gái, gái quàng lấy cổ trai thăm thiết ân tình, còn một tay thì thò vào một cái kiệu (1) để khoắng nước tìm chạch. Cặp nào bắt được chạch thì được thưởng nhiều điều, trầu cau hoặc tiền.

Hội tung còng cũng bắt buộc phải có cặp: một trai, một gái. Còn tức là cầu: quả cầu làm bằng vải màu, trong độn rơm hoặc trầu. Hai bên trai gái xếp hàng chữ nhất, đứng cách nhau chừng vài mươi bước, một bên tung lên, bên kia bắt lấy, rồi lại tung trả lại. Bên nào không bắt được, bị coi là thua và phải tháo gỡ một vật gì mang trong người để đưa cho bên được. Có người thua quá phải tháo gỡ hết để đưa cho bên thắng, rút cục tháo cả yếm ra và chỉ còn một cái quần... Nhưng sau chót, định đoạt xong được thua rồi, người được cũng trả lại đồ cho bên thua và cả hai bên cùng uống rượu say sưa trong một tình thương yêu bát ngát.

Tung còng như thế, bắt chạch là như thế, nhưng đến rước cái nõn nường thì quả là... cũng được. Ai đã ở Bắc vui mấy ngày xuân, thế nào mà chẳng có lúc đã nghe thấy người ta hát:

Bơi Đầm, rước Giá, hội Thầy,

Vui thì vui vậy chẳng tày Giá La...

Tục truyền rằng ở làng La (Hà Đông), vào ngày rã đám, dân làng tổ chức một ngày rước rất long trọng rồi đến một giờ nhất định tắt đèn đi để cho ông già, bà cả và thanh niên, thiếu nữ thả cửa sò soạng nhau. Hồi gần đây, những làng như Khúc Lạc (Phú Thọ) và Di Hậu (Hưng Hoá) giữ tục “rước cái nõn nường” trong những ngày tết cũng là nằm ở trong tinh thần khuyến khích đoàn kết, cầu nguyện cho sinh sản tăng gia, phồn thịnh. Theo mấy cổ lão ở Phú Thọ còn sống hiện nay thì vào một ngày tốt lành đầu năm – không nhất định ngày nào – các bực đàn anh trong làng tổ chức một cuộc lễ nõn nường hết sức long trọng. Ta thường nói “ba mươi sáu cái nõn nường”. Thành ngữ ấy do ở đây ra. Nõn là bộ phận sinh dục của đàn ông, nường là bộ phận sinh dục của đàn bà. Trong cuộc lễ, dân làng để nõn và nường làm bằng gỗ lên kiệu rước, có nam đồng quan và nữ đồng quan đi giật lùi trước kiệu vừa đi vừa hát “*Ba mươi sáu cái nõn nường; Cái để đầu giường, cái để đầu tay*”. Cuối cùng, các vị chủ tế tung nõn nường lên trên trời, trai gái đồ xô ra cướp, gái mà được cái nõn, trai mà được cái nường thì may mắn vô cùng và nếu có sự gì trực trặc hay không tổ chức được buổi rước vì nguyên nhân gì đó thì cả làng losos vì có nhiều phần chắc chắn là năm ấy không may mắn.

Không. Ngày Tết ở Bắc, rồi rải mà đi xem hết hội này đến lễ kia như thế, phải nói thật quả là mình sung sướng như tiên. Tết đi thăm nhau, chúc mừng nhau, uống rượu ăn mứt, ăn kẹo với nhau, đánh cờ đánh kiệu với nhau, vui quá thế, ai mà lại còn không biết; nhưng vui thẩm thía, vui ý nghĩa, vui sâu xa thì phải nói thực, đó là nhờ những đám rước, những tục cổ, những trò chơi như thế.

Các trò chơi như thế có một ý nghĩa xã hội rõ rệt. Tết siết chặt tình yêu hơn lên, tết là ngày giải lao, tết là ngày vui vẻ đoàn kết, đoàn kết người sống với người chết và đoàn kết người sống với người sống.

*

* *

Ăn té tết ở đây, tôi tự hỏi hàng trăm ngàn lần cái ý nghĩa đó có hay không? Ấy là vì vào cái cũ này ở đây trời nắng tan vàng nứt đá, đi ngoài đường một lúc mắt cứ hoa lên. Thủ tướng tượng vào khoảng mười giờ ngày mồng một té tết, trời nắng chói chan mà đóng bộ “đồ lớn” vào – cho trình trọng – đi một quãng đường độ ba cây số để mừng té tết người bạn thân thì mồ hôi mồ kê ra nhẽ nhại đến chừng nào! Đi tắc xi thì xót ruột – trèo lên xe là đi đứt sáu chục đồng rồi – đi xe lam thì mệt, mà đi xe gắn máy thì rất có thể thành heo quay; ấy thế mà đến nơi thì bạn lại đi vắng, đành để lại tấm cạc với bốn chữ “Chúc mừng năm mới” nhạt phèo! Về đến nhà, người bạn thấy tấm cạc thở hắt ra: nếu không đáp lễ thì mang tiếng, mà đến thăm bạn thì mệt, tốn tiền xe, mà chắc gì bạn đã có nhà! Nhưng mà cứ phải đi! Và người nào cũng cứ phải làm như thế cho đủ “lệ bộ”, cho trọn “ân tình”. Rốt cuộc, anh nào anh nấy mệt phờ râu, tốn thêm tí tiền nguyên đã hiềm hoi khó kiêm từ khi có thuế kiêm ước và kiêm kê huê lợi.

Nhưng đôi khi người khách cũng may mà gặp chủ nhân ở nhà. Cả hai cùng cười ha hả như những kẻ suốt đời sung sướng, nhưng thâm tâm thì cả chủ lẫn khách đều lo. Khách lo vì đến nhà nào cũng phải nhắc lại mấy câu sáo cũ và uống chén rượu nhạt mừng xuân; còn chủ cũng lo là vì theo tập tục, ai đến cũng phải mời li rượu, mà rót li rượu cho khách mình cũng phải uống một li, vì không như thế thì khách buồn, có khi lại lầm tưởng mình là... kẹo. Thành thử ra phải uống. Ông khách nào đến, cũng phải uống; cũng phải chuyện trò.

Liền ba ngày té tết mà cứ tái diễn mãi cái trò như thế thì sức mẩy mà không quy, mà không chán mờ đời. Vì thế, có nhiều người ở đây sợ té tết, cứ sắp hết năm thì lại xếp một số tiền đem cả gia đình đi Đà Lại hay Vũng Tàu, Nha Trang với thâm ý “bé môn tạ khách”.

Theo trí nhớ của tôi, ngày trước ở Bắc Việt hình như không có tình trạng thương tâm đó. Ấy có lẽ một phần vì các đường phố không xa lắc xa lơ và dài thườn thượt hàng chục cây số ngàn. Có lẽ cũng còn vì từ tháng mười trở ra cho đến té tết, trời đã bắt đầu lạnh mà thường thì vào cuối chap, đầu giêng trời lại có mưa xuân, đàn ông thì khoẻ ra mà đàn bà thì tươi hơn hớn, ví có phải tiếp vài chục người khách, uống vài chục chung rượu, người vẫn cứ mạnh như thường. Ấy là chưa kể đến đêm lại còn thức tối một hai giờ sáng đánh bài, rút được ông cụ rồi lên cửu sừng hay “nuôi lợn” tốt đở tốt đen, thiết tưởng chích thuốc bồ nào cũng không bằng.

Ở miền Nam, làm gì có cái mùa xuân đó, có cái lạnh riêu riêu đó! Vào cũ Tết, nắng ở đây gọi là vỡ đầu sát tai, nhưng cần gì, có lẽ một phần nhờ cái nắng vỡ đầu sát tai đó mà đồng bào trong này có bao nhiêu trái cây lạ để ăn té tết; mà như thế cũng có một cái thú riêng, đó Trung Việt hay Bắc Việt có thể tìm được đấy.

Này, từ khoảng hai mươi tháng chap, đưa được người ta đưa về bằng ghe, bằng cam nhông,

bằng xe thồ môt tràn đầy cả chợ lớn chợ nhỏ, tràn đầy các sạp, các vỉa hè, anh có thấy không? Muốn ăn tết bằng dưa hấu bao nhiêu cũng có, anh đừng sợ, nhưng nếu ngại ăn nhiều nóng thì Tết ở Sài Thành còn sâu riêng, măng cụt, vú sữa tím hồng, vú sữa trắng xanh; sa-bô-chê ở đây ngọt sắc mà mềm, cắn một miếng thì nó quên lấy chân răng, nhưng Tết ở Bắc chắc chắn là không có i-chi-ma bóc vỏ ra trông y như lòng đỏ trứng gà, còn cốc, còn “chùm ruột”, còn bao nhiêu loại bưởi, bao nhiêu loại bòng và mới đây ta lại còn trái “thầy kiện” ăn cũng ngon ra phết.

Hoa trái miền Nam nhiều quá, ngon quá, cứ gì phải bày vào dĩa cho đẹp ăn mới thấy ngon. Tôi đã thấy có nhiều người vào những ngày Tết chói chan nắng lửa, sà vào một cái quán cóc, uống ực một li để rồi đưa cay một miếng thơm hay vài quả chùm ruột chấm mắm nêm cũng đã ngon “quá xá” rồi. Bày vẽ nhiều, mệt lầm. Nhưng ít lâu trở lại đây, mệt thì mệt, đồng bào ở đây ăn Tết cũng đã “kì kèo” hơn trước rất nhiều. Cùng với những cái áo dài may kiểu mới thay thế cho những cái áo bà ba cũn cũn, anh em ta ở đây, ngày Tết, đã tỏ ra trang trọng hơn trước trong việc trang trí nhà cửa và ăn uống cũng như sửa soạn. Mà người Nam mỗi khi đã sửa soạn thì đẹp như tiên. Anh xa nhà, nhớ cái Tết Bắc Việt thân yêu mà được thưởng thức những cái đẹp muôn màu ngàn sắc như thế, lòng người ngoại hối được hơn phân nửa. Đàn bà uống xá xị, nước cam, nước sâm ngọt sót, còn đàn ông thì ít nhất cũng biết uống la ve, nhưng đa số nói thực thì quả là những cái “cốc tay” bằng da bằng thịt... cứ trông thấy họ uống mà bất تكون! Nay anh Ba, đưa cay một miếng bánh Tết chơi. Bánh chưng ngoài Bắc có thứ nhân mặn, có thứ nhân đường thì ở đây cũng có bánh Tết nhân thịt và bánh Tết nhân chuối; trẻ con ngày mồng một đã dắt nhau đi ăn hủ tiếu, mì thì người lớn xót ruột cũng khéo nghĩ ra ăn Tết bằng bánh xèo, gỏi cuốn, bún bò giò heo; nhưng Tết mà muốn ăn một món ra gì, đó ai không phải chịu món thịt bò nhúng dấm, món suông và bánh ú! Ăn xong rồi đi dạo dưới trời nắng, mệt thì vào nhà hát ngồi máy lạnh, rồi đến lúc ra về mỗi người làm một li nước trái cây: sướng quá đi! Sướng cái bao tử đã đành nhưng sướng cả con mắt nữa vì miền Nam có một cái đặc biệt là có rất nhiều mai: mai vàng, mai trắng, mai tứ thời. Người xa nhà thấy mai nở nhiều như thế cũng dịu được phần nào lòng nhớ quê hương nhưng chân không vì thế mà ngừng bước: giữa ngày Tết, trong đám thiên hạ vui xuân, y cứ đi như một người bị chứng thuỷ du, đầu óc mông lung, nhớ cái Tết Bắc Việt không thể nào chịu được.

*

* *

Còn nhớ có một năm chùa Phổ Quang, trong Bắc Việt Nghĩa Trang làm lễ kỉ niệm pho tượng Địa Tạng vừa mới đúc xong. Trời xui khiến làm sao anh lại lạc bước đến Tân Sơn Nhất, qua sân Vận Động.

Thấy người ta lũ lượt kéo nhau rẽ vào một đường hẹp ở bên tay phải, anh cũng theo vào. Ở này, Tết Sài Gòn vẫn còn ghi dấu tích ở ngoài phố trong nhà, vậy mà chỉ đi một quãng đường, anh ta được hưởng một cái Tết Bắc Việt ở cách Sài Gòn có tám cây số – thế có tài tình không?

Lúc đó, chừng mười giờ. Trang chật ních người, tưởng như không còn chỗ mà chen chân nữa. Lạ thay là cái trực giác của người ta, mắt cũng mắt ấy, miệng cũng miệng ấy mà quần áo cũng quần áo ấy, vậy mà vừa nhìn thấy, ta đã biết ngay là người Bắc.

Người ta nhìn nhau với những con mắt âu yếm như chào; miệng không nói với nhau mà như kể không biết bao nhiêu tâm sự. Thôi mà, nói làm gì. Mười tám, mười chín năm nay bỏ Bắc Việt ra đi, ở đâu lưỡi người nào cũng chỉ có một câu hỏi “Bao giờ về? Phải, bao giờ về?”. Chẳng ai trả lời được cho ai cả.

Người xa nhà định giấu kín câu hỏi trong lòng và mỗi khi đi lễ giao thừa là tự an ủi, bằng sự trông vào một Đấng Tối Cao trong cõi vô hình chỉ huy kiếp con người.

Lạy Trời Đất Quỷ Thằn! Xin phù hộ cho chúng con mạnh chân khoẻ tay để một ngày kia được trở về chốn chôn rau cắt rốn.

Những ngày tết trước, ở đất Bắc xa xưa, dưới nhang khói chùa Trần Vũ, đền Ngọc Sơn, hay là đền Bạch Mã, tôi đã trông thấy người ta lễ thành khẩn, lễ xuýt xoa và cảm thấy lòng thích thú vì thấy người ta tin tưởng. Nhưng ở chùa Phổ Quang, trong Bắc Việt Nghĩa Trang ở Sài Gòn tết ấy, thấy đồng bào chen nhau lễ, từ ngoài sân lễ vào chùa, lễ bên phải, lễ bên trái, lễ từ trên gác chuông lễ xuống, lễ từ dưới pho tượng Địa Tạng lễ lên, tôi rờn rợn cảm thấy nếu đồng bào cùng lễ như thế này mà mình đóng vai bàng quan, không cúi đầu thông cảm thì mình quả là một thứ người gỗ đá.

Thương biết bao nhiêu những người ngồi phệt xuống cổ ngoài vườn mà cầu nguyện, những cô đầm lai trẻ tuổi vận áo nâu cùng tụng kinh với các cụ già, những thanh niên sung sức tay cầm lá sờ, tay cầm bó nhang vừa lễ mà lại vừa rung rung nước mắt.

Thương biết chừng nào những bà cụ mắt kém còn cố dò dẫm đi vào chính điện để cảm hương vào bát nhang cầu cho những con cháu ở xa xôi; những cô em gái khấn khứa cho những người anh đi “giết giặc” bây giờ không biết còn sống hay đã chết, những tinh nhân cầu xin phù trợ cho những tinh nhân trôi nổi đậm cát đồi cây, chân trời góc bể...

Nhưng tất cả cái đó không màu nhiệm bằng việc xin xâm. Có ai đứng xem những người xuýt xoa lẽ bái xin “Ngài” một quẻ thẻ đầu năm để biết “kiết hung”, theo dõi từ lúc lấy xâm cho đến lúc nhò thây đoán thẻ xong rồi, mới biết ở đời chỉ một câu nói, một nụ cười, một mảnh giấy không to bằng bàn tay mà có thể tạo vui, buồn, sướng, khổ cho người ta nhiều quá.

Tôi đã thấy những ông mặt trông ngô ngáo run lên như tờ lá khi biết là mình đã xin phải quẻ xấu “mọi việc đều không nên”; nhưng trái lại, lại có những cô mặn mà mắt lé, cười tươi đáo để khi cầm một quẻ thẻ “thượng” Ngài bảo cho biết là trong năm sẽ khỏi bệnh, người đi xa sẽ về và lại gặp “lương duyên”.

Ước gì mình là Trời để cho ai cũng được một phút vui ra phết, sướng lạ lùng như thế. Ước gì mình có phép làm cho vợ được gặp chồng, anh được gặp em, tình nhân được gặp tình nhân, ở đời không còn bao giờ có sự chia cắt rụng lá, tan cửa nát nhà, sinh li tử biệt...

Ờ mà phải, một năm cũng nên có vài ngày tép để cho người ta đem đầu đi lễ như thế này. Ai cũng phải nhận riêng người Bắc với nhau ở đây lăm khi cư xử với nhau cũng không ra gì. Đừng bảo là tại họ xấu, đó chính là vì họ đau đớn quá, xót xa quá nên sinh ra gay gắt...

Nhưng có ngày tép, hội họp nhau thế này, ta mới thấy rằng không lúc nào họ không mến thương nhau cũng như họ mến thương đồng bào Trung, Nam; người lạ này mời người lạ kia uống nước; cô hàng bún chả chăm chút mệt bún cho người con trai đi lễ một thân một mình; một bọn bốn cô tay bắt mặt mừng mời nhau ăn bún riêu, ngắt rau húng cho nhau và lấy quạt đuổi giúp từng con ruồi, con muỗi.

Này, lễ xong ra sân ngoài xem họ làm gì mà đông đảo thế kia? Thì ra đó là một cuộc giải trí hoàn toàn Bắc: cờ bói và cờ tướng. Tung tung! Lá cờ đỏ phát đi. Tung tung! Lá cờ vàng phát lại.

Hoà bình lăm! Ngồi uống một bát nước trà tươi nấu với nước mưa, trong như hổ phách, nhẵn nha hút một điều thuốc lào, khách nhìn ra trước mặt thì thấy sau chùa có một rặng cây dương cao ngất, còn bốn xung quanh thì là những cây đa cổ thụ của đền đài Bắc Việt; khách nghe thấy tiếng trống, tiếng chuông; khách ngửi thấy mùi nhang, mùi trầm và mơ về một ngày nào ở vườn xưa quê cũ có những ngày như thế này, có nêu, có khánh, có pháo, có cờ người, có kéo co, có đánh vật, có chơi gà, có trai gái đẹp như thơ lấy nón che nửa mặt hoa để ví von, hò hẹn. Ngày ấy bây giờ đâu? Và bao giờ còn ngày ấy?

Tôi nghĩ đến bao nhiêu người sợ hãi những bộ mặt xâm lăng dữ dội, mơ về một ngày êm ái thanh bình xưa cũ, và chỉ mơ có vậy, mà mong không thành phải mang một sự tiếc hận ra đi mãi mãi ở “quê người đất khách”.

Thương biết bao nhiêu, đau xót biết chừng nào cho những người xây mộng ước mơ, bây giờ đang nằm yên dưới những nấm đất sè sè ở trong trang quanh quẽ! Nay là một nhà buôn quán ở Văn Đinh thất lộc năm sáu mươi bảy tuổi; bên kia, một em nhỏ mới hưởng dương mười bốn và bên nọ là mộ một thiếu nữ mất vào giữa ngày trung cửu năm nàng hai mươi mốt.

Ở dưới bóng cây, mộ nằm la liệt. Tôi thẫn thờ đọc những dòng chữ ghi trên từng mảnh chí và tôi tưởng tượng đến những người ra đi mong có ngày về, mà không may giữa đường bị tử thần cướp đi, những người chồng lúc lâm chung còn cầu Phật khấn Trời run rủi cho được gặp con thơ vợ dại và những người đàn bà tình duyên trắc trở không được sống với người thương “mong cho ai kia xét thấu nỗi lòng để yên tâm nhắm mắt nơi chín suối...”

Thôi, bây giờ thì bao nhiêu oán hận, buồn thương, bao nhiêu mộng ước mơ, bao nhiêu sâu lắng đều trôi theo khói sóng, bóng mây, tàn với lau tàn, trăng úa. Mộng đẹp chôn cất dưới đất: thế là xong!

Rồi thì ngày rằm, mồng một hiện về mà nghe kinh cứu khổ và những ngày xuân như ngày này được những người nặng một tấm lòng thương cảm dừng chân đứng lại, đọc vài hàng trên mảnh chí và cảm nghĩ: “Ngày xưa, đã có một người bị chiến tranh chia rẽ, mỗi mắt chờ trông...”

Không ai còn khóc ai nữa. Một gia đình đông đàn con cháu cắm một bó huệ lên trên một nấm mồ mới xây và giăng hoa giấy lên cái giàn kết bằng dây kẽm. Đây, một chàng trai thấp mảnh nén nhang ở gần bên, đứng chắp hai tay lại, lâm râm khấn nguyện trước một ngôi mộ có cản bức hình một thiếu nữ tóc bờ xoã xuống hai vai. Và đây nữa là một cặp vợ chồng đi thăm mộ xong rồi, dùng dằng không muốn trở về, chồng ngồi ở bên mộ đọc sách, vợ giở giở ra đan, bên cạnh có một hai trẻ nhỏ lảng xăng đuối bướm!

Tôi thấy có những gia đình đem chiếu ra trải ở bên cạnh mộ người thân rồi vợ chồng con cái quây quần lại với nhau ăn uống. Chợt một lúc tôi nghĩ đến cái lẽ sống ở chết về, âm phủ dưỡng trợ. Tôi tin rằng chết không phải là hết nhưng dương trần và âm cảnh vẫn có tương quan và tôi thấy cảnh người sống và người chết thông cảm với nhau có một cái gì làm cho ta xúc động và kính cẩn.

Càng thấy như thế, tôi lại càng không hiểu tại sao chính những người sống lại có thể oán ghét nhau “để cho mùa xuân kia có trở lại cũng bằng thừa”.

Xin Trời Phật phù hộ cho không bao giờ có những ngày xuân, ngày Tết không có hoa và bướm, không bao giờ có những người không được thương yêu; không bao giờ có những cây không nảy lộc, những cặp mắt không sáng ngời và cũng không bao giờ lại có những con người xảo trá, tham tàn, độc ác...

Bắt đầu viết tháng giêng 1960.

Tiếp tục năm 1965.

Viết hết năm 1970-1971.

Chú thích

(1) Một thứ chum, vại lón